

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC CẦN THƠ



BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ
CHƯƠNG TRÌNH THẠC SĨ LÝ LUẬN VÀ PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC
BỘ MÔN TIẾNG ANH
Theo tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo
của Bộ Giáo dục và Đào tạo

Cần Thơ, tháng 4 - 2020

**Phụ lục 1. Danh sách thành phần Hội đồng Tự đánh giá CTĐT trình độ thạc sĩ
ngành Lý luận và Phương pháp Dạy Học Bộ môn Tiếng Anh, năm 2019-2020**
(kèm theo Quyết định 98/QĐ-ĐHCT ngày 09/01/2020)

TT	Họ và tên	Chức vụ, đơn vị	Nhiệm vụ	Chữ ký
1.	GS.TS. Hà Thanh Toàn	Hiệu Trưởng	Chủ tịch	
2.	PGS.TS. Lê Việt Dũng	Phó Hiệu trưởng	Phó chủ tịch thường trực	
3.	PGS. TS. Trịnh Quốc Lập	Trưởng Khoa Ngoại ngữ	Phó chủ tịch	
4.	TS. Phương Hoàng Yến	Phó trưởng khoa Khoa Ngoại ngữ	Thành viên, phụ trách nhóm công tác chuyên trách 1	
5.	PGS. TS. Nguyễn Hiếu Trung	Thành viên Hội đồng Trường ĐHCT	Thành viên	
6.	ThS. Nguyễn Vĩnh An	Phó Trưởng Khoa, Khoa Sau Đại học	Thành viên	
7.	ĐH. Lê Phi Hùng	Trưởng phòng, Phòng Quản trị Thiết bị	Thành viên	
8.	ThS. Nguyễn Phương Thảo	Chuyên viên, Phòng Quản lý Khoa học	Thành viên	
9.	GVC.TS. Phan Huy Hùng	Giám đốc Trung tâm QLCL	Thành viên	
10.	TS. Nguyễn Anh Thi	Trưởng BM PPDH tiếng	Thành viên, phụ trách nhóm	

		Anh	công tác chuyên trách 2	
11.	TS. Lê Xuân Mai	Trưởng BM TACB và chuyên ngành	Thành viên, phụ trách nhóm công tác chuyên trách 3	
12.	TS. Nguyễn Hải Quân	Giảng viên	Thành viên, phụ trách nhóm công tác chuyên trách 4	
13.	ĐH. Lý Thanh Danh	Học viên	Thành viên	

Tổng cộng: 13 người

MỤC LỤC

	Trang
PHẦN I. KHÁI QUÁT	10
1.1 Đặt vấn đề	10
1.2 Tổng quan chung	14
PHẦN II. TỰ ĐÁNH GIÁ THEO CÁC TIÊU CHUẨN VÀ TIÊU CHÍ	21
Tiêu chuẩn 1: Mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo	21
Tiêu chuẩn 2: Bản mô tả chương trình đào tạo	29
Tiêu chuẩn 3: Cấu trúc và nội dung chương trình dạy học	38
Tiêu chuẩn 4: Phương pháp tiếp cận trong dạy và học	46
Tiêu chuẩn 5: Đánh giá kết quả học tập của người học	51
Tiêu chuẩn 6: Đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên	63
Tiêu chuẩn 7: Đội ngũ nhân viên	79
Tiêu chuẩn 8: Người học và hoạt động hỗ trợ người học	85
Tiêu chuẩn 9: Cơ sở vật chất và trang thiết bị	93
Tiêu chuẩn 10: Nâng cao chất lượng	105
Tiêu chuẩn 11: Kết quả đầu ra	120
PHẦN III. KẾT LUẬN	129
PHẦN IV. PHỤ LỤC	132
Phụ lục 1: Cơ sở dữ liệu kiểm định chất lượng chương trình đào tạo	132
Phụ lục 2: Quyết định và kế hoạch tự đánh giá	156
Phụ lục 3: Danh mục minh chứng	171

BẢNG CHỮ CÁI VIẾT TẮT

Chữ cái viết tắt	Ý nghĩa
BGDĐT	Bộ Giáo dục và đào tạo
BM	Bộ môn
BLQ	Bên liên quan
CĐR	Chuẩn đầu ra
CSVC	Cơ sở vật chất
CTDH	Chương trình dạy học
CTĐT	Chương trình đào tạo
ĐBCL	Đảm bảo chất lượng
ĐBSCL	Đồng Bằng Sông Cửu Long
ĐHCT	Đại học Cần Thơ
GDDH	Giáo dục đại học
GV	Giảng viên
HP	Học phần
HV	Học viên
KHCN	Khoa học công nghệ
KNN	Khoa Ngoại ngữ
MC	Minh chứng
NCKH	Nghiên cứu khoa học
NTD	Nhà tuyển dụng
NV	Nhân viên
PCCC	Phòng cháy chữa cháy
PPDH	Phương pháp dạy học
PGS	Phó giáo sư
QLCL	Quản lý chất lượng
TĐG	Tự đánh giá
ThS	Thạc sĩ
TS	Tiến sĩ

TTHL	Trung tâm học liệu
TTTTQTM	Trung tâm thông tin và Quản trị mạng

DANH MỤC BẢNG BIỂU

	Trang
Bảng 0.1: Các chương trình đào tạo tại Khoa Ngoại ngữ (4/2020)	
Bảng 0.2: Số lượng sinh viên thuộc mỗi cấp đào tạo tại Khoa Ngoại ngữ (4/2020)	
Bảng 1.1: Chuẩn đầu ra của CTĐT phản ánh được yêu cầu của các bên liên quan	
Bảng 2.1: Các điều chỉnh trong CTĐT thạc sĩ LL&PPDH BM tiếng Anh	
Bảng 2.3: Đóng góp của học phần Kiểm tra và đánh giá trong giảng dạy tiếng Anh vào các CDR của CTĐT thạc sĩ LL&PPDH BM tiếng Anh	
Bảng 3.1: Tương quan giữa các học phần trong CTDH và CDR	
Bảng 3.2: Trình tự các học phần trong CTDH thạc sĩ LL&PPDH BM tiếng Anh	
Bảng 5.1: Hình thức đánh giá học phần Giáo dục và hội nhập quốc tế	
Bảng 5.2: Hình thức đánh giá học phần Giao tiếp liên văn hóa	
Bảng 5.3: Hình thức đánh giá các học phần thuộc CTĐT	
Bảng 6.1: Tổng số người đăng ký dự tuyển vào CTĐT, số người học trúng tuyển và nhập học trong 5 năm gần đây	
Bảng 6.2. Tỷ lệ giảng viên/học viên của giai đoạn 2015-2020	
Bảng 6.3. Quy định giờ chuẩn giảng viên	
Bảng 6.4. Thống kê số lượng giảng viên đi học dài hạn giai đoạn 2015-2020	
Bảng 6.5: Số lượng đề tài NCHH nghiệm thu trong 5 năm gần đây	
Bảng 6.6: Số lượng đầu sách do cán bộ cơ hữu KNN xuất bản trong 5 năm gần đây	
Bảng 6.7: Số lượng bài đăng tạp chí của cán bộ cơ hữu KNN trong 5 năm gần đây	
Bảng 6.8: Số lượng báo cáo khoa học do cán bộ cơ hữu KNN thực hiện trong 5 năm gần đây	
Bảng 11.1: Người học CTĐT thạc sĩ LL&PPDH tiếng Anh từ 2015 đến 2020	
Bảng 11.2: Tỷ lệ thôi học trong CTĐT thạc sĩ LL&PPDH tiếng Anh từ 2015-2020	

Bảng 11.3: Tỷ lệ có việc làm của học viên từ năm 2015 đến 2019	
Bảng 11.4: Thống kê điểm LVTN của học viên từ 2015 đến 2019	
Bảng 11.5: Thống kê số lượng bài báo được xuất bản bởi học viên trong CTĐT thạc sĩ LL&PPDH	

DANH MỤC HÌNH

	Trang
Hình 0.1: Sơ đồ tổ chức của Trường ĐHCT	
Hình 0.2: Sơ đồ tổ chức Khoa Ngoại ngữ	
Hình 3.1: Tỷ lệ các khối kiến thức trong CTDH thạc sĩ LL&PPDH BM tiếng Anh	
Hình 5.1: Thống kê các hình thức đánh giá trong CTĐT	

PHẦN I. KHÁI QUÁT

1.1. Đặt vấn đề

1. Đặt vấn đề

1.1. Tóm tắt báo cáo tự đánh giá

Chất lượng chương trình đào tạo (CTĐT) đóng vai trò quan trọng, quyết định chất lượng đào tạo của trường đại học. Trong xu thế hội nhập và nhu cầu về nguồn nhân lực chất lượng cao trong công cuộc công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước và đáp ứng yêu cầu đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo nói chung, GDĐH nói riêng thì việc nâng cao chất lượng CTĐT ngày càng trở nên quan trọng. Trong nhiều năm qua, Khoa Ngoại ngữ, Trường Đại học Cần Thơ thường xuyên quan tâm đến chất lượng CTĐT, đã và đang áp dụng nhiều giải pháp nhằm duy trì và nâng cao chất lượng CTĐT thạc sĩ Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn tiếng Anh (LL&PPDH BM tiếng Anh). Do đó, Trường đã tiến hành tự đánh giá và đăng ký đánh giá ngoài (ĐGN) CTĐT ngành LL&PPDH BM tiếng Anh theo Thông tư 38/2013/TT-BGDĐT ngày 29/11/2013 và Thông tư 04/2016/TT-BGDĐT ngày 14/3/2016 của Bộ Giáo dục và Đào tạo (BGDĐT) và các công văn hướng dẫn số 1074, 1075 và 1076/KTKĐCLGD-KĐĐH ngày 28/06/2016, công văn số 1669/QLCL-KĐCLGD ngày 31/12/2019 về hướng dẫn đánh giá theo tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT của Cục QLCL, BGDĐT.

Công tác tự đánh giá CTĐT thạc sĩ LL&PPDH BM tiếng Anh được thực hiện với sự tham gia tích cực của các bên liên quan. Hội đồng tự đánh giá CTĐT thạc sĩ LL&PPDH BM tiếng Anh được thành lập theo Quyết định 98/QĐ-ĐHCT ngày 09 tháng 01 năm 2020 của Hiệu trưởng trường ĐHCT gồm Ban giám hiệu; Hội đồng trường; Hội đồng Khoa học và Đào tạo; giảng viên (GV), nhân viên (NV) và học viên (HV) trong CTĐT; cán bộ các phòng, ban, trung tâm trong trường. Thông tin phản hồi của các bên liên quan (NTD, GV, SV và cựu SV) cũng là những thông tin quan trọng phục vụ cho việc tự đánh giá. Ban giám hiệu chỉ đạo chung, Trung tâm QLCL của trường tổ chức tập huấn, hướng dẫn kỹ thuật; các tiểu ban phối hợp với các phòng, ban, trung tâm trong trường hoàn thiện báo cáo tự đánh giá kèm hồ sơ minh chứng.

Cấu trúc của báo cáo tự đánh giá CTĐT thạc sĩ LL&PPDH BM tiếng Anh bao gồm 4 phần:

+ **Phần I. Khái quát:** Mục đích, quy trình tự đánh giá CTĐT, phương pháp và công cụ đánh giá được khái quát và mô tả ngắn gọn để thông tin về bối cảnh của hoạt động tự đánh giá, từ đó, giúp người đọc hiểu rõ hơn nội dung của báo cáo tự đánh giá. Ngoài ra, sự tham gia và cách thức tổ chức của các bên liên quan cũng được mô tả trong phần này.

+ **Phần II. Tự đánh giá theo các tiêu chuẩn, tiêu chí:** Nội dung này gồm (1) Mô tả - phân tích chung về toàn bộ tiêu chuẩn và chỉ ra các MC cụ thể; (2) Nêu những điểm mạnh của CTĐT; (3) Điểm tồn tại; (4) Kế hoạch cải tiến chất lượng và (5) Tự đánh giá.

+ **Phần III. Kết luận:** Tóm tắt những điểm mạnh và điểm cần phát huy của đơn vị đào tạo; những tồn tại và vấn đề cần cải tiến; kế hoạch cải tiến chất lượng của CTĐT và tổng hợp kết quả tự đánh giá.

+ **Phần IV. Phụ lục:** Phần này gồm bảng tổng hợp kết quả tự đánh giá CTĐT theo công văn số 1074, 1075/KTKĐCLGD-KĐĐH của BGDĐT, cơ sở dữ liệu kiểm định chất lượng CTĐT, các quyết định văn bản liên quan khác và danh mục minh chứng.

Nội dung chính của Báo cáo tự đánh giá CTĐT thạc sĩ LL&PPDH BM tiếng Anh dựa theo bộ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT do BGDĐT ban hành theo thông tư số 04/2016/TT-BGDĐT ngày 14 tháng 03 năm 2016. Bộ tiêu chuẩn này gồm 11 tiêu chuẩn với 50 tiêu chí. Trong đó, các tiêu chuẩn 1, 2, 3, 4 lần lượt tập trung vào mục tiêu và CDR của CTĐT; bản mô tả CTĐT; cấu trúc và nội dung CTDH; phương pháp tiếp cận trong dạy và học. Tiêu chuẩn 5 đánh giá kết quả học tập của người học. Tiêu chuẩn 6 và 7 hướng đến việc tự đánh giá về đội ngũ cán bộ GV, nghiên cứu viên và đội ngũ NV. Tiêu chuẩn 8 tập trung đánh giá các yếu tố liên quan đến người học và hoạt động hỗ trợ người học. Tiêu chuẩn 9 đề cập các vấn đề về cơ sở vật chất (CSVC) và trang thiết bị. Tiêu chuẩn 10 đưa ra những nhận định về nâng cao chất lượng CTĐT. Tiêu chuẩn 11 đánh giá về kết quả đầu ra của CTĐT ngành LL&PPDHBM Tiếng Anh.

Mỗi tiêu chí sẽ có một hệ thống các thông tin, MC đi kèm. Mã thông tin và MC (Mã MC) được ký hiệu bằng chuỗi có ít nhất 11 ký tự, bao gồm 1 chữ cái, ba dấu chấm và 7 chữ số; cứ 2 chữ số có 1 dấu chấm (.) để phân cách theo công thức sau: Hn.ab.cd.ef; Trong đó:

- H: viết tắt “Hộp minh chứng” (MC của mỗi tiêu chuẩn được tập hợp trong 1 hộp hoặc một số hộp)
- n: số thứ tự của hộp MC được đánh số từ 1 đến hết (trường hợp $n \geq 10$ thì chuỗi ký hiệu có 12 ký tự trở lên)
- ab: số thứ tự của tiêu chuẩn (tiêu chuẩn 1 viết 01, tiêu chuẩn 10 viết 10)
- cd: số thứ tự của tiêu chí (tiêu chí 1 viết 01, tiêu chí 10 viết 10)
- ef: số thứ tự của MC theo từng tiêu chí (thông tin và MC thứ nhất viết 01, thứ 15 viết 15...)

Ví dụ: H1.01.01.01 là MC thứ nhất của tiêu chí 1 thuộc tiêu chuẩn 1, được đặt ở hộp 1; H3.03.02.15 là MC thứ 15 của tiêu chí 2 thuộc tiêu chuẩn 3, được đặt ở hộp 3.

1.2. Mục đích, quy trình tự đánh giá, phương pháp và công cụ đánh giá

1.2.1 Mục đích tự đánh giá:

Đánh giá tổng thể các hoạt động của CTĐT thạc sĩ LL&PPDH BM tiếng Anh theo *Tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT các trình độ của GDĐH* của BGĐĐT, ban hành kèm theo Thông tư 04/2016/TT-BGĐĐT ngày 14 tháng 3 năm 2016 của Bộ Trưởng BGĐĐT.

Trường ĐHCT thực hiện TĐG CTĐT thạc sĩ LL&PPDH BM tiếng Anh để báo cáo về thực trạng chất lượng đào tạo, tự rà soát, xem xét toàn diện các mặt hoạt động để phát hiện điểm mạnh, điểm tồn tại, lập và triển khai kế hoạch cải tiến và nâng cao chất lượng; từ đó, điều chỉnh mục tiêu, lựa chọn giải pháp phát triển một cách phù hợp. TĐG cũng nhằm phục vụ việc đăng ký ĐGN, được tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục đánh giá và chứng nhận đạt tiêu chuẩn chất lượng. TĐG thể hiện tính tự chủ và trách nhiệm giải trình của Trường đối với hoạt động đào tạo giảng viên phục vụ cho việc đào tạo nguồn nhân lực cho vùng Đồng bằng sông Cửu Long (ĐBSCL) theo chức năng, nhiệm vụ phù hợp với tầm nhìn và sứ mệnh của Trường. Ngoài ra, TĐG cũng góp phần nâng cao nhận thức của công chức - viên chức về ĐBCL, từng bước xây dựng văn hóa chất lượng của Trường.

1.2.2 Quy trình tự đánh giá

Quy trình tự đánh giá được thực hiện gồm các bước chính như sau:

Bước 1: Thành lập Hội đồng Tự đánh giá

Phó Hiệu trưởng ra Quyết định số 98/QĐ-ĐHCT ngày 09/01/2020 về việc thành lập Hội đồng TĐG, Ban thư ký giúp việc và nhóm chuyên trách CTĐT thạc sĩ LL&PPDH BM tiếng Anh. Hội đồng TĐG gồm 13 thành viên và Ban Thư ký giúp việc và các Nhóm chuyên trách gồm 10 thành viên (xem phụ lục 2).

- Hội đồng TĐG Trường triển khai TĐG và tư vấn cho Hiệu trưởng biện pháp nâng cao chất lượng; tổ chức và thực hiện công tác TĐG thạc sĩ LL&PPDH BM tiếng Anh, công bố báo cáo TĐG cũng như kiến nghị về duy trì và cải tiến chất lượng giáo dục. Hội đồng TĐG có 23 thành viên, trong đó có Chủ tịch là Hiệu trưởng và cũng là Chủ tịch Hội đồng ĐBCL; các thành viên khác gồm: các Phó Hiệu trưởng; đại diện của các hội đồng cấp trường; đơn vị ĐBCL; các trưởng phòng, Khoa; GV; đại diện người học; Đảng ủy và các đoàn thể. Chủ tịch Hội đồng là người chịu trách nhiệm chung, phân công nhiệm vụ cho từng thành viên; triệu tập và điều hành các phiên họp của Hội

đồng; thông qua kế hoạch TĐG thạc sĩ LL&PPDH BM tiếng Anh; chỉ đạo quá trình thu thập, xử lý thông tin, MC và viết báo cáo TĐG ngành thạc sĩ LL&PPDH BM tiếng Anh.

- Ban Thư ký có nhiệm vụ giúp việc cho Hội đồng, tổng hợp báo cáo TĐG, là đầu mối liên lạc cho Hội đồng. Ban Thư ký gồm 11 thành viên.

- Bốn Nhóm chuyên trách có nhiệm vụ viết báo cáo, cung cấp, thu thập thông tin, MC cụ thể đối với tiêu chuẩn được phân công.

Sau khi có quyết định thành lập *Hội đồng tự đánh giá CTĐT ngành thạc sĩ LL&PPDH BM tiếng Anh*, Nhà trường đã thành lập các nhóm chuyên trách phụ trách những tiêu chuẩn khác nhau, cụ thể:

- + Nhóm công tác chuyên trách 1 gồm TS. Phương Hoàng Yến, TS. Nguyễn Bửu Huân, ThS. Phan Minh Nhật và Trương Kim Ngân phụ trách tiêu chuẩn 1, 2, 3, 4

- + Nhóm công tác chuyên trách 2 gồm TS. Nguyễn Anh Thi, TS. Lê Xuân Mai, TS. Nguyễn Văn Lợi, ThS. Phan Minh Nhật, CN. Nguyễn Thị Kim Thanh phụ trách tiêu chuẩn 5 và 6.

- + Nhóm công tác chuyên trách 3 gồm TS. Lê Xuân Mai, TS. Phương Hoàng Yến, ThS. Bùi Nhã Quyên, ThS. Châu Thị Tím, CN. Nguyễn Thị Kim Thanh phụ trách tiêu chuẩn 7 và 8.

- + Nhóm công tác chuyên trách 4 gồm TS. Nguyễn Hải Quân, TS. Nguyễn Anh Thi, TS. Nguyễn Bửu Huân, ThS. Châu Thị Tím phụ trách tiêu chuẩn 9, 10 và 11.

Bước 2: Lập kế hoạch tự đánh giá chất lượng CTĐT ngành thạc sĩ LL&PPDH BM tiếng Anh

Trường đã lập Kế hoạch số 355/KH-ĐHCT-QLCL ngày 24/02/2020 về công tác kiểm định chất lượng CTĐT thạc sĩ LL&PPDH BM tiếng Anh 2019 – 2020. Thời gian và một số nội dung công việc TĐG chính được đính kèm trong Phụ lục 2.

Bước 3: Phân tích tiêu chí, thu thập thông tin và MC

Ở bước này, các nhóm công tác lập phiếu phân tích tiêu chí tìm thông tin minh chứng theo hướng dẫn trong Phụ lục 3 – Công văn 1075/KTKĐCLGD-KĐĐH về việc hướng dẫn tự đánh giá chương trình đào tạo. Trưởng các nhóm công tác phân công cho các thành viên phân tích các tiêu chí cụ thể do nhóm mình phụ trách, đồng thời tập hợp minh chứng tương ứng.

Bước 4: Xử lý, phân tích các thông tin, MC thu được

Trên cơ sở các phiếu phân tích ở Bước 3, các nhóm chuyên trách lập Phiếu đánh giá tiêu chí theo hướng dẫn trong Phụ lục 4a – Công văn 1075/KTKĐCLGD-KĐDH.

Bước 5: Viết báo cáo tự đánh giá

Quá trình viết báo cáo TĐG được thực hiện từ ngày 02/03/2020 đến ngày 29/03/2020. Phần TĐG được trình bày theo thứ tự các tiêu chuẩn từ 1 đến 11. Trong từng tiêu chuẩn, các đánh giá được trình bày theo thứ tự các tiêu chí. Mỗi tiêu chí được trình bày theo các nội dung chính: 1. Mô tả; 2. Điểm mạnh; 3. Tồn tại; 4. Kế hoạch cải tiến chất lượng; 5. Tự đánh giá.

1.1.1.1. Phương pháp và công cụ tự đánh giá

Ban Thư ký TĐG CTĐT thạc sĩ LL&PPDH BM tiếng Anh phối hợp cùng các đơn vị liên quan thực hiện việc thu thập thông tin và minh chứng; xử lý, phân tích thông tin và minh chứng thu được; xem xét, nghiên cứu các mặt hoạt động liên quan đến CTĐT dựa trên các tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học ban hành theo Thông tư số 04/2016/TT-BGDĐT ngày 14/03/2016 của Bộ trưởng BGDĐT, và các văn bản hướng dẫn của Cục QLCL để báo cáo về mức độ đạt được chất lượng giáo dục của CTĐT thạc sĩ LL&PPDH BM tiếng Anh. Trên cơ sở phân tích các hoạt động liên quan đến tiêu chí, so sánh và đối chiếu, báo cáo đưa ra những nhận định, chỉ ra các điểm mạnh cần phát huy và cả những tồn tại cần được khắc phục. Đồng thời, báo cáo đưa ra kế hoạch hành động cải tiến chất lượng cụ thể, qua đó có thể phát huy được điểm mạnh và khắc phục những điểm tồn tại trong hoạt động của CTĐT thạc sĩ LL&PPDH BM tiếng Anh.

Dự thảo báo cáo TĐG được phổ biến rộng rãi, được Hội đồng TĐG đọc góp ý, được cán bộ, GV và sinh viên (SV) góp ý kiến trước khi hoàn thành và công bố báo cáo TĐG hoàn chỉnh.

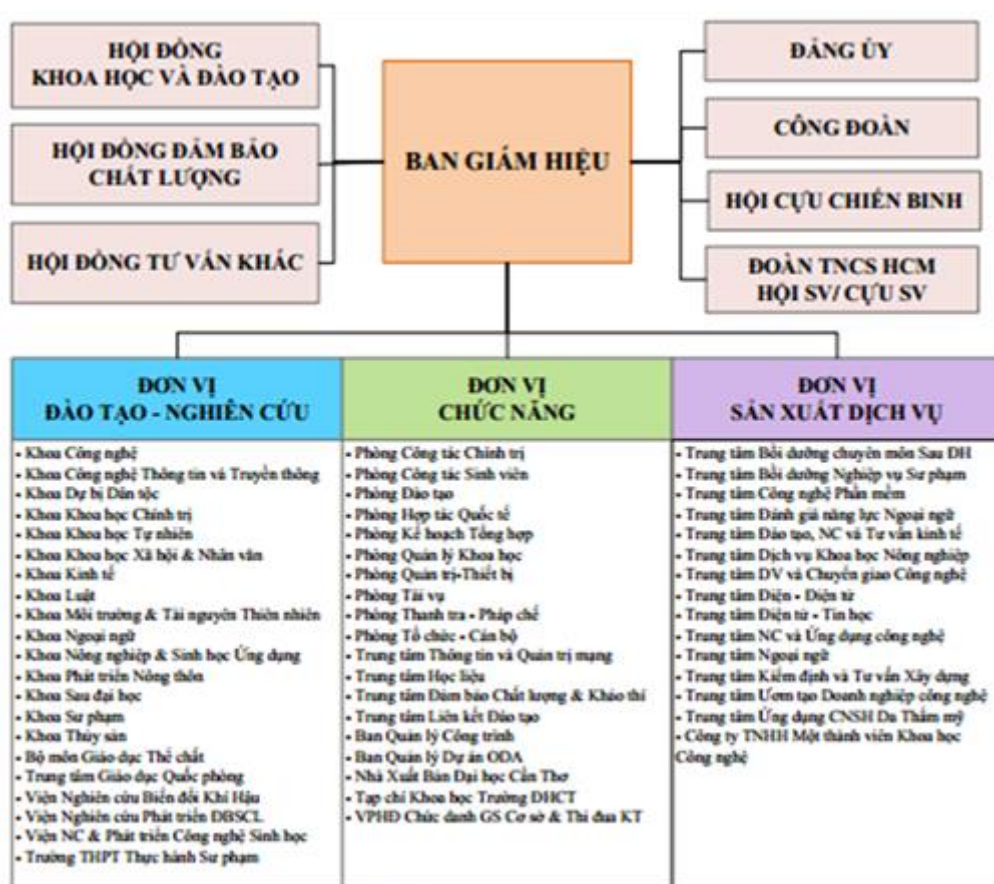
2. Tổng quan chung

2.1. Trường Đại học Cần Thơ

Đồng bằng Sông Cửu Long (ĐBSCL), có diện tích khoảng 4 triệu hécta đất tự nhiên với trên 17 triệu dân, là vùng sản xuất nông nghiệp lớn nhất cả nước, được ví như vựa lúa của Việt Nam. Ngoài nguồn lương thực còn có nguồn lợi về cây ăn quả, thủy hải sản xuất khẩu với trữ lượng lớn và đa dạng về chủng loại. Đây là vùng đất mới trù phú, cảnh quan xinh đẹp, cây trái tốt tươi quanh năm. Trường ĐHCT là một trong ba trường đại học đa ngành đứng đầu về đào tạo tại Việt Nam, là một trụ cột

trong hệ thống giáo dục bậc cao của Việt Nam, được xếp vào nhóm trường đại học trọng điểm quốc gia. Trường ĐHCT là cơ sở đào tạo đại học và sau đại học trọng điểm của Nhà nước ở ĐBSCL, là trung tâm văn hóa - khoa học kỹ thuật của vùng. Trường đã không ngừng hoàn thiện và phát triển, từ một số ít ngành đào tạo ban đầu, Trường đã củng cố, phát triển thành một trường đa ngành đa lĩnh vực. Hiện nay Đến 31/12/2019, Trường đào tạo 99 chuyên ngành đại học (trong đó có 02 CTĐT tiên tiến, 08 CTĐT chất lượng cao), 48 chuyên ngành cao học (trong đó 1 ngành liên kết với nước ngoài, 3 ngành đào tạo bằng tiếng Anh), 19 chuyên ngành nghiên cứu sinh.

Sơ đồ tổ chức của trường ĐHCT như được trình bày trong Hình 0.1.



Hình 0.1: Sơ đồ tổ chức của Trường ĐHCT

2.1.1. Sứ mệnh

Sứ mệnh của Trường ĐHCT là trung tâm đào tạo, nghiên cứu khoa học chuyển giao công nghệ hàng đầu của quốc gia, đóng góp hữu hiệu vào sự nghiệp đào tạo nhân lực chất lượng cao, bồi dưỡng nhân tài và phát triển khoa học phục vụ phát

triển kinh tế - xã hội vùng và quốc gia. Trường ĐHCT là nhân tố động lực có ảnh hưởng quyết định cho sự phát triển của vùng ĐBSCL.

2.1.2. Tầm nhìn

Trường ĐHCT sẽ trở thành một trong những trường hàng đầu về chất lượng của Việt Nam và nằm trong nhóm các trường mạnh về đào tạo, nghiên cứu khoa học trong khu vực Châu Á- Thái Bình Dương vào năm 2022.

2.1.3. Giá trị cốt lõi

Đồng thuận - Tận tâm - Chuẩn mực - Sáng tạo

2.2. Khoa Ngoại ngữ

Khoa Ngoại ngữ (KNN) được thành lập vào ngày 23 tháng 03 năm 2015 (Quyết định số 714/QĐ – ĐHCT), trụ sở/văn phòng làm việc đặt tại số 411 đường 30/4, P.Hung Lợi, Quận Ninh Kiều, TP Cần Thơ (Khu I - Trường Đại học Cần Thơ). Được tách từ Khoa Sư phạm và Khoa Khoa học Xã hội & Nhân văn, với số lượng Viên chức – Người lao động khi thành lập là 97 người, từ tháng 3/2015 Khoa đã không ngừng hoàn thiện và phát triển vững mạnh trong công tác đào tạo, nghiên cứu khoa học và hợp tác quốc tế.

Việc thành lập KNN đáp ứng nhu cầu phát triển của Trường ĐHCT, là đơn vị đầu mối chuyên sâu trong lĩnh vực giảng dạy và nghiên cứu ngoại ngữ, tư vấn cho Ban Giám hiệu Trường trong nghiên cứu khoa học và phát triển các quy trình, giải pháp liên quan đến ngoại ngữ, giảng dạy ngoại ngữ, ngôn ngữ, văn hóa nước ngoài và Biên dịch-phiên dịch; tranh thủ sự hỗ trợ trong nước và quốc tế để đào tạo, bồi dưỡng, nghiên cứu, quản lý thuộc lĩnh vực ngoại ngữ và giảng dạy ngoại ngữ; chuyển giao kiến thức và cung cấp dịch vụ đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn, nghiên cứu khoa học thuộc lĩnh vực ngoại ngữ vùng ĐBSCL và các đối tượng có nhu cầu.

KNN còn làm nhiệm vụ tư vấn cho Ban Giám hiệu về công tác khảo thí, đánh giá năng lực ngoại ngữ cho sinh viên và các đối tượng có nhu cầu tại khu vực ĐBSCL theo nhiệm vụ do BGDDT phân công; xây dựng lộ trình phát triển và nghiên cứu mở rộng thêm nhiều ngành đào tạo, chương trình giảng dạy ngôn ngữ và văn hóa của thế giới và cộng đồng ASEAN, đặc biệt là đẩy mạnh nghiên cứu và phát triển chương trình đào tạo, chương trình giảng dạy tiếng Khơ-me, tiếng Nhật, tiếng Trung, tiếng Hàn,...

2.2.1. Sứ mệnh

KNN là đơn vị đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực có trình độ ngoại ngữ tốt phục vụ cho việc phát triển kinh tế xã hội của vùng ĐBSCL và của cả nước trong thời kỳ hội nhập quốc tế; thực hiện các chương trình nghiên cứu và chuyển giao công nghệ trong lĩnh vực phương pháp dạy học ngoại ngữ, ngôn ngữ, văn hóa tiếng nước ngoài và dịch thuật.

2.2.2. Tầm nhìn

Tầm nhìn định hướng đến năm 2025, KNN sẽ trở thành một trong những cơ sở đào tạo giảng viên ngoại ngữ, đào tạo nghiên cứu viên văn hóa, ngôn ngữ có chất lượng cao trong cộng đồng ASEAN.

2.2.3. Các hoạt động

2.2.3.1. Hoạt động đào tạo

Về đào tạo và bồi dưỡng: Khoa có hơn 1.611 sinh viên chính quy với 05 ngành đào tạo và 01 chuyên ngành bao gồm Sư phạm tiếng Anh, Sư phạm tiếng Pháp, Ngôn ngữ Pháp, Ngôn ngữ Anh và Chuyên ngành Biên – Phiên dịch tiếng Anh và CTĐT chất lượng cao ngành Ngôn ngữ Anh. Khoa tham gia đào tạo hơn 1.600 sinh viên tại các Trung tâm liên kết đào tạo của ĐBSCL. Về đào tạo Sau đại học, hiện có 226 học viên cao học ngành Lý luận Phương Pháp Dạy Học Bộ Môn tiếng Anh và Lý luận Phương Pháp Dạy Học Bộ Môn tiếng Pháp. Tham gia xây dựng chương trình và giảng dạy tiếng Anh tăng cường cho sinh viên các lớp đào tạo tiên tiến và chất lượng cao của Trường ĐHCT. Giảng dạy tiếng Anh, tiếng Pháp căn bản cho sinh viên không chuyên ngữ toàn Trường. Triển khai nhiệm vụ bồi dưỡng nâng cao năng lực tiếng Anh của Đề án Ngoại ngữ Quốc gia và thực hiện công tác bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm tiếng Anh cho học viên các tỉnh /thành do BGDDĐT phân giao. Các CTĐT với nhiều chuyên ngành khác nhau (Bảng 0.1) và số lượng sinh viên đào tạo mỗi cấp (Bảng 0.2).

Bảng 0.1: Các chương trình đào tạo tại Khoa Ngoại ngữ (4/2020)

STT	Cấp	Số lượng	Tên chương trình đào tạo
1	Thạc sĩ	02	Lí luận và Phương pháp dạy học Bộ môn tiếng Anh Lí luận và Phương pháp dạy học Bộ môn tiếng Pháp
2	Cử nhân	06	Sư phạm tiếng Anh

			Sư phạm tiếng Pháp Ngôn ngữ Anh Ngôn ngữ Pháp Phiên dịch-Biên dịch tiếng Anh Ngôn ngữ Anh chất lượng cao
--	--	--	--

Bảng 0.2: Số lượng sinh viên thuộc mỗi cấp đào tạo tại Khoa Ngoại ngữ (4/2020)

STT	Cấp	Số lượng sinh viên
1	Thạc sĩ	226
2	Cử nhân	1.611

2.2.3.2. Hoạt động Nghiên cứu khoa học và Hợp tác Quốc tế

Về hợp tác quốc tế: Khoa thường xuyên tiếp nhận các tình nguyện viên từ các tổ chức quốc tế (Anh, Pháp, Mỹ...) đến hỗ trợ giảng dạy ngoại ngữ tại đơn vị. Khoa có nhiều mối quan hệ tốt với các Trường Đại học ở Châu Á. Khoa đã chủ động tìm kiếm đối tác và thành công trong các hoạt động hợp tác, tạo được niềm tin và được đối tác đánh giá cao. Các chương trình hợp tác quốc tế của Khoa đã nâng cao vai trò, vị trí của Khoa đồng thời thể hiện vai trò của Khoa trong việc hỗ trợ phát triển năng lực chuyên môn cho giảng viên và giảng viên của các cơ sở đào tạo khu vực ĐBSCL. Chương trình hợp tác với ĐH Sydney và các nước ASEAN đã hỗ trợ rất tốt cho việc phát triển chuyên môn, năng lực NCKH của giảng viên.

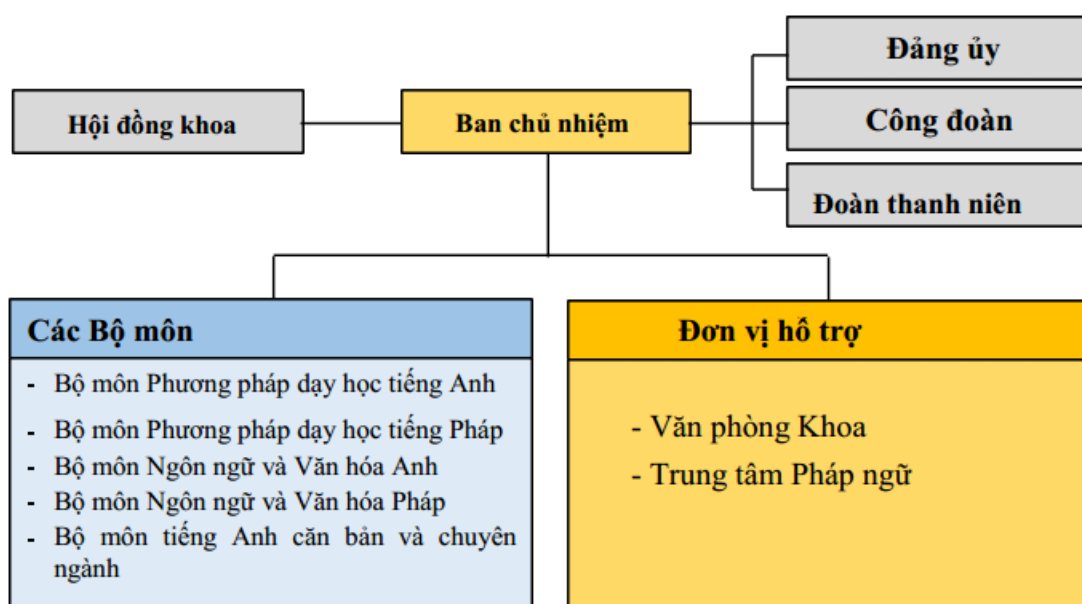
Ngoài ra, Khoa đóng vai trò nòng cốt trong nhiều dự án của Tổ chức Pháp ngữ (Organisation Internationale de la Francophonie – OIF), Tổ chức các trường đại học Pháp ngữ (Agence Universitaire de la Francophonie – AUF) có liên quan đến ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học, hỗ trợ tích cực UBND thành phố Cần Thơ trong các chương trình hợp tác Pháp ngữ. Các chương trình hợp tác với các đối tác nói tiếng Pháp đã nâng cao vị trí của Khoa với các trường trong nước và trong khu vực; chương trình hợp tác với các trường ĐH Rangsit, Phranakhon và Nakhon Pathom Thái Lan đã tạo một bước tiến quan trọng trong công tác đào tạo đại học và sau đại học của Khoa.

Các chương trình HTQT của Khoa nhằm tập trung trao đổi giảng viên và

sinh viên hướng tới việc phát triển kỹ năng ngôn ngữ, nghiệp vụ sư phạm, tăng cường kiến thức ngôn ngữ và văn hóa, năng lực nghiên cứu khoa học cho giảng viên và sinh viên.

2.2.4. Cơ cấu tổ chức Khoa Ngoại ngữ

Tính đến 4/2020, Khoa Ngoại ngữ có 79 cán bộ (72 giảng viên) trong đó có 02 Phó giáo sư; 18 Tiến sĩ; 51 Thạc sĩ; 07 Cử nhân; 01 Trung cấp. Khoa có 05 Bộ môn và 02 đơn vị hỗ trợ như Hình 0.2.



Hình 0.2: Sơ đồ tổ chức Khoa Ngoại ngữ

Chức năng và nhiệm vụ của các đơn vị trong Khoa được mô tả như sau:

Bộ môn Phương pháp dạy học tiếng Anh (Department of English Language Teacher Education): Quản lý CTĐT Cử nhân Sư phạm tiếng Anh, Thạc sĩ chuyên ngành Lí luận và Phương pháp dạy học Bộ môn tiếng Anh; Tham gia giảng dạy các hoạt động chuyên môn của Đề án Ngoại ngữ 2020 tại Trường ĐHCT và các CTĐT khác do Khoa quản lý; Nghiên cứu khoa học về giảng dạy ngoại ngữ và ứng dụng công nghệ thông tin trong giảng dạy ngoại ngữ nhằm đổi mới dạy và học tại cơ sở trong Khu vực ĐBSCL.

Bộ môn Phương pháp dạy học tiếng Pháp (Department of French Language Teacher Education): Quản lý CTĐT Cử nhân Sư phạm tiếng Pháp, Thạc sĩ chuyên ngành Lí luận và Phương pháp dạy học Bộ môn tiếng Pháp, đào tạo giảng viên tiếng Pháp, phát triển chuyên môn về giảng dạy tiếng Pháp và nâng cao năng lực chuyên

môn tiếng Pháp cho giảng viên thuộc Khu vực ĐBSCL; Tham gia giảng dạy các CTĐT khác do Khoa quản lý; Nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ trong các lĩnh vực khoa học ngôn ngữ, khoa học giáo dục và đặc biệt là giảng dạy ngoại ngữ.

Bộ môn Ngôn ngữ và Văn hóa Anh (Department of English Language and Culture): Quản lý CTĐT Cử nhân Ngôn ngữ Anh, Phiên dịch – Biên dịch tiếng Anh và Ngôn ngữ Anh chất lượng cao; Tham gia giảng dạy các hoạt động chuyên môn của Đề án Ngoại ngữ quốc gia tại Trường ĐHCT và các CTĐT khác do Khoa quản lý; Nghiên cứu khoa học về giảng dạy ngoại ngữ và ứng dụng công nghệ thông tin trong giảng dạy ngoại ngữ nhằm đổi mới dạy và học tại cơ sở trong Khu vực ĐBSCL; đánh giá CTĐT; nghiên cứu về văn hóa, ngôn ngữ và văn chương.

Bộ môn Ngôn ngữ và Văn hóa Pháp (Department of French Language and Culture): Quản lý CTĐT Cử nhân Ngôn ngữ Pháp; Tham gia giảng dạy môn Pháp văn căn bản và tiếng Pháp tăng cường cho sinh viên toàn trường. Nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ trong các lĩnh vực khoa học ngôn ngữ, dịch thuật, khoa học giáo dục và đặc biệt là giảng dạy ngoại ngữ.

Bộ môn tiếng Anh căn bản và Chuyên ngành (Department of General English and ESP) quản lý chuyên môn việc giảng dạy các học phần tiếng Anh căn bản 1, 2 và 3 dành cho sinh viên không chuyên ngữ hệ chính qui và hệ vừa làm vừa học của Trường ĐHCT, giảng dạy các học phần tiếng Anh tăng cường cho sinh viên các ngành chất lượng cao và tiên tiến, và giảng dạy tiếng Anh chuyên ngành cho một số ngành thuộc Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn, và Khoa Khoa học Chính trị tại Trường ĐHCT. Nghiên cứu khoa học về giảng dạy ngoại ngữ và ứng dụng công nghệ thông tin trong giảng dạy ngoại ngữ nhằm đổi mới dạy và học tại cơ sở trong Khu vực ĐBSCL.

Văn phòng khoa (Administration Office): Văn phòng khoa là bộ phận tham mưu, giúp việc cho lãnh đạo đơn vị trong việc tổ chức và quản lý mọi mặt công tác hành chính, tổ chức cán bộ, sinh viên, tài chính, tài sản, vật tư, thiết bị, đào tạo, nghiên cứu khoa học và hợp tác quốc tế của đơn vị.

Trung tâm Pháp ngữ (French Language Center): Trung tâm là cơ sở đào tạo, bồi dưỡng và nghiên cứu về giảng dạy ngôn ngữ/ ngoại ngữ trực thuộc Trường ĐHCT và KNN quản lý về chuyên môn. Trung tâm có nhiệm vụ tăng cường năng lực nghiên cứu, đổi mới phương pháp giảng dạy, ứng dụng công nghệ thông tin trong việc dạy và học ngoại ngữ, đổi mới thi kiểm tra và đánh giá.

PHẦN II. TỰ ĐÁNH GIÁ THEO CÁC TIÊU CHUẨN VÀ TIÊU CHÍ

Tiêu chuẩn 1: Mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Mở đầu

Quy trình xây dựng và công bố CDR được BGDĐT ban hành năm 2010. GDĐH theo tiếp cận CDR giúp cho người học hiểu rõ và định hướng được kế hoạch học tập và phát triển nghề nghiệp của bản thân. Thông qua CDR, các NTD/sử dụng lao động có thể kiểm soát và tuyển dụng người lao động phù hợp theo yêu cầu. Mục tiêu đào tạo và CDR được rà soát và điều chỉnh định kỳ nhằm đảm bảo sự cam kết đào tạo với người học và xã hội, phù hợp với mục tiêu GDĐH và tầm nhìn, sứ mạng của nhà trường.

Tiêu chí 1.1: *Mục tiêu của CTĐT được xác định rõ ràng, phù hợp với sứ mạng và tầm nhìn của cơ sở giáo dục đại học, phù hợp với mục tiêu của giáo dục đại học quy định tại Luật giáo dục đại học*

1. Mô tả

CTĐT thạc sĩ LL&PPDH BM tiếng Anh hiện hành được thiết kế dựa theo quy định của Thông tư 07/2015/TT-BGDĐT và đưa vào áp dụng từ ngày 10 tháng 10 năm 2015 theo Quyết định số 3670/QĐ-ĐHCT của trường ĐHCT (H1.01.01.01). Mục tiêu của CTĐT được phát biểu như sau:

“Sau khi hoàn thành chương trình đào tạo lý luận và phương pháp dạy học tiếng Anh theo định hướng nghiên cứu, học viên (i) nắm vững và có thể sử dụng kiến thức chuyên môn về ngôn ngữ tiếng Anh và giảng dạy tiếng Anh, (ii) có kỹ năng về nghiệp vụ sư phạm và giảng dạy, (iii) có kỹ năng học tập suốt đời, (iv) có những phẩm chất của công dân toàn cầu.”

Mục tiêu đào tạo của chương trình phù hợp với sứ mệnh và tầm nhìn của trường ĐHCT (H1.01.01.02) vì các lý do sau đây:

- CTĐT được thiết kế theo “định hướng nghiên cứu” nên phù hợp với sứ mệnh của trường “là trung tâm đào tạo, nghiên cứu khoa học chuyên giao công nghệ hàng đầu của quốc gia.”
- Hai mục tiêu đầu tiên của CTĐT là giúp học viên (i) *nắm vững và có thể sử dụng kiến thức chuyên môn về ngôn ngữ tiếng Anh và giảng dạy tiếng Anh*, và (ii) *có kỹ năng về nghiệp vụ sư phạm và giảng dạy.* Các mục tiêu này góp phần thực hiện sứ mệnh của trường “đóng góp hữu hiệu vào

sự nghiệp đào tạo nhân lực chất lượng cao”, cụ thể là nguồn nhân lực giảng viên và giảng viên tiếng Anh thuộc 13 tỉnh thành khu vực ĐBSCL.

- Hai mục tiêu tiếp theo của CTĐT là giúp học viên *(iii) có kỹ năng học tập suốt đời, và (iv) có những phẩm chất của công dân toàn cầu*. Các mục tiêu này tương ứng với sứ mệnh của trường ĐHCT “là nhân tố động lực có ảnh hưởng quyết định cho sự phát triển của vùng Đồng bằng sông Cửu Long.”

Mục tiêu của CTĐT thạc sĩ LL&PPGD BM tiếng Anh được xác định rõ, cho biết nội dung và phương hướng học tập tổng quát cũng như các lĩnh vực cụ thể. Với các mục tiêu đó, từ năm 2015 đến 2020, đã có tổng số 276 học viên hoàn thành CTĐT với 50 công bố trên các tạp chí khoa học có uy tín trong nước và quốc tế. Công tác đào tạo của chương trình đã góp phần trong việc trường ĐHCT giữ vị trí thứ 3 trong топ 10 trường ĐH tốt nhất Việt Nam theo bảng xếp hạng của Webometrics vào ngày 31/01/2020 (H1.01.01.03). Điều này hoàn toàn phù hợp với tầm nhìn của trường ĐHCT “sẽ trở thành một trong những trường hàng đầu về chất lượng của Việt Nam và nằm trong nhóm các trường mạnh về đào tạo, nghiên cứu khoa học trong khu vực Châu Á-Thái Bình Dương vào năm 2022.”

Mục tiêu của CTĐT hoàn toàn phù hợp với mục tiêu giáo dục đại học quy định Điều 5, Khoản 2, Mục c của Luật Giáo dục đại học:

“Đào tạo trình độ thạc sĩ để học viên có kiến thức khoa học nền tảng, có kỹ năng chuyên sâu cho nghiên cứu về một lĩnh vực khoa học hoặc hoạt động nghề nghiệp hiệu quả, có khả năng làm việc độc lập, sáng tạo và có năng lực phát hiện, giải quyết những vấn đề thuộc chuyên ngành được đào tạo.”

Cụ thể, hai mục tiêu đầu tiên của CTĐT thạc sĩ LL&PPDH BM tiếng Anh tại Trường ĐHCT hướng đến việc đào tạo học viên có kiến thức và kỹ năng để giảng dạy và nghiên cứu trong lĩnh vực lý luận và phương pháp dạy học bộ môn tiếng Anh, đặc biệt là các nghiên cứu hành động để cải tiến công tác giảng dạy được tốt hơn. Hai mục tiêu còn lại của CTĐT là giúp người học có kỹ năng học tập suốt đời và phẩm chất công dân toàn cầu, tương ứng với mục tiêu đào tạo người học “*có khả năng làm việc độc lập, sáng tạo và có năng lực phát hiện, giải quyết những vấn đề thuộc chuyên ngành được đào tạo*” trong Luật Giáo dục đại học đã nêu trên.

2. Điểm mạnh

Mục tiêu của CTĐT được xác định rõ ràng, được thiết kế dựa trên cơ sở pháp lý là Luật Giáo dục đại học 2012, Thông tư 07/2015/TT-BGDĐT, tầm nhìn và sứ mệnh của Trường ĐHCT, và được công bố rộng rãi trên trang web của nhà trường để tất cả các bên liên quan gồm người học, giảng viên, nhà tuyển dụng có thể tham khảo.

3. Điểm tồn tại

Việc khảo sát lấy ý kiến đóng góp của các chuyên gia và các bên liên quan về mục tiêu của CTĐT thạc sĩ LL&PPDH BM tiếng Anh chưa được tiến hành một cách hệ thống và thường xuyên.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm học 2020-2021, Khoa Ngoại ngữ sẽ tiếp tục tổ chức đánh giá, rà soát mục tiêu của CTĐT theo hướng phù hợp hơn nữa với sứ mạng, tầm nhìn của Trường ĐHCT và đáp ứng ngày càng tốt hơn nhu cầu của các BLQ.

5. Tự đánh giá: 5/7

Tiêu chí 1.2: Chuẩn đầu ra của CTĐT được xác định rõ ràng, bao quát được cả các yêu cầu chung và yêu cầu chuyên biệt mà người học cần đạt được sau khi hoàn thành CTĐT

1. Mô tả

CTĐT thạc sĩ LL&PPDH BM tiếng Anh được xây dựng và đưa vào thực hiện cho khóa đào tạo đầu tiên vào năm học 2004-2005. Từ khóa đào tạo đầu tiên đến nay, CTĐT được cập nhật và điều chỉnh mỗi 2 năm một lần. CTĐT hiện hành được xây dựng theo đúng quy trình được hướng dẫn trong các văn bản của Trường ĐHCT về việc điều chỉnh và hoàn thiện CTĐT cao học (H1.01.02.01).

CTĐT thạc sĩ LL&PPDH BM tiếng Anh áp dụng từ năm học 2016-2017 đến năm học 2019-2020 được ban hành ngày 10 tháng 10 năm 2015 theo Quyết định số 3670/QĐ-ĐHCT của trường ĐHCT (H1.01.01.02) bao gồm 4 nhóm chuẩn đầu ra: kiến thức, kỹ năng, ngoại ngữ trước khi bảo vệ luận văn, và thái độ, năng lực tự chủ và trách nhiệm.

Các chuẩn đầu ra cụ thể của Nhóm 1 - Chuẩn đầu ra về kiến thức là:

CĐR.1: Kiến thức chuyên ngành

CĐR.2: Kiến thức về phương pháp nghiên cứu khoa học giáo dục

CĐR.3: Kiến thức về lý luận dạy học

CĐR.4: Kiến thức về xây dựng chương trình theo định hướng phát triển năng lực

CĐR.5: Kiến thức về đánh giá năng lực người học.

Các chuẩn đầu ra cụ thể của Nhóm 2 – Chuẩn đầu ra về kỹ năng bao gồm:

CĐR.6: Giải quyết các vấn đề chuyên môn thuộc chuyên ngành tiếng Anh

CĐR.7: Ứng dụng kiến thức về giáo dục thế giới và các nước ASEAN +3 (Hàn Quốc, Nhật Bản, Trung Quốc) vào trong giảng dạy, công việc và cuộc sống.

CĐR.8: Thực hiện các nghiên cứu thực tiễn lớp học.

CĐR.9: Kỹ năng 4C (giao tiếp, hợp tác, sáng tạo, tư duy phê phán).

Chuẩn đầu ra về ngoại ngữ được quy định theo Phụ lục 2, Thông tư 15 ban hành ngày 15/05/2014) của BGDĐT (H1.01.02.02). Theo đó, người học cần đạt chứng chỉ B1 (Bậc 3/6) theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dành cho Việt Nam hoặc tương đương.

Các chuẩn đầu ra về thái độ, năng lực tự chủ và chịu trách nhiệm thuộc Nhóm 4 bao gồm:

CĐR.10: Có thái độ khách quan khoa học trước các hiện tượng giáo dục.

CĐR.11: Có thái độ tiếp thu phê phán, cầu tiến trong hoạt động nghề nghiệp.

CĐR.12: Có tinh thần yêu nghề và trách nhiệm với người học.

CĐR.13: Có tinh thần học tập suốt đời.

Trong các chuẩn đầu ra này, các CĐR.1, CĐR.6 và chuẩn đầu ra về ngoại ngữ là các CĐR xác định yêu cầu chuyên biệt trong lĩnh vực giảng dạy tiếng Anh. Tất cả các đầu ra còn lại đều bao quát cả yêu cầu chung và yêu cầu chuyên biệt mà người học cần đạt được sau khi hoàn thành CTĐT.

Phân tích chi tiết cho thấy CĐR.2 yêu cầu người học tích lũy kiến thức về phương pháp nghiên cứu khoa học giáo dục. Như vậy, người học cần thông hiểu và phân tích được kiến thức tổng quát về phương pháp nghiên cứu trong lĩnh vực khoa học giáo dục. Đồng thời, khi ứng dụng các kiến thức này trong việc giải các bài tập trong các học phần của CTĐT hoặc xử lý các tình huống cụ thể trong lớp học tiếng Anh của mình, người học đã đạt được yêu cầu chuyên biệt của ngành thạc sĩ

LL&PPDH BM tiếng Anh. Tương tự, CDR.3, CDR.4, và CDR.5 của nhóm CDR về kiến thức yêu cầu người học tích lũy kiến thức tổng quát về lý luận dạy học, xây dựng chương trình theo định hướng phát triển năng lực, và đánh giá năng lực của người học. Cùng lúc đó, bài giảng, ví dụ minh họa và bài tập trong các học phần yêu cầu người học vận dụng kiến thức này trong lĩnh vực chuyên biệt là LL&PPDH BM tiếng Anh.

Tương tự như vậy, những yêu cầu trong nhóm chuẩn đầu ra về thái độ, và năng lực tự chủ và trách nhiệm cũng bao quát cả yêu cầu chung về thái độ khách quan khoa học, tiếp thu và cầu tiến, tinh thần yêu nghề và trách nhiệm với người học, và tinh thần học tập suốt đời cũng như các yêu cầu chuyên biệt khi áp dụng vào bối cảnh giảng dạy tiếng Anh.

Tuy vậy, hiện một số CDR chưa sử dụng các động từ có thể đo lường được trong thang cấp độ tư duy Bloom. Nhóm CDR về kỹ năng chưa chia ra thành nhóm kỹ năng cứng và kỹ năng mềm để các BLQ dễ nhận dạng.

Ngày 04/06/2019, Trường ĐHCT đã ra Quyết định 1771/QĐ-ĐHCT về việc thành lập Tổ thư ký và các Tổ điều chỉnh CTĐT sau đại học (H1.01.02.03). Theo đó, CTĐT thạc sĩ LL&PPDH BM tiếng Anh đã được điều chỉnh lại dựa trên các cơ sở pháp lý và tham khảo ý kiến của các BLQ. Việc điều chỉnh CTĐT này đã được Hội đồng khoa, Tiểu ban Khoa học Giáo dục và Hội đồng trường thông qua (tham khảo các biên bản họp Hội đồng khoa (H1.01.02.04), họp Tiểu ban Khoa học giáo dục (H1.01.02.05), Hội đồng Giáo dục và Đào tạo Trường (H1.01.02.06). CTĐT mới áp dụng cho năm học 2020-2021 (H1.01.02.07) sẽ bao gồm các CDR đã được điều chỉnh theo hướng khắc phục các điểm tồn tại nêu trên.

2. Điểm mạnh

Các CDR của CTĐT được xác định rõ ràng, bao quát cả yêu cầu chung và yêu cầu chuyên biệt mà người học cần đạt được sau khi hoàn thành CTĐT.

3. Điểm tồn tại

Một số CDR hiện hành chưa sử dụng các động từ có thể đo lường được trong thang cấp độ tư duy Bloom. Nhóm CDR về kỹ năng chưa chia ra thành nhóm kỹ năng cứng và kỹ năng mềm để các BLQ dễ nhận dạng.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm học 2020-2021, KNN Trường ĐHCT sẽ đưa vào áp dụng CTĐT mới điều chỉnh đã hướng khắc phục các điểm tồn tại nêu trên.

5. Tự đánh giá: 5/7

Tiêu chí 1.3: Chuẩn đầu ra của CTĐT phản ánh được yêu cầu của các bên liên quan, được định kỳ rà soát, điều chỉnh và được công bố công khai

1. Mô tả

CTĐT thạc sĩ LL&PPDH BM tiếng Anh đã được định kỳ rà soát và điều chỉnh vào các năm 2015 (H1.01.03.01), 2016 (H1.01.03.02) và 2019 (H1.01.02.03). Năm 2019, CTĐT được điều chỉnh cùng lượt với các CTĐT thạc sĩ khác của trường ĐHCT. Quy trình rà soát và điều chỉnh CTĐT được thực hiện theo 5 bước sau.

Bước 1: Thành lập Tổ rà soát/Tổ điều chỉnh CTĐT bao gồm các thành viên là giảng viên tham gia giảng dạy chương trình và chuyên viên phụ trách mảng công tác đào tạo sau đại học.

Bước 2: Tổ rà soát/ Tổ điều chỉnh CTĐT tiến hành lấy ý kiến các bên liên quan gồm học viên, cựu học viên, giảng viên về CTĐT thông qua các hình thức phiếu khảo sát trực tuyến (H1.01.03.03), phỏng vấn qua điện thoại, và các cuộc gặp. Ngoài ra, trong quá trình đào tạo, khi đoàn công tác của khoa đến làm việc tại các Sở Giáo dục và Đào tạo tại các địa phương, Khoa cũng lấy ý kiến lãnh đạo các sở có cử giảng viên tiếng Anh đi học thạc sĩ về nội dung, cấu trúc và tác động của CTĐT. Hằng năm Khoa đều có các đoàn công tác đến các địa phương thuộc khu vực ĐBSCL trong khuôn khổ các hoạt động của Đề án Ngoại ngữ quốc gia (H1.01.03.04). Ý kiến của các lãnh đạo Sở GD&ĐT tại các địa phương về CTĐT được ghi nhận lại trong biên bản làm việc và lưu lại để phục vụ cho công tác rà soát và điều chỉnh CTĐT (H1.01.03.05).

Bước 3: Tổ rà soát/ Tổ điều chỉnh CTĐT tổng hợp ý kiến thu được từ các bên liên quan và tiến hành họp tổ đề đưa ra những điều chỉnh phù hợp.

Bước 4: Nội dung dự kiến điều chỉnh CTĐT được đưa ra lấy ý kiến của các thành viên trong Hội đồng khoa Ngoại ngữ (H1.01.02.05) sau đó là Tiểu ban Khoa học giáo dục (H1.01.02.06), và cuối cùng là Hội đồng Giáo dục và Đào tạo Trường (H1.01.02.07).

Bước 5: Trường công bố CTĐT đã điều chỉnh lên trang web của trường và thông báo đến các BLQ gồm giảng viên, học viên, các phòng ban liên quan và nhà tuyển dụng (H1.01.03.06).

Bảng 1.1 dưới đây cho thấy yêu cầu của các BLQ được đưa vào trong quá

trình rà soát và điều chỉnh các chuẩn đầu ra của CTĐT trong các năm 2015, 2016 và 2019.

Bảng 1.1: Chuẩn đầu ra của CTĐT phản ánh được yêu cầu của các bên liên quan

Điều chỉnh	Năm	BLQ	Cơ sở điều chỉnh
- Thêm các chuẩn đầu ra theo nhóm kiến thức, kỹ năng và thái độ vào	2015	- Khoa Sau đại học, Trường ĐHCT	- Thực hiện theo Thông tư 15/2014/TT-BGDĐT (H1.01.03.07) và Thông tư 07/2015/BGDĐT
- Chia các chuẩn đầu ra về kiến thức thành 3 nhóm: Phần kiến thức chung, Phần kiến thức cơ sở, và Phần kiến thức chuyên ngành	2019	- Khoa Sau đại học, Trường ĐHCT - Học viên - Cựu học viên - Nhà tuyển dụng	- Giúp các BLQ nhìn rõ hơn mối liên hệ tương quan giữa các CDR với mục tiêu chung của CTĐT.
- Chia các chuẩn đầu ra về kỹ năng thành 2 nhóm: Kỹ năng cứng và kỹ năng mềm	2019	- Khoa Sau đại học, Trường ĐHCT Học viên - Cựu học viên - Nhà tuyển dụng	- Giúp các BLQ nhìn rõ hơn mối liên hệ tương quan giữa các CDR với mục tiêu chung của CTĐT.
- Sử dụng các động từ theo thang cấp độ tư duy Bloom cho các chuẩn đầu ra	2019	- Hội đồng khoa Ngoại ngữ - Tiểu ban Khoa học giáo dục	- Điều chỉnh các chuẩn đầu ra theo hướng có thể đo lường được để phục vụ công tác kiểm định và cải tiến chất lượng đào tạo.

Nhìn chung, các CDR của CTĐT áp dụng từ năm 2015 đến 2019 chưa phản

ánh sát sao hết các yêu cầu của các BLQ. Chính vì thế, từ cuối năm 2019, nhà trường đã tiến hành điều chỉnh CTĐT thạc sĩ LL&PPDH BM tiếng Anh cùng lúc với các CTĐT thạc sĩ khác của trường.

2. Điểm mạnh

Các CDR của CTĐT được xây dựng và điều chỉnh dựa trên việc lấy ý kiến của các bên liên quan. Các hoạt động rà soát và điều chỉnh CTĐT được thực hiện định kỳ và được công bố trên trang web và thông báo đến các BLQ gồm giảng viên, học viên, các phòng ban liên quan và nhà tuyển dụng.

3. Điểm tồn tại

Việc lấy ý kiến từ các nhà tuyển dụng hiện chỉ giới hạn trong nhóm đối tượng là lãnh đạo các Sở GD&ĐT địa phương có cử người đi học thạc sĩ nên có thể chưa bao quát hết ý kiến của tất cả các NTD.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm học 2020-2021, Khoa Ngoại ngữ, Trường ĐHCT sẽ tiến hành lấy thêm ý kiến của các nhà tuyển dụng khác nơi đang tuyển dụng các học viên và cựu học viên của CTĐT thạc sĩ LL&PPDH BM tiếng Anh như lãnh đạo các trung tâm ngoại ngữ, các trường cao đẳng, đại học, các trường THPT.

5. Tự đánh giá: 5/7

Kết luận về Tiêu chuẩn 1:

CTĐT thạc sĩ LL&PPDH BM tiếng Anh có mục tiêu được xác định rõ ràng và công bố rộng rãi trên trang web của nhà trường để tất cả các bên liên quan gồm người học, giảng viên, nhà tuyển dụng có thể tham khảo. Các mục tiêu của CTĐT phù hợp với sứ mệnh và tầm nhìn của trường và mục tiêu của giáo dục đại học được quy định tại Luật Giáo dục đại học. Các CDR của CTĐT được xây dựng và điều chỉnh dựa trên việc lấy ý kiến của các bên liên quan. Các hoạt động rà soát và điều chỉnh CTĐT được thực hiện định kỳ, được công bố trên trang web và thông báo đến các BLQ gồm giảng viên, học viên, các phòng ban liên quan và nhà tuyển dụng.

Tuy nhiên, việc khảo sát lấy ý kiến đóng góp của các chuyên gia và các bên liên quan về mục tiêu của CTĐT thạc sĩ LL&PPDH BM tiếng Anh chưa được tiến hành một cách hệ thống và thường xuyên. Việc lấy ý kiến từ các nhà tuyển dụng hiện chỉ

giới hạn trong nhóm đối tượng là lãnh đạo các Sở GD&ĐT địa phương có cử người đi học thạc sĩ. Việc mở rộng lấy ý kiến với các nhà tuyển dụng khác nên được thực hiện.

Tiêu chuẩn 2: Bản mô tả chương trình đào tạo

Mở đầu

Bản mô tả chương trình đào tạo là tài liệu chính thống của nhà trường, cung cấp thông tin đầy đủ và chi tiết về mỗi CTĐT cho giảng viên, người học, nhà quản lý, nhà tuyển dụng trong các hoạt động tuyển sinh và các bên liên quan khác. Bản mô tả CTĐT LL&PPDH BM tiếng Anh được ban hành bằng văn bản với đầy đủ thông tin như tóm tắt mục tiêu và những kết quả dự kiến, nét chính của cấu trúc học phần, ma trận cho thấy cách thức CĐR đạt được thông qua các học phần, và các mô tả chi tiết học phần. Bản mô tả được cập nhật, điều chỉnh định kỳ theo quy định và công bố công khai cho nhiều BLQ như GV, NH, NTD/nhà sử dụng lao động thông qua nhiều hình thức khác nhau.

Tiêu chí 2.1: *Bản mô tả chương trình đào tạo đầy đủ thông tin và cập nhật*

1. Mô tả

Bản mô tả CTĐT thạc sĩ LL&PPDH BM tiếng Anh được ban hành kèm với Quyết định số 3670/QĐ-ĐHCT của trường ĐHCT (H1.01.01.02). Bản mô tả bao gồm 9 nội dung như sau:

1. Tên ngành đào tạo
2. Mã ngành
3. Đơn vị quản lý
4. Các ngành dự thi
5. Mục tiêu
6. Chuẩn đầu ra
7. Cấu trúc chương trình đào tạo
8. Học phần bổ sung kiến thức cho các ngành gần
9. Thực tập chuyên môn

Các thông tin trong CTĐT này giúp các BLQ gồm thí sinh, học viên, cựu học viên, nhà tuyển dụng, giảng viên hiểu rõ về CTĐT, đặc biệt là về các CĐR của chương trình. Thông tin giúp thí sinh quyết định về việc có nên theo học chương trình, giúp học viên thiết kế lộ trình học tập hợp lý, và giúp giảng viên thiết kế đề cương môn học

và lựa chọn phương pháp giảng dạy và kiểm tra đánh giá phù hợp. Đồng thời, bản mô tả CTĐT cũng là nguồn tài liệu tham khảo giúp các nhà tuyển dụng đánh giá năng lực của ứng viên.

Bản mô tả CTĐT được rà soát và cập nhật theo quy định của Điều 8, Thông tư 07/2015/BGDĐT. Theo đó, các thông tin liên quan đến sự cần thiết phải cập nhật chương trình gồm những thay đổi trong quy định của nhà nước, của cơ sở đào tạo về CTĐT, những tiến bộ những tiến bộ mới trong lĩnh vực khoa học thuộc ngành, chuyên ngành; các vấn đề kinh tế xã hội, kết quả nghiên cứu liên quan đến chương trình đào tạo; phản hồi của các bên liên quan; những thay đổi học phần, môn học hoặc nội dung chuyên môn đều được cân nhắc để đưa vào cập nhật CTĐT thạc sĩ LL&PPDH BM tiếng Anh (H1.01.03.01, H1.01.03.02, H1.01.02.03). Bảng 2.1 dưới đây liệt kê những thay đổi cập nhật của CTĐT thạc sĩ LL&PPDH BM tiếng Anh trong thời gian qua.

Bảng 2.1: Các điều chỉnh trong CTĐT thạc sĩ LL&PPDH BM tiếng Anh

Điều chỉnh (năm thực hiện)	Năm thực hiện	BLQ yêu cầu điều chỉnh	Sự cần thiết
- Điều chỉnh mã số 10 học phần trong CTĐT thạc sĩ LL&PPDH BM tiếng Anh.	2016	- Khoa Sau đại học, Trường ĐHQCT	- Thực hiện theo Thông tư 15/2014/TT-BGDĐT (H1.01.03.06) và Thông tư 07/2015/BGDĐT .
- Điều chỉnh mã số ngành đào tạo.	2018	- BGDĐT	- Quy định cập nhật mã ngành mới.
- Điều chỉnh các chuẩn đầu ra của CTĐT, sử dụng thang cấp độ tư duy Bloom.	2019	- Hội đồng khoa Ngoại ngữ - Tiểu ban Khoa học giáo dục	- Điều chỉnh các chuẩn đầu ra theo hướng có thể đo lường được để phục vụ công tác kiểm định và cải tiến chất lượng đào tạo.
- Bổ sung học phần “Viết và trình bày báo cáo khoa học” vào CTĐT.	2019	- Học viên - Cựu học viên	- Tăng cường khả năng truyền đạt kết quả nghiên cứu đến giới khoa học và giới chuyên môn trong các hội nghị, hội thảo

			trong nước và quốc tế.
- Tăng số tín chỉ cho học phần Luận văn tốt nghiệp từ 10 lên 15 tín chỉ.	2019	- Học viên - Cựu học viên - Giảng viên hướng dẫn - Khoa Sau đại học, Trường Đại học Cần Thơ - Ban giám hiệu nhà trường	- Tăng cường khả năng nghiên cứu của học viên. - Tăng thời lượng học viên đầu tư vào nghiên cứu.
- Giảm số tín chỉ của một số học phần bắt buộc và tự chọn trong CTĐT để tăng thời lượng cho học phần Luận văn tốt nghiệp.	2019	- Học viên - Cựu học viên - Giảng viên hướng dẫn - Khoa Sau đại học, Trường Đại học Cần Thơ - Ban giám hiệu nhà trường	- Tăng cường khả năng nghiên cứu của học viên. - Tăng thời lượng học viên đầu tư vào nghiên cứu. - Đổi mới phương pháp giảng dạy đối với các học phần này nhằm tăng cường năng lực tự học và tự nghiên cứu của học viên.

2. Điểm mạnh

Bản mô tả CTĐT thạc sĩ LL&PPDH BM tiếng Anh cung cấp các thông tin đầy đủ cho các BLQ và thường xuyên được điều chỉnh và cập nhật theo các quy định của Điều 8, Thông tư 07/2015/BGDĐT của BGDĐT.

3. Điểm tồn tại

Không có.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm học 2020-2021, Trường và Khoa sẽ tiếp tục phát huy các điểm mạnh hiện có.

5. Tự đánh giá: 5/7

Tiêu chí 2.2: Đề cương các học phần đầy đủ thông tin và cập nhật

1. Mô tả

Tất cả 31 học phần trong CTĐT thạc sĩ LL&PPDH BM tiếng Anh đều có đề cương học phần (H2.02.02.01) được đăng tải trên trang web của Trường ĐHCT (<https://gs.ctu.edu.vn/kctdt/>) (H2.02.02.02). Đề cương của mỗi học phần bao gồm 11 mục như sau:

1. Tên học phần, mã số học phần, số tín chỉ, số tiết học phần (lý thuyết, thực hành, tự học)
2. Đơn vị phụ trách học phần
3. Điều kiện tiên quyết
4. Mục tiêu của học phần bao gồm 3 nhóm: kiến thức, kỹ năng, và thái độ/năng lực tự chủ và trách nhiệm
5. Mô tả tóm tắt nội dung học phần
6. Cấu trúc nội dung học phần
7. Phương pháp giảng dạy
8. Nhiệm vụ của học viên
9. Đánh giá kết quả học tập của học viên
10. Tài liệu học tập
11. Hướng dẫn học viên tự học

Tại Trường ĐHCT, đề cương học phần do chính giảng viên phụ trách đứng lớp xây dựng theo định dạng mà nhà trường quy định. Khi xây dựng đề cương các học phần trong CTĐT thạc sĩ LL&PPDH BM tiếng Anh, giảng viên phải đọc kỹ bản mô tả CTĐT và ma trận mối tương quan giữa mục tiêu đào tạo và CDR và ma trận tương quan giữa CDR và các học phần trong CTĐT. Việc tìm hiểu mối tương quan này giúp người biên soạn thiết kế mục tiêu môn học, lựa chọn phương pháp dạy học và kiểm tra đánh giá phù hợp với yêu cầu của CTĐT.

Phân phân tích đề cương học phần Kiểm tra và đánh giá trong giảng dạy tiếng Anh dưới đây (H2.02.02.03) sẽ minh họa cho tính đầy đủ của các đề cương học phần trong CTĐT thạc sĩ LL&PPDH BM tiếng Anh.

Mục 1 bao gồm tên tiếng Việt (Kiểm tra và đánh giá trong giảng dạy tiếng Anh) và tên tiếng Anh (Testing and assessment in English language education). Việc cung

cấp tên tiếng Anh giúp Phòng Đào tạo của Trường ĐHCT thuận lợi trong việc cung cấp bằng điểm tiếng Anh khi học viên tốt nghiệp yêu cầu. Từ khóa đầu tiên tốt nghiệp đến nay, có khoảng 15 học viên đã nộp hồ sơ theo học nghiên cứu sinh ở nước ngoài. Tính đến nay có 4 học viên đã hoàn thành và trở về công tác tại các đơn vị giáo dục trong nước. Mục 1 cũng bao gồm thông tin về mã số học phần là SP631, số tín chỉ là 3 và học viên sẽ dành thời gian là 30 tiết lý thuyết, 30 tiết thực hành và 90 tiết tự học.

Mục 2 ghi rõ đơn vị phụ trách học phần là Khoa Ngoại ngữ. Mục 3 cho thấy học phần này không cần điều kiện tiên quyết hay điều kiện song hành. Mục 4 được xem là một trong những mục quan trọng nhất trong đề cương học phần vì nó giúp các BLQ nắm được mục tiêu của học phần và thấy được sự gắn kết giữa mục tiêu học phần và các CDR của CTĐT. Đề cương học phần Kiểm tra và đánh giá trong giảng dạy tiếng Anh gồm tổng cộng là 10 mục tiêu cụ thể được chia làm 3 nhóm là kiến thức, kỹ năng và thái độ (xem Bảng 2.2).

Bảng 2.2: Mục tiêu học phần Kiểm tra và đánh giá trong giảng dạy tiếng Anh

4. Mục tiêu của học phần: Sau khi hoàn thành học phần, người học có thể 4.1. Kiến thức: 4.1.1. Phân biệt được các khái niệm cơ bản trong kiểm tra và đánh giá người học tiếng Anh. 4.1.2. Tổng hợp các kỹ thuật kiểm tra và đánh giá đối với các kiến thức và kỹ năng ngôn ngữ tiếng Anh. 4.1.3. Nhận thức và vận dụng được các hình thức đánh giá thay thế cho bài kiểm tra. 4.2. Kỹ năng: 4.2.1. Lựa chọn hình thức kiểm tra và đánh giá phù hợp với mục tiêu giảng dạy. 4.2.2. Thiết kế bài kiểm tra cho các kiến thức và kỹ năng ngôn ngữ phù hợp với đối tượng người học. 4.2.3. Đánh giá người học bằng nhiều phương pháp và hình thức khác nhau để đảm bảo mang lại thông tin chính xác về năng lực của người học. 4.3. Thái độ/Năng lực tự chủ và trách nhiệm: 4.3.1. Có thái độ khách quan, khoa học trước các hiện tượng giáo dục. 4.3.2. Có thái độ tiếp thu phê phán, cầu tiến trong hoạt động nghề nghiệp. 4.3.3. Có tinh thần yêu nghề và trách nhiệm với người học 4.3.4. Có tinh thần học tập suốt đời.

Các mục tiêu về kiến thức và kỹ năng đều bắt đầu bằng một động từ trong thang mức độ nhận thức của Bloom như phân biệt, tổng hợp, nhận thức, vận dụng ...Việc sử dụng các động từ này giúp các BLQ có thể đo lường được mức độ đạt được mục tiêu của học phần. Các mục tiêu thuộc nhóm Thái độ/Năng lực tự chủ và trách nhiệm tương thích hoàn toàn với các CDR nêu trong Bản mô tả CTĐT. Bảng 2.3 sau đây cho thấy mối liên hệ giữa học phần và các mục tiêu của CTĐT thạc sĩ LL&PPDH BM tiếng Anh.

Bảng 2.3: Đóng góp của học phần Kiểm tra và đánh giá trong giảng dạy tiếng Anh vào các CDR của CTĐT thạc sĩ LL&PPDH BM tiếng Anh

Chuẩn đầu ra (6)													
Kiến thức (6.1)					Kỹ năng (6.2)				Ngoại gữ (6.3)	Thái độ (6.4)			
CDR .1	CDR .2	CDR .3	CDR .4	CDR .5	CDR .6	CDR .7	CDR .8	CDR .9		CDR. 10	CDR. 11	CDR. 12	CDR. 13
X				X	X			X		X	X	X	X

Như vậy, các mục tiêu của học phần Kiểm tra và đánh giá trong giảng dạy tiếng Anh sẽ góp phần vào việc đạt các chuẩn đầu ra sau:

CDR.1: Kiến thức chuyên ngành

CDR.5: Kiến thức về đánh giá năng lực người học.

CDR.6: Giải quyết các vấn đề chuyên môn thuộc chuyên ngành tiếng Anh

CDR.9: Kỹ năng 4C (giao tiếp, hợp tác, sáng tạo, tư duy phê phán).

CDR.10: Có thái độ khách quan khoa học trước các hiện tượng giáo dục.

CDR.11: Có thái độ tiếp thu phê phán, cầu tiến trong hoạt động nghề nghiệp.

CDR.12: Có tinh thần yêu nghề và trách nhiệm với người học.

CDR.13: Có tinh thần học tập suốt đời.

Mục 5 mô tả tóm tắt nội dung học phần để giúp người đọc có cái nhìn tổng quát về học phần. Mục 6 liệt kê chi tiết các chương, nội dung các chương, số tiết học trên lớp và mục tiêu của chương tương ứng với mục tiêu nào của học phần (xem Bảng 2.4).

Mục 7 liệt kê các phương pháp dạy học mà GV sẽ áp dụng trong chương trình. Với học phần này, 3 phương pháp giảng dạy được liệt kê bao gồm (1) dạy học theo đường hướng giao tiếp, (2) thuyết giảng, và (3) dạy học dự án. Việc lồng ghép các

phương pháp dạy học khác nhau giúp cho người học tiếp thu tốt nhất bài giảng và đạt được các mục tiêu đề ra của học phần.

Mục 8 liệt kê 6 nhiệm vụ cụ thể mà học viên phải thực hiện trong suốt quá trình học tập như tham dự giờ học lý thuyết, tham gia thực hành, thực hiện bài tập nhóm ... Mục 9 nêu rõ các hình thức kiểm tra, đánh giá, các loại điểm thành phần, trọng số của các điểm thành phần và mục tiêu đánh giá. Mục này cũng ghi cách tính điểm và thang điểm quy chiếu. Mục 10 nêu các tài liệu học tập sẽ được sử dụng trong học phần, nguồn tài liệu nếu như đó là tài liệu điện tử, và mã số tài liệu để người học có thể tìm đọc trên Trung tâm học liệu của trường. Mục 11 cung cấp cụ thể các nhiệm vụ để học viên tự học và thời lượng mà người học dành để tự học. Cuối đề cương là tên giảng viên biên soạn và phân phê duyệt của Trưởng Khoa phụ trách đào tạo.

Phần lớn các đề cương được giảng viên định kỳ rà soát và cập nhật mỗi năm một lần trên cơ sở phản hồi của người học và những thông tin được mới trong lĩnh vực học tập.

2. Điểm mạnh

Đề cương các học phần đầy đủ thông tin để người học có thể tham khảo trước, trong và sau khóa học nhằm đạt được kết quả học tập mong muốn.

3. Điểm tồn tại

Chưa thực hiện được việc cập nhật nội dung giảng dạy của giảng viên trong tất cả các học phần.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm học 2020-2021, Khoa Ngoại ngữ, Trường ĐHCN sẽ tổ chức rà soát đề cương học phần theo định kỳ mỗi năm để cập nhật tốt hơn nội dung giảng dạy trong học phần cũng như đưa ra những điều chỉnh thích hợp để đáp ứng tốt hơn yêu cầu của các BLQ.

5. Tự đánh giá: 5/7

Tiêu chí 2.3: Bản mô tả CTĐT và đề cương học phần được công bố công khai và các bên liên quan dễ dàng tiếp cận

1. Mô tả

Các BLQ của CTĐT thạc sĩ LL&PPDH BM tiếng Anh có thể tiếp cận với Bản mô tả CTĐT qua kênh chính là trang web của trường (H2.02.03.01). Một phần của

Bản mô tả này được in trong tờ rơi (H2.02.03.02) và quyển giới thiệu về Khoa Ngoại ngữ và các CTĐT tại khoa (H2.02.03.03) để phục vụ cho công tác quảng bá tuyển sinh của Khoa Ngoại ngữ.

Đối với đề cương học phần, người học có thể tiếp cận thông qua trang web trường (H2.02.02.02), trang web của Khoa Ngoại ngữ (H2.02.02.03), và được giảng viên giới thiệu trong buổi lên lớp đầu tiên.

Việc công bố công khai Bản mô tả CTĐT và đề cương học phần giúp các BLQ có thể tiếp cận dễ dàng và phục vụ cho các mục đích khác nhau của họ. Với những người có ý định theo học, họ có thể xem xét CTĐT có tương thích với mục tiêu của bản thân khi theo học không và thấy được sự tiếp nối của CTĐT thạc sĩ so với CTĐT cử nhân mà họ theo học trước đó. Với học viên, họ có thể sắp xếp kế hoạch và lộ trình học tập để đạt được kết quả mong đợi. Với giảng viên, họ có thể nhìn thấy mối liên hệ về kiến thức và kỹ năng của học phần mình giảng dạy với các học phần khác trong CTĐT. Với nhà tuyển dụng, họ có thể dùng Bản mô tả CTĐT để so sánh các năng lực, kiến thức và thái độ của ứng viên với mục đích tuyển dụng của họ cũng như đo lường mức độ đạt được mục tiêu chương trình của ứng viên.

2. Điểm mạnh

Bản mô tả CTĐT và đề cương các học phần trong CTĐT được công bố trên trang web trường, trang web khoa và giới thiệu trực tiếp đến người học. Một phần của Bản mô tả CTĐT được in trên tờ rơi và quyển giới thiệu về khoa.

3. Điểm tồn tại

Hiện số kênh để công khai Bản mô tả CTĐT và đề cương các học phần vẫn còn khiêm tốn.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm học 2020-2021, Khoa Ngoại ngữ, Trường ĐHCT sẽ thêm các kênh khác như gửi qua thư điện tử, in trên bảng thông báo dán tại Khoa, đăng trên Facebook của Khoa để các BLQ có nhiều lựa chọn tiếp cận hơn.

5. Tự đánh giá: 5/7

Kết luận về Tiêu chuẩn 2:

Nhìn chung, Bản mô tả CTĐT và đề cương các học phần đầy đủ thông tin, được cập nhật và công bố công khai cho các bên BLQ. Tuy vậy, các kênh công khai cho

Bản mô tả CTĐT và đề cương các học phần vẫn còn hạn chế. Vì vậy, Khoa sẽ bổ sung thêm các kênh mới đa dạng hơn để các BLQ tiếp cận dễ dàng hơn.

Tiêu chuẩn 3: Cấu trúc và nội dung chương trình dạy học

Chương trình dạy học ngành thạc sĩ LL&PPDH BM tiếng Anh được thiết kế dựa trên mục tiêu và CĐR về kiến thức, kỹ năng và thái độ của người học, đáp ứng kết quả học tập mong đợi của CTĐT. Các học phần trong CTDH đều có mối quan hệ chặt chẽ với nhau, phù hợp và thống nhất với mục tiêu và CĐR của CTĐT. Trong đó, mỗi học phần đều đóng góp rõ ràng về những kết quả mong đợi đạt được trong CĐR. Nội dung CTDH được cập nhật thường xuyên theo qui định của Trường ĐHCT nhằm đáp ứng nhu cầu thực tiễn của xã hội và sự đổi mới của đất nước và thế giới.

Tiêu chí 3.1: *Chương trình dạy học được thiết kế dựa trên chuẩn đầu ra*

1. Mô tả

Chương trình dạy học (CTDH) thạc sĩ LL&PPDH Bộ môn tiếng Anh được thiết kế, cập nhật và điều chỉnh qua các năm 2008, 2009, 2010, 2013, 2015 và 2019 (H3.03.01.01). Công tác thiết kế/điều chỉnh CTDH được tiến hành ngay sau khi Hội đồng khoa Ngoại ngữ thống nhất với Bản mô tả CTĐT và được ghi nhận trong biên bản của Hội đồng khoa về công tác thiết kế, điều chỉnh CTDH (H3.03.01.02). Sau khi nhận được biên bản này, tổ thiết kế/điều chỉnh CTDH đã căn cứ vào các CĐR đã được thống nhất, xem xét các học phần đã có trước đó trong chương trình, tham khảo các CTDH của các trường đại học trong nước và quốc tế để thiết kế một CTDH tương thích tối đa với CĐR mới. Quy trình này được ghi nhận lại trong các biên bản của các phiên họp thiết kế/ điều chỉnh CTĐT (H3.03.01.03). Với quy trình như vậy, CTDH được thiết kế hoàn toàn dựa trên CĐR. Ngoài ra, khi lấy ý kiến người học hàng năm bằng hình thức trực tuyến (H3.03.01.03), Khoa cũng chú ý ghi nhận các góp ý về CTĐT và CTDH.

Trong quá trình thiết kế, điều chỉnh và thực hiện CTDH, KNN luôn chú trọng đến việc xác định tổ hợp các phương pháp giảng dạy, học tập, kiểm tra, đánh giá sao cho toàn bộ các học phần đóng góp thiết thực cho việc đạt được CĐR. Các đóng góp cụ thể này được phân tích chi tiết trong Tiêu chí 3.2, Tiêu chí 3.3, Tiêu chí 4.2 và Tiêu chí 5.1 bên dưới.

2. Điểm mạnh

CTDH được thiết kế, cập nhật và điều chỉnh tương ứng với các CĐR trong Bản mô tả CTĐT.

3. Điểm tồn tại

Không có

4. Kế hoạch hành động

Từ năm học 2020-2021, KNN và Trường ĐHCT tiếp tục phát huy các điểm mạnh hiện có của CTDH.

5. Tự đánh giá: 5/7

Tiêu chí 3.2: Đóng góp của mỗi học phần trong việc đạt được CĐR là rõ ràng

1. Mô tả

CTDH thạc sĩ LL&PPDH Bộ môn tiếng Anh áp dụng từ năm 2015 đến 2019 (H3.03.02.01) được xây dựng bao gồm 31 học phần giảng dạy và 1 học phần luận văn tốt nghiệp được chia thành 4 nhóm lớn: Phần kiến thức chung, Phần kiến thức cơ sở, Phần kiến thức chuyên ngành, và Phần luận văn tốt nghiệp. Tương ứng với mỗi tên học phần là mã số học phần, số tín chỉ, học phần thuộc nhóm bắt buộc hay tự chọn, số tiết, học phần tiên quyết (nếu có) và học kỳ thực hiện. Các học phần đưa vào CTDH dựa trên cơ sở các CĐR trong Bản mô tả CTĐT nhằm giúp người học đạt được CĐR mong đợi. Tất cả các học phần trong CTDH đều đảm bảo sự tương thích về nội dung và hướng đến việc giúp người học đạt được các CĐR về thái độ và năng lực tự chủ và trách nhiệm. Đối với các CĐR về kiến thức và kỹ năng, mỗi học phần sẽ đóng góp cụ thể cho việc đạt được từ 1 đến nhiều CĐR trong Bản mô tả CTĐT. Bảng 3.1 dưới đây cho thấy sự tương quan giữa các học phần trong CTDH và các CĐR về kiến thức và kỹ năng trong Bản mô tả CTĐT. Mức độ đóng góp của các học phần trong CTDH vào các CĐR cũng thể hiện rõ trong Ma trận mối quan hệ giữa các học phần trong CTDH và các CĐR (H3.03.02.02).

Bảng 3.1: Đóng góp của các học phần trong CTDH vào việc đạt được CĐR

TT	Học phần trong CTDH	CĐR về kiến thức và kỹ năng
1.	Triết học	CĐR.6, CĐR.8
2.	Phương pháp nghiên cứu khoa học trong giảng dạy tiếng Anh	CĐR.2, CĐR.6, CĐR.7

3.	Ngoại ngữ	CĐR.9, CĐR về ngoại ngữ,
4.	Giáo dục và hội nhập quốc tế	CĐR.7, CĐR.9
5.	Nguyên lý giảng dạy tiếng Anh	CĐR.3, CĐR.6
6.	Viết tiếng Anh học thuật sau đại học	CĐR.6
7.	Xây dựng môi trường học tiếng Anh	CĐR.4, CĐR.6, CĐR.7, CĐR.9
8.	Lý luận dạy học tiếng Anh	CĐR.2, CĐR.3, CĐR.6, CĐR.9
9.	Thu thập và phân tích dữ liệu trong nghiên cứu giáo dục tiếng Anh	CĐR.2, CĐR.6, CĐR.8, CĐR.9
10.	Phát triển năng lực giảng dạy tiếng Anh	CĐR.5, CĐR.6, CĐR.9
11.	Kỹ năng giao tiếp sư phạm tiếng Anh	CĐR.6, CĐR.9
12.	Phát triển nghiệp vụ và khả năng tự học tiếng Anh	CĐR.2, CĐR.6, CĐR.9
13.	Đánh giá giáo dục trong giảng dạy tiếng Anh	CĐR.2, CĐR.3, CĐR.5, CĐR.6, CĐR.9
14.	Giao tiếp liên văn hóa	CĐR.1, CĐR.6, CĐR.7, CĐR.9
15.	Ngữ dụng học tiếng Anh	CĐR.1, CĐR.6, CĐR.9
16.	Tiếp thu ngôn ngữ thứ hai tiếng Anh	CĐR.1, CĐR.3, CĐR.6, CĐR.9
17.	Phương pháp giảng dạy tiếng Anh	CĐR.1, CĐR.3, CĐR.6, CĐR.9
18.	Phát triển chương trình và thiết kế giáo trình giảng dạy tiếng Anh	CĐR.1, CĐR.3, CĐR.4, CĐR.6, CĐR.9
19.	Kiểm tra và đánh giá trong giảng dạy tiếng Anh	CĐR.1, CĐR.5, CĐR.6, CĐR.9
20.	Nhận thức Anh ngữ	CĐR.1, CĐR.4, CĐR.6, CĐR.9
21.	Ngôn ngữ học ứng dụng tiếng Anh	CĐR.1, CĐR.6, CĐR.9
22.	Ngôn ngữ học xã hội tiếng Anh	CĐR.1, CĐR.6, CĐR.9
23.	Phân tích diễn ngôn tiếng Anh	CĐR.1, CĐR.6, CĐR.9
24.	Văn học trong giảng dạy ngôn ngữ Anh	CĐR.1, CĐR.6, CĐR.9
25.	Quản lý lớp học trong giảng dạy tiếng Anh	CĐR.1, CĐR.4, CĐR.6, CĐR.8, CĐR.9
26.	Giảng dạy môn Đọc hiểu tiếng Anh	CĐR.1, CĐR.4, CĐR.6, CĐR.9

27.	Giảng dạy môn Nghe nói tiếng Anh	CĐR.1, CĐR.4, CĐR.6, CĐR.9
28.	Giảng dạy môn Viết tiếng Anh	CĐR.1, CĐR.4, CĐR.6, CĐR.9
29.	Giảng dạy môn Cấu trúc ngôn ngữ tiếng Anh	CĐR.1, CĐR.4, CĐR.6, CĐR.9
30.	Thực tập giảng dạy tiếng Anh	CĐR.1, CĐR.6, CĐR.9
31.	Ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học tiếng Anh	CĐR.1, CĐR.6, CĐR.9
32.	Luận văn tốt nghiệp	CĐR.1 → CĐR.9

Từ Bảng 3.1, có thể thấy rằng đa số các học phần đóng góp cho việc đạt được từ 2 đến 4 CĐR về kiến thức và kỹ năng. Riêng học phần Luận văn tốt nghiệp là học phần tổng hợp lại toàn bộ kiến thức và kỹ năng mà người học đã tích lũy được trong CTDH nên nó giúp đạt được toàn bộ 9 CĐR về kiến thức và kỹ năng được thiết kế trong chương trình.

Trong quá trình thực hiện CTDH, KNN thường xuyên tiến hành xác định tổ hợp các phương pháp dạy và học (xem Tiêu chí 4.2), phương pháp kiểm tra đánh giá (xem Tiêu chí 5.1, Tiêu chí 5.2) của toàn bộ các học phần trong CTDH sao cho các học phần hỗ trợ nhau tốt nhất để đạt được CĐR. Ngoài ra, sau mỗi học kỳ, TTQLCL tiến hành lấy ý kiến người học về học phần. Các kết quả này được gửi về cho GV để làm cơ sở điều chỉnh nội dung, phương pháp giảng dạy và các hình thức kiểm tra đánh giá của giảng viên.

2. Điểm mạnh

CTDH được thiết kế, cập nhật và điều chỉnh tương ứng với các CĐR trong Bản mô tả CTĐT. Mỗi học phần đưa vào chương trình đều có đóng góp trong việc người học đạt được CĐR mong đợi.

3. Điểm tồn tại

Không có.

4. Kế hoạch hành động

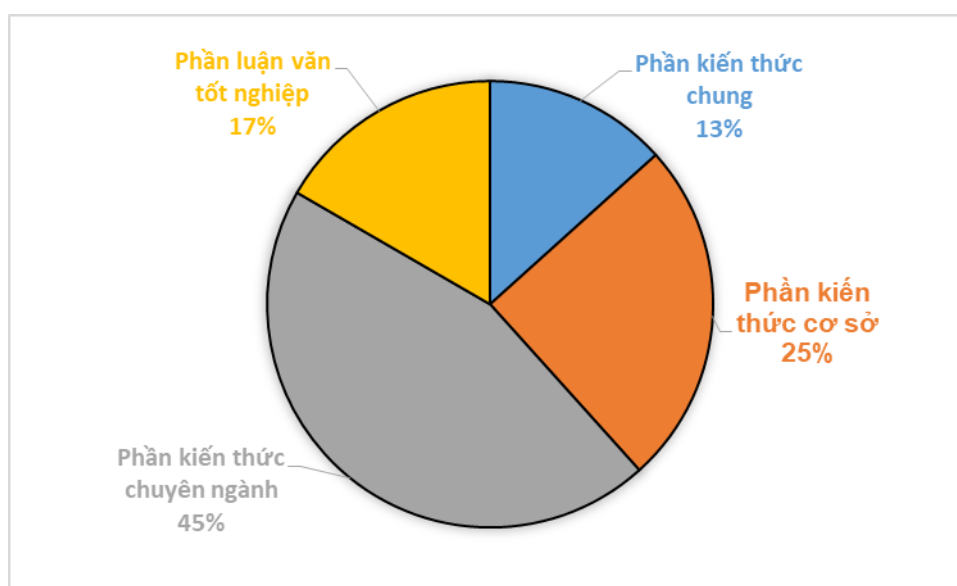
Từ năm học 2020-2021, KNN sẽ tiếp tục phát huy các điểm mạnh hiện có.

5. Tự đánh giá: 5/7

Tiêu chí 3.3: Chương trình dạy học có cấu trúc, trình tự logic; nội dung cập nhật và có tính tích hợp

1. Mô tả

CTDH thạc sĩ LL&PPDH tiếng Anh áp dụng từ năm 2015 đến 2019 được thiết kế bao gồm 60 tín chỉ theo đúng quy định trong Khoản 2, Điều 4, Chương 2 của Thông tư 07/2015/TT-BGDĐT. Cấu trúc của CTDH thạc sĩ LL&PPDH tiếng Anh bao gồm 4 phần (xem Hình 3.1). Phần kiến thức chung bao gồm 2 học phần bắt buộc với 8 tín chỉ (TC), chiếm tỉ lệ 13% khối lượng kiến thức trong CTDH. Phần kiến thức cơ sở bao gồm 3 học phần bắt buộc (BB) và 7 học phần tự chọn với 15 TC, chiếm 25% khối lượng kiến thức của CTDH. Phần kiến thức chuyên ngành bao gồm 6 học phần bắt buộc và 12 học phần tự chọn, chiếm 45% khối lượng kiến thức của CTDH. Phần luận văn tốt nghiệp với 10 tín chỉ, chiếm 17% khối lượng kiến thức của CTDH.



Hình 3.1: Tỉ lệ các khối kiến thức trong CTDH thạc sĩ LL&PPDH BM tiếng Anh

Người học trong CTDH thạc sĩ LL&PPDH tiếng Anh theo học chương trình trong khoảng thời gian thông thường là 2 năm, 4 học kỳ. Do Trường ĐHCT áp dụng việc giảng dạy theo tín chỉ nên người học có thể hoàn toàn sắp xếp thời gian học tập phù hợp. Họ có thể hoàn thành việc học tập trong khoảng thời gian tối đa là 4 năm, 8 học kỳ. Khi bắt đầu tham gia vào CTDH, người học được cung cấp một kế hoạch học tập mẫu (H3.03.03.01). Trình tự các học phần trong CTDH được sắp xếp theo Bảng 3.2.

Theo Bảng 3.2, người học trong CTDH thạc sĩ LL&PPDH tiếng Anh sẽ học 6 học phần trong học kỳ 1, 7 học phần trong học kỳ 2, 4 học phần trong học kỳ 3, 1 học phần và làm luận văn trong học kỳ 4. Như vậy, người học học tổng cộng là 13/18

học phần trong năm thứ nhất của CTĐT, 5 học phần và làm luận văn trong năm thứ hai của CTĐT. Việc người học theo học phần lớn các học phần trong năm đầu tiên cho phép họ có nhiều thời gian để chuẩn bị và tiến hành thực hiện học phần Luận văn tốt nghiệp.

Bảng 3.2: Trình tự các học phần trong CTDH thạc sĩ LL&PPDH BM tiếng Anh

	Học kỳ 1	Học kỳ 2	Học kỳ 3	Học kỳ 4
Phần kiến thức chung	Triết học (BB)	Chọn 1 trong 2 học phần: (1) Kỹ năng giao tiếp sư phạm tiếng Anh; (2) Xây dựng môi trường học tiếng Anh	Phương pháp nghiên cứu khoa học trong giảng dạy tiếng Anh	Chọn 1 trong 2 học phần: (1) Thu thập và phân tích dữ liệu trong nghiên cứu giáo dục tiếng Anh (TC); (2) Đánh giá giáo dục trong giảng dạy tiếng Anh
Phần kiến thức cơ sở	Nguyên lý giảng dạy tiếng Anh (BB)		Chọn 1 trong 3 học phần: (1) Phát triển nghiệp vụ và khả năng tự học tiếng Anh; (2)Phát triển năng lực giảng dạy tiếng Anh; (3) Lý luận dạy học tiếng Anh	
	Giáo dục và hội nhập quốc tế (BB)			
Phần kiến thức chuyên ngành	Giao tiếp liên văn hóa (BB)	Tiếp thu ngôn ngữ thứ hai tiếng Anh (BB)	Ngữ dụng học tiếng Anh (BB)	
	Chọn 1 trong 2 học phần: (1) Giảng dạy môn Đọc hiểu tiếng Anh; (2) Giảng dạy môn cấu trúc ngôn ngữ tiếng Anh	Phương pháp giảng dạy tiếng Anh (BB)	Chọn 1 trong 4 học phần: (1) Nhận thức Anh ngữ; (2) Ngôn ngữ học ứng dụng tiếng Anh; (3) Ngôn ngữ học xã hội tiếng Anh; (4) Phân tích diễn ngôn tiếng Anh	

	Học kỳ 1	Học kỳ 2	Học kỳ 3	Học kỳ 4
	Chọn 1 trong 3 học phần: (1) Giảng dạy môn Viết tiếng Anh (TC); (2) Giảng dạy môn Nghe nói tiếng Anh; (3) Văn học trong giảng dạy ngôn ngữ Anh	Kiểm tra và đánh giá trong giảng dạy tiếng Anh (BB)		
		Phát triển chương trình và thiết kế giáo trình giảng dạy tiếng Anh (BB)		
		Chọn 1 trong 3 học phần: (1) Quản lý lớp học trong giảng dạy tiếng Anh; (2) Thực tập giảng dạy tiếng Anh; (3) Ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học tiếng Anh (TC)		
Phản luận văn tốt nghiệp				Luận văn tốt nghiệp

Trình tự của các học phần được sắp xếp nhằm đảm bảo người học tích lũy cả 3 loại kiến thức: kiến thức chung, kiến thức cơ sở và kiến thức chuyên ngành trong 3 học kỳ đầu tiên. Trong học kỳ 1, người học sẽ theo học học phần Triết học (ML606) thuộc Phần kiến thức chung, 2 học phần bắt buộc trong Phần kiến thức cơ sở, và 3 học phần trong Phần kiến thức chuyên ngành. Mặc dù có 3 học phần trong Phần kiến thức chuyên ngành trong học kỳ này, các mục tiêu và nội dung giảng dạy lại rất gần gũi và thiết thực với người học ví các học phần này liên quan đến việc thực hành giảng dạy các kiến thức và kỹ năng ngôn ngữ cụ thể như Giảng dạy môn Đọc hiểu tiếng Anh (SP637), Giảng dạy môn Viết tiếng Anh (SP639)...

Trong học kỳ 2, người học lựa chọn học 2 học phần thuộc Phần kiến thức cơ sở, 1 học phần thuộc Phần kiến thức chuyên ngành và 3 học phần bắt buộc thuộc Phần kiến thức chuyên ngành. Tất cả các học phần này đòi hỏi người học có mức độ tư duy cao hơn vì cung cấp cho người học kiến thức và kỹ năng mang tính tích hợp. Ví dụ như học phần Phát triển chương trình và thiết kế giáo trình giảng dạy tiếng Anh

(SPA604) trong học kỳ này đòi hỏi người học phải hiểu biết về Khung năng lực quốc gia Việt Nam, Chương trình giáo dục phổ thông mới, các bộ sách tiếng Anh dùng trong chương trình giáo dục phổ thông ... thì mới có thể học tốt được.

Học kỳ 3 của CTDH tập trung phát triển các kiến thức chuyên sâu về ngôn ngữ tiếng Anh, đồng thời chuẩn bị cho người học trong quá trình làm luận văn. Ví dụ như học phần Viết tiếng Anh học thuật sau đại học (SP635) sẽ giúp người học viết đề cương nghiên cứu cũng như luận văn theo các chuẩn khoa học trong lĩnh vực LL&PPDH BM tiếng Anh.

Cùng với CTĐT thạc sĩ LL&PPDH BM tiếng Anh, CTDH đã được định kỳ rà soát và điều chỉnh vào các năm 2015 (H1.01.03.01), 2016 (H1.01.03.02) và 2019 (H1.01.02.03). Năm 2019, CTĐT được điều chỉnh cùng lượt với các CTĐT thạc sĩ khác của trường ĐHCT.

2. Điểm mạnh

CTDH có cấu trúc và trình tự khá logic. Nội dung của CTDH được rà soát điều chỉnh qua các năm và phần lớn các học phần có nội dung tích hợp.

3. Điểm tồn tại

CTDH bao gồm nhiều học phần tự chọn để người học lựa chọn môn học mình yêu thích. Tuy nhiên, do sĩ số học viên của các khóa khá ít nên gây nhiều khó khăn trong việc tổ chức các lớp học cho các học phần có sĩ số ít.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm học 2020-2021, KNN sẽ tiến hành lấy ý kiến học viên để đạt được sự đồng thuận trong việc lựa chọn giảng dạy các học phần tự chọn.

5. Tự đánh giá: 5/7

Kết luận về Tiêu chuẩn 3:

CTDH thạc sĩ LL&PPDH BM tiếng Anh được thiết kế, cập nhật và điều chỉnh tương ứng với các CĐR trong Bản mô tả CTĐT. CTDH luôn được các giảng viên và khoa rà soát định kỳ nhằm đảm bảo CTDH tương thích tối đa với các CĐR. Mỗi học phần đưa vào chương trình đều có đóng góp trong việc người học đạt được CĐR mong đợi.

Tuy nhiên, tỉ lệ phản hồi của người học với các học phần cụ thể khá thấp gây khó khăn cho khoa trong việc thu thập ý kiến người học để giám sát hoạt động giảng dạy của giảng viên.

Tiêu chuẩn 4: Phương pháp tiếp cận trong dạy và học

Mở đầu

Trong đào tạo sau đại học, phương pháp tiếp cận có vai trò quan trọng. CTĐT thạc sĩ LL&PPDH BM tiếng Anh chọn cách tiếp cận lấy người học làm trung tâm, tổ chức các hoạt động dạy học và các hoạt động thực tập đạt được CDR đã tuyên bố trong CTĐT, sử dụng các phương pháp dạy học đa dạng, nhằm phát triển tính chủ động, sáng tạo trong học tập của SV.

Tiêu chí 4.1: *Triết lý giáo dục hoặc mục tiêu giáo dục được tuyên bố rõ ràng và được phổ biến tới các bên liên quan*

1. Mô tả

Với vai trò là cơ sở đào tạo đại học và sau đại học trọng điểm của Nhà nước ở ĐBSCL, trung tâm văn hóa - khoa học kỹ thuật của vùng, Trường ĐHCT đã không ngừng xây dựng và phát triển các tiếp cận giảng dạy và học tập cho giảng viên, học viên và sinh viên của trường phù hợp với yêu cầu mới đặt ra đối với giáo dục đại học. Bắt đầu từ năm 2007, Trường ĐHCT đã thực hiện và hoàn thiện mô hình đào tạo theo hệ thống tín chỉ theo “Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ” do BGDDT ban hành năm 2007 với Công văn số 1411/ĐHCT-ĐT, ngày 07/8/2007, về thực hiện CTĐT tín chỉ hóa (H4.04.01.01). Với các CTĐT sau đại học, nhà trường đã ban hành Quyết định số 373/ĐHCT-ĐT, ngày 26/3/2008 về quy định tín chỉ hóa sau đại học (H4.04.01.02). Đào tạo người học theo hệ thống tín chỉ tập trung vào quan điểm lấy người học làm trung tâm của quá trình dạy và học; phát huy tính chủ động và sáng tạo của người học, nâng cao tính tự học, tự nghiên cứu của người học.

“Lấy người học làm trung tâm” theo tinh thần của học chế tín chỉ và “đào tạo đáp ứng yêu cầu về chất lượng nguồn nhân lực trong lĩnh vực ngoại ngữ”, đặc biệt là giảng dạy tiếng Anh là mục tiêu đào tạo được chia sẻ bởi tất cả các giảng viên và sinh viên của Khoa Ngoại ngữ. Người học phải chủ động tự nghiên cứu bài học dưới sự hướng dẫn của giảng viên hơn, được tạo cơ hội phát huy tính tích cực, chủ động, sáng tạo của người học hướng tới việc hoạt động hóa, tích cực hóa hoạt động nhận thức của người học. Từ năm học 2018-2019, Khoa Ngoại ngữ đã tập trung đẩy mạnh cải tiến chương trình đào tạo theo hướng: nội dung hiện đại, gắn liền với thực tế, tăng cường kỹ năng thực hành (xem Báo cáo tổng kết năm học 2018-2019 và Kế hoạch công tác năm học 2019-2020 của Khoa Ngoại ngữ (H4.04.01.03)).

Triết lý "Lấy người học làm trung tâm" được thể hiện ở nhiều cấp độ khác

nhau. CTĐT được thiết kế linh hoạt cho phép học viên được tự do xây dựng Kế hoạch học tập phù hợp với năng lực và hoàn cảnh của từng học viên trong từng học kỳ. Học viên có thể tham khảo kế hoạch học tập mẫu trong CTĐT (H3.03.03.01). Các học phần đều được công bố đề cương chi tiết (H2.02.02.01) mô tả rõ ràng mục đích, chuẩn đầu ra, nội dung học phần, các hình thức kiểm tra đánh giá để giúp người học dễ dàng trong việc lập kế hoạch học tập và định hướng trong việc chủ động xây dựng kiến thức. Ngoài ra, mỗi giảng viên khi bắt đầu giảng dạy môn học của mình, đều dành thời gian để giới thiệu vị trí của học phần trong CTĐT, giới thiệu mục tiêu, nội dung, phương pháp học tập, chuẩn đầu ra của môn học và tiêu chí đánh giá. Thông qua đó, triết lý “lấy người học làm trung tâm” theo tinh thần của học chế tín chỉ và “đào tạo đáp ứng yêu cầu về chất lượng nguồn nhân lực trong lĩnh vực ngoại ngữ” được một lần nữa giới thiệu đến người học.

2. Điểm mạnh

Mục tiêu đào tạo của Khoa được tuyên bố rõ ràng trên website của Trường và được phổ biến tới tất cả các bên liên quan, đặc biệt là tới giảng viên và học viên.

3. Điểm tồn tại

Mặc dù mục tiêu đào tạo của Khoa được công bố công khai, Khoa Ngoại ngữ cần tìm thêm các kênh khác để tiếp cận với nhà tuyển dụng để giúp họ nắm rõ hơn triết lý giáo dục và mục tiêu đào tạo của CTĐT thạc sĩ LL&PPDH BM tiếng Anh.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm học 2020-2021, Khoa Ngoại ngữ sẽ tổ chức các buổi tọa đàm thường niên với các nhà tuyển dụng để giới thiệu về mục tiêu, CTĐT và xin ý kiến góp ý điều chỉnh mục tiêu, chương trình, chuẩn đầu ra cho sát với yêu cầu thực tiễn, nhằm trang bị cho người học các kiến thức, kỹ năng, thái độ phù hợp với yêu cầu của các nhà tuyển dụng.

5. Tự đánh giá: 5/7

Tiêu chí 4.2: Các hoạt động dạy và học được thiết kế phù hợp để đạt được chuẩn đầu ra

1. Mô tả

Các hoạt động dạy và học được mô tả trong đề cương chi tiết học phần (H2.02.02.01). Do mỗi học phần đóng góp nhất định vào việc đạt CDR của CTĐT như đã mô tả ở Tiêu chí 2.2, phương pháp dạy học trong mỗi học phần cũng được giảng

viên lưu ý lựa chọn sao cho đáp ứng được mục tiêu của môn học để từ đó đạt được CDR mong đợi. Các hoạt động dạy và học phổ biến trong CTĐT thạc sĩ LL&PPDH tiếng Anh bao gồm:

- Giảng dạy kết hợp giữa lý thuyết và thực hành
- Thảo luận
- Thuyết trình theo nhóm
- Báo cáo seminar
- Lưu hồ sơ học tập (learning portfolio)

Hầu như tất cả các học phần trong CTĐT đều được giảng dạy theo hình thức kết hợp giữa lý thuyết và thực hành. Tỉ trọng phổ biến nhất của lý thuyết và thực hành trong các học phần là 50%/50%. Với phương thức giảng dạy này, người học vừa tiếp thu kiến thức về lý thuyết vừa có cơ hội vận dụng những kiến thức vừa học vào trong thực tế giảng dạy để vừa hiểu biết sâu hơn về vấn đề đã học, vừa phát triển các kỹ năng mà CTĐT hướng đến. Đơn cử như ở học phần Kiểm tra và đánh giá trong giảng dạy tiếng Anh (SP631), sau thời lượng học lý thuyết trên lớp, người học được yêu cầu thiết kế một bài kiểm tra một kỹ năng tiếng Anh cụ thể sao cho đảm bảo được các yêu cầu về độ tin cậy, độ giá trị, tính thực tế, tính xác thực và hệ quả washback – những nguyên lý trong kiểm tra và đánh giá mà họ đã học trong phần lý thuyết (H2.02.02.03).

Bên cạnh đó, hoạt động thảo luận đôi/ nhóm là hoạt động dạy và học được sử dụng thường xuyên trong các học phần của CTĐT (xem bài giảng của học phần Kiểm tra và đánh giá trong giảng dạy tiếng Anh – H4.04.02.01). Qua thảo luận, người học có cơ hội trao đổi về kiến thức và kinh nghiệm, chia sẻ thông tin về vấn đề đang học, đồng thời phát triển các kỹ năng về giao tiếp, kỹ năng phản biện, kỹ năng hợp tác và sáng tạo ... Đây chính là những mục tiêu về kỹ năng thuộc CDR.9 mà CTĐT thạc sĩ LL&PPDH tiếng Anh hướng đến.

Ngoài ra, các hoạt động thuyết trình theo nhóm, báo cáo seminar và lưu hồ sơ học tập cũng được một số giảng viên sử dụng lồng ghép trong các học phần thuộc Phần kiến thức chuyên môn. Các hoạt động này giúp học viên đào sâu suy nghĩ về khối kiến thức chuyên ngành và lý luận dạy học, đồng thời giúp phát triển kỹ năng giải quyết các vấn đề chuyên môn thuộc chuyên ngành tiếng Anh. Đây là các CDR.1, CDR.3 và CDR. 6 trong CTĐT.

Với học phần Luận văn tốt nghiệp trong CTĐT, người học có cơ hội liên kết

các kiến thức trong khối kiến thức chuyên ngành lại với nhau để giải quyết một vấn đề trong lĩnh vực LL&PPDH BM tiếng Anh (xem Luận văn tốt nghiệp của 1 học viên khóa 2017-2019 - H4.04.02.02). Trong suốt quá trình làm luận văn, học viên sẽ vận dụng các kiến thức và kỹ năng đã học, đặc biệt là kiến thức về phương pháp nghiên cứu khoa học giáo dục (CĐR.2), kỹ năng giải quyết các vấn đề chuyên môn thuộc chuyên ngành tiếng Anh (CĐR.6) và kỹ năng thực hiện các nghiên cứu thực tiễn lớp học (CĐR.8). Toàn bộ quá trình làm luận văn này đều có sự hướng dẫn của một giảng viên có kinh nghiệm nghiên cứu khoa học (NCKH) (xem Quyết định giao đề tài luận văn thạc sĩ - H4.04.02.03).

Khảo sát với cựu học viên cho thấy họ hài lòng với các phương pháp giảng dạy mà GV sử dụng (H4.04.02.04) do được trải nghiệm đa dạng các phương pháp giảng dạy nhằm tăng cường tính chủ động và tích cực của người học. Điều này còn giúp họ vận dụng các phương pháp này vào trong thực tế giảng dạy của mình. Về phần giảng viên, do được chủ động lựa chọn và áp dụng phương pháp dạy học phù hợp với đặc trưng môn học, họ đều tỏ rõ sự hài lòng khi được hỏi về vấn đề này.

2. Điểm mạnh

Các hoạt động giảng dạy và học tập đa dạng, linh hoạt giúp người học đạt được chuẩn đầu ra.

3. Điểm tồn tại

Hệ thống internet ở một số phòng học chưa thuận lợi cho việc áp dụng các phương pháp giảng dạy phát huy tính chủ động của học viên. Ví dụ phương pháp giảng dạy dựa trên giải quyết vấn đề (teaching based on problem solving) rất khó áp dụng vì việc truy cập thông tin chưa thuận lợi, khiến cho học viên không thể tìm kiếm tài liệu nhanh chóng trong phạm vi giờ học.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm học 2020-2021, Khoa kiến nghị nhà trường bố trí thêm các hub wifi và mua thêm các cơ sở dữ liệu thuộc lĩnh vực giáo dục để HV và GV có thể khai thác tài liệu học tập thuận lợi và nhanh chóng, góp phần nâng cao hiệu quả của các hoạt động dạy và học.

5. Tự đánh giá: 5/7

Tiêu chí 4.3: Các hoạt động dạy và học thúc đẩy việc rèn luyện các kỹ năng, nâng cao khả năng học tập suốt đời của người học

1. Mô tả

Các hoạt động dạy và học, từ các giờ học lý thuyết đến các hoạt động thực hành, các bài tập nhóm, các bài thảo luận, báo cáo seminar trong toàn bộ đề cương học phần và trên thực tế giảng dạy đều hướng tới mục tiêu hình thành cả kỹ năng thiết yếu và kỹ năng mềm cần thiết đối với học viên ngành LL&PPDH BM Tiếng Anh, như khả năng phân tích và tổng hợp, khả năng nhận diện vấn đề, tư duy phản biện, rèn luyện kỹ năng lập kế hoạch, kỹ năng làm việc nhóm (H2.02.02.01).

Hoạt động học tập đa dạng giúp người học hiểu được các chiến lược học tập khác nhau để có thể lựa chọn chiến lược phù hợp nhất cho từng nhiệm vụ học tập cụ thể. Hoạt động NCKH trong quá trình làm luận văn đòi hỏi học viên phải rèn luyện khả năng vận dụng kiến thức vào việc giải quyết vấn đề cụ thể (H4.04.02.02). Các bài tập nhóm dưới hình thức thuyết trình rèn cho học viên khả năng truyền đạt kiến thức của mình cho người khác. Giảng viên thiết kế trong đề cương và vận dụng các hoạt động này trong toàn bộ các học phần nhằm giúp người học phát triển khả năng tự học và tự nghiên cứu, đồng thời giúp họ nâng cao năng lực học tập suốt đời.

Ngoài ra, Khoa Ngoại ngữ thường xuyên mời các chuyên gia trong nước và nước ngoài, có trình độ cao, tâm huyết, đến giảng dạy hoặc trao đổi khoa học, tạo một môi trường học thuật cởi mở, phản biện và học hỏi lẫn nhau trong khoa học (H4.04.03.01). Học viên được khuyến khích tham gia vào nhiều hoạt động chuyên môn như tọa đàm khoa học, hội thảo khoa học, và báo cáo tại các hội nghị và hội thảo trong nước và quốc tế (H4.04.03.02).

2. Điểm mạnh

Các hoạt động dạy học tạo điều kiện cho học viên trong CTĐT thạc sĩ LL&PPDH BM tiếng Anh rèn luyện các kỹ năng và nâng cao khả năng học tập suốt đời.

3. Điểm tồn tại

Các buổi tọa đàm chia sẻ kinh nghiệm làm nghiên cứu từ học viên khóa trước và giảng viên chưa được tổ chức thường xuyên hơn để hỗ trợ người học phát triển tốt nhất năng lực nghiên cứu khoa học, giúp phát triển tối đa khả năng học tập suốt đời.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm học 2020-2021, Khoa Ngoại ngữ sẽ tổ chức thường xuyên các buổi tọa đàm chia sẻ kinh nghiệm làm nghiên cứu để hỗ trợ các học viên cao học trong quá

trình làm luận văn cũng như giúp họ phát triển tối đa khả năng học tập suốt đời.

5. Tự đánh giá: 5/7

Kết luận về Tiêu chuẩn 4:

CTĐT thạc sĩ LL&PPDH BM tiếng Anh tuyên bố rõ ràng mục tiêu đào tạo trên website của Trường và được phổ biến tới tất cả các bên liên quan, đặc biệt là tới giảng viên và học viên. Ngoài ra, các hoạt động giảng dạy và học tập đa dạng, linh hoạt giúp người học đạt được chuẩn đầu ra đồng thời tạo điều kiện cho học viên rèn luyện các kỹ năng và nâng cao khả năng học tập suốt đời. Tuy nhiên, Khoa Ngoại ngữ cần tìm thêm các kênh khác để tiếp cận với nhà tuyển dụng để giúp họ nắm rõ hơn triết lý giáo dục và mục tiêu đào tạo của CTĐT thạc sĩ LL&PPDH BM tiếng Anh và cải tiến cơ sở hạ tầng một số phòng học để hỗ trợ GV áp dụng các phương pháp giảng dạy phát huy tính chủ động của học viên.

Tiêu chuẩn 5: Đánh giá kết quả học tập của người học

Mở đầu

Một trong những nhiệm vụ quan trọng trong quá trình đào tạo là việc đánh giá kết quả học tập của người học, đây là việc được Trường ĐHCT và KNN chú trọng ngay từ khâu tuyển sinh đến khi tốt nghiệp. Đánh giá kết quả học tập của học viên trong CTĐT thạc sĩ LL&PPDH BM tiếng Anh được thực hiện một cách liên tục và có hệ thống trong suốt quá trình học tập của học viên.

Tiêu chí 5.1: Việc đánh giá kết quả học tập của người học được thiết kế phù hợp với mức độ đạt được chuẩn đầu ra

1. Mô tả

Tại Trường ĐHCT, việc đánh giá kết quả học tập của người học được quy định trong Quyết định số 3619/QĐ-ĐHCT về việc Ban hành Quy định đào tạo trình độ thạc sĩ (H5.05.01.01). Theo đó, đánh giá các học phần riêng lẻ được quy định từ Khoản 7 đến Khoản 14 của Điều 19. Riêng đối với luận văn, việc đánh giá luận văn được quy định tại Điều 23.

Khoản 10, Điều 19 của Quyết định 3619/QĐ-ĐHCT quy định cụ thể cho việc đánh giá học phần như sau:

- Đối với học phần lý thuyết hoặc lý thuyết kết hợp thực hành: Điểm học phần được tính từ các điểm thành phần bao gồm: điểm bài tập, điểm kiểm tra giữa kỳ, điểm thực hành, điểm đánh giá nhận thức, điểm tham gia thảo

luận, điểm chuyên cần, điểm đồ án và điểm thi kết thúc học phần (cụ thể do GV quyết định theo đề cương chi tiết học phần đã công bố).

- Học phần thực hành: được tính từ các bài thực hành, cách tính do GV quy định trong đề cương chi tiết học phần.
- Hình thức đánh giá học phần, trọng số các điểm thành phần do GV quyết định và công bố trong đề cương chi tiết học phần.

Giảng viên tham gia giảng dạy trong CTĐT thạc sĩ LL&PPDH BM tiếng Anh đều nắm và áp dụng các quy định này vào trong thiết kế đề cương môn học và thực tế giảng dạy học phần. Đơn cử như học phần Giáo dục và hội nhập quốc tế (SP689) (H5.05.01.02), một trong 2 học phần lý thuyết được giảng dạy bằng tiếng Việt (các học phần còn lại được giảng dạy bằng tiếng Anh), học viên sẽ được đánh giá kết quả học tập qua các nhiệm vụ sau đây:

Bảng 5.1: Hình thức đánh giá học phần Giáo dục và hội nhập quốc tế

TT	Điểm thành phần	Quy định	Trọng số	Mục tiêu	CĐR CTĐT
1	Điểm bài tập nhóm	- Bài báo cáo của nhóm - Trình bày báo cáo và trả lời câu hỏi - Tham gia làm bài tập nhóm được nhóm xác nhận	40%	4.2.2, 4.3.1, 4.3.2,	CĐR 7, 9
2	Điểm thi kết thúc học phần	- Thi viết (90-120 phút) Điều kiện được dự thi viết: - Tham dự tối thiểu 80% tiết lý thuyết - Tham gia làm bài tập nhóm - Bắt buộc dự thi	60%	4.1.1, 4.1.2, 4.2.1, 4.2.2	CĐR 7, 9

Bảng 5.1 cho thấy, GV áp dụng đa dạng các hình thức đánh giá của một học phần lý thuyết. Trọng số của phương pháp đánh giá quá trình là 40% và phương pháp đánh giá kết quả là 60%. Hình thức đánh giá quá trình chủ yếu là làm các bài tập nhóm. Học viên sẽ làm bài thuyết trình về một chủ đề thuộc nội dung học tập trong

học phần, sau đó sẽ trình bày trước lớp và nhận được phản hồi của GV cũng như trả lời các câu hỏi từ phía khán giả là bạn cùng lớp. Với bài kiểm tra cuối kỳ, người học có từ 90 đến 120 phút để trả lời các câu hỏi của GV (H5.05.01.03). Các câu hỏi này được thiết kế theo thang nhận thức của Bloom và đặc biệt chú trọng kiểm tra các bậc nhận thức cao như vận dụng, phân tích, tổng hợp và đánh giá. Đặc biệt, các mục tiêu của mỗi hình thức đánh giá cũng được liệt kê tương ứng với các mục tiêu của học phần. Và các mục tiêu học phần này, như đã phân tích ở Tiêu chí 3.2, phải tương thích với CDR của CTĐT.

Với các học phần còn lại trong CTĐT, phần lớn thuộc nhóm học phần lý thuyết kết hợp với thực hành. Do vậy, GV cũng áp dụng đúng các quy định trong Quyết định 3619/QĐ-ĐHCT để thiết kế hình thức đánh giá cho học phần của mình phụ trách. Đơn cử như trong học phần Giao tiếp liên văn hóa (SP624), GV sử dụng đến 4 hình thức đánh giá gồm đánh giá chuyên cần (10%), thuyết trình (20%), phân tích giáo trình (30%), bài tập cá nhân (40%) (H5.05.01.04).

Bảng 5.2: Hình thức đánh giá học phần Giao tiếp liên văn hóa

TT	Điểm thành phần	Quy định	Trọng số	Mục tiêu	CDR CTĐT
1	Điểm chuyên cần	Số tiết tham dự học/tổng số tiết	10%	4.3.1	CDR 1, 6
2	Điểm bài tập 1	Thuyết trình nhóm	20%	4.1.1, 4.1.2, 4.1.3, 4.2.1, 4.2.2, 4.3.1, 4.3.2	
3	Điểm bài tập 2	Phân tích giáo trình (theo nhóm)	30%	4.1.1, 4.1.2, 4.1.3, 4.2.1, 4.2.2, 4.3.2	CDR 6, 7
4	Điểm bài tập 3	Bài tập cá nhân: lựa chọn 1 trong 2 nhiệm vụ: (1) Soạn 1 bài dạy trong chương trình phổ thông; (2) Viết 1 bài luận trình bày lại những gì đã học được từ khoá học và cách áp dụng kiến thức này vào giảng dạy và	40%	4.1.1, 4.1.2, 4.1.3, 4.2.1, 4.2.2, 4.3.1, 4.3.2	CDR 6, 7, 9

		ngiên cứu (khoảng 2000 từ).			
--	--	-----------------------------	--	--	--

Tương tự như học phần Giáo dục và hội nhập quốc tế, mục tiêu đánh giá của học phần Giao tiếp liên văn hóa tương thích với các mục tiêu của học phần và tương thích với CDR của CTĐT.

2. Điểm mạnh

Ngoài đánh giá cuối kỳ, việc đánh giá quá trình được chú trọng, giúp cung cấp các phản hồi mang tính xây dựng để nâng cao hiệu quả học tập của học viên.

3. Điểm tồn tại

Các bài kiểm tra cuối kỳ của các học phần chưa được lưu trữ để làm cơ sở cho các hoạt động kiểm định CTĐT nhằm nâng cao hiệu quả đào tạo.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm học 2020-2021, KNN sẽ thực hiện việc lưu trữ bài thi theo quy định được sửa đổi, bổ sung của Trường (Quyết định số 5322/QĐ-ĐHCT, ngày 01/11/2019).

5. Tự đánh giá: 5/7

Tiêu chí 5.2: Các quy định về đánh giá kết quả học tập của người học (bao gồm thời gian, phương pháp, tiêu chí, trọng số, cơ chế phản hồi và các nội dung liên quan) rõ ràng và được công khai tới người học

1. Mô tả

Người học trong các CTĐT thạc sĩ của Trường ĐHCT tiếp cận với các quy định về đánh giá kết quả học tập qua 2 kênh. Thứ nhất, các quy định chung về đánh giá được ban hành kèm Quyết định 3619/QĐ-ĐHCT về việc Ban hành Quy định đào tạo trình độ thạc sĩ (H5.05.01.01) và công khai trên trang web của Khoa Sau đại học (<https://gs.ctu.edu.vn/quy-dinh/quy-dinh-cua-truong.html>). Thứ hai, thông tin cụ thể về đánh giá kết quả học tập của một học phần cụ thể được ghi rõ trong Đề cương chi tiết học phần mà người học được giảng viên giới thiệu ngay từ buổi học đầu tiên của học phần. Các đề cương này cũng được công khai trên trang web của Khoa Sau đại học.

Các quy định chung về đánh giá kết quả học tập của người học trong CTĐT thạc sĩ tại trường ĐHCT được liệt kê tại một số khoản trong Điều 19: Giảng dạy. Các khoản đề cập đến đánh giá người học bao gồm:

- Khoản 7: Thi, kiểm tra, đánh giá;
- Khoản 8: Các hình thức xử lý HV vi phạm quy định về thi và kiểm tra;

- Khoản 9: Thông báo kết quả học tập;
- Khoản 10: Đánh giá học phần;
- Khoản 11: Điểm học phần;
- Khoản 12: Tổ chức thi, số lần thi, vắng thi;
- Khoản 13: Điểm trung bình chung tích lũy
- Khoản 14: Quy định về thi và kiểm tra.

Trong 7 điều khoản này, các khoản đáng chú ý bao gồm:

- Khoản 7 quy định về tiêu chí đánh giá học phần. Nội dung chi tiết của Khoản 7 là: Việc đánh giá học phần do giảng viên tổ chức và phải đảm bảo các yêu cầu sau:
 - a. Đề thi, kiểm tra phải phù hợp với nội dung và đảm bảo mục tiêu học phần đã xác định trong đề cương chi tiết;
 - b. Đúng hình thức và phương pháp đánh giá đã được quy định trong đề cương chi tiết của học phần. Nếu có thay đổi hình thức đánh giá học phần, GV thông báo cho học viên vào buổi học đầu tiên.

Thời gian tổ chức thi, kiểm tra phải thực hiện theo kế hoạch chung của Trường.
- Khoản 10 quy định về phương pháp đánh giá học phần và trọng số như đã phân tích ở Tiêu chí 5.1.
- Khoản 9 quy định về thông báo kết quả học tập. Theo đó, giảng viên có trách nhiệm trả bài kiểm tra và bài thi tại lớp. Các thắc mắc của học viên về điểm số sẽ được giải đáp ngay trong buổi này, trước khi GV nhập điểm học phần vào hệ thống quản lý của trường và in bản điểm nộp cho Khoa đào tạo.

Căn cứ vào các quy định chung của Quyết định 3619/QĐ-ĐHCT về việc Ban hành Quy định đào tạo trình độ thạc sĩ (H5.05.01.01) này, giảng viên trong CTĐT thạc sĩ LL&PPDH tiếng Anh thiết kế lên hình thức đánh giá người học phù hợp với học phần mình phụ trách (Xem Bảng 5.1 và 5.2).

Đối với luận văn tốt nghiệp, việc đánh giá được quy định riêng biệt trong Điều 23. Theo đó, luận văn được đánh giá công khai tại phiên họp của hội đồng trong đó hội đồng tập trung đánh giá việc thực hiện mục tiêu nghiên cứu, nội dung và chất

lượng của luận văn, mức độ đáp ứng yêu cầu về luận văn. Trường ĐHCT có quy định cụ thể về cách viết và trình bày luận văn cao học và luận án tiến sĩ (H5.05.02.01). Các nhận xét và phiếu chấm luận văn đều được thực hiện theo biểu mẫu của Khoa Sau Đại học (H5.05.02.02). Khoản 3 và Khoản 4 của Điều 23 hướng dẫn cụ thể về quy trình chỉnh sửa luận văn. Ngoài ra, các quy định về thời gian có thể tìm thấy ở Khoản 5.

2. Điểm mạnh

Trường ĐHCT quy định rõ ràng và thông báo công khai các quy định về đánh giá kết quả học tập của người học qua trang web của Khoa Sau đại học và tại buổi học đầu tiên của tất cả các học phần trong CTĐT.

3. Điểm tồn tại

Ngoài 2 kênh đề cập ở trên, Trường ĐHCT chưa có thêm kênh khác để thông báo quy định về đánh giá kết quả học tập.

4. Kế hoạch hành động

KNN sẽ đề đạt với Nhà trường nghiên cứu đưa thêm quy định này trên các kênh thông tin khác của Nhà trường như thông qua các buổi sinh hoạt đầu khóa dành cho học viên cao học, Ngoài ra, KNN sẽ có kế hoạch đăng tải các quy định về đánh giá kết quả học tập của người học qua trang web của Khoa tại mục dành cho đào tạo Sau đại học.

5. Tự đánh giá: 5/7

Tiêu chí 5.3: Phương pháp đánh giá kết quả học tập đa dạng, đảm bảo độ giá trị, độ tin cậy và sự công bằng.

1. Mô tả

Như đã đề cập ở Tiêu chí 5.1, Khoản 10, Điều 19 của Quyết định 3619/QĐ-ĐHCT quy định việc đánh giá các học phần như sau.

- Đối với học phần lý thuyết hoặc lý thuyết kết hợp thực hành: Điểm học phần được tính từ các điểm thành phần bao gồm: điểm bài tập, điểm kiểm tra giữa kỳ, điểm thực hành, điểm đánh giá nhận thức, điểm tham gia thảo luận, điểm chuyên cần, điểm đồ án và điểm thi kết thúc học phần (cụ thể do GV quyết định theo đề cương chi tiết học phần đã công bố).
- Học phần thực hành: được tính từ các bài thực hành, cách tính do GV quy định trong đề cương chi tiết học phần.
- Hình thức đánh giá học phần, trọng số các điểm thành phần do GV quyết

định và công bố trong đề cương chi tiết học phần.

Trong khuôn khổ CTĐT thạc sĩ LL&PPDH tiếng Anh, đa số các học phần đều thuộc nhóm học phần lý thuyết kết hợp thực hành. Do vậy, GV trong CTĐT đều áp dụng đa dạng các hình thức đánh giá. Bảng 5.3 dưới đây liệt kê các hình thức đánh giá mà GV sử dụng trong các học phần thuộc CTĐT.

Bảng 5.3: Hình thức đánh giá các học phần thuộc CTĐT

STT	Tên học phần	Hình thức đánh giá và tỉ trọng
1.	Triết học	Tiểu luận (40%), Thi cuối kỳ (60%)
2.	Phương pháp nghiên cứu khoa học trong giảng dạy tiếng Anh	Kiểm tra giữa kỳ và thực hành (40%), thi cuối kỳ (60%)
3.	Giáo dục và hội nhập quốc tế	Bài tập nhóm (40%), Thi cuối kỳ (60%)
4.	Nguyên lý giảng dạy tiếng Anh	Chuyên cần (10%), bài tập nhóm (40%), tiểu luận (50%)
5.	Viết tiếng Anh học thuật sau đại học	Chuyên cần (10%), bài tập nhóm (40%), thi cuối kỳ (50%)
6.	Xây dựng môi trường học tiếng Anh	Chuyên cần (10%), bài tập nhóm (40%), thi cuối kỳ (50%)
7.	Lý luận dạy học tiếng Anh	Làm bài tập, thảo luận trực tuyến (20%), thuyết trình và thực hành (30%), và thi cuối kỳ (50 %)
8.	Thu thập và phân tích dữ liệu trong nghiên cứu giáo dục tiếng Anh	Kiểm tra giữa kỳ và thực hành (40%), thi cuối kỳ (60%)
9.	Phát triển năng lực giảng dạy tiếng Anh	Thực hành (30%), thi giữa kỳ (30%), thi cuối kỳ (40%)
10.	Kỹ năng giao tiếp sư phạm tiếng Anh	Chuyên cần (10%), thuyết trình (10%), giải quyết tình huống (10%), kiểm tra giữa kỳ (20%), bài viết tự luận cuối kỳ (50%)
11.	Phát triển nghiệp vụ và khả năng tự học tiếng Anh	Bài kiểm tra ngắn (20%), thuyết trình nhóm (30%), bài tập thực hành nhóm (20%), bài tập cuối khóa (30%)

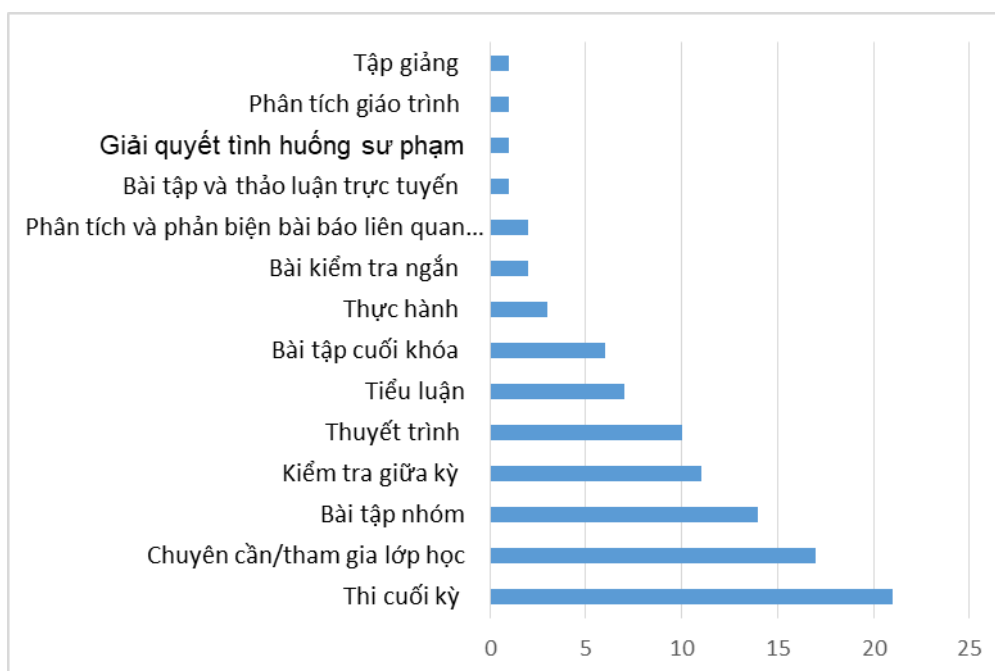
12.	Đánh giá giáo dục trong giảng dạy tiếng Anh	Chuyên cần (10%), bài tập nhóm (40%), thi cuối kỳ (50%)
13.	Giao tiếp liên văn hóa	Chuyên cần (10%), thuyết trình nhóm (20%), phân tích giáo trình (30%), bài tập cá nhân (chọn giữa viết luận hoặc soạn giáo án) (40%)
14.	Ngữ dụng học tiếng Anh	Bài kiểm tra ngắn (30%), thuyết trình nhóm (20%), bài tập cuối khóa (50%)
15.	Tiếp thu ngôn ngữ thứ hai tiếng Anh	Tham dự 7/9 buổi học và làm bài tập trên hệ thống e-learning (30%), bài tập nhóm (20%), tiểu luận (50%)
16.	Phương pháp giảng dạy tiếng Anh	Bài tập nhóm: 40 % và bài tiểu luận cá nhân: 60%.
17.	Phát triển chương trình và thiết kế giáo trình giảng dạy tiếng Anh	Kiểm tra giữa kỳ và thực hành (40%), thi cuối kỳ (60%)
18.	Kiểm tra và đánh giá trong giảng dạy tiếng Anh	Chuyên cần (10%), bài tập nhóm (40%), thi cuối kỳ (50%)
19.	Nhận thức Anh ngữ	Chuyên cần (10%), bài tập nhóm (40%), thi cuối kỳ (50%)
20.	Ngôn ngữ học ứng dụng tiếng Anh	Kiểm tra giữa kỳ (40%), thi cuối kỳ (60%)
21.	Ngôn ngữ học xã hội tiếng Anh	Kiểm tra giữa kỳ (40%), thi cuối kỳ (60%)
22.	Phân tích diễn ngôn tiếng Anh	Bài tập nhóm: 40 % và bài tiểu luận cá nhân: 60%.
23.	Văn học trong giảng dạy ngôn ngữ Anh	Thuyết trình (20%), bài tập nhóm (30%), thi cuối kỳ (50%)
24.	Quản lý lớp học trong giảng dạy tiếng Anh	Kiểm tra giữa kỳ (50%), thi cuối kỳ (50%)
25.	Giảng dạy môn Đọc hiểu tiếng Anh	Hiện diện 80% số tiết học và tham gia đóng góp ý kiến (15%), báo cáo thuyết trình (20%), phân tích và phản biện bài báo (20%), bài thu hoạch cuối kỳ (45%)
26.	Giảng dạy môn Nghe nói	Chuyên cần (10%), bài tập nhóm (40%), bài

	tiếng Anh	luận cuối kỳ (50%)
27.	Giảng dạy môn Viết tiếng Anh	Chuyên cần (10%), thi giữa kỳ (30%), thi cuối kỳ (60%)
28.	Giảng dạy môn Cấu trúc ngôn ngữ tiếng Anh	Hiện diện 80% số tiết học và tham gia đóng góp ý kiến (15%), báo cáo thuyết trình (20%), phân tích và phản biện bài báo (20%), bài thu hoạch cuối kỳ (45%)
29.	Thực tập giảng dạy tiếng Anh	Chuyên cần (10%), giảng 1 nội dung tự chọn vào giữa kỳ (30%), giảng 1 bài do GV chọn vào cuối kỳ (60%)
30.	Ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học tiếng Anh	Chuyên cần (10%), thuyết trình (30 %), thực hành (20%), viết bài thu hoạch (40%)

Như vậy, tùy theo mục tiêu đào tạo và đặc trưng riêng của học phần, giảng viên lựa chọn các hình thức đánh giá khác nhau. Tất cả các học phần đều đánh giá người học ở ít nhất 2 thời điểm khác nhau là giữa kỳ và cuối kỳ. Phần lớn các học phần kết hợp ít nhất 3 hình thức đánh giá, trong đó phổ biến nhất là thi cuối kỳ (21 học phần), các hình thức đánh giá thông dụng khác gồm đánh giá chuyên cần (17 học phần), bài tập nhóm (14 học phần), kiểm tra giữa kỳ (10 học phần), thuyết trình (10 học phần (Hình 5.1).

Việc áp dụng đa dạng các hình thức đánh giá giúp GV thu thập dữ liệu về hiệu quả học tập của người học qua nhiều kênh khác nhau. Điều này làm giảm thiểu những rủi ro về vi phạm độ tin cậy so với việc chỉ thu thập thông tin qua một kênh duy nhất và một lần duy nhất. Đồng thời, các GV khi thiết kế các hình thức đánh giá cũng cân nhắc độ giá trị của phương pháp đánh giá mình sử dụng. Ví dụ như đối với học phần Thực tập giảng dạy tiếng Anh (SP644), GV chỉ có thể đo được năng lực giảng dạy của người học một cách chính xác nhất thông qua việc yêu cầu người học giảng dạy một bài nào đó trong chương trình tiếng Anh từ lớp 10 đến lớp 12. Tương tự như vậy, với học phần Kỹ năng giao tiếp sư phạm tiếng Anh (SP627), một trong các hình thức đánh giá người học là yêu cầu họ giải quyết 1 tình huống sư phạm.

Hình 5.1: Thống kê các hình thức đánh giá trong CTĐT



(Nguồn: Tổng hợp hình thức đánh giá của tất cả các học phần trong CTĐT thạc sĩ LL&PPDH BM tiếng Anh)

Với mỗi hình thức đánh giá, GV sẽ có thang điểm đánh giá chi tiết (rubrics) (H5.05.03.01). Các thang điểm đánh giá chi tiết này được GV công bố cho người học biết ngay từ đầu khóa học để người học có thể chủ động trong quá trình học tập: đặt ra mục tiêu phấn đấu của cá nhân, lựa chọn phương pháp học tập phù hợp, và tự đánh giá mức độ đạt được của bản thân so với yêu cầu của các tiêu chí đánh giá trong suốt quá trình học tập, để từ đó có kế hoạch tự cải tiến chất lượng học tập kịp thời và hiệu quả.

2. Điểm mạnh

GV áp dụng đa dạng các phương pháp đánh giá kết quả học tập. Tùy theo thực tế môn học, GV có thể linh hoạt áp dụng các phương pháp đánh giá mới để đảm bảo được độ giá trị, tin cậy và sự công bằng.

3. Điểm tồn tại

Trong thời gian qua, KNN chưa tiến hành tổng kết về hiệu quả tổ hợp các phương pháp kiểm tra đánh giá được áp dụng trong các học phần của CTĐT.

4. Kế hoạch hành động

KNN sẽ tiến hành nghiên cứu về hiệu quả tổ hợp các phương pháp kiểm tra đánh giá được áp dụng trong các học phần của CTĐT trong năm học 2020-2021 trở đi.

5. Tự đánh giá: 5/7

Tiêu chí 5.4: *Kết quả đánh giá được phản hồi kịp thời để người học cải thiện việc học tập*

1. Mô tả

Như đã đề cập ở trên, phần lớn các học phần trong CTĐT thạc sĩ LL&PPDH tiếng Anh dùng kết hợp từ 3 hình thức đánh giá người học trở lên. Mỗi hình thức đánh giá đều có đi kèm với hình thức phản hồi của GV thông qua thang điểm đánh giá chi tiết (H5.05.03.01), qua những phản hồi thành văn mà GV ghi trực tiếp lên bài làm của người học (H5.05.04.01), qua nhận xét trên lớp của GV với bài thuyết trình của người học, hoặc qua email phản hồi của GV giải đáp thắc mắc cho người học về bài làm (H5.05.04.02). Với các phương pháp đánh giá quá trình (bài tập nhóm, bài kiểm tra ngắn, bài thuyết trình, tham gia xây dựng bài học), người học nhận được thông tin phản hồi kịp thời về kết quả đánh giá và vận dụng chúng vào trong thực tiễn, nhằm nâng cao kết quả học tập.

Đặc biệt, trong CTĐT còn có 2 học phần liên quan trực tiếp đến công tác kiểm tra đánh giá là học phần Đánh giá giáo dục trong giảng dạy tiếng Anh và Kiểm tra và đánh giá trong giảng dạy tiếng Anh. Với 2 học phần này, người học hiểu sâu hơn các nguyên lý về kiểm tra và đánh giá để từ đó áp dụng vào thực tế học tập của bản thân. Nói cách khác, người học sẽ nhận ra vì sao giảng viên lại áp dụng một hình thức đánh giá cụ thể cho một học phần cụ thể và những lý do vì sao giảng viên kết hợp nhiều hình thức đánh giá trong một học phần.

Với hình thức đánh giá kết quả cuối kỳ (bài thi, tiểu luận, bài tập cuối khóa), Khoản 9, Điều 19 của Quyết định 3619/QĐ-ĐHCT quy định về thông báo kết quả học tập như sau:

“GV chịu trách nhiệm trả bài kiểm tra và bài thi tại lớp; nhập điểm học phần vào hệ thống quản lý của Trường và in thành hai bản, ký tên, gửi đơn vị quản lý học phần. Đơn vị quản lý học phần lưu một bản và gửi về Khoa Sau đại học một bản chậm nhất là 15 ngày sau khi kết thúc nhập điểm của học phần. Đơn vị quản lý học phần xử lý tất cả các khiếu nại liên quan đến kết quả học tập của học phần do đơn vị quản lý và chỉ thực hiện trong thời gian 1 tuần kể từ ngày công bố điểm.”

Trên thực tế, sau khi nhập điểm học phần lên hệ thống quản lý, GV sẽ thông báo đến học viên để học viên tự lên tài khoản của mình để xem và phản hồi về kết quả trong một khoảng thời gian mà GV quy định, phù hợp với khung thời gian Trường quy

định ở mỗi học kỳ. Mọi thắc mắc về điểm số của người học sẽ được GV giải đáp trong thời gian này. Sau thời gian này, GV sẽ khóa điểm trên hệ thống quản lý và in bảng điểm để nộp cho KNN.

2. Điểm mạnh

Việc GV áp dụng đa dạng các phương pháp đánh giá thường xuyên giúp học viên kịp thời nhận ra những gì mình đã học tốt, những gì cần bổ sung kiến thức và rèn luyện thêm trong suốt khóa học để nâng cao kết quả học tập. Ngoài ra, người học có cơ hội nhận được sự phản hồi của GV trước khi nhận được điểm chính thức của học phần.

3. Điểm tồn tại

Trong thời gian qua, KNN chưa tiến hành tổng kết về hiệu quả tổ hợp các phương pháp kiểm tra đánh giá được áp dụng trong các học phần của CTĐT.

4. Kế hoạch hành động

KNN sẽ tiến hành nghiên cứu về hiệu quả tổ hợp các phương pháp kiểm tra đánh giá được áp dụng trong các học phần của CTĐT trong năm học 2020-2021 trở đi.

5. Tự đánh giá: 5/7

Tiêu chí 5.5: Người học tiếp cận dễ dàng với quy trình khiếu nại về kết quả học tập

1. Mô tả

Như đã đề cập trong Tiêu chí 5.4, Khoản 9, Điều 19 của Quyết định 3619/QĐ-ĐHCT quy định “Đơn vị quản lý học phần xử lý tất cả các khiếu nại liên quan đến kết quả học tập của học phần do đơn vị quản lý và chỉ thực hiện trong thời gian 1 tuần kể từ ngày công bố điểm.” Trên thực tế, với việc đào tạo theo tín chỉ tại Trường ĐHCT, GV là người trực tiếp chịu trách nhiệm giải đáp các thắc mắc và khiếu nại về kết quả học tập của người học. Việc này người học đã được thông báo vào đầu năm học và trước khi bắt đầu mỗi học phần. Do các học phần đều áp dụng các phương pháp đánh giá thường xuyên, người học hoàn toàn nhận thức được năng lực học tập của mình trong học phần thông qua phản hồi của GV trên từng nhiệm vụ cụ thể (bài kiểm tra ngắn, bài tập nhóm, bài thuyết trình ...). Thêm vào đó, đa phần phương pháp đánh giá của GV đều đi kèm với thang điểm đánh giá chi tiết nên người học dễ dàng nhận ra mức độ hoàn thành nhiệm vụ của mình. Tuy nhiên, trong trường hợp người học muốn khiếu nại về kết quả học tập thì đơn vị quản lý học phần, tức KNN sẽ có trách nhiệm xử lý (H5.05.05.01).

2. Điểm mạnh

Trường ĐHCT có quy định cụ thể về khiếu nại kết quả học tập. GV chịu trách nhiệm phản hồi thắc mắc và khiếu nại của học viên.

3. Điểm tồn tại

Không có.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm học 2020-2021 trở đi KNN tiếp tục phát huy những điểm mạnh hiện có trong quy trình khiếu nại về kết quả học tập của người học.

5. Tự đánh giá: 5/7

Kết luận về Tiêu chuẩn 5:

Việc đánh giá kết quả học tập của người học được thiết kế phù hợp với mức độ đạt được CDR. Trường ĐHCT có quy định rõ ràng về đánh giá kết quả học tập của người học và thông tin đến họ qua trang web và GV phụ trách lớp học phần. CTĐT thạc sĩ cũng áp dụng đa dạng các phương pháp đánh giá và GV có phản hồi kịp thời về kết quả đánh giá. Tuy vậy, KNN cần tiến hành tổng kết về hiệu quả tổ hợp các phương pháp kiểm tra đánh giá được áp dụng trong các học phần của CTĐT nhằm nâng cao hơn nữa hiệu quả của công tác đánh giá người học.

Tiêu chuẩn 6: Đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên

Tiêu chí 6.1: *Việc quy hoạch đội ngũ GV, NCV (bao gồm việc thu hút, tiếp nhận, bổ nhiệm, bố trí, chấm dứt hợp đồng và cho nghỉ hưu) được thực hiện đáp ứng nhu cầu về đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng*

1. Mô tả

Nhằm đáp ứng nhu cầu về đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng, Trường ĐHCT có kế hoạch ngắn hạn và dài hạn để phát triển đội ngũ giảng viên là nòng cốt thực hiện các chương trình đào tạo của Nhà trường. Hằng năm, các đơn vị trong Trường có nhu cầu tuyển dụng viên chức (bao gồm giảng viên, nghiên cứu viên, nhân viên,) đều lập kế hoạch tuyển dụng và trình Ban Giám hiệu phê duyệt (H6.06.01.01). Nhà trường cũng có kế hoạch dài hạn phát triển nguồn nhân lực thông qua các đề án quy hoạch phát triển tổng thể Trường ĐHCT được ban hành năm 2007, sửa đổi bổ sung năm 2014 với mục tiêu “*xây dựng, phát triển Trường ĐHCT thành một trung tâm Đào tạo – Nghiên cứu và Chuyển giao khoa học công nghệ mạnh của*

vùng DBSCL; phấn đấu để năng lực, trình độ đào tạo, và nghiên cứu – chuyển giao KHCN đạt trình độ chung của các trường đại học trong khu vực và thế giới ở một số ngành mũi nhọn vào năm 2022...” (H6.06.01.02), (H6.06.01.03). Theo đó, trong giai đoạn 2016-2020 sẽ tiếp tục đào tạo 250 tiến sĩ và 100 thạc sĩ (có 30% gửi đi đào tạo ở nước ngoài) để đạt tỷ lệ 95% số giảng viên từ thạc sĩ trở lên vào năm 2020, trong đó 75% là tiến sĩ.

Bên cạnh chiến lược chung của Trường, KNN cũng đã xây dựng kế hoạch phát triển đơn vị giai đoạn 2018-2022, định hướng đến năm 2030 (H6.06.01.04). Kế hoạch này đã được triển khai thực hiện nhằm từng bước đáp ứng nhu cầu đào tạo của đơn vị. Trong năm học 2018-2019, số lượng GV của Khoa là 77, trong đó có 01 PGS, 15 TS, 56 ThS, 04 cử nhân, 21 GVC, 08 GV đang học tiến sĩ (07 tại nước ngoài và 01 trong nước), 04 GV đang học thạc sĩ (03 GV học nước ngoài và 01 GV trong nước). Phương hướng đến năm 2020, số lượng GV của Khoa sẽ tăng lên 84 người, trong đó có 05 PGS, 01 GS, 27 TS, 57 ThS. Tính đến tháng 03/2020, đã có thêm 03 GV đang theo học tiến sĩ tại các nước Bỉ, Úc và Thái Lan (H6.06.01.05).

Như vậy, công tác quy hoạch đội ngũ GV đã được lên kế hoạch dài hạn và được thực hiện theo hướng tăng cường năng lực của đội ngũ GV về trình độ chuyên môn, đặc biệt chú trọng đến việc đưa GV theo học các chương trình TS ở nước ngoài nhằm đáp ứng cho yêu cầu bồi dưỡng nguồn nhân lực chất lượng cao.

2. Điểm mạnh

Trường ĐHCT và KNN có quy hoạch trung và dài hạn phát triển đội ngũ GV nhằm đáp ứng nhu cầu đào tạo và NCKH.

3. Điểm tồn tại

Việc nâng cao số lượng GV đạt trình độ TS, PGS, GS chưa đạt yêu cầu so với mong đợi từ kế hoạch của Nhà trường. GV chưa có nhiều công trình NCKH, đặc biệt các công trình trọng điểm.

4. Kế hoạch hành động

Giai đoạn 2020-2022, KNN tiếp tục chú trọng công tác bồi dưỡng, nâng cao trình độ TS, PGS, GS cho GV. Khoa và Trường sẽ tiếp tục mở rộng mạng hợp tác quốc tế, đẩy mạnh công tác NCKH tạo điều kiện cho GV tham gia.

5. Tự đánh giá: 5/7

Tiêu chí 6.2: Tỷ lệ giảng viên trên người học và khối lượng công việc của đội ngũ

GV, NCV được đo lường, giám sát làm căn cứ cải tiến chất lượng hoạt động đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng

1. Mô tả

Tổng số giảng viên tham gia công tác đào tạo ngành Thạc sĩ LL&PPDH Tiếng Anh hiện nay có 17 giảng viên, trong đó có 12 GV cơ hữu của KNN, 03 giảng viên thuộc các đơn vị khác trong Trường, và 02 GV mời giảng. Số giảng viên có học hàm PGS là 04 (gồm 02 GV mời giảng), TS là 13 (H6.06.02.01). Số lượng GV của chương trình Thạc sĩ LL&PPDH Tiếng Anh được trình bày trong Bảng 6.1.

Bảng 6.1. Số lượng giảng viên tham gia giảng dạy chương trình Thạc sĩ LL&PPDH BM Tiếng Anh (tính đến tháng 3/2020)

Hạng mục	Nam	Nữ	Tổng số
Giáo sư	0	0	0
Phó Giáo sư	01	01	02
Giảng viên toàn thời gian	10	02	12
Giảng viên không toàn thời gian	03	0	03
Giáo sư/Giảng viên thỉnh giảng	01	01	02

Để đảm bảo về mặt số lượng và chất lượng đội ngũ, Ban chủ nhiệm Khoa đã xây dựng lộ trình phát triển cán bộ trong 5 năm. Căn cứ để Ban Chủ nhiệm Khoa xây dựng lộ trình đào tạo, sử dụng, tuyển dụng viên chức đảm bảo đội ngũ kế cận, đảm bảo cơ cấu độ tuổi dựa trên khối lượng công việc đang thực hiện của GV và lực lượng cán bộ sắp nghỉ hoặc đã nghỉ hưu (H6.06.02.02). Tỷ lệ giảng viên/học viên trong CTĐT được thể hiện cụ thể trong bảng sau:

Bảng 6.2. Tỷ lệ giảng viên/học viên của CTĐT giai đoạn 2015-2020

Năm	Số lượng giảng viên	Số lượng giảng viên quy đổi	Số lượng học viên	Tỷ lệ giảng viên/học viên
2015-2016	11	12	66	5.5
2016-2017	12	13	80	6.15

2017-2018	13	14.5	86	5.93
2018-2019	17	18.5	46	2.48
2019-2020	17	19	51	2.68

Ngoài ra, hàng năm KNN còn tiến hành mời thêm 13 GV có học hàm PGS và học vị tiến sĩ tham gia hướng dẫn luận văn tốt nghiệp (H6.06.02.03). Tỷ lệ GV và người học như vậy là đáp ứng yêu cầu. Với số lượng GV có học vị TS ngày càng tăng, CTĐT đã giảm số lượng GV trên học viên và hướng đến việc chủ động nguồn GV trong CTĐT, giảm bớt việc mời giảng bên ngoài để chủ động thời gian học tập của học viên.

Tại Trường ĐHCT, khối lượng công việc của GV được quy định cụ thể trong Quyết định số 4412/QĐ-ĐHCT ban hành ngày 25 tháng 11 năm 2015 Quy định về chế độ làm việc của GV (H6.06.02.04). Theo đó, định mức giờ chuẩn của GV Trường ĐHCT được quy định như sau:

Bảng 6.3. Quy định giờ chuẩn giảng viên

TT	Chức danh, trình độ, hệ số lương giảng viên	Định mức giờ chuẩn giảng dạy (G)	Định mức giờ chuẩn NCKH và thực hiện nhiệm vụ khác	Tổng định mức giờ chuẩn
1	Giáo sư, Giảng viên cao cấp	270	240	510
2	Phó Giáo sư	270	190	460
3	Giảng viên chính có hệ số lương $\geq 7,76$	270	170	440
4	Giảng viên chính có hệ số lương từ 4,40 đến 5,42	270	150	420
5	Giảng viên có hệ số lương ≥ 4.32 và Giảng viên có bằng tiến sĩ	270	110	380
6	Giảng viên có hệ số lương từ 3,33 đến 3,99	270	60	330
7	Giảng viên có hệ số lương từ 2,34 đến 3,00	270	10	280

8	Giảng viên tập sự, thử việc (hưởng 85% của lương khởi điểm)	50	10	60
---	---	----	----	----

Theo quy định tại Điều 7 của Quyết định 4412/QĐ-ĐHCT về quy đổi nội dung công việc thành giờ chuẩn, có 3 nhóm công việc mà GV thực hiện bao gồm giảng dạy, NCKH và công tác khác. Trường ĐHCT đo lường, giám sát khối lượng công việc của GV thực hiện hàng năm bằng việc quy đổi giờ chuẩn với sự hỗ trợ của hệ thống phần mềm quản lý.

Cũng theo Quyết định 4412/QĐ-ĐHCT, cuối mỗi năm học, GV tự kê khai giờ chuẩn đã thực hiện với các lĩnh vực công tác được phân công. Về giảng dạy, bao gồm giảng dạy đại học (hệ chính quy, hệ vừa làm vừa học), giảng dạy Sau đại học, bao gồm: giảng dạy và hướng dẫn luận văn, luận án Thạc sĩ, Tiến sĩ. Ở mỗi hệ, giờ giảng dạy có công thức quy đổi giờ chuẩn cụ thể, tương ứng với học vị và chức danh của giảng viên và nghiên cứu viên.

Về NCKH, bao gồm: Chủ trì và tham gia đề tài NCCKH các cấp; xuất bản sách chuyên khảo, giáo trình; công bố bài báo quốc tế và trong nước; semina khoa học. Tất cả các loại hình nêu trên đều có công thức quy đổi ra giờ chuẩn.

Về hoạt động chuyên môn khác, bao gồm: công tác quản lý, đảm bảo chất lượng, kiêm nhiệm công tác đoàn thể.

Các phòng - trung tâm chức năng của Nhà trường chịu trách nhiệm giám sát và xác nhận việc kê khai của GV. Hệ thống phần mềm quản lý sẽ thực hiện quy đổi và xác nhận mức độ đạt giờ chuẩn hay vượt giờ chuẩn của GV trên tất cả các lĩnh vực: giảng dạy, NCKH và hoạt động chuyên môn khác.

Không những giám sát, quản lý về số lượng, Trường và Khoa cũng có biện pháp giám sát, quản lý về chất lượng công việc của GV. Hàng năm, Trường và KNN tổ chức lấy ý kiến đánh giá của người học về chất lượng giảng dạy của GV. Nhờ đó, GV đánh giá được năng lực thực hiện nhiệm vụ của mình, có kế hoạch tự học tập, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ để cải tiến chất lượng đào tạo (H6.06.02.05).

Về chất lượng NCKH, việc đánh giá các công trình xuất bản và công bố của GV được Nhà trường dựa vào quy định của Hội đồng chức danh Giáo sư nhà nước.

Nhà trường cũng có quy định về phần thưởng cho các công trình công bố trên các tạp chí có chỉ số ISI, Scopus... của GV trong Quy chế chi tiêu nội bộ (H6.06.02.06).

Về các hoạt động chuyên môn khác, GV nào không đáp ứng đủ số tiết theo quy định, bị đánh giá không hoàn thành nhiệm vụ. Tùy thuộc vào tính chất của công việc đảm nhận mà Công đoàn Trường và các tổ chức đoàn thể khác có những quy định khen thưởng cho những cá nhân có nhiều đóng góp.

2. Điểm mạnh

Tỉ lệ GV trên người học và khối lượng công việc của đội ngũ GV được đo lường, giám sát và làm căn cứ cải tiến chất lượng hoạt động đào tạo, NCKH và các hoạt động khác.

3. Điểm tồn tại

Trường và Khoa chưa có kế hoạch phát triển đội ngũ nghiên cứu viên riêng biệt.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm 2020-2021, Khoa và Trường sẽ mở rộng mạng hợp tác quốc tế trong nghiên cứu khoa học để có thể bổ sung đội ngũ nghiên cứu viên trong các công tác chuyên môn của khoa.

5. Tự đánh giá: 5/7

Tiêu chí 6.3: Các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn giảng viên (bao gồm cả đạo đức và năng lực học thuật) để bổ nhiệm, điều chuyển được xác định và phổ biến công khai.

1. Mô tả

Việc tuyển dụng và lựa chọn GV (bao gồm cả đạo đức và năng lực học thuật) của Khoa được thực hiện theo yêu cầu công việc của Khoa, dựa trên các tiêu chí theo quy định chung về tuyển dụng viên chức của Trường ĐHCT (H6.06.03.01). Theo đó, căn cứ vào nhu cầu tuyển dụng GV thực tế ở các đơn vị mà các tiêu chí tuyển dụng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp. Cụ thể các tiêu chí tuyển dụng GV cho các CTĐT trình độ thạc sĩ được xác định bao gồm: 1) Có phẩm chất, đạo đức, tư tưởng tốt; 2) Có bằng tiến sĩ đối với GV giảng dạy và hướng dẫn chuyên đề, luận văn, luận án trong các CTĐT thạc sĩ, tiến sĩ; 3) Có trình độ ngoại ngữ, tin học đáp ứng yêu cầu công việc; 4) Đủ sức khỏe theo yêu cầu nghề nghiệp; 5) Lý lịch bản thân rõ ràng (H6.06.03.02).

Công tác tuyển dụng viên chức bao gồm GV được thực hiện thông qua hoạt

động của Hội đồng tuyển dụng viên chức Trường với sự giúp việc của Phòng Tổ chức-Cán bộ và các đơn vị trực tiếp tuyển dụng viên chức. Quy trình tuyển dụng GV được tổ chức chặt chẽ, khoa học và được trình bày tóm tắt qua 12 bước như sau: (1) Các đơn vị lập kế hoạch tuyển dụng gửi Trường phê duyệt; (2) Trường phê duyệt kế hoạch tuyển dụng; (3) Thông báo kết quả phê duyệt kế hoạch tuyển dụng cho các đơn vị; (4) Các đơn vị lập kế hoạch tuyển dụng gửi Phòng TCCB ra thông báo tuyển dụng; (5) Phòng TCCB phát hành thông báo tuyển dụng; (6) Phòng TCCB thu nhận hồ sơ đăng ký dự tuyển; (7) Lập danh sách ứng viên đủ điều kiện dự tuyển; (8) Đơn vị có nhu cầu tuyển dụng thành lập Ban đánh giá năng lực, trình độ chuyên môn, nghiệp vụ của ứng viên (tổ chức thi giảng, phỏng vấn, v.v.); (9) Tổng hợp hồ sơ liên quan đến kết quả đánh giá ứng viên để chuẩn bị họp Hội đồng tuyển dụng; (10) Họp Hội đồng xét tuyển viên chức; (11) Thông báo kết quả trúng tuyển đến các ứng viên; (12) Ký kết hợp đồng lao động với ứng viên được tuyển chọn (H6.06.03.03). Sau khi có quyết định tuyển dụng, các GV mới đều phải tham gia dự giờ chuyên môn, biên soạn và trình bày đề cương bài giảng cũng như giảng thử trước khi được lên lớp chính thức. Trong 01 năm thử việc, giảng viên mới thường được Khoa phân công một giảng viên có kinh nghiệm hướng dẫn, theo dõi, giúp đỡ.

Bên cạnh việc tuân thủ các quy định về tuyển dụng viên chức, Khoa luôn tuân thủ chặt chẽ các quy định cụ thể về tiêu chuẩn bổ nhiệm chức danh của giảng viên (Giảng viên chính, Phó giáo sư, Giáo sư) cũng như tiêu chuẩn bổ nhiệm Trưởng/Phó Bộ môn do Nhà trường quy định, trong đó, nhấn mạnh đến các tiêu chuẩn, tiêu chí về công tác giảng dạy, nghiên cứu khoa học. Việc bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, điều động, luân chuyển, từ chức, miễn nhiệm viên chức quản lý trong Khoa được thực hiện nghiêm túc, đúng quy định. Việc bổ nhiệm Lãnh đạo khoa còn dựa trên trình độ chuyên môn, kinh nghiệm thực tế của cán bộ và còn dựa trên công tác quy hoạch đội ngũ cán bộ lãnh đạo quản lý của Khoa và Nhà trường (H6.06.03.04).

Các tiêu chí, quy định, quy trình về tuyển dụng, lựa chọn GV để bổ nhiệm và điều chuyển được phổ biến công khai thông qua các văn bản được gửi trực tiếp đến các đơn vị qua đường công văn và được công bố trên Website của Trường và các đơn vị trực thuộc.

2. Điểm mạnh

Trường và Khoa tiêu chí tuyển dụng và bổ nhiệm GV rõ ràng và được phổ

biến công khai.

3. Điểm tồn tại

Số lượng ứng viên nộp hồ sơ tuyển dụng chưa phong phú do chưa đa dạng hóa các hình thức phổ biến thông tin tuyển dụng tới các ứng viên ngoài Website và niêm yết thông tin.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm học 2020-2021, Khoa kiến nghị với Nhà trường đa dạng hóa các hình thức thông báo tuyển dụng để thông tin tuyển dụng rộng rãi hơn, giúp nâng cao số lượng và chất lượng ứng viên. Ngoài Website của Trường, có thể thông báo trên Báo điện tử, Truyền hình, mạng lưới cựu sinh viên.

5. Tự đánh giá: 5/7

Tiêu chí 6.4: Năng lực của đội ngũ giảng viên được xác định và được đánh giá.

1. Mô tả

Ngay từ khâu tuyển dụng, GV đã được kiểm tra, đánh giá chặt chẽ về các mặt phẩm chất nghề nghiệp; năng lực chuyên môn; năng lực nghiệp vụ sư phạm; năng lực ngoại ngữ, tin học. Khi trở thành GV của Khoa, ngoài việc đạt tiêu chuẩn về bằng cấp chuyên môn đúng chuyên ngành, đội ngũ GV được tham gia các khóa học bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm, bồi dưỡng năng lực về công nghệ thông tin, năng lực ngoại ngữ, bồi dưỡng theo chuẩn chức danh nghề nghiệp GV chính, GV cao cấp, có bài thi đánh giá năng lực sau mỗi khóa học và được cấp chứng chỉ. Cụ thể là 100% GV của Khoa có chứng chỉ Nghiệp vụ sư phạm giảng viên, chứng chỉ Công nghệ thông tin, chứng chỉ Ngoại ngữ, chứng chỉ An ninh quốc phòng đạt chuẩn quy định (H6.06.04.01).

Nhà trường có quy định rõ ràng về nhiệm vụ giảng dạy và NCKH của GV; có định mức giờ chuẩn cụ thể về giảng dạy và NCKH và các hoạt động chuyên môn khác cho từng đối tượng GV (H6.06.02.04). Định mức trên là cơ sở để Bộ môn, Khoa và Trường đánh giá, xếp loại, tặng danh hiệu thi đua, khen thưởng hoặc rút kinh nghiệm đối với GV hằng năm.

Nhà trường có các văn bản hướng dẫn cụ thể về phương thức, quy trình đánh giá năng lực của GV, nghiên cứu viên. Hằng năm, Trường đều triển khai thực hiện công tác đánh giá, phân loại viên chức và xét thi đua khen thưởng năm học (H6.06.04.02). Khoa và Bộ môn căn cứ vào các văn bản này, phổ biến rộng rãi để

giảng viên có tiêu chí phấn đấu. Đồng thời, đây cũng là cơ sở để KNN giám sát, đánh giá năng lực, hiệu quả công việc của GV.

Công tác bình xét thi đua, khen thưởng hằng năm được triển khai một cách khoa học, giúp các cá nhân tự đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ của mình, các cấp quản lý ghi nhận được thành tích của GV và có tổng quan về tình hình giảng dạy, NCKH và hoạt động chuyên môn trong toàn Khoa (H6.06.04.03). Mặt khác, việc đánh giá chất lượng cán bộ là cơ sở giúp lãnh đạo Khoa xây dựng kế hoạch và chiến lược phát triển cán bộ phù hợp (H6.06.01.04). Ngoài ra hằng năm nội dung phản hồi từ học viên cũng là một kênh tham chiếu quan trọng (H6.06.04.03).

2. Điểm mạnh

Trường và Khoa có kế hoạch rõ ràng, thường niên về đánh giá và phân loại viên chức. Qua đó năng lực của đội ngũ GV cũng được định kỳ đánh giá, cải tiến nhằm nâng cao chất lượng và hiệu quả đào tạo.

3. Điểm tồn tại

Bên cạnh các tiêu chí đánh giá và phân loại viên chức chung của Trường, Khoa vẫn còn thiếu bộ công cụ đánh giá năng lực GV phù hợp.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm 2020-2021, Khoa đề xuất với Nhà trường xây dựng bộ tiêu chí đánh giá GV phù hợp; đảm bảo ngày càng nâng cao năng lực giảng dạy, nghiên cứu của giảng viên, khích lệ được giảng viên phát huy tối đa năng lực bản thân.

5. Tự đánh giá: 5/7

Tiêu chí 6.5: *Nhu cầu về đào tạo và phát triển chuyên môn của đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên được xác định và có các hoạt động triển khai để đáp ứng nhu cầu đó.*

1. Mô tả

Chiến lược phát triển đội ngũ của Khoa được xác định rõ trong phương hướng nhiệm vụ của Khoa. Căn cứ nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng của cán bộ thông qua báo cáo đánh giá hằng năm, Khoa đã xây dựng nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng tới từng vị trí cán bộ theo từng năm học và theo giai đoạn (Lộ trình phát triển cán bộ từ 2018 đến 2022). Kế hoạch đào tạo cán bộ hằng năm đều được xây dựng và có sự phê duyệt của Nhà trường, trong đó, có các GV được cử đi học Thạc sĩ hoặc Tiến sĩ đúng chuyên ngành (H6.06.05.01). Kế hoạch này được triển khai nhằm đáp ứng kế hoạch dài hạn

của Khoa: có đầy đủ đội ngũ GV có trình độ TS chất lượng cao, đáp ứng nhu cầu đào tạo đội ngũ học viên chất lượng cao. Số lượng cán bộ cụ thể được cử đi học trong giai đoạn 2015-2020 được trình bày trong bảng sau:

Bảng 6.4. Thống kê số lượng giảng viên đi học dài hạn giai đoạn 2015-2020

Năm	Thạc sĩ			Tiến sĩ		
	Số lượng		Nguồn kinh phí	Số lượng	Nơi học	Nguồn kinh phí
2015	2	Minnesota State University, Hoa Kỳ; ĐH Libre de Bruxelles	Học bổng Fulbright; Cơ quan phát triển Bỉ	1	ĐH Victoria of Wellington (VUW), New Zealand	NSNN-Đề án 911
2016	4	ĐH Monash, Australia; ĐH Cần Thơ; ĐH Francois Rabelais, Pháp; ĐH Francois Rebelais, Pháp	Học bổng CP Australia; ĐH Cần Thơ; NSNN-Đề án 599; Tự túc-học từ xa	1	ĐH Suranaree, Thái Lan	NSNN-Đề án 911
2017	0			1	ĐH Francois Rabelais Tours, Pháp	NSNN-Đề án 911
2018	0			0		
2019	0			2	ĐH Leuven – Bỉ; ĐH Thaksin –	ĐH Leuven, Bỉ;

					Thái Lan	ĐH Cần Thơ và ĐH Thaksin – Thái Lan
--	--	--	--	--	----------	--

Hiện nay, KNN có 04 giảng viên có học vị thạc sĩ của Khoa đang là nghiên cứu sinh. Theo Kế hoạch phát triển đơn vị giai đoạn 2018-2022, định hướng đến năm 2030, 32% giảng viên của KNN có bằng TS (H6.06.01.04).

Đội ngũ GV của Khoa luôn có nhu cầu được đào tạo và phát triển về chuyên môn. Trong thời gian qua, GV của Khoa luôn chủ động đề nghị được tham gia các lớp nâng cao năng lực ngoại ngữ, năng lực sử dụng công nghệ thông tin trong giảng dạy. Các khóa tập huấn về nghiệp vụ GV, về đổi mới trong GD&ĐT, đổi mới chương trình Giáo dục phổ thông do Trường ĐHCT, BGDDĐT tổ chức đều được giảng viên của Khoa tham gia nhiệt tình, nghiêm túc (H6.06.05.02).

Trường và Khoa có chính sách khen thưởng cho các GV có thành tích trong học tập nâng cao trình độ chuyên môn: bảo vệ thành công luận án TS, được công nhận học hàm GS, PGS (H6.06.02.06).

Trường và Khoa có chủ trương khuyến khích GV trao đổi chuyên môn, trao đổi kết quả nghiên cứu thông qua việc tham gia các Hội thảo khoa học ở các Trường Đại học, các Viện nghiên cứu, các tổ chức trong nước hoặc quốc tế. Khoa cũng đã tham gia chủ trì nhiều Hội thảo khoa học, đặc biệt là các Hội thảo khoa học quốc tế (H6.06.05.03).

Hoạt động bồi dưỡng, đào tạo, phát triển đội ngũ GV của Khoa luôn bám sát và thực hiện theo kế hoạch chung của Nhà trường. Trên cơ sở đó, Khoa lập danh sách cán bộ cần đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ để xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng (H6.06.05.04).

100% GV của Khoa được đào tạo, bồi dưỡng và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ theo đúng kế hoạch/tiêu chí của Trường. Đội ngũ GV được tham gia các lớp bồi dưỡng GV chính, GV cao cấp, bồi dưỡng quốc phòng an ninh, bồi dưỡng chính trị trình độ trung cấp, cao cấp. Toàn thể GV thường xuyên được tham gia các đợt tập huấn nâng cao năng lực phát triển chương trình, năng lực nghiên cứu khoa học, năng lực sử dụng phương pháp, kỹ thuật dạy học đại học (H6.06.05.05).

2. Điểm mạnh

Khoa và Nhà trường có cơ chế hỗ trợ, khuyến khích GV, nghiên cứu viên tham gia các chương trình đào tạo thạc sỹ, tiến sỹ, các khóa đào tạo ngắn hạn (giảm giờ dạy, hỗ trợ kinh phí đào tạo, ...).

3. Điểm tồn tại

Một số khóa đào tạo theo nhu cầu của giảng viên, nghiên cứu viên còn chưa được triển khai.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm 2020, Khoa và Nhà Trường tăng cường khảo sát nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng nhằm xác định chính xác các khóa học cần được đào tạo và nâng cao trình độ chuyên môn của đội ngũ GV cũng như có kế hoạch cụ thể để triển khai các khóa học này. Khoa và Nhà Trường tiếp tục tạo điều kiện về thời gian, kinh phí và bố trí công việc hợp lý để GV, nghiên cứu viên tập trung tham gia các khóa đào tạo nâng cao năng lực.

5. Tự đánh giá: 5/7

Tiêu chí 6.6: *Việc quản trị theo kết quả công việc của giảng viên, nghiên cứu viên (gồm cả khen thưởng và công nhận) được triển khai để tạo động lực và hỗ trợ cho đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng.*

1. Mô tả

Với từng chức danh, Trường có quy định cụ thể về khối lượng công việc (nghiên cứu, giảng dạy) cho từng loại đối tượng cán bộ giảng dạy. Hàng năm, Khoa tổng kết đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ của từng GV theo Hướng dẫn của Nhà trường với những quy định cụ thể về khối lượng công việc cũng như các quy chế về khen thưởng, kỷ luật để làm cơ sở bình xét các hình thức khen thưởng khác nhau (H6.06.06.01). Cụ thể như sau: vào cuối năm học, các tổ bộ môn tổ chức họp tổng kết để đánh giá xếp loại từng cán bộ, giảng viên theo các mức: không hoàn thành nhiệm vụ đối, hoàn thành nhiệm vụ, lao động tiên tiến và chiến sĩ thi đua. Sau khi lấy phiếu bình chọn, tổ bộ môn lập biên bản và gửi lên Hội đồng thi đua của Khoa để xem xét. Hội đồng thi đua của Khoa sẽ họp và bỏ phiếu cho các danh hiệu kể trên theo tỉ lệ quy định của Nhà trường và chuyển biên bản lên Nhà trường để Hội đồng thi đua của Nhà trường quyết định (H6.06.06.02).

Các hình thức thi đua khen thưởng được công bố công khai trong quy chế hoạt động của Khoa và của quy chế chi tiêu nội bộ của Nhà trường (H6.06.02.06).

Quyết định của Hội đồng thi đua, khen thưởng của Nhà trường được đưa về Khoa và công khai cho toàn cán bộ trong Khoa. Theo đó, Nhà trường có quy định rất cụ thể về nhiệm vụ giảng dạy và nghiên cứu khoa học của các giảng viên theo chức danh. Cụ thể là, trong 1 năm học, ngoài việc giảng dạy đủ giờ chuẩn theo định mức, giảng viên còn phải có các công trình nghiên cứu khoa học và các hoạt động chuyên môn khác. Theo quy định của Nhà trường, mỗi Khoa sẽ có 15% số cán bộ đạt danh hiệu chiến sĩ thi đua trên tổng số cán bộ đạt danh hiệu lao động tiên tiến (H6.06.04.02). Như vậy, hàng năm Khoa đều có 11-12 viên chức đạt danh hiệu “chiến sĩ thi đua”, chiếm 15 % trên tổng số cán bộ cơ hữu. Số cán bộ, giảng viên còn lại đạt danh hiệu “lao động tiên tiến” hoặc “hoàn thành nhiệm vụ”.

Những GV hoàn thành tốt công việc giảng dạy, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng luôn nhận được những danh hiệu xứng đáng: Lao động tiên tiến, Chiến sĩ thi đua các cấp. Mức độ hoàn thành công việc sẽ làm căn cứ bình xét thi đua, khen thưởng cấp Trường, cấp Bộ và cấp Nhà nước. Việc xem xét khen thưởng cho cán bộ chính là việc ghi nhận thành tích trong quá trình công tác của cá nhân. Những cá nhân có thành tích cao, xuất sắc sẽ được tăng lương trước thời hạn hoặc bổ nhiệm vào vị trí quản lý chuyên môn hoặc hành chính. Bên cạnh đó, Nhà trường có quy định khen thưởng đối với các công trình khoa học đăng trên các Tạp chí khoa học chuyên ngành, có chỉ số trích dẫn cao, với các mức thưởng từ 30.000.000 đ đến 100.000.000 đ/công trình (H6.06.06.03).

Việc ghi nhận đúng thành tích và khen thưởng kịp thời cho cán bộ sẽ tạo động lực cho cán bộ phát huy hết khả năng trong giảng dạy, NCKH và phục vụ cộng đồng.

Hằng năm, Khoa tiến hành việc đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ của các cá nhân. Hoạt động này đã giúp GV của Khoa nâng cao được hiệu quả công việc của mình, đóng góp tích cực vào sự phát triển chung của Khoa và Nhà trường.

2. Điểm mạnh

Việc quản trị theo kết quả công việc của GV, nghiên cứu viên được quy định và triển khai chặt chẽ, đảm bảo minh bạch, công bằng trong cán bộ, viên chức. Chính sách khen thưởng về kết quả công việc của GV đã tạo động lực và hỗ trợ cho đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng của GV trong Khoa.

3. Điểm tồn tại

Sự phối hợp nghiên cứu, đăng tải các công trình nghiên cứu chung trên các tạp chí, nhà xuất bản có uy tín giữa các GV cùng bộ môn và với các GV của các tổ bộ môn khác trong Khoa chưa mang lại hiệu quả như mong muốn.

Số lượng các sản phẩm nghiên cứu chưa đồng đều giữa các GV. Các công trình được đăng tải trên các tạp chí ISI, Scopus của Khoa còn rất ít.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm 2020-2021, Khoa và Trường sẽ thúc đẩy hoạt động của các nhóm nghiên cứu, có cơ chế khuyến khích hiệu quả hoạt động của các nhóm.

Khoa và Trường có hình thức khen thưởng vào cuối năm học đối với các GV có công trình nghiên cứu đăng tải trên các tạp chí uy tín để tạo động lực hơn nữa cho các GV, đồng thời dựa vào kết quả NCKH để xếp loại GV cuối năm.

5. Tự đánh giá: 5/7

Tiêu chí 6.7: Các loại hình và số lượng các hoạt động nghiên cứu của giảng viên được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng

1. Mô tả

Nhằm đáp ứng yêu cầu nâng cao chất lượng đào tạo và hợp tác quốc tế, NCKH đã trở thành hoạt động vô cùng quan trọng đối với đội ngũ GV của ngành. Các loại hình và số lượng các hoạt động nghiên cứu của GV luôn được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng. Trường ĐHCT cũng có quy định cụ thể về định mức khối lượng giờ giảng và NCKH dành cho GV (H6.06.04.02).

Loại hình NCKH của GV ngành LL&PPDH BM Tiếng Anh tập trung xoay quanh việc thực hiện các đề tài NCKH các cấp (chủ yếu là các đề tài cấp trường), xuất bản sách tham khảo và giáo trình, đăng bài trên các tạp chí khoa học, và báo cáo tại các hội nghị/hội thảo.

Bảng 6.5: Số lượng đề tài NCKH nghiệm thu trong 5 năm gần đây

TT	Phân loại đề tài	Hệ số**	Số lượng					Tổng (đã quy đổi)
			2015-2016	2016-2017	2017-2018	2018-2019	2019-2020	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
1	Đề tài cấp NN	2,0	0	0	0	0	0	0
2	Đề tài cấp Bộ*	1,0	0	01	0	0	0	1,0

3	Đề tài cấp trường	0,5	01	02	02	03	01	4,5
4	Tổng		01	03	02	03	01	5,5

Số liệu ở Bảng 6.5 cho thấy hàng năm đều có đề tài NCKH (chủ yếu là các đề tài cấp Trường) được nghiệm thu theo Quyết định thành lập hội đồng nghiệm thu do Phòng Quản lý Khoa học của Trường cấp (H6.06.07.01). Các đề tài sẽ được đánh giá theo các mức độ Khá, Tốt và Xuất sắc tùy theo số điểm mà hội đồng thống nhất.

Hàng năm, GV của KNN đều tham gia đăng ký đề tài NCKH các cấp và số lượng đề tài được duyệt dao động từ 5 đến 6 đề tài/năm (H6.06.07.02). Mỗi đề tài thu hút một số lượng nhất định GV tham gia. Điều này giúp khuyến khích và tăng cường năng lực nghiên cứu của GV. Một số GV sau khi tham gia đề tài đã mạnh dạn đăng ký để làm chủ nhiệm đề tài trong các năm sau.

Bảng 6.6: Số lượng cán bộ cơ hữu tham gia thực hiện đề tài NCKH trong 5 năm gần đây

Số lượng đề tài	Số lượng cán bộ tham gia			Ghi chú
	Đề tài cấp NN	Đề tài cấp Bộ*	Đề tài cấp trường	
Từ 1 đến 3 đề tài	0	01	24	
Từ 4 đến 6 đề tài	0	0	0	
Trên 6 đề tài	0	01	24	
Tổng số cán bộ tham gia	0	01	24	

Tại Trường ĐHCT, công tác viết sách và giáo trình cũng được xem là một trong những hoạt động NCKH. Hàng năm, Trường ĐHCT cho GV đăng ký biên soạn giáo trình (H6.06.07.03). Sau khi được duyệt (H6.06.07.04), trưởng nhóm biên soạn sẽ ký hợp đồng biên soạn với Nhà trường. Để được xuất bản, giáo trình phải được Hội đồng nghiệm thu thông qua (H6.06.07.05). Số lượng sách và giáo trình được xuất bản tăng theo từng năm (xem Bảng 6.7).

Bảng 6.7: Số lượng đầu sách do cán bộ cơ hữu KNN xuất bản trong 5 năm gần đây

TT	Phân loại sách	Hệ số**	Số lượng					Tổng (đã quy đổi)
			2015	2016	2017	2018	2019	
1	Sách chuyên khảo	2,0	0	0	0	0	01	2,0
2	Sách giáo trình	1,5	0	04	04	03	03	21
3	Sách tham khảo	1,0	0	0	0	0	02	02
4	Sách hướng dẫn	0,5	0	0	0	0	0	0
5	Tổng			04	04	03	06	25

Công tác đăng bài trên các tạp chí khoa học là công tác được GV của KNN chú trọng (xem Bảng 6.7). Các bài đăng tạp chí sẽ được quy đổi thành giờ chuẩn và tính tiền vượt giờ theo quy định tại Điều 7 về chế độ làm việc của GV Trường ĐHCT (H6.06.04.02). Do đó, GV có thể lựa chọn giảm giờ giảng để tăng cường giờ NCKH để có công trình phục vụ cho công tác chuyển ngạch hoặc đăng ký lấy học hàm GS/PGS. Việc có công trình xuất bản cũng chứng minh năng lực NCKH của đội ngũ GV của Khoa.

Bảng 6.8: Số lượng bài đăng tạp chí của cán bộ cơ hữu KNN trong 5 năm gần đây

TT	Phân loại tạp chí	Hệ số**	Số lượng					Tổng (đã quy đổi)
			2015	2016	2017	2018	2019	
1	Tạp chí khoa học quốc tế	1,5	08	14	21	26	15	126
2	Tạp chí khoa học cấp ngành trong nước	1,0	02	02	04	01	06	15
3	Tạp chí/tập san của cấp trường	0,5	03	10	14	07	05	19.5
Tổng			13	26	39	34	26	160.5

Ngoài công tác xuất bản, GV của Trường ĐHCT còn được khuyến khích tham gia báo cáo tại các hội thảo trong nước và quốc tế. Trường có quy định cụ thể về việc hỗ trợ kinh phí như vé máy bay, phí hội thảo và chi phí lưu trú cho GV có báo cáo tại các hội nghị quốc tế (H6.06.06.03). Số lượt GV tham gia hội thảo là 100 lượt trong 5 năm qua được thể hiện ở Bảng 6.9.

Bảng 6.9: Số lượng báo cáo khoa học do cán bộ cơ hữu KNN thực hiện trong 5 năm gần đây

TT	Phân loại hội thảo	Hệ số**	Số lượng					Tổng (đã quy đổi)
			2015	2016	2017	2018	2019	

1	Hội thảo quốc tế	1,0	13	12	23	24	12	84
2	Hội thảo trong nước	0,5	10	6	6	3	7	16
3	Hội thảo cấp trường	0,25	0	0	0	0	0	0
Tổng			23	18	29	27	19	100

Hoạt động NCKH của GV luôn được theo dõi và giám sát chặt chẽ. Kết thúc năm học, Bộ môn, Khoa và Nhà trường luôn có hoạt động đánh giá số lượng và chất lượng các hoạt động nghiên cứu của GV (H6.06.07.06). Các công trình nghiên cứu của đội ngũ cán bộ luôn được giám sát, đánh giá chất lượng bởi Hội đồng Khoa học - Đào tạo (KHĐT) của Khoa, Nhà trường (H6.06.07.07). Các công bố khoa học của Khoa được đăng trên những tạp chí uy tín trong nước và quốc tế có hội đồng phản biện chặt chẽ.

2. Điểm mạnh

Đội ngũ GV của Khoa tham gia nhiều loại hình nghiên cứu khác nhau, bao gồm đề tài khoa học cấp cơ sở, cấp bộ. Bên cạnh đó, các GV còn xuất bản sách chuyên khảo và sách phục vụ đào tạo. Các bài báo khoa học và công bố trên các tạp chí uy tín cũng chiếm tỷ lệ cao trong hồ sơ NCKH của GV.

3. Điểm tồn tại

Khoa chưa có đề tài nghiên cứu cấp nhà nước, số lượng GV tham gia các đề tài nghiên cứu với đối tác nước ngoài còn rất hạn chế. Số lượng bài báo đăng ở các tạp chí quốc tế còn rất ít. Các công trình nghiên cứu mang tính liên ngành với các Khoa khác trong Trường và ngoài Trường còn chưa phong phú.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm học 2020-2021, để nâng số lượng các đề tài và công trình NCKH Hội đồng KHĐT của Khoa tập trung chỉ đạo việc hình thành các nhóm nghiên cứu trong Khoa, mở rộng các nhóm nghiên cứu ra ngoài Trường và tổ chức hội thảo chuyên ngành, đồng thời tổ chức rà soát, bổ sung kế hoạch NCKH và xây dựng cơ chế khen thưởng các cá nhân có thành tích nghiên cứu, xuất bản các ấn phẩm NCKH.

5. Tự đánh giá: 5/7

Kết luận về Tiêu chuẩn 6

Đội ngũ giảng viên của ngành có trình độ chuyên môn cao, năng động và nhiệt huyết, do vậy, công tác giảng dạy và NCKH của Khoa đã có những thành tích nhất định. Trong NCKH, các kết quả nghiên cứu của GV đều phục vụ thiết thực cho

quá trình đào tạo học viên ngành LL&PPDH BM tiếng Anh, cho sự nghiệp đổi mới toàn diện về GD&ĐT của đất nước. Công tác đánh giá, quy hoạch, đào tạo, phát triển đội ngũ giảng viên của Khoa và nhà trường đã đáp ứng nhu cầu của giảng viên, phù hợp với chiến lược phát triển đại học nghiên cứu của Nhà trường.

Tự đánh giá: 5/7

Tiêu chuẩn 7: Đội ngũ nhân viên

Hiện nay, đội ngũ nhân viên (NV) của Trường và Khoa đủ về số lượng, được đào tạo đúng chuyên môn kỹ thuật, có khả năng hỗ trợ, đồng thời tư vấn tốt cho GV và người học về các hoạt động liên quan đến đào tạo, nghiên cứu và phục vụ cộng đồng. Tiêu chí và phương pháp tuyển chọn đội ngũ NV được xác định rõ ràng, đảm bảo tính khách quan, công bằng và minh bạch. Trong quá trình công tác, đội ngũ NV được tham gia các lớp đào tạo bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ. Hằng năm, đội ngũ NV được đánh giá năng lực và xếp loại mức độ hoàn thành công việc.

Tiêu chí 7.1: Việc quy hoạch đội ngũ nhân viên được thực hiện đáp ứng nhu cầu về đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng

1. Mô tả

CTĐT LL&PPDH BM tiếng Anh được hỗ trợ bởi đội ngũ NV làm việc tại Trung tâm học liệu (TTHL), phòng Đào tạo, phòng Công tác SV, phòng công tác chính trị.

Trung tâm học liệu ĐHCT là tiền thân của Thư viện Trung Tâm, được hỗ trợ đắc lực bởi cơ sở vật chất tiện nghi, trang thiết bị hiện đại và nguồn nhân lực được đào tạo chuyên sâu. Hiện nay, TTHL có đội ngũ NV đủ về số lượng và chuyên môn phù hợp, bao gồm 33 cán bộ, trong đó có 5 viên chức hành chính quản lý, 21 NV thư viện và 7 NV phục vụ hành chính. NV trung tâm đa phần có trình độ đại học và trên đại học (66,7%), trong đó có 01 tiến sĩ và 8 thạc sĩ. Để đảm bảo an ninh trật tự và an toàn vệ sinh cho diện tích sử dụng lớn của trung tâm (7.200m²) nên số lượng NV phục vụ hành chính (vệ sinh và bảo vệ) có trình độ dưới sơ cấp tương đối cao (21,2%) (H7.07.01.01). Các NV trung tâm được bố trí vị trí làm việc phù hợp chuyên môn đào tạo tại các phòng chức năng của trung tâm như phòng đọc, phòng mượn, phòng thảo luận, phòng suy ngẫm, phòng nghe nhìn đa phương diện, ... TTHL phục vụ nhu cầu

của giảng viên, nghiên cứu sinh, nghiên cứu viên, học viên cao học, sinh viên,... trong và ngoài trường với lượng tài liệu phục vụ khổng lồ (gần 300 ngàn đầu sách in cùng nhiều các thể loại báo, tạp chí, tài liệu nghe nhìn,...) và hàng trăm máy tính được nối mạng internet,... nhưng đội ngũ NV luôn đảm bảo hoàn thành tốt nhiệm vụ. Bên cạnh đó, trung tâm luôn chú trọng công tác số hóa thông tin lưu trữ và mua quyền truy cập, tạo được nguồn dữ liệu điện tử khổng lồ với 188.196 tài liệu phục vụ hoạt động học tập và nghiên cứu được thuận lợi hơn, các công cụ tra cứu tài liệu được cải tiến định kỳ (H7.07.01.02).

Ngoài ra, TTHL hiện đang cung cấp các dịch vụ miễn phí như thường xuyên tổ chức các lớp Tra cứu cơ sở dữ liệu tạp chí điện tử, Tìm tài liệu hiệu quả trên internet,...(H7.07.01.03) hay các dịch vụ có thu phí như: dịch vụ cung cấp thông tin trọn gói, dịch vụ tổ chức hội nghị-hội thảo, các khóa đào tạo về quản lý thông tin và nghiệp vụ thư viện (H7.07.01.04), ... cho tất cả các đối tượng trong và ngoài Trường khi có nhu cầu. Hằng năm, TTHL còn phối hợp với các Công ty sách thiết bị trường học tổ chức Ngày Hội sách thu hút rất nhiều độc giả với mọi lứa tuổi (H7.07.01.05). Để đảm bảo hoàn thành tốt công việc, đội ngũ NV thường xuyên được đào tạo, tập huấn và bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ định kỳ.

Hằng năm, Trung tâm học liệu tiến hành khảo sát trực tuyến sự hài lòng của bạn đọc về hoạt động của Trung tâm để kịp thời có sự điều chỉnh, đáp ứng tốt yêu cầu của người học và GV. Kết quả khảo sát năm 2019 cho thấy hơn 95% bạn đọc hài lòng với hoạt động hỗ trợ của các NV, ngoại trừ NV bảo vệ có kết quả khảo sát thấp hơn (89%), điều này cũng có thể được giải thích do yêu cầu cao về đảm bảo an ninh, trật tự và tạo môi trường thuận lợi cho việc học tập và nghiên cứu nên đôi khi NV bảo vệ khá nghiêm khắc và cứng nhắc (H7.07.01.06).

Trong công tác quản lý, hỗ trợ giảng viên và học viên cao học có sự đóng góp rất lớn từ đội ngũ nhân viên của các phòng ban chức năng như Phòng Quản lý khoa học, Phòng tài chính... và các bộ phận dịch vụ hỗ trợ người học. Các phòng ban này được bố trí đủ về số lượng, đáp ứng được yêu cầu về trình độ chuyên môn (H7.07.01.07), được thể hiện qua Bảng 7.1.

Bảng 7.1. Số lượng nhân viên cấp trường tính đến năm 2019

Nhân viên (2019)	Trình độ cao nhất đạt được							Tổng số
	Dưới sơ cấp	Sơ cấp	TCCN	Cao Đẳng	Đại học	Thạc sĩ	Tiến sĩ	
P. Hợp tác quốc tế	0	0	0	0	7	0	3	10
P. Kế hoạch tổng hợp	21	0	0	0	8	2	2	33
P. Quản lý khoa học	0	0	0	0	8	2	3	13
P. Quản trị thiết bị & QL phòng học	6	0	3	0	6	1	0	16
P. Tài chính	0	0	3	0	7	4	0	14
TT. Quản trị mạng & Thông tin thư viện	0	0	0	1	4	4	0	9

Về quản lý trực tiếp ngành đào tạo thạc sĩ LL&PPDH tiếng Anh, Trường ĐHCT có Khoa Sau đại học phụ trách các công tác liên quan đến các chương trình cao học và nghiên cứu sinh. Riêng ở KNN, bên cạnh đội ngũ giảng dạy, đội ngũ nhân viên hỗ trợ công tác tại Văn phòng Khoa. Mỗi thành viên được phân công phụ trách những mảng công việc khác nhau theo quy định của nhà trường (H7.07.01.07).

Về số lượng, Văn phòng KNN có 06 chuyên viên và 01 nhân viên phục vụ trong đó có 01 Chánh văn phòng. Văn phòng Khoa phụ trách các công tác văn phòng, tham mưu và trợ lý cho Ban Chủ nhiệm Khoa xử lý các mặt công tác của Khoa như đào tạo, hợp tác quốc tế, NCKH, công tác sinh viên, tài chính, cơ sở vật chất (H7.07.01.08).

Trong số 6 chuyên viên thuộc Văn phòng khoa thì có 02 thành viên kiêm nhiệm thêm công tác hỗ trợ CTĐT sau đại học. Cụ thể, 01 thành viên phụ trách trực tiếp hỗ trợ công tác đào tạo và 01 thành viên hỗ trợ công tác NCKH và hoạt động hỗ trợ học viên.

Về bằng cấp chuyên môn thì các nhân viên hỗ trợ đáp ứng yêu cầu về trình độ chuyên môn của vị trí việc làm. Cụ thể, các nhân viên hỗ trợ đều có trình độ cử

nhân trở lên; trong đó, 01 nhân viên phụ trách công tác quản lý CTĐT có bằng cử nhân và 01 nhân viên phụ trách NCKH có trình độ Thạc sĩ chuyên ngành LL&PPDH BM Tiếng Anh (H7.07.01.09).

Về thời gian làm việc, đội ngũ nhân viên làm việc toàn thời gian và theo giờ hành chính theo quy định của Nhà nước. Đội ngũ nhân viên hỗ trợ luôn hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao, thành thạo chuyên môn và đáp ứng yêu cầu của vị trí việc làm. Đội ngũ nhân viên tận tâm, có tinh thần trách nhiệm cao trong công việc, hỗ trợ học viên hoàn thành CTĐT đúng hạn (*Xem thêm thông tin ở Tiêu chí 7.2 và 7.3*).

Đội ngũ nhân viên có cơ hội được trau dồi và nâng cao chuyên môn nghiệp vụ. Cụ thể, đội ngũ nhân viên được Khoa tạo cơ hội đi tham quan học tập chuyên môn với các đồng nghiệp ở các cơ sở đào tạo trong khu vực (như Thái Lan) và nước ngoài (như Úc, Hàn Quốc) .

Như vậy, việc quy hoạch đội ngũ nhân viên đáp ứng được nhu cầu của công việc và nhận được phản hồi tích cực từ phía học viên. Theo kết quả khảo sát, kết quả phản hồi hài lòng của học viên là 90.8% (159/175 học viên).

2. Điểm mạnh

Đội ngũ nhân viên hỗ trợ luôn hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao, thành thạo chuyên môn và đáp ứng yêu cầu của vị trí việc làm. Đội ngũ nhân viên tận tâm, có tinh thần trách nhiệm cao trong công việc, hỗ trợ học viên hoàn thành CTĐT đúng hạn.

Đội ngũ nhân viên có cơ hội được trau dồi và nâng cao chuyên môn nghiệp vụ. Cụ thể, đội ngũ nhân viên được Khoa tạo cơ hội đi tham quan học tập chuyên môn với các đồng nghiệp ở các cơ sở đào tạo trong khu vực và nước ngoài. Nhà trường tổ chức khảo sát nhu cầu bồi dưỡng và tổ chức bồi dưỡng hàng năm cho đội ngũ nhân viên.

3. Điểm tồn tại

Công việc khá nhiều nhưng số lượng nhân viên hiện nay chỉ có 02, và các nhân viên này còn đảm nhiệm khối lượng công việc của các CTĐT bậc đại học cũng như các chương trình bồi dưỡng GV trong khu vực theo nhiệm vụ của Đề án ngoại ngữ quốc gia.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm học 2020-2021, Khoa sẽ có kế hoạch tuyển dụng thêm nhân viên hoặc phân công thêm nhân sự hỗ trợ công việc. Bên cạnh đó, Khoa sẽ tiếp tục tổ chức

các chương trình tham quan học tập ở nước ngoài cho đội ngũ nhân viên để học hỏi và cải thiện kỹ năng phục vụ hoạt động đào tạo và hỗ trợ cho CTĐT được hiệu quả hơn nữa.

5. Tự đánh giá: 5/7

Tiêu chí 7.2: Các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn nhân viên để bổ nhiệm, điều chuyển được xác định và phổ biến công khai

1. Mô tả

Các tiêu chí tuyển chọn, bổ nhiệm và phân công nhiệm vụ của từng chức danh được nhà trường công bố rộng rãi cho tất cả các đối tượng liên quan theo quy định cụ thể trong Quyết định số 1052 về việc ban hành Quy định về chức năng, nhiệm vụ và tổ chức hoạt động của Văn phòng khoa, Viện, Trung tâm, Bộ môn trực thuộc trường Đại học Cần Thơ được ban hành ngày 25/03/2013 của trường (H7.07.01.07). Điều kiện tuyển dụng cán bộ phục vụ phải đáp ứng các yêu cầu về chuyên môn, tin học và ngoại ngữ. Thông báo tuyển dụng được phổ biến rộng rãi cho các đơn vị và được thông báo trên trang web của Trường. Đối với nhân viên hợp đồng, khi hợp đồng hết hạn nhân viên sẽ được đánh giá bởi đơn vị. Nếu nhân viên đã hoàn thành nhiệm vụ của mình thì hợp đồng sẽ được ký lại.

Quy trình tuyển dụng bao gồm các bước như sau: Lập kế hoạch tuyển dụng (trong đó gồm thông tin: Báo cáo tình hình nhân sự, Lý do đề nghị tuyển dụng, Mô tả công việc của vị trí tuyển dụng; tiêu chuẩn tuyển dụng); Phê duyệt kế hoạch tuyển dụng; Thông báo tuyển dụng, thu nhận và xử lý hồ sơ; Phỏng vấn tuyển dụng lao động và Thông báo Danh sách trúng tuyển cho người lao động (H7.07.02.01).

Các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn nhân viên để bổ nhiệm và điều chuyển được phổ biến công khai ở các thông báo và trang thông tin điện tử của Trường. Cụ thể, các thông báo tuyển dụng được đăng tải trực tiếp trên trang web chính của Phòng Tổ chức cán bộ, mục Thông tin tuyển dụng: <https://dp.ctu.edu.vn/>, hoặc tại trang web về Thông tin việc làm tại trang chủ: <https://vieclam.ctu.edu.vn/> (truy cập ngày 18/03/2020).

Khoa luôn tuân thủ mọi quy định của Nhà trường trong công tác tuyển dụng, bổ nhiệm, điều chuyển nhân viên của Nhà trường. Sau khi được tuyển dụng, trong quá trình công tác, đội ngũ nhân viên nghiêm túc chấp hành chính sách pháp luật của Nhà

nước, thực hiện nghiêm túc Quy chế Văn hóa công sở của nhà trường.

2. Điểm mạnh

Đội ngũ nhân viên của Khoa được tuyển dụng, bổ nhiệm, điều chuyển theo đúng quy định về công tác cán bộ của trường.

Tuyển được đội ngũ nhân viên đáp ứng các tiêu chuẩn về chuyên môn, nghiệp vụ. Các ứng viên sau khi được tuyển có đủ năng lực để thực hiện các nhiệm vụ của mình.

Đội ngũ nhân viên nghiêm túc chấp hành chính sách pháp luật của Nhà nước, thực hiện nghiêm túc Quy chế Văn hóa công sở của nhà trường.

3. Điểm tồn tại

Khoa vẫn còn bị động trong việc thực hiện khảo sát nhu cầu và ý kiến góp ý của các bên liên quan về vị trí việc làm.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm học 2020-2021, Khoa sẽ tiến hành khảo sát nhu cầu và lấy ý kiến góp ý của các bên liên quan về vị trí việc làm, đồng thời luôn tuân thủ quy trình tuyển dụng, bổ nhiệm, điều chuyển cán bộ của Nhà trường.

5. Tự đánh giá: 5/7

Tiêu chí 7.3: Năng lực của đội ngũ nhân viên được xác định và được đánh giá

1. Mô tả

Hằng năm, Khoa và Nhà trường đều thực hiện việc đánh giá viên chức. Quy trình đánh giá được thực hiện chặt chẽ qua các bước: nhân viên tự đánh giá, đồng nghiệp đánh giá, cấp trên đánh giá, người học đánh giá,...

Cụ thể, sau khi có kế hoạch về đánh giá viên chức và xét thi đua khen thưởng chung của trường (H7.07.03.01), Khoa sẽ gửi kế hoạch thực hiện chi tiết ở cấp khoa (H7.07.03.02). Nhân viên tự đánh giá bằng phiếu chấm điểm thi đua cá nhân dành cho khối cán bộ hành chính theo tiêu chí thi đua của Nhà trường, bao gồm các tiêu chí về *Kết quả thực hiện công việc hoặc nhiệm vụ theo hợp đồng làm việc đã ký kết, Việc thực hiện quy định về đạo đức nghề nghiệp, Tinh thần trách nhiệm, thái độ phục vụ nhân dân, tinh thần hợp tác với đồng nghiệp và việc thực hiện quy tắc ứng xử của viên chức, Việc thực hiện các nghĩa vụ khác của viên chức.* (H7.07.03.03). Sau đó, đơn vị quản lý trực tiếp (Văn phòng khoa) sẽ tổ chức họp đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm

vụ của nhân viên. Biên bản họp đánh giá viên chức/người lao động được nộp kèm mức độ đánh giá (H7.07.03.04). Kế tiếp, Khoa sẽ lần lượt đánh giá, nhận xét thông qua cuộc họp đánh giá viên chức, người lao động để đưa ra kết luận về xếp loại để nộp Biên bản và kết quả về trường (H7.07.03.05). Bên cạnh đó, việc đánh giá nhân viên còn dựa vào kết quả từ kênh đánh giá online của người học. Theo kết quả khảo sát thu được, 82.8% (145/175) học viên phản hồi hài lòng về công tác hỗ trợ của đội ngũ nhân viên. Những đóng góp của đội ngũ cán bộ hỗ trợ của Khoa luôn được sự công nhận của Khoa và Nhà trường. Các cán bộ hỗ trợ của Khoa hàng năm đều đạt danh hiệu Lao động tiên tiến hoặc Chiến sĩ thi đua cấp cơ sở. 01 trong 02 nhân viên được đề cử nhận bằng khen cấp Bộ vì hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao. Danh hiệu khen thưởng là sự ghi nhận của Khoa và Nhà trường đối với các thành tích, đóng góp của đội ngũ cán bộ hỗ trợ.

2. Điểm mạnh

Nhà trường và Khoa có xác định tiêu chí, quy trình, phương pháp, công cụ đánh giá, phân loại năng lực đội ngũ nhân viên. Hằng năm, đều tiến hành đánh giá năng lực, hiệu quả công việc, phân loại, xếp loại; có phê bình, có khen thưởng.

Đội ngũ chuyên viên hỗ trợ có năng lực tốt, phương pháp làm việc khoa học hiệu quả; có lòng nhiệt tình, hết lòng vì công việc, vì hiệu quả của quá trình đào tạo. Năng lực ngoại ngữ và tin học tốt nên ứng dụng rất hiệu quả trong việc hỗ trợ sinh viên. Họ gắn bó lâu dài với Nhà trường và Khoa.

3. Điểm tồn tại

Thiếu thông tin thu được qua phỏng vấn các bên liên quan – hiện nay chỉ thực hiện khảo sát ý kiến online.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm học 2020-2021, Khoa sẽ tổ chức các cuộc phỏng vấn trực tiếp đối với các BLQ để thu thập thêm thông tin trong quá trình đánh giá năng lực của đội ngũ nhân viên hỗ trợ.

5. Tự đánh giá: 5/7

Tiêu chí 7.4: *Nhu cầu về đào tạo và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ của nhân viên được xác định và có các hoạt động triển khai để đáp ứng nhu cầu đó*

1. Mô tả

Hiện nay, đội ngũ nhân viên hỗ trợ có năng lực và trình độ chuyên môn để hoàn thành công việc. Song, để đáp ứng tốt hơn nhu cầu của người học, căn cứ nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng của nhân viên thông qua việc tự đăng ký nội dung cần bồi dưỡng, Nhà trường luôn xây dựng nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng tới từng vị trí chuyên môn, nghiệp vụ của nhân viên. Cuối mỗi năm, nhà trường có gửi thông báo về việc đăng ký nhu cầu bồi dưỡng viên chức, người lao động cho năm kế tiếp. Cụ thể, viên chức và người lao động có thể đăng ký chuẩn hóa theo tiêu chuẩn nghiệp vụ chức danh và/ hoặc đăng ký bồi dưỡng nâng cao chuyên môn nghiệp vụ trong nước hoặc ngoài nước (H7.07.04.01).

Nhà trường thông qua kế hoạch đăng ký nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng của viên chức và người lao động thuộc các đơn vị làm căn cứ để Phòng Tổ chức Cán bộ xây dựng dự toán kinh phí ngân sách chi cho các hoạt động bồi dưỡng nghiệp vụ cho nhân viên (H7.07.04.01).

Cụ thể, một trong các nhân viên được nhà trường và khoa đưa đi đào tạo chuyên môn dài hạn – bậc Thạc sĩ (năm 2013) và tham dự lớp Bồi dưỡng ngành chuyên viên chính (năm 2016) (H7.07.04.02).

2. Điểm mạnh

Hằng năm, Nhà trường luôn có kế hoạch cho đội ngũ nhân viên hỗ trợ đăng ký những nhu cầu về đào tạo và phát triển chuyên môn. Sau đó, Nhà trường sẽ tổ chức các tập huấn để hỗ trợ phát triển chuyên môn theo yêu cầu.

3. Điểm tồn tại

Do công việc nhiều nên nhiều lúc Trường có tổ chức tập huấn dài hạn thì không phải nhân viên hỗ trợ nào cũng có thể sắp xếp thời gian tham gia.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm học 2020-2021, Trường nên xem xét lập kế hoạch tổ chức tập huấn chuyên môn theo kết quả khảo sát nhu cầu của nhân viên và nhu cầu công tác của nhà trường vào những thời điểm thích hợp để nhân viên hỗ trợ có thể tham dự đầy đủ.

5. Tự đánh giá: 5/7

Tiêu chí 7.5: Việc quản trị theo kết quả công việc của nhân viên được triển khai để tạo động lực và hỗ trợ cho đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ

cộng đồng

1. Mô tả

Khoa luôn quan tâm và quản lý chặt chẽ, rõ ràng kết quả công việc của nhân viên hỗ trợ nhằm tạo động lực cho cán bộ trong quá trình làm việc và hỗ trợ đắc lực cho hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng. Hàng năm, Khoa và Nhà trường luôn triển khai công tác đánh giá kết quả thực hiện công việc và xây dựng kế hoạch cho năm học tiếp theo. Những nhân viên hỗ trợ hoàn thành công việc được giao luôn nhận được những danh hiệu xứng đáng: Lao động tiên tiến, hoặc Chiến sỹ thi đua cấp cơ sở. Các nhân viên hỗ trợ đều có tên trong Quyết định khen thưởng của cá nhân thực hiện công tác của nhà trường liên tục qua các năm, từ năm học 2014-2015 đến nay. Bảng 7.5 tóm tắt danh hiệu khen thưởng của các nhân viên hỗ trợ qua các năm. Danh sách khen thưởng chi tiết các cá nhân đạt danh hiệu *Chiến sỹ thi đua cấp cơ sở* hoặc *Lao động tiên tiến* được đính kèm tại mục minh chứng từ H7.07.05.01 đến H7.07.05.05.

Bảng 7.5: Tóm tắt danh hiệu thi đua khen thưởng của nhân viên hỗ trợ

Năm học	Danh hiệu thi đua khen thưởng	
	Chiến sỹ thi đua cấp cơ sở	Lao động tiên tiến
2014-2015	Trương Kim Ngân (STT 07)	Bùi Nhã Quyên (STT 17)
2015-2016	Trương Kim Ngân (STT 01)	Bùi Nhã Quyên (STT 03)
2016-2017	Trương Kim Ngân (STT 12)	Bùi Nhã Quyên (STT 33)
2017-2018	<i>Không có</i>	Trương Kim Ngân (STT 02) Bùi Nhã Quyên (STT 19)
2018-2019	Bùi Nhã Quyên (STT 01)	Trương Kim Ngân (STT 04)

Sự công nhận và khen thưởng hàng năm được triển khai chính là động lực cho đội ngũ cán bộ hỗ trợ tích cực hơn trong công tác.

2. Điểm mạnh

Khoa có sự phân công công việc cụ thể, rõ ràng cho đội ngũ nhân viên hỗ trợ cũng như có cơ chế giám sát hiệu quả thực hiện công việc chặt chẽ. Nhờ đó, việc khen thưởng được chính xác và giúp khuyến khích tinh thần làm việc cho nhân viên.

3. Điểm tồn tại

KNN chưa có các tiêu chí đánh giá chất lượng công việc chi tiết cũng như cơ chế chính sách khen thưởng tức thời để tạo động lực cho các cán bộ trong quá trình làm việc.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm học 2020-2021, KNN sẽ xây dựng tiêu chí cụ thể để đánh giá chất lượng công việc cũng như xây dựng chính sách khen thưởng kịp thời để tạo động lực hơn nữa cho các nhân viên trong quá trình làm việc.

5. Tự đánh giá: 5/7

Kết luận của tiêu chuẩn 7:

Nhà trường có đội ngũ NV có chuyên môn cao, nhiệt tình trong công việc đáp ứng đầy đủ các yêu cầu trong công tác đào tạo SV toàn trường nói chung cũng như CTĐT LL&PPDH BM Tiếng Anh nói riêng. Đội ngũ NV được tuyển dụng theo các tiêu chí và kế hoạch rõ ràng. Đội ngũ NV hỗ trợ luôn được quan tâm, tạo điều kiện học tập nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ. Việc đánh giá các NV hỗ trợ được nhà trường thực hiện hằng năm, công khai, minh bạch để tạo động lực cho NV hoàn thành tốt nhiệm vụ.

Tiêu chuẩn 8: Người học và hoạt động hỗ trợ người học

Trong hơn 50 năm qua với sứ mệnh là trung tâm đào tạo, nghiên cứu khoa học chuyển giao công nghệ hàng đầu của quốc gia, Đại học Cần Thơ luôn tạo môi trường học tập và rèn luyện tốt cho người học. Chính sách và quy trình thu nhận người học rõ ràng giúp trường tuyển sinh được học viên đầu vào có chất lượng. Hệ thống phần mềm giám sát sự tiến bộ trong học tập của người học được thực hiện một cách kịp thời và minh bạch. Ngoài ra, môi trường tâm lý xã hội tích cực, cảnh quan xung quanh đẹp, tiện ích tốt của nhà trường cũng đã góp phần nâng cao chất lượng đào tạo cho người học.

Tiêu chí 8.1: Chính sách tuyển sinh được xác định rõ ràng, được công bố công khai và được cập nhật

1. Mô tả

Chính sách tuyển sinh được xác định rõ ràng: tuyển sinh đầu vào đúng theo

quy chế tuyển sinh của BGDDT và quy định về đào tạo thạc sĩ của Trường. Hằng năm, hình thức, chỉ tiêu, quy trình thi tuyển, xét tuyển được xác định rõ ràng, công khai, minh bạch. Một số chính sách tuyển sinh trình độ thạc sĩ được xác lập cụ thể trong Quy định đào tạo thạc sĩ như việc đăng ký dự tuyển các ngành đúng, ngành gần¹ và được tham gia các lớp bổ sung kiến thức nhằm hỗ trợ học viên đáp ứng điều kiện tuyển sinh²; chính sách về đối tượng dự thi và chính sách ưu tiên được cộng 10 điểm vào kết quả thi ngoại ngữ thang điểm 100³ (H8.08.01.01).

Ngoài ra, thông báo tuyển sinh cũng xác định cụ thể và tường minh các thông tin về: (1) ngành thi tuyển và môn dự tuyển, (2) điều kiện dự tuyển và khu vực tuyển sinh, (3) điều kiện miễn thi ngoại ngữ, (4) hình thức và thời gian đào tạo, (5) đối tượng và chính sách ưu tiên, (6) hồ sơ đăng ký dự tuyển, (7) điều kiện trúng tuyển, xét tuyển, (8) đăng ký ôn tập, thời gian ôn tập và lệ phí ôn tập, (9) thời gian nộp hồ sơ dự tuyển, lệ phí đăng ký dự thi, thời gian thi tuyển và công bố kết quả, (10) địa chỉ liên hệ đăng ký và nộp hồ sơ và các thông tin liên quan khác (H8.08.01.01).

Các quy định và thông tin liên quan đến công tác tuyển sinh trình độ thạc sĩ hằng năm đều được công bố công khai bằng văn bản và trên website của Trường ĐHCT và Khoa Sau đại học (H8.08.01.02). Với các chính sách tuyển sinh cụ thể và rõ ràng của Trường, KNN đã có số lượng học viên trúng tuyển và nhập học thực tế đạt 100 % như được trình bày ở Bảng 8.1.

Bảng 8.1: Tổng số người đăng ký dự tuyển vào CTĐT, số người học trúng tuyển và nhập học trong 5 năm gần đây

Năm học	Số thí sinh đăng ký vào CTĐT (người)	Số trúng tuyển (người)	Tỷ lệ cạnh tranh	Số nhập học thực tế (người)	Điểm tuyển đầu vào/ thang điểm	Điểm trung bình của sinh viên được tuyển	Số lượng sinh viên quốc tế nhập học (người)

¹ Điều 6. Ngành đúng, ngành phù hợp, ngành gần, và ngành khác với ngành đăng ký dự thi

² Điều 7. Học bổ sung kiến thức

³ Điều 9. Đối tượng và chính sách ưu tiên

2015-2016	111	66	1,7	66	10/10	14,47	0
2016-2017	135	80	1,7	80	10/10	13,62	0
2017-2018	96	86	1,1	86	10/10	16,29	0
2018-2019	52	46	1,1	46	10/10	16,35	0
2019-2020	66	51	1,3	51	12,5/10	15,12	0

Chính sách tuyển sinh được cập nhật hàng năm, và theo đúng các quy định hiện hành.

2. Điểm mạnh

Công tác tuyển sinh của Trường, Khoa được thực hiện đúng quy định của BGDĐT. Ngoài ra, chính sách tuyển sinh được công khai và cập nhật thường xuyên, từ đó người học có thông tin về ngành học, chương trình học tập có thể hoạch định được kế hoạch học tập cho cá nhân ngay từ đầu.

3. Điểm tồn tại

Nhu cầu được đào tạo vẫn còn nhiều nhưng chỉ tiêu tuyển sinh giới hạn. Việc quảng bá chương trình cao học còn chưa đa dạng.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm 2020-2021, Khoa tiếp tục thực hiện và đa dạng hóa công tác quảng bá kế hoạch và thông báo tuyển sinh trên nhiều kênh thông tin khác nhau như trang thông tin điện tử, tờ rơi, mạng xã hội, giới thiệu từ học viên cao học đang tham gia CTĐT hoặc cựu học viên cao học và giảng viên. Ngoài ra, Khoa sẽ tổ chức các buổi tư vấn tuyển sinh trực tiếp hoặc trực tuyến, hay hộp thư điện tử hỗ trợ giải đáp thắc mắc cũng như tư vấn chuẩn bị cho những học viên tiềm năng.

5. Tự đánh giá: 5/7

Tiêu chí 8.2: Tiêu chí và phương pháp tuyển chọn người học được xác định rõ ràng và được đánh giá

1. Mô tả

Quy chế tuyển sinh được thực hiện theo quy định của BGDĐT. Môn thi tuyển gồm 03 môn. Trong đó, có 02 môn thi thuộc chuyên ngành là: Ngôn ngữ học và Phương pháp giảng dạy tiếng Anh, và 01 môn thi điều kiện là tiếng Pháp theo Quy định Đào tạo Thạc sĩ của trường Đại học Cần Thơ (H8.08.02.01).

Thông tin quy định về môn thi cũng được thông báo cụ thể ở Mục I của Thông báo tuyển sinh trình độ Thạc sĩ hàng năm (H8.08.01.01).

Điều kiện trúng tuyển, và xét tuyển được quy định ở Mục VII của Thông báo tuyển sinh trình độ Thạc sĩ hàng năm (H8.08.01.01). Cụ thể như sau:

1. Thí sinh cần đạt tối thiểu 50% của thang điểm đối với mỗi môn thi, kiểm tra (sau khi đã cộng điểm ưu tiên, nếu có).
2. Căn cứ vào chỉ tiêu tuyển sinh đã được thông báo của từng ngành, chuyên ngành và tổng điểm của 02 môn thi (không cộng điểm môn ngoại ngữ), Hội đồng tuyển sinh xác định phương án điểm trúng tuyển.
3. Trường hợp có nhiều thí sinh có cùng tổng điểm 02 môn thi thì xác định người trúng tuyển theo thứ tự ưu tiên sau:
 - a. Thí sinh là nữ, ưu tiên theo quy định Khoản 4, Điều 16, Nghị định số 48/2009/ NĐ-CP ngày 19/05/2009 về các biện pháp bảo đảm bình đẳng giới
 - b. Người có điểm cao hơn ở môn chủ chốt của ngành, chuyên ngành
 - c. Người được miễn thi ngoại ngữ hoặc có điểm ngoại ngữ cao hơn

Quá trình xét tuyển minh bạch và có giám sát chặt chẽ. Tiêu chí và phương pháp tuyển chọn người học được rà soát và đánh giá hàng năm.

2. Điểm mạnh

Trường và Khoa thực hiện rất nghiêm túc việc tuyển sinh đầu vào. Học viên được tuyển chọn theo đúng quy định và đáp ứng tiêu chí đầu vào của CTĐT.

3. Điểm tồn tại

Khoa chưa thực hiện việc khảo sát ý kiến phản hồi của các bên liên quan, đặc biệt là học viên về tiêu chí và phương pháp tuyển chọn đầu vào. Ngoài ra, do bị khống chế số lượng tuyển sinh nên CTĐT không tuyển được thêm học viên dù ứng

viên đạt đủ tiêu chuẩn tham gia CTĐT.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm 2020-2021, Khoa sẽ thực hiện việc khảo sát các bên liên quan về tiêu chí và phương pháp tuyển chọn đầu vào làm cơ sở điều chỉnh tiêu chí và phương pháp nhằm tuyển chọn các ứng viên tốt nhất cho CTĐT. Khoa cũng tiếp tục thực hiện công tác tuyển sinh nghiêm túc như thời gian qua, nghiên cứu linh hoạt hơn trong chính sách tuyển sinh để chương trình tuyển được hết những ứng viên đủ năng lực đáp ứng tiêu chí đầu vào của CTĐT.

5. Tự đánh giá: 5/7

Tiêu chí 8.3: Có hệ thống giám sát phù hợp về sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện, kết quả học tập, khối lượng học tập của người học

1. Mô tả

Trường, Khoa có hệ thống giám sát phù hợp để theo dõi tiến bộ trong học tập và rèn luyện cũng như khối lượng và kết quả học tập của học viên. Trong quá trình học tập, đặc biệt trong giai đoạn thực hiện luận văn, Khoa phân công đội ngũ GV hướng dẫn theo dõi, giám sát, hỗ trợ và phản hồi quá trình học tập của học viên (H8.08.03.01).

Bên cạnh GV hướng dẫn, Khoa phân công nhân sự đảm nhiệm việc giám sát tiến độ và tiến bộ của người học nhằm hỗ trợ học viên hoàn thành chương trình đào tạo đúng thời hạn (H8.08.03.02). Đối với những trường hợp đặc biệt chậm tiến độ sẽ có biện pháp hỗ trợ kịp thời và hiệu quả.

Việc phân bổ khối lượng học tập hợp lý hỗ trợ người học hoàn thành chương trình đào tạo đúng thời hạn. Chi tiết của chương trình đào tạo và phân bổ nội dung đào tạo được phê duyệt có đề cập ở tiêu chuẩn 2 và tiêu chuẩn 3 (H2.02.01.01, H2.02.03.01, H3.03.03.02). Việc giám sát sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện, kết quả học tập, khối lượng học tập của người học được thực hiện theo Quy định Đào tạo Thạc sĩ của Trường ĐHQG (H8.08.02.01).

Trường có hệ thống quản lý trực tuyến giúp Khoa, nhân sự chuyên trách công tác đào tạo sau đại học cũng như học viên tự theo dõi được tiến độ học tập. Mỗi học viên cao học có email của trường, và tài khoản riêng để theo dõi điểm số, cũng

nghĩa là số tín chỉ đã hoàn thành. Từng học kỳ, khi đăng ký học phần, hệ thống phần mềm sẽ giám sát khối lượng tín chỉ tối đa theo quy định. Từ đó, có kế hoạch phù hợp cho thời gian tiếp theo trong chương trình đào tạo (H8.08.03.03).

Bên cạnh nhân sự tại Khoa thì trường có hẳn Khoa chuyên trách – Khoa Sau đại học quản lý chung các chương trình sau đại học. Khoa phụ trách giúp hỗ trợ theo dõi tỉ lệ chậm tiến độ, thôi học và tốt nghiệp của học viên (H8.08.03.04).

2. Điểm mạnh

Trường và Khoa có hệ thống theo dõi và giám sát tiến bộ của người học. Nhà trường cũng cấp email cá nhân cho mỗi học viên cũng như tài khoản cá nhân để học viên có thể tự theo dõi tiến độ học tập của cá nhân. Hệ thống này cũng giúp ích cho việc giám sát tiến độ và tiến bộ của người học ở cấp quản lý.

3. Điểm tồn tại

Hầu như không có tồn tại.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm 2020-2021, Khoa sẽ tiếp tục phát huy hiệu quả công tác trong thời gian qua và tiếp tục duy trì hiệu quả trong thời gian tới.

5. Tự đánh giá: 5/7

Tiêu chí 8.4: Có các hoạt động tư vấn học tập, hoạt động ngoại khóa, hoạt động thi đua và các dịch vụ hỗ trợ khác để giúp cải thiện việc học tập và khả năng có việc làm của người học

1. Mô tả

Đối với các hoạt động tư vấn học tập, hoạt động ngoại khóa, hoạt động thi đua và các dịch vụ hỗ trợ khác để giúp học viên cao học của Khoa cải thiện việc học tập và khả năng có việc làm thì Khoa đẩy mạnh công tác giao lưu học thuật và nghiên cứu khoa học. Chương trình đào tạo của Khoa nhấn mạnh việc bồi dưỡng khả năng NCKH cho học viên và cơ hội giao lưu học thuật với các bạn bè trong khu vực và quốc tế. Khoa phân công nhân sự đảm nhiệm việc lên kế hoạch và thực hiện kế hoạch tổ chức các hoạt động học thuật khuyến khích và đẩy mạnh việc NCKH ở học viên cao học.

Cụ thể, có nhiều chuyến trao đổi học thuật với học viên cao học Thái Lan từ năm 2015 đến năm 2017. Tóm tắt số liệu ở Bảng bên dưới. Các quyết định cử học viên

tham dự trao đổi học thuật cũng được đính kèm (H8.08.04.01).

BẢNG: Tóm tắt số liệu cử học viên tham dự trao đổi học thuật tại Thái Lan

Thời gian	Quốc gia	Số lượng học viên	Ghi chú
2015	Thái Lan	06	Học viên khóa 20
2016	Thái Lan	10	Học viên khóa 21
3/2017	Thái Lan	08	Học viên các khóa
11/2017	Thái Lan	02	Học viên các khóa

Ngoài ra, các học viên cao học cũng chủ động tìm kiếm các Hội thảo quốc tế được tổ chức ở trong và ngoài nước để đăng ký tham dự, báo cáo tại Hội thảo (H8.08.04.02), và nộp bài xuất bản ở Kỷ yếu Hội thảo, tạp chí khoa học, monograph v.v. (H8.08.04.03).

Về hoạt động tư vấn việc làm thì hiện nay hầu như học viên chưa có nhu cầu. Đặc thù học viên của chương trình đào tạo này thường đang tham gia giảng dạy tại các trung tâm ngoại ngữ, cơ sở đào tạo chính qui hoặc tư thực ở các cấp. Do đó, hoạt động học thuật hỗ trợ phát triển chuyên môn và NCKH đã và đang giúp ích cho kiến thức và kỹ năng nghề nghiệp của họ. Tuy nhiên, trong tương lai xu hướng học cao học sẽ trẻ hóa, nghĩa là sinh viên vừa tốt nghiệp đại học sẽ thi tuyển ngay để học cao học tiếp tục, và như vậy sẽ có nhiều học viên chưa có việc làm toàn thời gian. Do đó, hoạt động tư vấn việc làm sẽ cần thiết trong tương lai.

Khoa có triển khai thực hiện khảo sát học viên về chất lượng, hiệu quả của các hoạt động tư vấn hỗ trợ học tập. Nhìn chung, kết quả khảo sát cho thấy có 89.7% (157/175) số học viên tham gia khảo sát phản hồi hài lòng và rất hài lòng với mảng hoạt động hỗ trợ học thuật của khoa (H1.01.03.04).

2. Điểm mạnh

Hoạt động hỗ trợ NCKH và giao lưu học thuật được thực hiện rất tốt và thường xuyên giúp học viên nâng cao chuyên môn cũng như có động lực NCKH tốt hơn. Học viên có cơ hội tiếp xúc, giao lưu và học hỏi về chuyên môn cũng như học thuật với các chuyên gia, bạn bè trong và ngoài nước. Số lượng NCKH nâng cao thông

qua các xuất bản trên các ấn phẩm như tạp chí khoa học, kỷ yếu hội thảo, monograph, v.v...

3. Điểm tồn tại

Khoa chưa bố trí một bộ phận cụ thể chịu trách nhiệm tư vấn việc làm cho học viên do đa số học viên của chương trình đào tạo đang là giảng viên tại các trung tâm ngoại ngữ, trường học chính qui và tự thực các cấp trên địa bàn ĐBSCL, cho nên nhu cầu được tư vấn việc làm chưa được phát triển mạnh.

4. Kế hoạch hành động

Khoa sẽ tiếp tục phát huy thế mạnh về hỗ trợ NCKH và giao lưu học thuật như thời gian qua. Từ năm 2020-2021, Khoa sẽ phân công bộ phận chịu trách nhiệm thêm hoạt động tư vấn việc làm cho học viên. Khoa cũng tiếp tục thực hiện việc khảo sát phản hồi của học viên sau tốt nghiệp về chất lượng và hiệu quả của các hoạt động tư vấn học tập và hỗ trợ việc làm cũng như gợi ý thêm những hoạt động mới có ích.

5. Tự đánh giá: 5/7

Tiêu chí 8.5: *Môi trường tâm lý, xã hội và cảnh quan tạo thuận lợi cho hoạt động đào tạo, nghiên cứu và sự thoải mái cho cá nhân người học*

1. Mô tả

Để tạo thuận lợi cho hoạt động đào tạo thì nhà trường có hệ thống phòng học, và giảng đường với trang thiết bị đầy đủ phục vụ cho việc học tập được diễn ra hiệu quả. Về địa điểm thì các phòng học và giảng đường được bố trí ở cả khu II (đường 3/2, TP Cần Thơ) và khu I (đường 30/4, TP Cần Thơ). Về trang thiết bị thì các phòng học được trang bị máy chiếu hoặc màn hình tivi cỡ lớn kèm cáp kết nối với máy tính của GV, âm thanh, ánh sáng đầy đủ; một số phòng được trang bị máy điều hòa. Điều kiện thiết bị và cơ sở vật chất đáp ứng nhu cầu học tập của học viên (H8.08.05.01).

Cảnh quan của trường đảm bảo được sự thoải mái cho học viên. Khuôn viên trường rộng rãi, được trồng nhiều cây xanh và cây có hoa theo mùa như phượng, điệp, bằng lăng, sứ trắng và kèn hồng. Do đó, không khí rất trong lành và có phong cảnh đẹp (H8.08.05.02). Sau những giờ học tập trung căng thẳng tại lớp, học viên có thể tản bộ dọc theo các con đường trong khuôn viên trường để thư giãn, hoặc có thể học nhóm trên các bãi cỏ hoặc bàn ghế công cộng trong khuôn viên tại khu II (H8.08.05.03).

Đối với hoạt động NCKH, Trung tâm học liệu (thư viện) của trường cung cấp tài liệu in và cơ sở dữ liệu phục vụ việc học tập và nghiên cứu của học viên. Ngoài ra, học viên có thể sử dụng máy tính công của trường ở các phòng máy tính tọa lạc tại khu II và không gian ở Trung tâm học liệu của trường để làm việc và làm việc, tra cứu tài liệu và nghiên cứu. Đặc biệt, học viên có thể đăng ký sử dụng các phòng thảo luận để có thể thảo luận nhóm hoặc trao đổi việc học tập, nghiên cứu cùng các bạn chung khóa, phát triển việc học hợp tác, hình thành cộng đồng học tập và giúp học viên có môi trường tương tác với nhau ngoài giờ học trên lớp (H8.08.05.04). Như vậy, có thể nhận thấy cơ sở vật chất và cảnh quan của trường tạo điều kiện học tập và NCKH cho học viên và từ đó giúp tâm lý người học được thoải mái để có thể học tập được hiệu quả nhất.

Ngoài ra, hệ thống ký túc xá đảm bảo an toàn và thoải mái cho việc sinh hoạt cá nhân ngoài giờ học, hỗ trợ học viên yên tâm học tập và NCKH. Trường ĐHCT xây dựng khu ký túc xá B ưu tiên cho học viên cao học và nghiên cứu sinh trong và ngoài nước. Khu ký túc xá có 8 dãy, mỗi dãy 5 tầng, mỗi tầng có khoảng 15 phòng, mỗi phòng có khoảng 6 giường; tổng cộng có khoảng 3.600 chỗ ở. Trong khu ký túc xá có kèm các tiện ích khác như nhà để xe, nhà ăn và cửa hàng tiện ích phục vụ nhu cầu của học viên khi cần. Ngoài ra, học viên lưu trú ở ký túc xá còn có cơ hội giao tiếp với các học viên cao học và nghiên cứu sinh nước ngoài tới học tập tại trường ĐHCT (H8.08.05.05). Điều này cho thấy học viên của trường được quan tâm không những về cơ sở vật chất và cảnh quan mà cả môi trường tâm lý xã hội cũng được xây dựng tích cực.

Bên cạnh cơ sở vật chất cho học thuật và cảnh quan thì trường cũng quan tâm đặc biệt đến việc đảm bảo sức khỏe thông qua dịch vụ chăm sóc y tế tại trường khi có nhu cầu và nơi tập thể dục thể thao rèn luyện sức khỏe cho người học (H8.08.05.06). Hoạt động thể dục thể thao ngoài tác dụng tăng cường sức khỏe còn tạo điều kiện cho học viên thư giãn và mở rộng quan hệ xã hội. Từ đó, giúp duy trì môi trường tâm lý xã hội tích cực cho học viên.

Việc phòng cháy chữa cháy cũng được nhà trường lưu tâm để đảm bảo sự an toàn tính mạng và tài sản cho học viên khi tham gia học tập tại trường (H8.08.05.07).

Khoa cũng thực hiện khảo sát sự hài lòng học viên về điều kiện cơ sở vật chất hiện nay phục vụ cho việc dạy và học chương trình cao học cũng như NCKH.

Ngoài ra, học viên cũng rất hài lòng về cảnh quan của trường đối với sự thoải mái và an toàn của cá nhân. Kết quả khảo sát học viên cho tiêu chí này cho thấy có 94.7% (165/175) học viên tham gia khảo sát phản hồi hài lòng và rất hài lòng với môi trường học tập và sinh hoạt hiện nay của nhà trường.

2. Điểm mạnh

Trường ĐHCT có hệ thống cơ sở hạ tầng tốt, đảm bảo điều kiện về môi trường tâm lý, xã hội và cảnh quan tạo thuận lợi cho hoạt động đào tạo cũng như nghiên cứu khoa học và sự thoải mái cho học viên trong quá trình học tập cũng như sinh hoạt tại trường.

3. Điểm tồn tại

Hiện nay với phản hồi tích cực từ phía học viên, tiêu chí này hầu như không có điểm tồn tại đáng kể.

4. Kế hoạch hành động

Tiếp tục thu thập thông tin phản hồi từ học viên và các BLQ về môi trường tâm lý, xã hội và cảnh quan của trường để tiếp tục phát huy cũng như cải thiện tốt hơn nhằm đáp ứng nhu cầu của học viên và đảm bảo chất lượng dạy và học.

5. Tự đánh giá: 5/7

Kết luận của tiêu chuẩn 8:

Trường ĐHCT luôn tạo môi trường học tập và rèn luyện tốt cho học viên. Chính sách và quy trình thu nhận học viên rõ ràng giúp trường tuyển sinh được học viên đầu vào có chất lượng. Hệ thống phần mềm giám sát sự tiến bộ trong học tập của học viên được thực hiện một cách kịp thời và minh bạch. Quá trình học tập của học viên còn được Khoa và Nhà trường hỗ trợ thông qua các hoạt động khuyến khích và phát triển kỹ năng nghiên cứu khoa học và xuất bản ấn phẩm cũng như các hoạt động giao lưu học thuật như Hội thảo hay Báo cáo chuyên đề với học viên trong khu vực và quốc tế. Ngoài ra, môi trường tâm lý xã hội tích cực, cảnh quan xung quanh đẹp, tiện ích tốt của nhà trường cũng đã góp phần nâng cao chất lượng đào tạo.

Tiêu chuẩn 9: Cơ sở vật chất và trang thiết bị

CSVCL và trang thiết bị là một trong những chỉ tiêu quan trọng ĐBCL đào tạo của cơ sở giáo dục. Trường ĐHCT, trong suốt 54 năm hình thành và phát triển, đã không ngừng mở rộng cơ sở hạ tầng; đầu tư, hoàn thiện CSVCL, trang thiết bị phù hợp nhằm hỗ trợ tốt công tác đào tạo và NCKH, đáp ứng mục tiêu của CTĐT thạc sĩ LL&PPDH

BM tiếng Anh. Các nguồn học liệu như máy tính, công thông tin điện tử, tài liệu thư viện... đều được trang bị tốt đáp ứng nhu cầu của người học, GV và nhân viên.

Tiêu chí 9.1: Có hệ thống phòng làm việc, phòng học và các phòng chức năng với các thiết bị phù hợp để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu

1. Mô tả

Hiện tại, KNN có khối văn phòng làm việc được bố trí tại cơ sở Khu I của Trường ĐHCT tọa lạc tại số 411 đường 30/4, Phường Hưng Lợi, Quận Ninh Kiều, TP Cần Thơ. Mặc dù các phòng làm việc chưa thực sự hiện đại và tiện ích nhưng cũng đủ phục vụ cho nhu cầu làm việc của các đơn vị trực thuộc. Ngoài các văn phòng làm việc cho Ban Chủ nhiệm Khoa, Văn phòng Khoa, các Văn phòng đoàn thể và các Bộ môn trực thuộc, Khoa còn có thêm 01 hội trường với sức chứa 100 chỗ, 01 phòng chuyên đề và 01 phòng họp của Khoa (H9.09.01.01).

Về phòng học, một phần các lớp thuộc chuyên ngành ngoại ngữ được bố trí sử dụng nguồn lực các phòng học chung của toàn trường. Theo thông tin công khai của nhà trường về cơ sở vật chất, nhà trường hiện có 11 phòng học/ hội trường có sức chứa trên 200 chỗ ngồi, 40 phòng học có sức chứa từ 100-200 chỗ, 214 phòng có sức chứa từ 50-100, 88 phòng học có sức chứa dưới 50 chỗ cùng 09 phòng học đa phương tiện phục vụ giảng dạy (H9.09.01.02). Do đặc thù các môn học thuộc chuyên ngành chuyên ngữ cần có sự tương tác cao với sĩ số khá thấp, các lớp học trực thuộc Khoa Ngoại ngữ được bố trí chủ yếu tại các khu nhà học D1, D2, A1, A3, C1, C2.

Ngoài phần cơ sở vật chất chung của nhà trường, Khoa Ngoại ngữ còn được giao quản lý và toàn quyền sử dụng 05 phòng học ở khu K1 (05 phòng học dành riêng cho chương trình Chất lượng cao), 02 phòng đa phương tiện được trang bị 28 máy tính có kết nối mạng, 01 phòng thực hành biên phiên dịch được trang bị đầy đủ cabin dịch, hệ thống âm thanh, tai nghe, TV, máy chiếu và các thiết bị khác phục vụ cho nhu cầu đào tạo chuyên ngành Phiên dịch – Biên dịch (H9.09.01.03). Song song đó, trong khuôn khổ Đề án ngoại ngữ Quốc gia 2020, Trường và Khoa còn được hỗ trợ kinh phí để trang bị thêm phòng thực hành tiếng (Language Lab) dành riêng cho việc đào tạo ngoại ngữ được bố trí tại nhà học C2 với đầy đủ máy tính và các chương trình phần mềm phục vụ giảng dạy tiếng Anh. Tại đây, Khoa cũng được bố trí một phòng học kiểu mẫu dành riêng cho việc thực tập giảng dạy của các chuyên ngành Sư phạm do Khoa đang phụ trách đào tạo (H9.09.01.04).

Trong thời gian tới, tương ứng với tầm nhìn và sứ mệnh của nhà trường, đặc biệt là kế hoạch nâng cấp Trường ĐHCT trở thành trường có tầm vóc của Khu vực Châu Á, nhà trường đã phê duyệt các gói kinh phí nhằm tiếp tục nâng cấp và mở rộng khuôn viên nhà học KNN cũng như nâng cấp cơ sở vật chất của Khoa nhằm đáp ứng tốt hơn nữa nhu cầu làm việc và học tập của tập thể cán bộ và người học của Khoa (H9.09.01.05).

2. Điểm mạnh

Cơ sở vật chất phục vụ cho công tác giảng dạy có thể được xem là một thế mạnh trong đào tạo của Khoa với nguồn cơ sở vật chất đa dạng và đầy đủ chức năng phục vụ cho nhu cầu đào tạo chung lẫn chuyên biệt dành cho khối ngành chuyên ngữ. Bên cạnh các nguồn lực tài chính từ nhà trường được ưu tiên đầu tư cho KNN, nguồn lực kinh phí từ các đề án cấp quốc gia như đề án Ngoại ngữ quốc gia 2020 đã thực sự tạo thêm thế mạnh về kinh phí để giúp Khoa ngày càng cải thiện tốt hơn cơ sở vật chất phục vụ cho đào tạo sinh viên các chuyên ngành trực thuộc.

3. Tồn tại

Một trong những tồn tại về cơ sở vật chất của Khoa cần được cải tiến là hệ thống phòng làm việc của Khoa. Hiện tại, Khoa đang được bố trí tạm sử dụng lại toà công ốc của trường Đại học Cần Thơ để phục vụ làm văn phòng làm việc cho cả Khoa. Dù ở vị trí rất thuận lợi, xét về mặt nào đó, thiết kế và cách bố trí hiện tại chưa thực sự phù hợp cho nhu cầu làm việc của Ban quản lý, khối phòng ban và các bộ môn. Song song đó, tập thể GV của Khoa cũng chưa được bố trí văn phòng làm việc cố định để có thể tập trung thực hiện các công tác chuyên môn một cách chuyên nghiệp hơn.

5. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Nằm trong kế hoạch nâng cấp tổng thể của trường Đại học Cần Thơ, nhà trường đã phê duyệt các gói kinh phí nhằm tiếp tục nâng cấp và mở rộng khuôn viên nhà học Khoa Ngoại ngữ cũng như nâng cấp cơ sở vật chất của Khoa nhằm đáp ứng tốt hơn nữa nhu cầu làm việc và học tập của tập thể cán bộ và sinh viên của Khoa. Do đó, Khoa sẽ đề xuất nhà trường xây dựng và bố trí lại khu vực làm việc của Khoa cũng như bố trí và trang bị khu vực làm việc cho các giảng viên giữ vai trò cốt cán của Khoa nhằm tạo điều kiện tốt nhất để có thể thúc đẩy các hoạt động sinh hoạt, trao đổi chuyên môn cũng như nghiên cứu của GV và người học của Khoa.

5. Tự đánh giá: 5/7

Tiêu chí 9.2: Thư viện và các nguồn học liệu phù hợp và được cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu.

1. Mô tả

Sinh viên và học viên Trường ĐHCT nói chung và các ngành trực thuộc KNN nói riêng được thừa hưởng nguồn học liệu đa dạng, phong phú và cập nhật từ Trung tâm học liệu (TTHL) phục vụ cho sinh viên và học viên toàn trường. Trung tâm học liệu lưu trữ các nguồn học liệu truyền thống dạng bản in và trực tuyến với tổng diện tích 7.560 m². Trung tâm học liệu có tổng số 10 phòng đọc sách, 1000 chỗ ngồi, 411 máy tính trong đó có 300 máy tính hiện đại được nối mạng internet không giới hạn phục vụ bạn đọc và 61 máy phục vụ đào tạo, tập huấn và chuyên môn. Số lượng đầu sách in, ebook, cơ sở dữ liệu trong thư viện bao gồm 131.544 nhan đề với 297.068 quyền sách in, 188 nhan đề tạp chí với 2.287 quyền, 188.196 tài liệu điện tử nội sinh và mua quyền truy cập trong đó: nội sinh: 40.196, mua quyền truy cập hàng năm bao gồm 148.000 Cds và 34 CSDL mua và miễn phí. Hệ thống thư viện điện tử và các cơ sở dữ liệu điện tử được TTHL cập nhật và mua bản quyền như Emerald Insight, ProQuest, Cabi, Springerlink, Ebrary, Research4life. Trung tâm học liệu trường cũng nằm trong hệ thống liên kết với 35 đơn vị liên kết nhằm phục vụ tốt nhất nhu cầu học tập và nghiên cứu của giảng viên và sinh viên (trong đó có 30 đơn vị ngoài nước và 05 đơn vị trong nước) (H9.09.02.01).

Ngoài hệ thống học liệu, TTHL cũng đầu tư các trang thiết bị hiện đại phục vụ cho các nhu cầu hoạt động học thuật của giảng viên và người học bao gồm các phòng hội nghị, phòng thảo luận nhóm, với hệ thống American Hangout, hệ thống cầu truyền hình và nhiều phương tiện kỹ thuật hiện đại, phòng nghe nhìn đa phương tiện nhằm phục vụ tốt nhất môi trường học tập hiện đại, thoải mái, chuyên nghiệp và tiện ích cho giảng viên và người học. TTHL cũng thường xuyên tổ chức các đợt tham quan, hướng dẫn sử dụng các nguồn học liệu tại trung tâm cho sinh viên các khoá mới và khách bên ngoài (H9.09.02.02).

Bên cạnh nguồn học liệu chung từ TTHL, giảng viên, học viên cao học và sinh viên chuyên ngữ còn được tiếp cận với nguồn học liệu chuyên ngành từ các thư viện trực thuộc Khoa Sư phạm và tủ sách chuyên ngành các Bộ môn Sư Phạm Anh văn và

Ngôn ngữ văn hoá Anh. Thư viện Khoa Sư phạm hiện đang lưu trữ một lượng lớn các đầu sách chuyên ngành sâu cho các ngành chuyên ngữ⁴. Các nguồn sách được lưu trữ tại Khoa Sư phạm và các tủ sách chuyên ngành cấp Bộ môn chủ yếu bao gồm các tài liệu thuộc chuyên ngành Phương pháp giảng dạy tiếng Anh, quá trình tiếp thu ngôn ngữ, Biên dịch, Phiên dịch tiếng Anh, Văn hoá, Văn chương cùng với bộ sưu tập các luận văn/tiểu luận tốt nghiệp qua các năm do sinh viên và học viên các ngành trực thuộc Khoa thực hiện (H9.09.02.03). Hằng năm, TTHL cũng như thư viện các Khoa đều tiến hành rà soát, cập nhật bổ sung nguồn tư liệu mới để đáp ứng nhu cầu phát triển, cập nhật thông tin kịp thời, nâng cao chất lượng đào tạo, NCKH cho người học trong đó cho phép giảng viên các đơn vị được quyền đề xuất các danh mục sách chọn lọc cần được mua bổ sung vào nguồn học liệu phục vụ giảng dạy (H9.09.02.04).

2. Điểm mạnh

Các nguồn tài liệu phục vụ học tập và nghiên cứu của Trường ĐHCT nói chung và người học thuộc KNN nói riêng khá phong phú do họ được phép tiếp cận nhiều nguồn tài liệu khác nhau. Mạng lưới liên kết giữa Trường ĐHCT với 35 tổ chức khác cũng cho phép người học và giảng viên có thể tìm kiếm và tiếp cận ngay cả đối với những tài liệu hiện chưa có tại trường. Công tác bổ sung nguồn học liệu thường xuyên cũng là một trong những công tác trọng tâm được nhà trường luôn quan tâm. Trong những năm gần đây, với sự ra đời của Nhà xuất bản ĐHCT, các nguồn sách là giáo trình giảng dạy hoặc sách chuyên khảo do chính các Thầy/ Cô tham gia giảng dạy biên soạn và xuất bản cũng trở thành một nguồn tài liệu khá quan trọng đối với sinh viên, phục vụ tốt hơn cho nhu cầu đào tạo của từng chuyên ngành của Khoa.

3. Tồn tại

Mặc dù nguồn học liệu khá đa dạng, các đầu sách chuyên khảo dành riêng cho công tác bồi dưỡng nâng cao năng lực chuyên môn cho GV trong công tác giảng dạy và nghiên cứu còn khá khiêm tốn và đang được quản lý rải rác ở nhiều nơi khác nhau (thư viện Khoa Sư phạm, tủ sách các Bộ môn). Do đó, việc khuyến khích tập thể cán bộ cùng người học tham gia cải tiến trong chuyên môn và đẩy mạnh các hoạt động

⁴ Do lịch sử Khoa Ngoại ngữ được thành lập trên cơ sở kết hợp nguồn lực từ Khoa Sư phạm và Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn)

nghiên cứu có phần chưa được thực sự hiệu quả.

Chưa có lộ trình dài hạn để xây dựng và hoàn thiện các giáo trình chuyên ngành thuộc về thể mạnh của Khoa cũng như nhanh chóng bổ sung những giáo trình cần thiết nhưng hiện tại chưa được hoàn thiện.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm 2020-2021, song song với việc tiếp tục nâng cấp cơ sở vật chất và quy mô của Khoa theo kế hoạch chung của trường, Khoa sẽ đề xuất được thành lập phòng chuyên môn của Khoa trong đó tập hợp và quản lý tất cả các nguồn học liệu thuộc về chuyên môn của Khoa Ngoại ngữ để thực sự tạo thành nguồn học liệu tập trung, đa dạng và đầy đủ, tạo điều kiện thuận lợi hơn cho giảng viên và người học của Khoa được tiếp cận và sử dụng hiệu quả.

Khoa cũng sẽ xây dựng lộ trình phù hợp đề xuất các giáo trình được ưu tiên biên soạn theo nhu cầu đào tạo thực tiễn và có chính sách khuyến khích GV có chuyên môn phù hợp tham gia công tác biên soạn.

5. Tự đánh giá: 5/7

Tiêu chí 9.3: Phòng thí nghiệm, thực hành và trang thiết bị phù hợp và được cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu

1. Mô tả

Do đặc thù của ngành chuyên ngữ nên CTĐT ngành LL&PPDH BM Tiếng Anh không có các phòng thí nghiệm như các CTĐT khác. Để phục vụ cho nhu cầu chuyên biệt trong dạy và học tiếng, ngoài các khu nhà học thuộc phạm vi quản lý chung của trường phục vụ cho các lớp học mang tính lý thuyết, KNN được trang bị 05 phòng học ở khu K1⁵, 02 phòng đa phương tiện với số lượng máy tính được trang bị 28 máy tính có kết nối mạng, 01 phòng thực hành biên phiên dịch được trang bị đầy đủ cabin dịch, hệ thống âm thanh, tai nghe, TV, máy chiếu và các thiết bị khác phục vụ cho nhu cầu đào tạo chuyên ngành Phiên dịch – Biên dịch (H9.09.01.03). Các phòng này được thiết kế khá chuyên biệt phục vụ cho các hoạt động dạy và học mang tính cải tiến và đổi mới của giảng viên và người học của Khoa. Việc trang bị đầy đủ các phương tiện đa truyền thông và kết nối mạng trong từng phòng học tạo điều kiện vô cùng

⁵ Phòng học dành riêng cho chương trình chất lượng cao

thuận lợi cho việc đưa các nguồn học liệu thực tiễn trên các phương tiện truyền thông vào lớp học, nhằm nâng cao sự hứng thú trong học tập cũng như hiệu quả dạy và học của các lớp.

Song song đó, trong khuôn khổ Đề án ngoại ngữ Quốc gia 2020, Trường và Khoa còn được hỗ trợ kinh phí để trang bị thêm 01 phòng thực hành tiếng (Language Lab) dành riêng cho việc đào tạo ngoại ngữ được bố trí tại nhà học C2 với đầy đủ máy tính và các chương trình phần mềm phục vụ giảng dạy tiếng Anh. Tại đây, Khoa cũng được bố trí 01 phòng học kiểu mẫu dành riêng cho việc thực tập giảng dạy các chuyên ngành Sư phạm do Khoa đang phụ trách đào tạo (H9.09.01.04). Các phòng thực hành tiếng và phòng học kiểu mẫu này cho phép sinh viên và học viên các ngành sư phạm có môi trường thực hành, tập giảng, và thực hiện các hoạt động chuyên môn khác trong giai đoạn tập sự làm giảng viên. Cũng trong phạm vi của Đề án, Khoa còn tạo điều kiện cho người học tiếp cận với các phần mềm chuyên môn phục vụ cho công tác tập sự giảng dạy hay nâng cao năng lực chuyên môn (H09.09.03.01).

Việc bảo dưỡng và cập nhật thiết bị mới cho các phòng chức năng cũng được KNN quan tâm và thực hiện hàng năm theo đúng chính sách chung của Trường để đáp ứng nhu cầu về đào tạo và NCKH phục vụ cho đơn vị (H9.09.03.02). Nhằm đảm bảo việc phục vụ cũng như kiểm tra giám sát hiệu quả sử dụng các phòng thực hành tại KNN, Trung tâm học liệu của Trường, ban lãnh đạo Khoa và nhà Trường đều phân công cán bộ phụ trách từng khu vực cụ thể; có hồ sơ theo dõi, quản lý và đánh giá hiệu quả việc sử dụng các trang thiết bị (H9.09.03.03).

2. Điểm mạnh

Hệ thống phòng học, phòng language labs và phòng thực hành phiên dịch biên dịch mà Khoa đang được bố trí sử dụng đáp ứng tốt nhu cầu đối với các môn học chuyên biệt của Khoa. Người học cũng được tiếp cận khá phong phú các nguồn học liệu và phần mềm giảng dạy có chất lượng góp phần nâng cao hiệu quả dạy và học.

3. Tồn tại

Các phòng học chuyên dùng cho dạy và học ngoại ngữ là một yếu tố quan trọng góp phần tạo điều kiện tốt nhất cho công tác dạy và học ngoại ngữ. Tuy nhiên, số lượng phòng học chuyên dùng cho học tập ngoại ngữ này cần được đầu tư thêm để đảm bảo sinh viên tất cả các khoá thuộc chuyên ngành ngôn ngữ được sử dụng thường

xuyên hơn. Song song đó, việc bố trí các nhóm lớp ngoại ngữ học tập tại hệ thống phòng học chung của toàn trường đôi khi chưa được bố trí hợp lý về sức chứa và thiết kế phòng học nên phần nào ảnh hưởng đến các hoạt động dạy và học tích cực và năng động theo định hướng học tập năng động, tương tác cao.

4. Kế hoạch hành động

Bắt đầu từ năm học 2020-2021, Bộ phận Giáo vụ phụ trách xếp lịch của các Bộ môn và của Khoa sẽ khảo sát kỹ càng yêu cầu sử dụng phòng học của GV phụ trách từng học phần. Trên cơ sở này, Bộ phận xếp lịch sẽ phối hợp chặt chẽ hơn với Phòng Đào tạo của nhà trường trong việc chọn lựa và bố trí phòng học cho các lớp trực thuộc Khoa đảm bảo tính hợp lý về kích cỡ và thiết kế của phòng học để giảng viên có thể phát huy tối đa hiệu quả giảng dạy của mình. Song song đó, Khoa sẽ có đề xuất theo lộ trình tiếp tục tăng cường trang bị thêm các phòng thực hành dành riêng cho việc giảng dạy ngôn ngữ, đảm bảo có thể phục vụ nhu cầu lớn hơn của người học thuộc các chuyên ngành của Khoa.

5. Tự đánh giá: 5/7

Tiêu chí 9.4: Hệ thống công nghệ thông tin phù hợp và được cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu

1. Mô tả

Trong vòng 5 năm qua, Trường ĐHCT đã đầu tư nâng cấp liên tục nhằm đảm bảo trang bị đầy đủ hệ thống nền tảng công nghệ thông tin (CNTT) hiệu quả phục vụ cho nhu cầu làm việc cũng như dạy và học của GV và người học.

Đơn vị chủ quản phụ trách CNTT của trường là Trung tâm Thông tin và Quản trị mạng và Phòng thiết bị của trường. Hiện tại, ngoài hệ thống máy tính cố định sinh viên có thể sử dụng tại Trung tâm học liệu, các thư viện cấp khoa và các phòng máy tính, toàn bộ khuôn viên trường và các khu nhà học đều được trang bị hệ thống mạng wifi ổn định phục vụ tốt cho nhu cầu truy cập mạng và tiếp cận dữ liệu phục vụ cho nghiên cứu và giảng dạy. Đi kèm với hệ thống mạng là việc trang bị các thiết bị trình chiếu như máy chiếu (projector) và TV màn hình khổ lớn trong từng phòng học.

Nhà trường cũng đã tận dụng tốt thế mạnh của CNTT trong khâu thông tin liên lạc và quản lý hầu hết tất cả các hoạt động liên quan đến dạy, học và nghiên cứu của nhà trường thông qua hệ thống phần mềm tích hợp. Mỗi người học và giảng viên

đều có tài khoản cá nhân riêng để truy cập vào tài khoản do nhà trường cung cấp, có email riêng. Người học thực hiện tất cả các khâu lập kế hoạch học tập, đăng ký học phần, lập TKB cá nhân, theo dõi lịch học, thông báo từ nhà trường và giảng viên, kiểm tra tiến độ học tập, kết quả học tập, điểm trung bình,.. toàn bộ đều thông qua việc sử dụng hệ thống trực tuyến (H8.08.03.03). Nhà trường cũng thiết lập hệ thống học tập trực tuyến giúp công khai và truyền tải các thông tin về chương trình học, đề cương học phần, tài liệu học tập, ôn tập trực tuyến <https://elearning.ctu.edu.vn/login/index.php>. Các nguồn thông tin quan trọng khác còn được cập nhật thường xuyên qua hệ thống các websites và fanpage của từng đơn vị đào tạo trong đó có KNN <https://sfl.ctu.edu.vn/> (H9.09.04.01).

Nhằm đáp ứng nhu cầu đa dạng của người học, trường ĐHCT còn đầu tư phát triển hệ thống dạy học và đánh giá trực tuyến và đưa vào sử dụng khá hiệu quả, trong đó có lồng ghép sử dụng các chương trình dạy học trực tuyến phổ biến hiện nay như Dokeos, Edmodo, Moodle. Trong giai đoạn điều kiện học tập và giảng dạy thay đổi trong năm 2020, nhà trường cũng từng bước triển khai và khuyến khích giảng viên nghiên cứu thực hiện công tác giảng dạy trực tuyến thông qua việc sử dụng các phần mềm chuyên dụng như Zoom hay livestream (H9.09.04.02). Các hình thức học trực tuyến này giữ vai trò khá quan trọng đối với công tác trao đổi thông tin, thảo luận giữa giảng viên và sinh viên, theo dõi quá trình tự học của người học ngoài lớp học đặc biệt là với loại hình đào tạo từ xa.

Để đảm bảo hệ thống hoạt động tốt, hàng năm, nhà Trường đều có kế hoạch bảo trì, bảo dưỡng, nâng cấp hệ thống công nghệ thông tin trong phạm vi toàn trường (H9.09.04.03). Bên cạnh đó, việc tập huấn công nghệ thông tin cho cán bộ nhằm kịp thời cập nhật và có thể sử dụng hiệu quả hệ thống công nghệ cũng được tổ chức thường xuyên. Nhằm kịp thời điều chỉnh, thay đổi chính sách liên quan hệ thống công nghệ thông tin phục vụ nhu cầu đào tạo, NCKH cho cán bộ, sinh viên, Trường ĐHCT cũng như KNN thường xuyên tổ chức lấy ý kiến phản hồi của người học và các bên liên quan (H9.09.04.04).

2. Điểm mạnh

Trên cơ sở kết hợp nhiều nguồn lực của nhà trường, Khoa Ngoại ngữ đảm bảo cho người học được tiếp cận với hệ thống thông tin liên lạc và các cơ sở dữ liệu hiệu quả và đa dạng phục vụ cho công tác học tập trong và ngoài lớp học. Việc phối

hợp với các nhà xuất bản có uy tín để tiếp tục tận dụng thêm các nguồn lực sẵn có nhằm tăng cường hỗ trợ việc học của người học một cách hiệu quả cũng tạo thêm thế mạnh cho các ngành của Khoa và đảm bảo cho người học ra trường không chỉ có đủ năng lực chuyên môn về ngôn ngữ và có đủ kiến thức và kỹ năng trong việc tiếp cận và sử dụng công nghệ thông tin một cách hiệu quả.

3. Tồn tại

Các chương trình hỗ trợ, chia sẻ và tập huấn về CNTT cấp trường và Khoa chưa được thực hiện thường xuyên để khuyến khích và hỗ trợ kịp thời cho GV trong việc đẩy mạnh việc áp dụng các ứng dụng CNTT trong lớp học.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Trong năm học 2020-2021, Khoa sẽ tận dụng những nhân sự có chuyên môn sâu và kỹ năng tốt trong lĩnh vực CNTT làm đầu tàu trong việc phối hợp tổ chức các buổi chia sẻ và tập huấn thường xuyên về các seminars và chuyên đề liên quan đến việc ứng dụng CNTT hiệu quả trong giảng dạy để khuyến khích những giảng viên còn thiếu tự tin.

5. Tự đánh giá: 5/7

Tiêu chí 9.5: Các tiêu chuẩn về môi trường, sức khỏe, an toàn được xác định và triển khai có lưu ý đến nhu cầu đặc thù của người khuyết tật.

1. Mô tả

Trường ĐHCT tự hào là một trong những trường đại học có khuôn viên rộng, xanh và an toàn bậc nhất của cả nước, đảm bảo có đủ không gian đáp ứng các tiêu chuẩn về môi trường, sức khỏe và an toàn cho người học tuân thủ các quy định về bảo đảm môi trường giáo dục an toàn, lành mạnh, thân thiện theo Nghị định số 80/2017/NĐ-CP (H9.09.05.01).

Về môi trường học tập: Với khuôn viên rộng hơn 23 hec-ta được quy hoạch đan xen giữa những khu cây xanh, công việc phục vụ cho nhu cầu sinh hoạt ngoại khoá ngoài trời, thể thao với các khối nhà học và chức năng của trường, Trường ĐHCT luôn đảm bảo cung cấp cho cộng đồng sinh viên và học viên môi trường sinh hoạt an toàn và sạch đẹp.. Trong những năm qua, BGH nhà trường liên tục đầu tư thêm các khu dự án trồng cây xanh do Đoàn Thanh niên trường phối hợp thực hiện. Đối với sinh viên chuyên ngữ, góc sinh hoạt giao lưu văn hoá, thực hành tiếng Anh ngoài trời tại khu

vườn bàng có thể coi là một nỗ lực đầu tư tạo thêm khuôn viên hữu ích và hiệu quả cho các hoạt động học thuật kết hợp với giao lưu ngoài trời của người học (H9.09.05.01).

Khâu đảm bảo vệ sinh môi trường trong khuôn viên nhà trường cùng với việc giúp cộng đồng sinh viên nâng cao ý thức giữ gìn vệ sinh môi trường chung thường xuyên được thực hiện tốt. Nhà trường có đội ngũ nhân viên vệ sinh đảm bảo khuôn viên trường luôn được xanh sạch đẹp phù hợp với một môi trường học thuật lành mạnh. Đoàn Trường cũng thường xuyên tổ chức các hoạt động liên quan đến bảo vệ môi trường học tập, cụ thể như: quét dọn làm vệ sinh, trồng cây xanh theo quy hoạch của Trường, làm cỏ, phát hoang bụi rậm tạo mỹ quan và chống muỗi truyền bệnh (H9.09.05.02). Khuôn viên riêng của KNN và các nhà học cũng được đầu tư và chỉnh trang đảm bảo mảng xanh cho môi trường làm việc. Công tác dọn vệ sinh cũng như ý thức giữ gìn vệ sinh được thường xuyên kiểm tra. Bên cạnh đó, Đoàn Khoa thường xuyên tổ chức các buổi lao động trồng cây và dọn vệ sinh cũng như thu gom phế liệu nhằm giúp nâng cao ý thức môi trường trong sinh viên của Khoa, cũng như giữ gìn và xây dựng môi trường làm việc học tập tại Khoa xanh, sạch (H9.09.05.03).

Công tác đảm bảo an ninh trong khuôn viên Trường ĐHCT cũng được thực hiện rất chặt chẽ. Tất cả các khu đều có cổng ra vào và có đội bảo vệ trực đảm bảo an ninh 24/24. Hệ thống camera an ninh được lắp đặt khắp nơi và hệ thống đèn chiếu sáng đầy đủ vào ban đêm đảm bảo an toàn cho cán bộ và người học yên tâm giảng dạy và học tập (H9.09.05.04).

Nhà trường đã xây dựng các quy định, nội quy về đi lại, ăn mặc, nơi để xe, nơi bỏ rác,... khi vào trường (H9.09.05.05). Ở một số khu nhà học như khu C2 nơi có nhiều lớp học phần của sinh viên các ngành Ngoại ngữ theo học, Đoàn Khoa còn bố trí lực lượng sinh viên làm công tác kiểm tra tác phong và việc tuân thủ các quy định về ăn mặc và đeo băng tên khi vào khuôn viên nhà học (H9.09.05.06). Những hoạt động này góp phần xây dựng môi trường học tập văn minh, có nề nếp và an toàn hơn trong khuôn viên nhà trường.

Công tác Phòng chống cháy nổ cũng được nhà Trường quan tâm và chỉ đạo thực hiện nghiêm túc trong khuôn viên toàn Trường. Tất cả các tòa nhà đều được bố trí hệ thống phòng cháy, chữa cháy và có thể thực hiện việc cứu nạn tại chỗ khi có tai nạn xảy ra. Nhà Trường sẵn sàng lực lượng, phương tiện, phương án và các điều kiện để

ứng phó kịp thời khi có cháy nổ để hạn chế tối đa thiệt hại. Ngoài ra Trường cũng thường xuyên tổ chức các lớp tập huấn, diễn tập phòng chống cháy nổ theo đúng hướng dẫn của Công An thành phố. Nhân sự của các Khoa cũng được cử đi tham dự các lớp tập huấn cháy nổ và được cấp chứng nhận theo quy định (H9.09.05.07). Để đảm bảo an toàn, nhà trường cũng luôn chú trọng công tác phân giao trách nhiệm quản lý cơ sở vật chất đảm bảo an toàn, an ninh, phòng chống cháy nổ trong khuôn viên nhà trường trong suốt thời gian nhà trường đóng cửa vào các dịp lễ tết và có cơ chế theo dõi, báo cáo và xử lý các sự cố một cách kịp thời hiệu quả (H9.09.05.08).

Về việc phục vụ nhu cầu đặc thù cho người có nhu cầu đặc biệt, một số nhà học lớn có thiết kế lối đi và nhà vệ sinh riêng dành cho người khuyết tật. Trung tâm học liệu và các khu nhà học được xây dựng gần đây như khu D1 và D2 cũng đã chú trọng đến việc xây dựng và bố trí các khu vực và thiết bị vệ sinh dành riêng cho nhóm người có nhu cầu đặc biệt cũng như bố trí lối đi thuận lợi hơn cho người phải sử dụng xe lăn. Đối với các khu nhà học đã xây dựng trước đây, nhà trường ưu tiên bố trí các lớp học phần ở các phòng học tầng trệt hoặc ở những vị trí tiện lợi nhất có thể cho những sinh viên đi lại khó khăn (H9.09.05.09).

2. Điểm mạnh

Nhà trường luôn quan tâm hỗ trợ Khoa trong việc thực hiện các tiêu chuẩn liên quan vấn đề môi trường, sức khỏe và an toàn cho toàn thể cán bộ, sinh viên Khoa, tạo điều kiện thuận lợi nhất cũng như sự an tâm nhất để cán bộ và sinh viên thực hiện những nhiệm vụ của mình. Công tác chăm sóc, cải thiện môi trường và đầu tư xây dựng nhằm tiếp tục nâng cấp nhà trường thành đơn vị xanh, sạch, đẹp luôn được toàn thể lãnh đạo và nhân viên, giảng viên nhà trường hưởng ứng và góp phần. Nhà trường đã xây dựng được các thể chế, quy trình theo dõi và xử lý các vấn đề phát sinh liên quan đến các sự cố về cơ sở vật chất, an ninh và môi trường khá qui chuẩn nên xử lý kịp thời và hiệu quả khi có vấn đề phát sinh.

3. Điểm tồn tại

Trường chưa có kế hoạch chi tiết cho việc xây cất khuôn viên Khoa, cũng như hệ thống phòng làm việc nên việc trưng dụng các cơ sở vật chất cũ để sử dụng tạm cho Khoa kể từ khi được thành lập có phần thiếu hụt về không gian cũng như có một số điểm thiếu tương thích về chức năng của phòng ốc với nhu cầu công việc của Khoa.

Song song đó, do cơ sở vật chất đã được xây dựng từ trước, các thiết bị ưu tiên cho những người có nhu cầu đặc biệt còn hạn chế.

4. Kế hoạch hành động

Khi nhà trường triển khai công tác hoạch định xây dựng khuôn viên Khoa NN mới, Khoa sẽ phối hợp với nhà trường để đảm bảo việc trang bị các thiết bị dành cho các đối tượng ưu tiên cũng như xem xét kỹ càng các thiết kế và thiết bị nhằm đảm bảo xây dựng một môi trường làm việc và học tập an toàn và hiệu quả.

5. Tự đánh giá: 5/7

Kết luận về Tiêu chuẩn 9

Xét về cơ sở vật chất và trang thiết bị, Khoa NN có đầy đủ hệ thống phòng học, phòng làm việc cùng trang thiết bị phục vụ cho các hoạt động của Khoa cũng như công tác đào tạo các ngành. Học viên chương trình Thạc sĩ LL & PPGD BM Tiếng Anh được đảm bảo được đáp ứng tốt nhu cầu về cơ sở vật chất. Tuy nhiên, Trường cần có kế hoạch xây dựng và mở rộng khuôn viên của Khoa Ngoại ngữ trong tương lai, cần đảm bảo hệ thống các phòng làm việc được thiết kế đáp ứng đúng nhu cầu làm việc cho các đơn vị văn phòng và các phòng chức năng, trong đó bằng mọi giá phải có khuôn viên tập trung các nguồn lực tài liệu và sách chuyên ngành phục vụ cho nhu cầu học tập, nghiên cứu của cán bộ và sinh viên cũng như khu vực văn phòng làm việc dành cho giảng viên đóng vai trò chủ chốt trong các bộ môn, đặc biệt là về lĩnh vực nghiên cứu.

Tiêu chuẩn 10. Nâng cao chất lượng

Hiện nay, Trường ĐHCT và KNN rất chú trọng đến việc nâng cao chất lượng đào tạo. Điều này thể hiện rõ thông qua việc xây dựng hệ thống thu thập thông tin phản hồi và nhu cầu của các bên liên quan để thiết kế và phát triển CTDH. Đồng thời, trong quá trình triển khai các chương trình, GV cùng nhà trường luôn chú ý đến việc ĐBCL trong kiểm tra, đánh giá. Nhà trường cũng khuyến khích các GV mạnh dạn áp dụng các kết quả NCKH để cải tiến việc dạy và học, và song song đó, nhà trường thiết kế và tạo điều kiện cho các dịch vụ hỗ trợ, tiện ích, và xây dựng cơ chế phản hồi cho các bên liên quan.

Tiêu chí 10.1: Thông tin phản hồi và nhu cầu của các bên liên quan được sử dụng làm căn cứ để thiết kế và phát triển chương trình.

1. Mô tả

Thông tin phản hồi và nhu cầu của các bên liên quan bao gồm nhà sử dụng lao động, học viên, cựu học viên, giảng viên, và cán bộ quản lý được dùng sử dụng làm căn cứ để thiết kế và điều chỉnh CTĐT thạc sĩ LL& PPDH BM Tiếng Anh. Chương trình đào tạo (CTĐT) Thạc sĩ LL & PPDH BM Tiếng Anh hiện hành được thiết kế dựa theo quy định của Thông tư 07/2015/TT-BGDĐT và đưa vào áp dụng từ ngày 10 tháng 10 năm 2015 theo Quyết định số 3670/QĐ-ĐHCT của Trường ĐHCT (H1.01.01.02) trong đó xác định rõ ràng mục tiêu đầu ra của CTĐT khi học viên hoàn thành chương trình. Mục tiêu đào tạo của chương trình phù hợp với sứ mệnh và tầm nhìn của Trường ĐHCT (H1.01.01.03) trong đó nhấn mạnh đến việc thiết kế CTĐT theo “định hướng nghiên cứu”, giúp sinh viên nắm vững và có thể sử dụng kiến thức chuyên môn về ngôn ngữ tiếng Anh và giảng dạy tiếng Anh, và có kỹ năng về nghiệp vụ sư phạm và giảng dạy.

CTĐT thạc sĩ LL&PPDH BM Tiếng Anh đã được định kỳ rà soát và điều chỉnh vào các năm 2015 (H1.01.03.01), 2016 (H1.01.03.02) và 2019 (H1.01.03.03). Năm 2019, CTĐT được điều chỉnh cùng lượt với các CTĐT thạc sĩ khác của Trường ĐHCT theo đúng quy trình rà soát và điều chỉnh CTĐT được quy định trong Thông tư 07 (H1.01.01.01), trong đó thông tin phản hồi và góp ý từ các bên có liên quan được xem xét làm căn cứ cho quá trình điều chỉnh qua các điểm cụ thể sau. Thứ nhất, Tổ điều chỉnh CTĐT được thành lập bao gồm các thành viên là giảng viên tham gia giảng dạy chương trình và chuyên viên phụ trách mảng công tác đào tạo sau đại học (H10.10.01.01). Trong quá trình điều chỉnh, Tổ điều chỉnh CTĐT đã tiến hành lấy ý kiến các bên liên quan gồm học viên, cựu học viên, giảng viên về CTĐT thông qua các hình thức phiếu khảo sát trực tuyến (H1.01.03.03), phỏng vấn qua điện thoại, và các cuộc gặp trực tiếp. Ngoài ra, trong quá trình đào tạo, khi đoàn công tác của khoa đến làm việc tại các Sở Giáo dục và Đào tạo tại các địa phương, Khoa cũng lấy ý kiến lãnh đạo các Sở GD&ĐT có cử GV tiếng Anh đi học thạc sĩ về nội dung, cấu trúc và tác động của CTĐT thạc sĩ LL&PPDH BM Tiếng Anh. Song song đó, hằng năm Khoa đều có các đoàn công tác đến các địa phương thuộc khu vực ĐBSCL trong khuôn khổ các hoạt động của Đề án Ngoại ngữ quốc gia (H1.01.03.04). Ý kiến của các lãnh đạo Sở GD&ĐT tại các địa phương về CTĐT thạc sĩ LL&PPDH BM tiếng Anh được ghi nhận lại trong biên bản làm việc và lưu lại để phục vụ cho công tác rà soát và điều

chỉnh CTĐT.

Sau khi hoàn tất các nội dung điều chỉnh dự kiến trong CTĐT, các nội dung trên được đưa ra lấy ý kiến của các thành viên trong Hội đồng khoa Ngoại ngữ (H1.01.02.05) sau đó là Tiểu ban Khoa học giáo dục (H1.01.02.06), và cuối cùng là Hội đồng Giáo dục và Đào tạo Trường (H1.01.02.07). Sau khi nhà trường phê duyệt các điều chỉnh trong CTĐT, Trường công bố CTĐT đã điều chỉnh lên trang web của trường và thông báo đến các BLQ gồm giảng viên, học viên, các phòng ban liên quan và nhà tuyển dụng (H1.01.03.06). Các nội dung đã được điều chỉnh cụ thể trong CTĐT qua các năm cụ thể bao gồm: (1) Thêm các chuẩn đầu ra theo nhóm kiến thức, kỹ năng và thái độ vào CTĐT (2015); (2) Chia các chuẩn đầu ra về kiến thức thành 3 nhóm: Phần kiến thức chung, Phần kiến thức cơ sở, và Phần kiến thức chuyên ngành (2019); (3) Sử dụng các động từ theo thang cấp độ tư duy Bloom cho các chuẩn đầu ra (2019).

Một kênh thông tin khác mà KNN cũng sử dụng để thu thập thông tin phản hồi về CTĐT, đặc biệt là về việc giảng dạy từng học phần trong chương trình là thông quan khảo sát ý kiến của học viên khi kết thúc mỗi khoá học ở từng học kỳ. Theo hướng dẫn của Trung tâm QLCL, tất cả học viên tham gia hoàn tất việc cho ý kiến phản hồi về học phần khi kết thúc học phần. Phiếu khảo sát được thực hiện trực tuyến và kết quả khảo sát được trung tâm tổng hợp, phân tích và báo cáo về Khoa và GV đứng lớp làm cơ sở cho việc điều chỉnh và nâng cao chất lượng giảng dạy ở các học kỳ sau. Các tiêu chí đánh giá bao gồm: Hoạt động giảng dạy, Mục tiêu, chương trình và nội dung học phần, hoạt động kiểm tra đánh giá và điều kiện cơ sở vật chất (H10.10.01.02).

Trong mỗi năm học, KNN cũng tổ chức những buổi gặp gỡ, trao đổi và lắng nghe ý kiến phản hồi từ người học về tất cả những vấn đề liên quan đến việc học tập, sinh hoạt và các dịch vụ dành cho người học. Tại các cuộc gặp gỡ này, BCN Khoa đã lắng nghe nhiều ý kiến đóng góp thẳng thắn xung quanh các khía cạnh về giảng dạy, đánh giá, những vướng mắc và những điều người học còn nhiều lo lắng. Tất cả những thông tin trên đều được ghi nhận, tổng hợp, chuyển đến các đơn vị phụ trách có liên quan để xem xét phản hồi hoặc lên kế hoạch điều chỉnh phù hợp (H10.10.01.03).

2. Điểm mạnh

Việc phát triển CTĐT ngành thạc sĩ LL&PPDH BM Tiếng Anh cũng như các đợt điều chỉnh và cải tiến đều được thực hiện dựa trên cơ sở bám sát sứ mệnh và mục tiêu

đào tạo chung của toàn trường, đồng thời cũng kết hợp với thông tin phản hồi và nhu cầu từ các bên có liên quan bao gồm lực lượng giảng viên tham gia giảng dạy, học viên, cựu học viên, các nhà tuyển dụng, các đơn vị Sở Giáo dục và Đào tạo các tỉnh. Trên cơ sở này, CTĐT của ngành đã được nhiều lần cải tiến và điều chỉnh nhằm đáp ứng tốt hơn nhu cầu của người học và nhà sử dụng lao động và từng bước tiếp tục nâng cao chất lượng đào tạo.

3. Tồn tại

Công tác thu thập ý kiến góp ý từ học viên, cựu học viên, nhà tuyển dụng lao động cũng như các bên khác có liên quan vẫn chưa được thực hiện một cách có hệ thống với tần suất cố định và đều đặn. Song song đó, Khoa cũng chưa có bộ phận nhân sự chuyên trách chịu trách nhiệm thu thập, tổng hợp và phân tích các thông tin phản hồi từ các bên một cách hệ thống và đồng thời đảm bảo các thông tin phản hồi được chuyển đến các bên liên quan và ghi nhận các thông tin phản hồi và những thay đổi, điều chỉnh có liên quan đến các phản hồi làm cơ sở cho việc tiếp tục thực hiện các cải tiến trong tương lai.

4. Kế hoạch hành động

Kể từ năm 2020, Khoa sẽ đề cử và giao nhiệm vụ cụ thể cho bộ phận chuyên trách chịu trách nhiệm lập kế hoạch và triển khai toàn diện các hoạt động thu thập phản hồi từ các BLQ, đặc biệt là từ cựu học viên và nhà tuyển dụng nhằm nắm bắt tốt hơn và kịp thời nhu cầu từ thị trường lao động làm nền tảng cho việc tiếp tục cải tiến chất lượng chương trình. Song song đó, nhóm chuyên trách này cũng có nhiệm vụ đảm bảo xử lý, báo cáo kịp thời và lưu trữ tất cả các thông tin phản hồi từ các BLQ làm nền tảng cho các hoạt động cải tiến tiếp tục về sau.

5. Tự đánh giá: 5/7

Tiêu chí 10.2. Việc thiết kế và phát triển chương trình dạy học được thiết lập, được đánh giá và cải tiến.

1. Mô tả

Công tác xây dựng và cải tiến CTĐT của ngành Thạc sĩ LL & PPGD BM Tiếng Anh qua các năm được thực hiện một tính có hệ thống, có quy trình và đảm bảo tính đồng nhất về mục tiêu chung giữa các cấp – BGDDT, Trường ĐHCT và KNN.

Trước hết, CTĐT hiện hành được xây dựng bám sát với các hướng dẫn từ BGDDT theo tinh thần quy định của Thông tư 07/2015/TT-BGDDT và đưa vào áp

dụng từ ngày 10 tháng 10 năm 2015 theo Quyết định số 3670/QĐ-ĐHCT của Trường ĐHCT (H01.01.01.02). Bốn mục tiêu chính của CTĐT cũng thể hiện được tầm nhìn và sứ mệnh của Trường ĐHCT trong giai đoạn mới bao gồm: (i) *nắm vững và có thể sử dụng kiến thức chuyên môn về ngôn ngữ tiếng Anh và giảng dạy tiếng Anh*, (ii) *có kỹ năng về nghiệp vụ sư phạm và giảng dạy*, (iii) *có kỹ năng học tập suốt đời*, (iv) *có những phẩm chất của công dân toàn cầu* (H1.01.01.03).

Quy trình xây dựng và phê duyệt CTĐT cũng được thực hiện theo 1 lộ trình rõ ràng trong đó có sự tham gia của các đơn vị chuyên môn. Trước hết, dựa trên hướng dẫn chung của nhà trường, Khoa thành lập Hội đồng Khoa chịu trách nhiệm xây dựng CTĐT (H10.10.01.01). Hội đồng này bao gồm các thành viên chủ đạo trong Hội đồng Khoa học và Đào tạo cấp Khoa. Sau khi hội đồng cấp Khoa đã thống nhất phê duyệt CTĐT, chương trình sẽ được nộp trình về Hội đồng Khoa học và Đào tạo của nhà trường xem xét phê duyệt (H1.01.02.07). Trước khi phê duyệt thông qua CTĐT, Hội đồng trường luôn có tổ chức các buổi thuyết trình về CTĐT trong đó có thành viên từ cấp Khoa đại diện trình bày về CTĐT đã thiết kế và chịu trách nhiệm trao đổi, giải thích và trả lời các chất vấn từ HĐ Nhà trường. Quy trình này cho phép có sự tích hợp về chuyên môn từ các cấp cũng như tạo cơ hội cho việc phản biện đối với khâu xây dựng CTĐT.

Trên cơ sở phối hợp này, CTĐT ngành LL & PPDH BM Tiếng Anh được phát triển với các quy chuẩn đầu ra rõ ràng và dễ giám sát đo lường trong giai đoạn thực thi công tác đào tạo. Cụ thể, 04 nhóm chuẩn đầu ra cụ thể bao gồm: kiến thức, kỹ năng, ngoại ngữ trước khi bảo vệ luận văn, và thái độ, năng lực tự chủ và trách nhiệm (H1.01.01.02). Mỗi nhóm chuẩn đầu ra cũng được cụ thể hoá thành các tiêu chuẩn rất rõ ràng. Ví dụ như ở nhóm kiến thức, 05 mảng kiến thức cụ thể được nhấn mạnh là mục tiêu đầu ra quan trọng bao gồm: (1) Kiến thức chuyên ngành; (2) Kiến thức về phương pháp nghiên cứu khoa học giáo dục; (3) Kiến thức về lý luận dạy học; (4) Kiến thức về xây dựng chương trình theo định hướng phát triển năng lực; (5) Kiến thức về đánh giá năng lực người học. Các tiêu chuẩn cụ thể này làm nền tảng này giúp cả người học và giảng viên tham gia giảng dạy định hình khá rõ mục tiêu đầu ra và có cơ sở quan sát, kiểm tra và đánh giá chất lượng đầu ra của người học một cách có hệ thống và có cơ sở khoa học.

Qua các năm, công tác rà soát, điều chỉnh và cải tiến các CTĐT cũng được

thực hiện khá liên tục và công tác điều chỉnh được thực hiện dựa trên nền tảng thông tin phản hồi đa chiều từ nhiều bên. CTĐT đang áp dụng hiện hành đã được định kỳ rà soát 3 lần vào năm 2015, 2016 và 2019 (H1.01.03.01), (H1.01.03.02), (H1.01.03.03). Theo quy định tại Thông tư 07 của BGDĐT, công tác rà soát và điều chỉnh được thực hiện đồng nhất qua 5 bước cụ thể: (1) Thành lập Tổ rà soát/Tổ điều chỉnh CTĐT; (2) Tổ rà soát/ Tổ điều chỉnh CTĐT tiến hành lấy ý kiến các bên liên quan gồm học viên, cựu học viên, giảng viên; (3) Tổ rà soát/ Tổ điều chỉnh CTĐT tổng hợp ý kiến thu được từ các bên liên quan và tiến hành họp tổ đề đưa ra những điều chỉnh phù hợp; (4) Thống nhất nội dung dự kiến điều chỉnh CTĐT được đưa ra lấy ý kiến của các thành viên trong Hội đồng khoa Ngoại ngữ, sau đó là Tiểu ban Khoa học giáo dục, và cuối cùng là Hội đồng Giáo dục và Đào tạo Trường; và (5) Trường công bố CTĐT đã điều chỉnh lên trang web của trường và thông báo đến các BLQ gồm giảng viên, học viên, các phòng ban liên quan và nhà tuyển dụng.

2. Điểm mạnh

Công tác xây dựng và cải tiến CTĐT ngành Thạc sĩ LL & PPGD BM Tiếng Anh được thực hiện bài bản, đúng quy trình và có sự tích hợp nguồn lực kiến thức chuyên môn từ nhiều nhóm trong đó quan trọng nhất là nhóm giảng viên, thành viên HĐ Khoa học và Đào tạo cấp trường và cấp Khoa. Ý kiến phản hồi từ các bên có liên quan cũng được thu thập và xem xét làm nền tảng cho các điều chỉnh mang tính chất hợp lý hơn và đáp ứng nguyện vọng của các bên tốt hơn. Công tác rà soát và điều chỉnh CTĐT qua các năm được thực hiện khá thường xuyên và thuận tiện do nhà trường có quy định và hướng dẫn rõ ràng về lộ trình và quy tắc thực hiện cụ thể.

3. Tồn tại:

Khoa chưa thực hiện một cách liên tục và có hệ thống việc lấy ý kiến các nhà tuyển dụng qua các năm bao gồm các Sở Giáo dục và Đào tạo, và các đơn vị đào tạo tiếng Anh hệ công lập và tư nhân.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng:

Kể từ năm 2020 về sau, KNN sẽ bố trí nhân sự chuyên trách cho công tác khảo sát, thu thập số liệu từ các BLQ một cách liên tục và có hệ thống, trong đó tập trung khảo sát nhóm các nhà tuyển dụng thông qua các kênh giao tiếp thường xuyên hơn. Hàng năm, Khoa cũng sẽ phải tổ chức ít nhất 01 hội nghị về công tác đào tạo trong đó các bên có liên quan sẽ được mời cùng tham dự để Khoa có cơ hội chia sẻ những cải

tiến thực hiện qua mỗi năm và đồng thời lắng nghe những cập nhật về tình hình thực tiễn của môi trường làm việc và các đề xuất từ những nhà tuyển dụng.

5. Tự đánh giá: 5/7

Tiêu chí 10.3. Quá trình dạy và học, việc đánh giá kết quả học tập của người học được rà soát và đánh giá thường xuyên để đảm bảo sự tương thích và phù hợp với chuẩn đầu ra.

1. Mô tả

Công tác dạy và học, đánh giá kết quả của người học được rà soát và đánh giá thường xuyên nhằm đảm bảo sự tương thích với chuẩn đầu ra. Cụ thể, từng học phần trong CTĐT của chương trình Thạc sĩ LL&PPDH BM Tiếng Anh được thiết kế đảm bảo sự tương thích và đồng nhất về mục tiêu đầu ra. Các môn học giữ một vai trò quan trọng như là những mắc xích nền tảng giúp người học đạt được những mục tiêu đầu ra cốt lõi của toàn CTĐT (H2.02.02.02). Mỗi đề cương học phần trong CTĐT đều ghi cụ thể mục tiêu của học phần, yêu cầu và điều kiện đối với người học, nội dung giảng dạy, kế hoạch giảng dạy chi tiết và các thông tin cụ thể liên quan đến công tác kiểm tra, đánh giá học phần. Theo quy định của nhà trường, tất cả các đề cương phải chỉ rõ hình thức đánh giá, thời gian, trọng số của từng loại điểm cho từng lần kiểm tra, đánh giá. Các lần kiểm tra, đánh giá trong một học kỳ bao gồm: tham dự giờ học, đánh giá thường xuyên, đánh giá giữa kỳ và đánh giá cuối kỳ (H10.10.03.01). Các hình thức kiểm tra đánh giá cho mỗi học phần được đa dạng hoá theo yêu cầu và sự chủ động của giảng viên và đáp ứng mục tiêu học phần, bao gồm: bài tập cá nhân, bài tập nhóm, bài thảo luận trên lớp, tiểu luận, tự luận, trắc nghiệm (H10.10.03.02). Tất cả các quy định này được thể hiện đồng nhất trong Quy chế đào tạo của trường và trong từng đề cương học phần (H10.10.03.03).

Công tác phân công giảng viên làm công tác hướng dẫn Luận văn tốt nghiệp cho từng học viên cũng được thực hiện đúng tiến độ và quy trình. Vào tháng 10 đến tháng 11 hàng năm, Khoa cho phép học viên đăng ký và liên hệ giảng viên hướng dẫn tiềm năng và thảo luận định hướng nghiên cứu thích hợp. Đối với những học viên chưa có định hướng rõ ràng, Bộ phận giáo vụ Khoa sẽ tiến hành công tác phân giao nhiệm vụ và tạo điều kiện cho học viên và giảng viên liên hệ trao đổi định hướng nghiên cứu. Sau đó Khoa sẽ ra quyết định đề cử giảng viên hướng dẫn cho từng học viên kèm khung kế hoạch thời gian thực hiện cụ thể để giảng viên và học viên liên tục rà soát

tiến độ thực hiện (H10.10.03.04). Về quy trình chấm luận văn tốt nghiệp, bộ phận giáo vụ chịu trách nhiệm chương trình đào tạo sau đại học thực hiện theo các bước sau: (1) thông báo cho giảng viên và SV trước 1 tháng về thời gian, địa điểm chấm khóa luận tốt nghiệp (H10.10.03.05); (2) phân công giảng viên phản biện cho khóa luận của SV (H10.10.03.06) (3) bộ phận đào tạo của Khoa thu đề tài hoàn chỉnh học viên nộp về và chuyển cho giảng viên phản biện; (4) Khoa ra quyết định thành lập hội đồng và các tiểu ban chấm khóa luận tốt nghiệp (H10.10.03.07); sau mỗi báo cáo, Hội đồng thảo luận, tổng hợp điểm của luận văn sau đó công bố điểm cùng các ý kiến đóng góp cho học viên (H10.10.03.08); học viên sau đó nhận biên bản đánh giá cùng ý kiến đánh giá, góp ý của Hội đồng làm cơ sở cho việc điều chỉnh và hoàn thiện đề tài trước khi nộp bản cuối cùng về cho nhà trường.

2. Điểm mạnh

Công tác đánh giá học viên được thực hiện nghiêm túc, theo đúng quy trình và quy định chung của nhà trường. Khoa Ngoại ngữ có bộ phận Giáo vụ chuyên trách thực hiện các công tác hướng dẫn, giám sát và hỗ trợ cho các công tác khảo thí, đánh giá, phân giao nhiệm vụ và theo dõi tiến độ thực hiện đề tài tốt nghiệp một cách có quy trình chặt chẽ, hiệu quả. Công tác theo dõi tiến độ giảng dạy, kiểm tra, thi cuối khóa của từng học phần trong CTĐT cùng với các kênh thu thập ý kiến phản hồi của học viên một cách thường xuyên và có hệ thống. Các thông tin phản hồi cùng cơ hội để tất cả giảng viên cùng rà soát, thảo luận và thống nhất nội dung giảng dạy, mục tiêu của học phần và các hình thức kiểm tra, đánh giá là các bước quan trọng nhằm kịp thời điều chỉnh những vấn đề còn bất cập và chưa hợp lý.

3. Tồn tại

Mặc dù việc quản lý công tác thi cử, đánh giá đầu ra của sinh viên được thực hiện khá chặt chẽ, Khoa chưa đảm bảo cho tất cả cán bộ trong Khoa có đủ kiến thức và kỹ năng thực hiện các khâu thiết kế bài thi và có sự đồng nhất giữa tất cả giảng viên trong việc định hình chất lượng chung của sinh viên. Giảng viên cần có cơ hội được tập huấn từ người có chuyên môn sâu về khảo thí và đánh giá để cùng rà soát, thử nghiệm đánh giá chung các mẫu bài tập và bài thi của người học để thảo luận và đạt được tiếng nói chung trong đánh giá.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Trong năm 2020 và 2021, Khoa ngoại ngữ sẽ đặt hàng cụ thể các giảng viên trong

Khoa có chuyên môn đào tạo về khảo thí để thực hiện các seminars tập huấn cho giảng viên về công tác kiểm tra, đánh giá.

5. Tự đánh giá: 5/7

Tiêu chí 10.4. Các kết quả NCKH được sử dụng để cải tiến việc dạy và học.

1. Mô tả:

Hoạt động nghiên cứu khoa học có thể được xem là một trong những thế mạnh của CTĐT ngành Thạc sĩ LL & PPDH BM Tiếng Anh, đặc biệt là những công trình nghiên cứu nhằm tìm ra các giải pháp cho những vấn đề thực tiễn trên lớp học. Các công trình nghiên cứu này được phác thảo trong phạm vi của học phần Đề tài luận văn tốt nghiệp và cũng được từng bước thực hiện trong quá trình dạy và học các học phần cụ thể qua các học kỳ, đặc biệt là các học phần về Phương pháp nghiên cứu khoa học. Trung bình mỗi năm, học viên ngành Thạc sĩ LL và PPDH BM Tiếng Anh thực hiện khoảng 40 đề tài nghiên cứu trong phạm vi thực hiện đề tài tốt nghiệp (H10.10.04.01). Đa phần đề tài được thực hiện tập trung vào những vấn đề thực tiễn giảng dạy trên lớp học mà học viên gặp phải trong quá trình giảng dạy thực tế của mình. Các chủ đề của những đề tài này được xác định theo sự hướng dẫn của giảng viên nhưng đồng thời cũng đảm bảo cho học viên có quyền tự do chọn lựa dựa trên vấn đề nghiên cứu mà bản thân học viên cảm thấy hứng thú, tự tin và thiết thực với môi trường và công việc của các bạn học viên. Tương ứng với những chủ đề nghiên cứu mà học viên đề xuất, bộ phận giáo vụ chuyên trách nhóm học viên cao học của Khoa sẽ hỗ trợ thông qua việc tìm kiếm giảng viên hướng dẫn có chuyên môn phù hợp để hướng dẫn học viên thực hiện đề tài.

Song song với các công trình nghiên cứu của học viên, tập thể giảng viên tham gia giảng dạy các học phần thuộc phạm vi chương trình Thạc sĩ LL và PPDH BM Tiếng Anh cũng giữ vai trò nòng cốt trong các hoạt động nghiên cứu và chia sẻ, báo cáo seminars và viết sách, báo, giáo trình tại KNN. Trung bình mỗi năm Khoa tổ chức 02 đợt báo cáo seminars dành cho giảng viên và học viên cao học, sinh viên để chia sẻ những kết quả nghiên cứu thiết thực, góp phần nâng cao kiến thức, kỹ năng nghiên cứu cũng như tạo thêm động lực nghiên cứu cho những giảng viên và học viên khác (H10.10.04.02).

Công tác viết sách, báo nghiên cứu khoa học và in trên các tạp chí chuyên ngành cũng được coi là một trong những hoạt động được ưu tiên hàng đầu tại Khoa

Ngoại ngữ. Trên nền tảng các công trình nghiên cứu thực hiện tại Khoa, giảng viên và học viên ngành LL và PPDH BM Tiếng Anh được khuyến khích tham gia báo cáo tại các hội nghị chuyên ngành cũng như gửi bài đăng trên các tạp chí chuyên ngành có uy tín. Theo quy định hiện hành của trường và khoa, nếu học viên có bài báo đăng trên tạp chí được hội đồng khoa học nhà trường công nhận, học viên sẽ được hưởng trọn 1 điểm ưu tiên đối với điểm đề tài tốt nghiệp ra trường (H10.10.04.03). Với tinh thần đó, số lượng bài báo nghiên cứu được đăng trên các tạp chí chuyên ngành có uy tín và số lượng sách, giáo trình do cán bộ giảng dạy của Khoa thực hiện cũng từng bước tăng dần (H10.10.04.04). Hiện tại trong năm 2020, toàn Khoa hiện có 05 đề tài nghiên cứu cấp trường đang được thực hiện và 11 báo cáo seminars sẽ được tổ chức trong năm 2020 (H10.10.04.05).

2. Điểm mạnh

NCKH đã trở thành một trong những thế mạnh của Khoa trong 5 năm trở lại đây với nhiều giảng viên giữ vai trò tiên phong để giúp tập thể giảng viên và người học của khoa cùng phát thảo các đề tài nghiên cứu và cùng thực hiện. Việc thực hiện nghiên cứu khoa học luôn được nhà trường và Khoa khuyến khích và tạo mọi điều kiện tối ưu để thực hiện bao gồm cả về mặt kinh phí thực hiện đề tài. Việc này hoàn toàn phù hợp với định hướng mục tiêu đào tạo của toàn trường, của Khoa Ngoại ngữ và của ngành Thạc sĩ LL & PPDH BM Tiếng Anh. Các công trình nghiên cứu được phác thảo trên cơ sở nhu cầu cải tiến tình hình giảng dạy thực tiễn của học viên kết hợp với các thế mạnh về chuyên môn và lĩnh vực nghiên cứu của lực lượng giảng viên trong Khoa nên có thể phát huy được thế mạnh và hiệu quả trong nghiên cứu.

3. Tồn tại

Công tác nghiên cứu vẫn chưa thực sự được định hướng đồng bộ để toàn Khoa có thể tổng lực tận dụng các thế mạnh nghiên cứu của cả giảng viên và học viên, sinh viên của Khoa. Ngoài ra, công tác liên kết với các đơn vị sử dụng lao động và các trường học, trung tâm ngoại ngữ để có thể tư vấn, chuyển giao các kết quả nghiên cứu và đưa vào ứng dụng trong lớp học nhằm ngày càng cải tiến chất lượng giảng dạy tiếng Anh trong lớp học vẫn chưa được chú trọng.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng:

Kể từ năm 2021, Khoa sẽ tổ chức Hội nghị Nghiên cứu khoa học cấp Khoa thường niên trong đó yêu cầu cụ thể những thành viên cốt cán trong NCKH của Khoa

chia sẻ những công trình nghiên cứu, các thành tựu đạt được và từ đó thảo luận cùng nhau phác thảo một kế hoạch và chiến lược nghiên cứu mang tính dài hạn nhằm định hướng cụ thể cho công tác nghiên cứu khoa học của Khoa trong thời gian tới. Song song đó, trên cơ sở mạng lưới sinh viên và cựu sinh viên ngành Thạc sĩ LL & PPDH BM Tiếng Anh, Khoa cũng thành lập mạng lưới nghiên cứu trong khu vực và bước đầu thu thập những nhu cầu nghiên cứu thực tiễn từ các trường học và các đơn vị giảng dạy tiếng Anh làm nền tảng cho việc tiến hành các công trình nghiên cứu cũng như việc chuyển giao các kết quả nghiên cứu về sau.

5. Tự đánh giá: 5/7

Tiêu chí 10.5: Chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích (tại thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác) được đánh giá và cải tiến

1. Mô tả

Trường ĐHCT xác định việc tối ưu hoá cơ sở vật chất và nguồn học liệu cho người học là một trong những công tác trọng tâm của nhà trường trong suốt chặng đường phát triển. Trung tâm học liệu của nhà trường là đơn vị thể hiện rõ sứ mệnh và thực hiện vai trò này của nhà trường (Xem Tiêu chí 9.2).

Công tác rà soát và bổ sung các nguồn tài liệu tham khảo phục vụ cho cán bộ và sinh viên hàng năm cũng được thực hiện đều đặn. Vào mỗi năm, TTHL gửi thông báo đến từng Khoa về chính sách mua sắm mới để bổ sung vào nguồn học liệu hiện có để phục vụ tốt hơn nhu cầu tham khảo thực tiễn của giảng viên và sinh viên (H9.09.02.04). Khoa sau đó sẽ triển khai đến từng Bộ môn và giảng viên, cho phép cá nhân từng cán bộ được đề xuất cụ thể từng đầu sách, tạp chí hay các nguồn học liệu cần thiết khác. Danh sách sẽ được tổng hợp gửi về cho TTHL thực hiện công tác mua sắm theo yêu cầu (H10.10.05.01). Bên cạnh đó, TTHL cũng tự chủ tìm kiếm và thiết lập mới các mạng lưới chia sẻ tài liệu với các đơn vị giáo dục khác nhằm đa dạng hoá nguồn lực cũng như thường xuyên bổ sung các cơ sở dữ liệu online có uy tín khác nhằm ngày càng phục vụ tốt hơn nhu cầu của cộng đồng giảng viên, nghiên cứu viên và sinh viên nhà trường. Theo các công bố hiện có, TTHL đã cấp quyền khai thác cho cộng đồng nhà trường với các cơ sở dữ liệu có uy tín bao gồm các cơ sở dữ liệu điện tử được LRC cập nhật và mua bản quyền như Emeraldingsight, ProQuest, Cabi, Springerlink, Ebrary, Research4life (H10.10.05.02).

TTHL cũng thường xuyên thực hiện công tác đánh giá, rà soát chất lượng dịch vụ mình cung cấp. Bên cạnh các kênh thông tin nội bộ và tự đánh giá thường xuyên từ tập thể lãnh đạo và nhân viên của trung tâm, TTHL cũng thường xuyên thu thập ý kiến từ những người sử dụng dịch vụ tại Trung tâm. Phiếu khảo sát phản hồi từ người sử dụng được đưa trực tiếp lên website của trung tâm nhằm đảm bảo tính tiện lợi nhất cho người sử dụng (H10.10.05.03). Cụ thể, phiếu khảo sát cho phép người sử dụng cho ý kiến phản hồi xoay quanh 04 vấn đề cốt lõi: (1) nguồn tài liệu; (2) dịch vụ tại TTHL; (3) cơ sở vật chất; và (4) thái độ phục vụ của đội ngũ viên chức TTHL. Thông tin phản hồi từ người sử dụng được trung tâm tổng hợp, xem xét làm cơ sở thực hiện các cải tiến cần thiết nhằm ngày càng nâng cao chất lượng dịch vụ và phục vụ tại trung tâm.

2. Điểm mạnh

Cơ sở vật chất cùng nguồn học liệu phong phú có thể được xem là một trong những thế mạnh của Trường ĐHCT. Chất lượng các dịch vụ hỗ trợ luôn được Trường ĐHCT, KNN quan tâm và đánh giá kịp thời. Hằng năm, Trường đều lên kế hoạch rà soát, bảo trì và mua mới các thiết bị cần thiết. Ngoài ra việc lấy ý kiến phản hồi về mức độ hài lòng của người sử dụng cũng được thực hiện tốt, mang lại hiệu quả đáng kể cho tập thể cán bộ và sinh viên trường.

3. Điểm tồn tại

Do lệ thuộc khá nhiều vào kế hoạch ngân sách từ Trường nên việc sửa chữa, mua mới thiết bị hư hỏng đôi khi còn chậm trễ ảnh hưởng đến chất lượng đào tạo, NCKH trong đơn vị. Song song đó, đối với các nguồn tài liệu chuyên ngành đang được từng Bộ môn thuộc khoa NN quản lý cùng với nguồn sách hiện có tại thư viện Khoa Sư phạm hiện tại đang nằm khá rời rạc và vì thế chưa thực sự tạo điều kiện thuận lợi nhất cho giảng viên và học viên tham khảo.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Trong năm 2020-2021, KNN tiếp tục rà soát lại toàn bộ hệ thống cơ sở vật chất, công nghệ thông tin trong đơn vị nhằm tiến hành đánh giá năng suất sử dụng và có kế hoạch điều chỉnh hợp lý, đặc biệt là các phòng chức năng (tập giảng, thực hành ngôn ngữ) và hệ thống wifi. Ngoài ra, KNN có kế hoạch xây dựng một thư viện đặt tại Khoa, tạo điều kiện thuận lợi nhất cho giảng viên và sinh viên trong việc giảng dạy, học tập và NCKH. Bên cạnh đó, việc sắp xếp lại các nguồn tài liệu sách tham khảo chuyên môn đang trực thuộc tại nhiều đơn vị nhỏ lẻ lại thành một đơn vị chung nhằm

tạo điều kiện thuận lợi hơn cho việc nghiên cứu của học viên và giảng viên cũng sẽ được nghiên cứu và đề xuất lên nhà trường.

5. Tự đánh giá: 5/7

Tiêu chí 10.6: Cơ chế phản hồi của các bên liên quan có tính hệ thống, được đánh giá và cải tiến.

1. Mô tả

Trung tâm Quản lý chất lượng (QLCL) của Trường là đơn vị chuyên trách thực hiện công tác đảm bảo chất lượng và thu thập ý kiến phản hồi từ các bên liên quan chung của toàn trường về chất lượng các CTĐT đại học, thạc sĩ, tiến sĩ và các hoạt động khác như lấy ý kiến sinh viên về công tác giảng dạy học phần, lấy ý kiến sinh viên tốt nghiệp về CTĐT, lấy ý kiến học viên tốt nghiệp về CTĐT, thực hiện khảo sát nhu cầu xã hội về CTĐT dự kiến v.v. Công tác thu thập các ý kiến phản hồi từ các BLQ được thực hiện một cách có hệ thống, định kỳ, và theo quy định chung của Trường ĐHCT (H10.10.06.01). Vào mỗi học kỳ, Trung tâm thực hiện các khảo sát lấy ý kiến trực tuyến người học về hoạt động giảng dạy của giảng viên đồng loạt cho tất cả các học phần được giảng dạy trong học kỳ. Quy trình thực hiện được hướng dẫn cụ thể theo các kế hoạch khảo sát định kỳ của Trung tâm QLCL gồm: (1) Thông báo cho học viên về kế hoạch khảo sát; (2) Học viên đăng nhập vào hệ thống trực tuyến và thực hiện cho ý kiến theo các hướng dẫn cụ thể; (3) Thông báo nhắc nhở học viên tiếp tục cho ý kiến phản hồi; (4) Trung tâm QLCL tổng hợp và xử lý kết quả khảo sát; (5) Thông báo kết quả phản hồi của học viên đến lãnh đạo các đơn vị và GV tham gia giảng dạy học phần (H10.10.06.02). Nội dung khảo sát bao gồm các câu hỏi khảo sát mức độ hài lòng của học viên về nội dung khóa học, phương pháp giảng dạy và đánh giá, tài liệu học tập, tác phong giảng dạy v.v. Sinh viên được quyền xác định mức độ hài lòng về môn học và đưa ra ý kiến đề nghị với giảng viên và nhà trường nếu có (H10.10.06.03).

Các kết quả khảo sát đều được tổng hợp, phân tích và đánh giá thông qua các báo cáo tổng kết về công tác đảm bảo chất lượng hằng năm và phương hướng công tác trong năm học mới (H10.10.06.04). Các kết quả khảo sát cũng được gửi về cho GV làm cơ sở để tham khảo và tự điều chỉnh, cải tiến các phương pháp dạy học hợp lý; cho Ban chủ nhiệm Khoa, Bộ môn để theo dõi, giám sát và đề ra các biện pháp kịp

thời thông qua các cuộc họp đánh giá, rút kinh nghiệm nhằm cải tiến và nâng cao chất lượng đào tạo (H10.10.06.05).

Ngoài các kênh thu thập phản hồi chính thống được thực hiện theo quy trình bài bản của Trung tâm QLCL, KNN cũng có các kênh thu thập thông tin thường xuyên thông qua các buổi gặp gỡ, lắng nghe ý kiến của sinh viên cũng như thông qua các chuyến thăm và làm việc với các Sở Giáo dục và Đào tạo và các trường THPT trên địa bàn ĐBSCL. Thông qua các phản hồi này, KNN kịp thời nắm bắt những đóng góp chi tiết hơn từ các bên có liên quan làm cơ sở cải tiến và nâng cao chất lượng đào tạo (H1.01.03.04).

Ngoài ra, ý kiến phản hồi từ chính cán bộ, viên chức của KNN cũng là một kênh thông tin quan trọng để Ban chủ nhiệm Khoa tham khảo. Hằng năm, thông qua Hội nghị công chức, viên chức, và người lao động, cán bộ KNN có cơ hội phản hồi những ý kiến của mình về hệ thống cơ sở vật chất, CTĐT, CTDH cũng như các dịch vụ hỗ trợ hoạt động giảng dạy, NCKH khác. Tất cả nội dung phản hồi đều được ghi nhận và tham mưu cho Ban chủ nhiệm Khoa, lãnh đạo Trường xem xét và tiến hành điều chỉnh nhằm mang lại hiệu quả, chất lượng cao nhất (H10.10.06.06).

2. Điểm mạnh

Trường và Khoa có cơ chế phối hợp và tích hợp để nắm bắt ý kiến phản hồi từ hầu hết các bên có liên quan trong quá trình đào tạo bao gồm học viên, các đơn vị sử dụng lao động, các đối tác (Sở GD và ĐT các tỉnh), cán bộ và giảng viên của Khoa.

Công tác thu thập ý kiến từ các bên được thực hiện theo quy trình và có phân công nhiệm vụ, chức năng rõ ràng giữa các bên (KNN & TTĐBCL). Với các thông tin phản hồi tích hợp này, BCN Khoa cùng các tổ chuyên trách của Khoa có cơ hội nắm bắt được thông tin một cách đa chiều, toàn diện từ nhiều bên để có cơ sở đối chiếu, so sánh và xác thực thông tin làm nền tảng tin cậy cho các cải tiến cần thiết về mọi mặt trong công tác đào tạo của Khoa.

3. Tồn tại

Hiện tại KNN vẫn chưa có quy định riêng cụ thể và rõ ràng về quy trình tiếp nhận ý kiến phản hồi tại Khoa và cơ chế phối hợp giữa các cá nhân và đơn vị trong nội bộ Khoa để xử lý hiệu quả và kịp thời các phản hồi cấp bách cũng như lưu lại một cách có hệ thống các ý kiến phản hồi qua các năm làm cơ sở để cải tiến và nâng cao chất lượng đào tạo.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Bắt đầu từ năm 2020, Khoa sẽ phát triển quy trình hướng dẫn xử lý các ý kiến phản hồi hay than phiền từ các BLQ trên cơ sở phối hợp giữa cán bộ chuyên trách với BCN Khoa, BCN các Bộ môn và các đơn vị có liên quan.

5. Tự đánh giá: 5/7

Kết luận về Tiêu chuẩn 10:

Chất lượng đào tạo của CTĐT ngành Thạc sĩ LL & PPDH BM Tiếng Anh được đảm bảo thông qua việc đảm bảo các quy tắc cùng quy trình thực hiện trong các nhiệm vụ thiết kế CTĐT, triển khai và thu nhận ý kiến phản hồi từ các BLQ một cách có hệ thống làm nền tảng vững chắc cho các điều chỉnh và đổi mới CTĐT qua các năm. Ý kiến đóng góp từ các BLQ bao gồm học viên đang theo học giảng viên của Khoa được thu thập một cách đều đặn. Ý kiến từ các nhà tuyển dụng, các Sở GD và Đào tạo cũng được quan tâm thu thập và xử lý dù chưa thực sự mang tính hệ thống.

Công tác thiết kế CTĐT được đảm bảo tuân thủ theo đúng quy trình với nhiều bước kiểm soát về tính hợp lý và chất lượng cho phép sự tích hợp nguồn lực kiến thức từ cán bộ giảng dạy, Hội đồng Khoa học và Đào tạo Khoa và Trường. Nhờ vậy CTĐT phản ánh rõ các yêu cầu từ cấp BGDĐT, đồng thời cũng thể hiện được sứ mệnh, tầm nhìn của nhà trường và những yêu cầu thiết thực từ học viên. Tất cả các cải tiến qua các năm đều được thực hiện theo đúng quy trình. Các thay đổi trong CTĐT đều dựa trên cơ sở khoa học cùng ý kiến đóng góp từ các BLQ và được lưu lại trên văn bản một cách rõ ràng, có hệ thống. Song song đó, trong quá trình triển khai đào tạo, chất lượng giảng dạy và các khâu đánh giá học viên đều có cơ chế quản lý hiệu quả. Công tác thực hiện ý kiến người học đối với từng học phần trong CTĐT đều được đảm bảo thực hiện trong mỗi học kỳ giúp kịp thời phản hồi và điều chỉnh những vấn đề còn chưa tốt.

Để tiếp tục duy trì và nâng cao hơn nữa chất lượng đào tạo của ngành, Khoa cần chú trọng nhiều hơn đến ý kiến đóng góp của đối tượng nhà tuyển dụng nhằm đảm bảo có thêm đầy đủ cơ sở về thông tin phản hồi của các BLQ để tiếp tục cải tiến CTĐT trong thời gian tới.

Tiêu chí 11.1: Tỷ lệ thôi học, tốt nghiệp được xác lập, giám sát và đối sánh để cải

tiền chất lượng

1. Mô tả

Hằng năm, KNN và Khoa Sau đại học đều tiến hành thống kê số lượng người học trúng tuyển và nhập học để làm cơ sở giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng.

Bảng 11.1: Người học CTĐT thạc sĩ LL&PPDH BM Tiếng Anh từ 2015 đến 2020

Năm học	Số thí sinh đăng ký vào CTĐT (người)	Số trúng tuyển (người)	Tỷ lệ cạnh tranh	Số nhập học thực tế (người)	Điểm tuyển đầu vào/thang điểm	Điểm trung bình của sinh viên được tuyển	Số lượng sinh viên quốc tế nhập học (người)
2015-2016	111	66	1,7	66	10/10	14,47	0
2016-2017	135	80	1,7	80	10/10	13,62	0
2017-2018	96	86	1,1	86	10/10	16,29	0
2018-2019	52	46	1,1	46	10/10	16,35	0
2019-2020	66	51	1,3	51	12,5/10	15,12	0

Bảng 11.1 cho thấy điểm trúng tuyển dao động theo từng năm. Từ năm học 2017-2018 đến nay, điểm trúng tuyển khá cao, từ 15.12 đến 16.35 điểm cho 2 môn thi chính là Phương pháp dạy học tiếng Anh và Ngôn ngữ học tiếng Anh.

Khoa Sau đại học và chuyên viên phụ trách mảng Sau đại học chịu trách nhiệm quản lý tỉ lệ thôi học và tỉ lệ tốt nghiệp của người học. Hằng năm, tỉ lệ tốt nghiệp và thôi học được xác lập và giám sát chặt chẽ như được trình bày trong Bảng 11.2.

Bảng 11.2: Tỉ lệ tốt nghiệp của CTĐT thạc sĩ LL&PPDH BM Tiếng Anh từ 2015-

2020

Hạng mục	Năm tốt nghiệp				
	2015-2016	2016-2017	2017-2018	2018-2019	2019-2020
1. Số lượng người học tốt nghiệp (người).	44	42	63	68	59
2. Tỷ lệ người học tốt nghiệp so với số tuyển vào (%).	100%	116.7%	95.5%	85%	68.6%

Tỉ lệ tốt nghiệp đúng hạn trong năm học 2016-2017 trên 100% là do học viên 2 khóa trước đó gia hạn đến thời điểm này mới bảo vệ xong luận văn tốt nghiệp. Trong các năm học 2018-2019 và 2019-2020, tỉ lệ tốt nghiệp có giảm do nhiều học viên đã tìm được việc làm tốt và quyết định xin tạm hoãn học 1 năm, một số học viên do lập gia đình, sinh con và bận chăm sóc con nhỏ nên khó theo đuổi việc học (H11.11.01.01).

Bảng 11.3: Tỉ lệ thôi học trong CTĐT thạc sĩ LL&PPDH tiếng Anh từ 2015-2020

Các tiêu chí	Năm tốt nghiệp				
	2015-2016	2016-2017	2017-2018	2018-2019	2019-2020
1. Số lượng người học thôi học (người).	3	2	6	3	0
2. Tỷ lệ người học thôi học so với số tuyển vào (%).	5%	3%	7%	7%	0

Số liệu ở Bảng 11.3 cho thấy tỉ lệ thôi học đối với CTĐT thạc sĩ dao động trong khoảng từ 3% đến 7%. Với đối tượng người học là người trưởng thành và đã đi làm, có nhiều yếu tố khách quan và chủ quan xuất phát từ hoàn cảnh gia đình và yêu cầu của công việc dẫn đến việc họ quyết định thôi học. Trợ lý đào tạo của Khoa luôn cập nhật tình hình học viên thông qua thông tin phản hồi từ Ban cán sự lớp qua đó có những báo cáo kịp thời lên Ban Chủ nhiệm Khoa để có những hướng giải quyết phù hợp khi có tình hình phát sinh. Với những học viên thôi học, Trợ lý Đào tạo, Cố vấn học tập đều có sự trao đổi để nắm tình hình, qua đó hiểu được những khó khăn vướng mắc của người học để có những tư vấn phù hợp, cũng như có những đề xuất kịp thời

với Khoa và Nhà trường. Quyết định cho học viên thôi học được lưu trong hồ sơ quản lý học viên để thuận tiện cho việc giám sát tình hình học viên trong quá trình đào tạo (H11.11.01.02).

2. Điểm mạnh

Tỷ lệ người học tốt nghiệp ra trường đúng thời hạn cao, do có sự giám sát chặt chẽ của Khoa và Nhà trường.

3. Điểm tồn tại

Mặc dù Khoa thực hiện giám sát tỷ lệ học viên tốt nghiệp hằng năm nhưng vẫn còn một bộ phận học viên thôi học do đặc trưng ngành học thạc sĩ đa phần các đối tượng người học là người đã đi làm, không sắp xếp được công việc hay vì hoàn cảnh gia đình mà không thể tiếp tục theo học chương trình.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Kể từ năm 2020, Khoa sẽ thành lập bộ phận theo dõi sát sao tình hình của từng học viên để kịp thời có các biện pháp hỗ trợ nhằm giúp học viên khắc phục khó khăn để hoàn thành việc học.

5. Tự đánh giá: 5/7

Tiêu chí 11.2. Thời gian tốt nghiệp trung bình được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng

1. Mô tả:

Thời gian của một khóa đào tạo là thời gian cần thiết cho những học viên bình thường hoàn thành chương trình học tập của mình để được cấp bằng tốt nghiệp. Theo quy định đào tạo thạc sĩ của Trường ĐHCT, thời gian đào tạo và nghiên cứu trong CTĐT thạc sĩ kéo dài trung bình 2 năm, thời gian tối đa là 4 năm, thời gian tối thiểu là 2 năm (H11.11.02.01). Để giám sát quá trình học tập của người học, Nhà trường có hệ thống quản lý đào tạo, trong đó có cơ sở dữ liệu về người học tham gia CTĐT, đặc biệt là thông tin về thời gian tốt nghiệp trung bình (H8.08.03.03). Trong 5 năm học gần đây, trung bình hằng năm có khoảng 75.1% - 96.72% học viên của CTĐT thạc sĩ LL&PPDH tiếng Anh hoàn thành chương trình đúng thời hạn và được cấp bằng thạc sĩ.

Ban Chủ nhiệm Khoa luôn nắm được tiến độ học tập của học viên thông qua chuyên viên phụ trách mảng sau đại học để hỗ trợ người học kịp thời để học viên hoàn thành CTĐT đúng hạn. Ngoài ra, Khoa Sau đại học luôn nhắc nhở người học kịp thời,

cập nhật trên trang tài khoản cá nhân của học viên, gửi email thông báo tới học viên bị chậm tiến trình, chưa hoàn thành học phần, chưa hoàn thành chương trình học, vv... để họ nắm thông tin và hoàn thành chương trình học.

2. Điểm mạnh

Trường và Khoa có quy định cụ thể về thời gian hoàn thành CTĐT và hệ thống theo dõi, cập nhật và giám sát tiến độ học tập của học viên.

3. Điểm tồn tại

Một số học viên còn chậm tiến độ học tập và kéo dài thời gian hoàn thành CTĐT do đa số học viên là người đang đi làm, mặt khác do tác động của hoàn cảnh gia đình nên ít nhiều ảnh hưởng đến tỉ lệ tốt nghiệp chung hằng năm của CTĐT.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Kể từ năm 2020, Khoa sẽ giao bộ phận phụ trách đào tạo sau đại học theo dõi sát sao tình hình học tập từng học viên, xây dựng phương án đảm bảo tất cả các học viên tốt nghiệp đúng theo thời gian quy định của CTĐT.

5. Tự đánh giá: 5/7

Tiêu chí 11.3. Tỷ lệ có việc làm sau tốt nghiệp được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng

1. Mô tả

Hằng năm, KNN tiến hành khảo sát tỉ lệ có việc làm của học viên 01 năm sau khi tốt nghiệp (H11.11.03.01). Kết quả khảo sát được trình bày ở Bảng 11.4 cho thấy tỉ lệ học viên có việc làm 01 năm sau tốt nghiệp trong 5 năm qua là 100% (H11.11.03.02). Tỉ lệ có việc làm của học viên ngành LL&PPDH BM Tiếng Anh cao là do đa phần học viên theo học CTĐT thạc sĩ là người đã đi làm, nên sau khi tốt nghiệp những học viên này sẽ tiếp tục công tác ở đơn vị cũ hoặc tìm các công việc mới phù hợp với năng lực và trình độ theo nhu cầu thực tế, đối với một số học viên chưa đi làm trong thời gian học tập cũng dễ dàng tìm được các công việc phù hợp do nhu cầu đào tạo và giảng dạy tiếng Anh ngày càng cao.. Môi trường làm việc của học viên khá đa dạng. Thống kê trong năm 2019 cho thấy các môi trường làm việc thông dụng của học viên tốt nghiệp là các trường THPT (33.1%), các trung tâm ngoại ngữ (31.4%), các trường đại học, cao đẳng và trung cấp (23%) (H11.11.03.02). Điều này hợp lý vì trong các môi trường giáo dục này đòi hỏi viên chức hoặc nhân viên có trình độ chuyên môn cao để nâng

cao hiệu quả đào tạo.

Bảng 11.4: Tỷ lệ có việc làm của học viên từ năm 2015 đến 2019

Năm khảo sát	Số lượng học viên tham gia khảo sát	Tỷ lệ % học viên tiếp tục làm công việc trước và trong khi đi học	Tỷ lệ % học viên có việc làm sau 6 tháng	Tỷ lệ % học viên có việc làm sau 1 năm	Tổng cộng (%)
2015	44	59.09	22.73	18.18	100
2016	42	57.14	23.81	19.05	100
2017	63	63.49	19.05	17.46	100
2018	68	50.00	35.29	14.71	100
2019	59	64.41	16.95	18.64	100

KNN cũng có hệ thống giám sát quá trình học tập cũng như tỉ lệ học viên có việc làm sau tốt nghiệp, đồng thời thực hiện phân tích, đối sánh giữa các năm để tìm ra biện pháp cải tiến. Khoa cũng phân công, giao nhiệm vụ cho chuyên viên quản lý học viên thạc sĩ duy trì liên lạc và định kỳ thu thập thông tin của học viên sau tốt nghiệp, phân tích và báo cáo cho BCN Khoa để có định hướng hỗ trợ, giúp đỡ (H11.11.03.03).

2. Điểm mạnh

Tất cả học viên tốt nghiệp CTĐT thạc sĩ LL&PPDH BM Tiếng Anh đều có việc làm phù hợp sau khi tốt nghiệp; lĩnh vực nghề nghiệp và môi trường làm việc gắn kết chặt chẽ với CTĐT của ngành, trong đó coi trọng năng lực thực hành thực tế, giúp học viên có nhiều cơ hội được trải nghiệm thực hành nghề nghiệp và có nhiều cơ hội có việc làm phù hợp sau khi tốt nghiệp.

3. Điểm tồn tại

Khoa chưa kết nối được mạng lưới các cựu học viên đã tốt nghiệp của CTĐT đang công tác ở các vị trí và môi trường làm việc khác nhau để chia sẻ kinh nghiệm làm việc, nhằm nâng cao hơn nữa tính hấp dẫn của chương trình.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Kể từ năm 2020, Khoa sẽ thành lập mạng lưới các cựu học viên để giúp hỗ trợ chia sẻ kinh nghiệm cho các học viên đang học, và làm kênh thông tin quảng bá nhằm thu hút người học tiềm năng cho CTĐT và giới thiệu cơ hội việc làm sau khi tốt nghiệp cho các học viên đang tham gia CTĐT.

5. Tự đánh giá: 5/7

Tiêu chí 11.4: Loại hình số lượng các hoạt động nghiên cứu của người học được xác lập, giám sát, đối sánh để cải tiến chất lượng

1. Mô tả

Trong CTĐT thạc sĩ LL&PPDH BM Tiếng Anh, tất cả người học tham gia NCKH dưới hình thức luận văn tốt nghiệp (LVTN) thạc sĩ. Luận văn này được thực hiện dựa trên sự hướng dẫn của GV hướng dẫn và qua các quy trình bảo vệ đề cương, tiến hành nghiên cứu, bảo vệ tốt nghiệp. Tại các công đoạn bảo vệ đề cương và bảo vệ tốt nghiệp, KNN thành lập hội đồng với sự tham gia của các GV có nhiều kinh nghiệm về nghiên cứu để giúp chỉ ra những hạn chế nếu có để giúp người học hoàn thiện hơn nghiên cứu của mình (H11.11.04.01). Các bản góp ý của thành viên hội đồng được chuyên viên phụ trách mảng sau đại học scan và gửi cho từng học viên để có cơ sở chỉnh sửa đề cương và luận văn cho đạt yêu cầu về mặt khoa học (H11.11.04.02).

Khoa cũng thống kê số điểm LVTN của người học để làm căn cứ đối sánh để cải tiến chất lượng của CTĐT. Bảng 11.5 thống kê khung điểm LVTN của học viên trong CTĐT từ năm 2015 đến 2019.

Bảng 11.5: Thống kê điểm LVTN của học viên từ 2015 đến 2019

Năm	Số lượng học viên	Điểm A	Điểm B+	Điểm B	Điểm C+	Điểm C
2015	44	16	11	15	0	2
2016	42	3	21	14	3	1
2017	63	7	41	15	0	0
2018	68	7	40	17	2	2
2019	59	1	35	21	1	1

Trong quá trình thực hiện nghiên cứu để hoàn thành LVTN, người học cũng được khuyến khích và tạo điều kiện đi báo cáo kết quả nghiên cứu của mình trong các hội nghị và hội thảo trong nước và quốc tế (H11.11.04.03). Ngoài ra, để khuyến khích người học tham gia hoạt động NCKH, Trường ĐHCT có chính sách tính điểm thành tích tối đa là 1 điểm vào kết quả đánh giá LVTN cho các học viên có nội dung luận văn được đăng trên các tạp chí khoa học chuyên ngành do Trường quy định

(H11.11.02.01).

Dưới sự hướng dẫn của GV, một số học viên đã có bài đăng trong các kỷ yếu hội nghị quốc tế và các tạp chí trong nước và quốc tế (H11.11.04.04). Bảng 11.6 dưới đây liệt kê số lượng bài báo xuất bản của học viên cao học ngành thạc sĩ LL&PPDH BM Tiếng Anh trong 5 năm gần nhất.

Bảng 11.6: Thống kê số lượng bài báo được xuất bản bởi học viên trong CTĐT thạc sĩ LL&PPDH BM Tiếng Anh giai đoạn 2015-2019

Năm	Tạp chí/tập san cấp trường	Tạp chí khoa học cấp ngành trong nước	Tạp chí khoa học quốc tế
2015	0	0	0
2016	3	0	2
2017	9	1	12
2018	0	0	18
2019	0	0	5

Số liệu thống kê ở Bảng 11.6 cho thấy trình độ chuyên ngữ và kỹ năng NCKH của học viên ngành thạc sĩ LL&PPDH BM Tiếng Anh. Trong giai đoạn 2015-2019, hầu hết các học viên cao học đều có bài đăng trên các tạp chí khoa học quốc tế và có xu hướng tăng dần qua các năm (trừ năm 2019) với các chủ đề xoay quanh việc nghiên cứu và ứng dụng vào thực tế ngành nghề của người học như: *“Nghiên cứu tìm hiểu về nhận thức và thực hành của giáo viên đối với việc sửa lỗi cho trẻ em trong khi học kỹ năng nói; Nghiên cứu đánh giá nhận thức của giảng viên tiếng Anh hướng đến việc tương tác giữa giảng viên và sinh viên trong các lớp học tiếng Anh không chuyên ở một trường Đại học ở Đồng bằng sông Cửu Long; Nghiên cứu điều tra nhận thức của sinh viên chuyên ngữ Anh về vai trò của việc phát triển kỹ năng nghe và tìm ra những khó khăn phải đối mặt trong quá trình học môn nghe hiểu v.v* (H11.11.04.05)

Việc tăng cường năng lực công bố dưới dạng bài báo cho các công trình nghiên cứu khoa học của học viên là công tác được KNN đặc biệt chú trọng. Thông qua quy trình viết bài, nộp bài, sửa bài để nộp cho các tạp chí khoa học, đặc biệt là các tạp chí quốc tế, người học phát triển tư duy phản biện, kỹ năng giao tiếp với giới khoa

học, kỹ năng truyền đạt thông tin đến phản biện và độc giả của các tạp chí. Điều này cũng nâng cao sự hấp dẫn của CTĐT.

2. Điểm mạnh

Các GV tham gia CTĐT là các nhà khoa học có chuyên môn cao và nhiều kinh nghiệm trong giảng dạy và NCKH. Đây là điều kiện thuận lợi trong việc hướng dẫn học viên NCKH.

Trường và Khoa có nhiều hỗ trợ cho hoạt động tham dự hội nghị, hội thảo quốc tế của học viên.

3. Điểm tồn tại

Khoa chưa có nhiều buổi chia sẻ, trao đổi kinh nghiệm cho học viên về viết và nộp bài báo khoa học cho các hội thảo, hội nghị và tạp chí khoa học.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Từ năm học 2020-2021, Khoa sẽ tiến hành tổ chức các buổi chia sẻ, trao đổi kinh nghiệm viết và nộp bài cho các hội thảo, hội nghị và tạp chí khoa học dành cho học viên cao học.

5. Tự đánh giá: 5/7

Tiêu chí 11.5: Mức độ hài lòng của các bên liên quan được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng

1. Mô tả

Hàng năm, Trường ĐHCT và KNN đều tổ chức Hội nghị công chức, viên chức và người lao động, và Hội nghị cán bộ chủ chốt để lấy ý kiến đóng góp về việc đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ năm học và kế hoạch năm học mới nhằm cải tiến chất lượng các hoạt động của Nhà trường, đặc biệt đối với công tác tổ chức và quản lý đào tạo (H11.11.05.01). Giảng viên và chuyên viên của Khoa được tham dự các Hội nghị cán bộ viên chức và tham gia đối thoại với lãnh đạo Nhà trường, lãnh đạo các Phòng, Ban để tạo môi trường dân chủ, thẳng thắn đóng góp ý kiến của cán bộ trong việc hoạch định chính sách, trong đó đặc biệt lưu ý đến việc nâng cao chất lượng CTĐT (H11.11.05.02). Ngoài ra, Hội đồng Khoa học và Đào tạo Trường cũng tổ chức họp theo định kỳ để rà soát chiến lược đào tạo, xem xét các ý kiến đóng góp của giảng viên các khoa, trong đó có KNN (H11.11.05.03).

Mỗi học kỳ, Trung tâm Quản lý chất lượng có tiến hành khảo sát lấy ý kiến phản hồi của sinh viên và học viên về chất lượng giảng dạy các học phần nhằm thu

thập thông tin phản hồi để làm cơ sở phân tích, đánh giá học phần và CTĐT từ đó có sự điều chỉnh, cải tiến chương trình (H11.11.05.04).

Để tạo điều kiện thuận lợi cho việc thu thập thông tin phản hồi từ các cựu người học, hàng năm Khoa lấy ý kiến của cựu học viên về CTĐT và CĐR của CTĐT để làm cơ sở đánh giá, cải tiến CTĐT và CĐR của ngành học (H11.11.05.05). Kết quả khảo sát năm 2019 cho thấy gần 90% cựu học viên đánh giá cao CTĐT hiện hành.

Ngoài ra, Khoa cũng tiến hành khảo sát các đơn vị đã, đang và sẽ tuyển dụng học viên ra trường của Khoa để thu thập thông tin đánh giá về năng lực của người lao động do Khoa đào tạo và nhu cầu tuyển dụng của nhà tuyển dụng qua các chuyến công tác gặp gỡ của Khoa với các Sở Giáo dục và đào tạo các địa phương và BGH các trường phổ thông (H11.11.05.06).

2. Điểm mạnh

Kết quả khảo sát các bên liên quan về các hoạt động của Nhà trường, mức độ hài lòng của các bên liên quan được xác lập, giám sát là cơ sở để Khoa và Nhà trường nâng cao chất lượng dạy học, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng. Các ý kiến phản biện từ các bên liên quan được Khoa và Trường nghiêm túc tiếp thu và thực hiện phân tích, đối sánh để có những đánh giá, điều chỉnh, bổ sung và cải tiến CTĐT và CĐR của Ngành.

3. Điểm tồn tại

Trường và Khoa chưa khảo sát nhà tuyển dụng là các trung tâm ngoại ngữ trong và ngoài khu vực công lập. Nhiều cựu học viên của CTĐT đang làm việc cho các nơi này.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Từ năm học 2020-2021, Khoa sẽ tiến hành tổ chức khảo sát nhà tuyển dụng là các trung tâm ngoại ngữ để nâng cao hơn nữa chất lượng đào tạo, phục vụ đa dạng nhu cầu của các nhà tuyển dụng.

5. Tự đánh giá: 5/7

Kết luận về tiêu chuẩn 11

CTĐT thạc sĩ LL&PPDH tiếng Anh có tỉ lệ học viên tốt nghiệp đúng hạn cao. Trường và Khoa thực hiện xác lập, giám sát và đối sánh thời gian tốt nghiệp để hỗ trợ người học kịp thời. Tỉ lệ người học có việc làm sau tốt nghiệp chiếm 100%, trong đó đa số học viên quay lại làm các công việc trước khi đi học với thu nhập và vị trí tốt

hơn. Người học trong CTĐT tham gia các hoạt động nghiên cứu khoa học khác nhau và có nhiều công trình xuất bản trên các tạp chí trong và ngoài nước. Ngoài ra, mức độ hài lòng của các bên liên quan như giảng viên, học viên, cựu học viên thường xuyên được đo lường và đánh giá.

Tuy vậy, CTĐT sẽ thu hút người học hơn nữa nếu Khoa và Trường thiết lập được mạng lưới gắn kết với cựu học viên.

PHẦN III. KẾT LUẬN

CTĐT thạc sĩ LL&PPDH tiếng Anh đã tiến hành đào tạo từ năm 2004 đến nay và bồi dưỡng nguồn nhân lực chất lượng cao trong lĩnh vực giảng dạy tiếng Anh tại ĐBSCL. Nhiều cựu học viên của CTĐT có cơ hội theo đuổi và hoàn thành bậc học tiến sĩ. Nhiều cựu học viên khác giữ các vị trí quan trọng trong các Sở Giáo dục và đào tạo, các trường THPT và các trung tâm ngoại ngữ. Tổng kết 5 năm gần nhất của CTĐT thạc sĩ LL&PPDH tiếng Anh cho thấy chương trình có những điểm mạnh đáng lưu ý sau:

Thứ nhất, CTĐT được xây dựng với mục tiêu và chuẩn đầu ra rõ ràng, được cập nhật và điều chỉnh dựa trên ý kiến của các bên liên quan như học viên, cựu học viên, giảng viên và nhà tuyển dụng. Chương trình có bản mô tả chi tiết và có sự tương thích cao giữa đề cương các học phần và bản mô tả.

Thứ hai, giảng viên trong CTĐT quán triệt và vận dụng hiệu quả đa dạng các phương pháp giảng dạy và đánh giá trong các học phần mình phụ trách. Điều này giúp học viên không những nắm vững kiến thức về chuyên môn mà còn có thể vận dụng vào thực tế giảng dạy của bản thân họ.

Thứ ba, Trường và Khoa có đội ngũ giảng viên và nhân viên có trình độ chuyên môn cao, nhiệt tình trong công tác. Có được đội ngũ này là nhờ vào các chính sách động viên khuyến khích viên chức nâng cao học tập và nâng cao nghiệp vụ cùng các chính sách khen thưởng kịp thời và hợp lý.

Thứ tư, là một trường đa ngành đa lĩnh vực, Trường ĐHCT có nguồn lực để xây dựng và sử dụng chung cơ sở vật chất và hệ thống học liệu. Trường cũng chuyên môn hóa các hoạt động để hỗ trợ tốt nhất cho người học.

Thứ năm, công tác nâng cao chất lượng và giám sát kết quả đầu ra luôn được nhà trường đặc biệt chú trọng. Do vậy, trong nhiều năm liền, Trường ĐHCT luôn giữ

vị trí top 5 các trường đại học tốt nhất của Việt Nam theo thống kê của Webometrics.

Tuy vậy, để giữ vững những lợi thế cạnh tranh của CTĐT lý luận và PPDH tiếng Anh, Khoa Ngoại ngữ và Trường ĐHCT cần tạo mối liên hệ gắn kết hơn nữa với mạng lưới cựu học viên của chương trình. Điều này sẽ giúp Trường và Khoa có cơ hội nhìn lại mình để kịp thời cập nhật với xu thế của ngành trong bối cảnh trong nước và thế giới. Từ năm học 2020-2021, KNN sẽ đề xuất nhà trường cho phép thiết lập mạng lưới cựu học viên này.

Bảng tổng hợp kết quả tự đánh giá chương trình đào tạo đánh giá theo

Thông tư 04/2016

Tên cơ sở giáo dục: TRƯỜNG ĐẠI HỌC CẦN THƠ

Tên CTĐT: Thạc sĩ Lý luận và phương pháp dạy học tiếng Anh

Mã CTĐT: 81 40 11 1

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Thang đánh giá							Tổng hợp theo tiêu chuẩn		
	Chưa đạt			Đạt				Mức trung bình	Số tiêu chí đạt	Tỷ lệ số tiêu chí đạt (%)
	①	②	③	④	⑤	⑥	⑦			
<i>Tiêu chuẩn 1</i>								5	3	100%
Tiêu chí 1.1					5					
Tiêu chí 1.2					5					
Tiêu chí 1.3					5					
<i>Tiêu chuẩn 2</i>								5	3	100%
Tiêu chí 2.1					5					
Tiêu chí 2.2					5					
Tiêu chí 2.3				4						
<i>Tiêu chuẩn 3</i>								5	3	100%
Tiêu chí 3.1					5					
Tiêu chí 3.2					5					
Tiêu chí 3.3					5					
<i>Tiêu chuẩn 4</i>								5	3	100%
Tiêu chí 4.1					5					
Tiêu chí 4.2					5					
Tiêu chí 4.3					5					
<i>Tiêu chuẩn 5</i>								5	5	100%
Tiêu chí 5.1					5					
Tiêu chí 5.2					5					
Tiêu chí 5.3					5					
Tiêu chí 5.4					5					
Tiêu chí 5.5					5					
<i>Tiêu chuẩn 6</i>								5	7	100%
Tiêu chí 6.1					5					
Tiêu chí 6.2					5					
Tiêu chí 6.3					5					

Tiêu chí 6.4					5					
Tiêu chí 6.5					5					
Tiêu chí 6.6					5					
Tiêu chí 6.7					5					
Tiêu chuẩn 7								5	5	100%
Tiêu chí 7.1					5					
Tiêu chí 7.2					5					
Tiêu chí 7.3					5					
Tiêu chí 7.4					5					
Tiêu chí 7.5					5					
Tiêu chuẩn 8								5	5	100%
Tiêu chí 8.1					5					
Tiêu chí 8.2					5					
Tiêu chí 8.3					5					
Tiêu chí 8.4					5					
Tiêu chí 8.5					5					
Tiêu chuẩn 9								5	5	100%
Tiêu chí 9.1					5					
Tiêu chí 9.2					5					
Tiêu chí 9.3					5					
Tiêu chí 9.4					5					
Tiêu chí 9.5					5					
Tiêu chuẩn 10								5	6	100%
Tiêu chí 10.1					5					
Tiêu chí 10.2					5					
Tiêu chí 10.3					5					
Tiêu chí 10.4					5					
Tiêu chí 10.5					5					
Tiêu chí 10.6					5					
Tiêu chuẩn 11								5	5	100%
Tiêu chí 11.1					5					
Tiêu chí 11.2					5					
Tiêu chí 11.3					5					
Tiêu chí 11.4					5					
Tiêu chí 11.5					5					
Đánh giá chung CTĐT								5	50	100%

Cần Thơ, ngày tháng 4 năm 2020

HIỆU TRƯỞNG

GS. TS. Hà Thanh Toàn

PHẦN IV. PHỤ LỤC

Phụ lục 1. Cơ sở dữ liệu kiểm định chất lượng chương trình đào tạo

CƠ SỞ DỮ LIỆU KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Thời điểm báo cáo: Tính đến ngày 01/04/2020

I. Thông tin chung về cơ sở giáo dục

1. Tên cơ sở giáo dục (theo Quyết định thành lập)
 - Tiếng Việt: Trường Đại học Cần Thơ
 - Tiếng Anh: Can Tho University
2. Tên viết tắt của cơ sở giáo dục
 - Tiếng Việt: ĐHCT
 - Tiếng Anh: CTU
3. Tên trước đây (nếu có): Viện Đại học Cần Thơ
4. Cơ quan/Bộ chủ quản: Bộ Giáo dục và Đào tạo
5. Địa chỉ: Khu 2, Đường 3-2, Quận Ninh Kiều, TP Cần Thơ
6. Thông tin liên hệ: Điện thoại: 0292 3832 663 Số fax : 0292 3838 474
7. E-mail: dhct@ctu.edu.vn Website: www.ctu.edu.vn
8. Năm thành lập cơ sở giáo dục (theo quyết định thành lập): 31/03/1966
9. Thời gian bắt đầu đào tạo khóa I: 1966
10. Thời gian cấp bằng tốt nghiệp cho khoá I: 1970
11. Loại hình cơ sở giáo dục:
Công lập ☒ Bán công ☐ Dân lập ☐ Tư thực

II. Thông tin chung về đơn vị thực hiện chương trình đào tạo

12. Tên Khoa/Bộ môn thực hiện CTĐT (theo Quyết định thành lập)
 - Tiếng Việt: Khoa Ngoại ngữ
 - Tiếng Anh: School of Foreign Languages
13. Tên viết tắt của Khoa/Bộ môn thực hiện CTĐT:
 - Tiếng Việt: KNN
 - Tiếng Anh: SFL
14. Tên trước đây (nếu có):
15. Tên CTĐT
 - Tiếng Việt: Thạc sĩ Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn tiếng Anh

- Tiếng Anh: Master of Principles and Methods in English Language Education
- 16. Mã CTĐT: 81 40 11 1
- 17. Tên trước đây của CTĐT (nếu có):
- 18. Địa chỉ của Khoa/Bộ môn thực hiện CTĐT: 411 Đường 30-4, Phường Hưng Lợi, Quận Ninh Kiều, TP Cần Thơ
- 19. Số điện thoại liên hệ: 0292. 3872 285 Số fax: 0292. 3872 285
- 20. E-mail: knn@ctu.edu.vn Website: <https://sfl.ctu.edu.vn/>
- 21. Năm thành lập Khoa/Bộ môn (theo Quyết định thành lập: 2015
- 22. Thời gian bắt đầu đào tạo khóa I (của CTĐT): 2004
- 23. Thời gian cấp bằng tốt nghiệp cho khóa I (của CTĐT): 2006

III. Giới thiệu khái quát về đơn vị thực hiện chương trình đào tạo

- 24. Khái quát về lịch sử phát triển, tóm tắt thành tích nổi bật của đơn vị thực hiện CTĐT:

Khoa Ngoại ngữ (KNN) được thành lập vào ngày 23 tháng 03 năm 2015 (Quyết định số 714/QĐ – ĐHCT), trụ sở/văn phòng làm việc đặt tại số 411 đường 30 /4, P.Hưng Lợi, Quận Ninh Kiều, TP Cần Thơ (Khu I - Trường Đại học Cần Thơ). Được tách từ Khoa Sư phạm và Khoa Khoa học Xã hội & Nhân văn, với số lượng Viên chức – Người lao động khi thành lập là 97 người, từ tháng 3/2015 Khoa đã không ngừng hoàn thiện và phát triển vững mạnh trong công tác đào tạo, nghiên cứu khoa học và hợp tác quốc tế.

Việc thành lập KNN đáp ứng nhu cầu phát triển của Trường ĐHCT, là đơn vị đầu mối chuyên sâu trong lĩnh vực giảng dạy và nghiên cứu ngoại ngữ, tư vấn cho Ban Giám hiệu Trường trong nghiên cứu khoa học và phát triển các quy trình, giải pháp liên quan đến ngoại ngữ, giảng dạy ngoại ngữ, ngôn ngữ, văn hóa nước ngoài và Biên dịch-phiên dịch; tranh thủ sự hỗ trợ trong nước và quốc tế để đào tạo, bồi dưỡng, nghiên cứu, quản lý thuộc lĩnh vực ngoại ngữ và giảng dạy ngoại ngữ; chuyển giao kiến thức và cung cấp dịch vụ đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn, nghiên cứu khoa học thuộc lĩnh vực ngoại ngữ vùng ĐBSCL và các đối tượng có nhu cầu.

KNN còn làm nhiệm vụ tư vấn cho Ban Giám hiệu về công tác khảo thí, đánh giá năng lực ngoại ngữ cho sinh viên và các đối tượng có nhu cầu tại khu vực ĐBSCL theo nhiệm vụ do Bộ Giáo dục và Đào tạo phân công; xây dựng lộ trình phát triển và nghiên cứu mở rộng thêm nhiều ngành đào tạo, chương trình giảng dạy ngôn

ngữ và văn hóa của thế giới và cộng đồng ASEAN, đặc biệt là đẩy mạnh nghiên cứu và phát triển chương trình đào tạo, chương trình giảng dạy tiếng Khơ-me, tiếng Nhật, tiếng Trung, tiếng Hàn,...

Hoạt động đào tạo

Về đào tạo và bồi dưỡng: Khoa có hơn 1.611 sinh viên chính quy với 04 ngành đào tạo và 01 chuyên ngành bao gồm Sư phạm tiếng Anh, Sư phạm tiếng Pháp, Ngôn ngữ Pháp, Ngôn ngữ Anh và Chuyên ngành Biên – Phiên dịch tiếng Anh và chương trình đào tạo chất lượng cao ngành Ngôn ngữ Anh. Khoa tham gia đào tạo hơn 1.600 sinh viên tại các Trung tâm liên kết đào tạo của ĐBSCL. Về đào tạo Sau đại học, hiện có 226 học viên cao học ngành Lý luận Phương Pháp Dạy học Bộ Môn tiếng Anh và Lý luận Phương Pháp Dạy học Bộ Môn tiếng Pháp. Tham gia xây dựng chương trình và giảng dạy tiếng Anh tăng cường cho sinh viên các lớp đào tạo tiên tiến và chất lượng cao của Trường ĐHCT. Giảng dạy tiếng Anh, tiếng Pháp căn bản cho sinh viên không chuyên ngữ toàn Trường. Triển khai nhiệm vụ bồi dưỡng nâng cao năng lực tiếng Anh của Đề án Ngoại ngữ Quốc gia và thực hiện công tác bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm tiếng Anh cho học viên các tỉnh /thành do BGDDT phân giao.

Hoạt động Nghiên cứu khoa học và Hợp tác Quốc tế

Về hợp tác quốc tế: Khoa đóng vai trò nòng cốt trong nhiều dự án của Tổ chức Pháp ngữ (Organisation Internationale de la Francophonie – OIF), Tổ chức các trường đại học Pháp ngữ (Agence Universitaire de la Francophonie – AUF) có liên quan đến ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học. Hỗ trợ tích cực UBND thành phố Cần Thơ trong các chương trình hợp tác 4 Pháp ngữ. Thường xuyên tiếp nhận các tình nguyện viên từ các tổ chức quốc tế (Anh, Pháp, Mỹ...) đến hỗ trợ giảng dạy ngoại ngữ tại đơn vị. Khoa có nhiều mối quan hệ tốt với các Trường Đại học ở Châu Á. Khoa đã chủ động tìm kiếm đối tác và thành công trong các hoạt động hợp tác, tạo được niềm tin và được đối tác đánh giá cao. Các chương trình hợp tác quốc tế của Khoa đã nâng cao vai trò, vị trí của Khoa đồng thời thể hiện vai trò của Khoa trong việc hỗ trợ phát triển năng lực chuyên môn cho giảng viên và giáo viên của các cơ sở đào tạo khu vực ĐBSCL. Các chương trình hợp tác với các đối tác nói tiếng Pháp đã nâng cao vị trí của Khoa với các trường trong nước và trong khu vực; chương trình hợp tác với các trường ĐH Rangsit, Phranakhon và Nakhon Pathom Thái Lan đã tạo một bước tiến quan trọng trong công tác đào tạo đại học và sau đại học của Khoa.

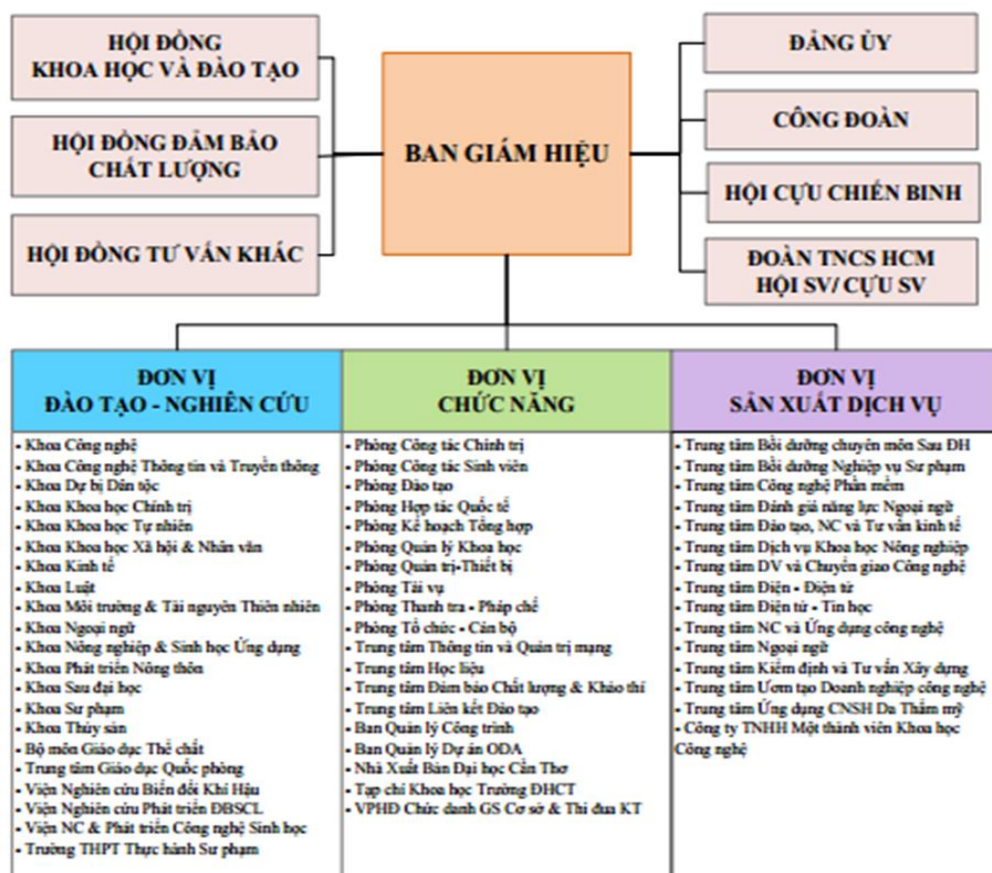
Chương trình hợp tác với ĐH Sydney và các nước ASEAN đã hỗ trợ rất tốt cho việc phát triển chuyên môn, năng lực NCKH của giảng viên.

Các chương trình HTQT của Khoa nhằm tập trung trao đổi giảng viên và sinh viên hướng tới việc phát triển kỹ năng ngôn ngữ, nghiệp vụ sư phạm, tăng cường kiến thức ngôn ngữ và văn hóa, năng lực nghiên cứu khoa học cho giảng viên và sinh viên.

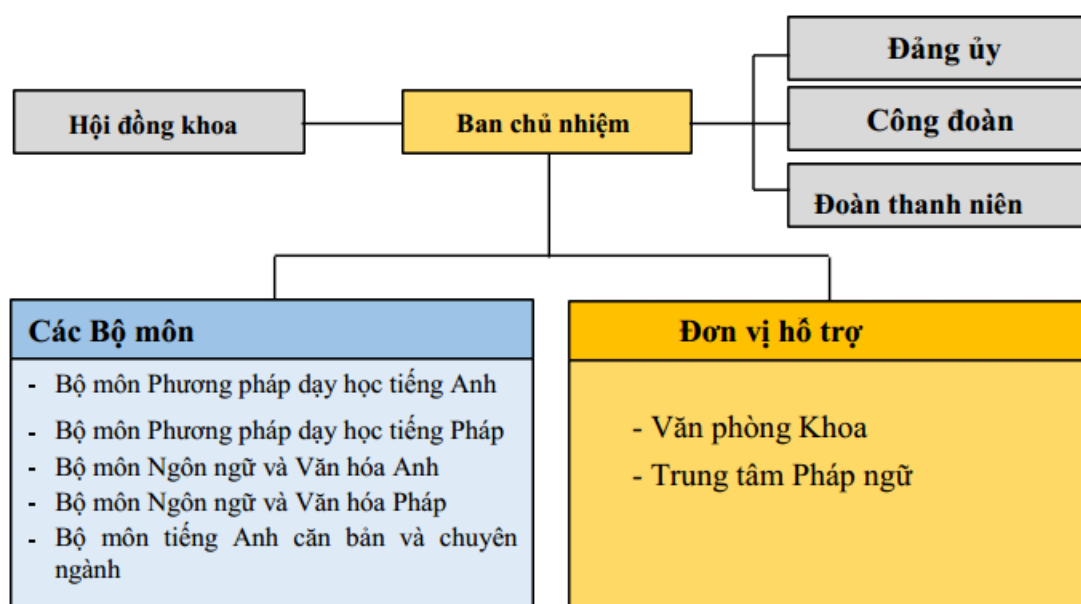
25. Cơ cấu tổ chức hành chính của cơ sở giáo dục và đơn vị thực hiện CTĐT

Trường ĐHCT là cơ sở đào tạo đại học và sau đại học trọng điểm của Nhà nước ở ĐBSCL, là trung tâm văn hóa - khoa học kỹ thuật của vùng. Trường đã không ngừng hoàn thiện và phát triển, từ một số ít ngành đào tạo ban đầu, Trường đã củng cố, phát triển thành một trường đa ngành đa lĩnh vực. Hiện nay, Trường đào tạo 98 chuyên ngành đại học (trong đó có 2 CTĐT tiên tiến, 3 CTĐT chất lượng cao), 45 chuyên ngành cao học (trong đó 1 ngành liên kết với nước ngoài, 3 ngành đào tạo bằng tiếng Anh), 16 chuyên ngành nghiên cứu sinh.

Sơ đồ tổ chức của Trường ĐHCT như sau:



Về phía Khoa Ngoại ngữ, sơ đồ tổ chức của Khoa như sau:



Chức năng và nhiệm vụ của các đơn vị trong Khoa được mô tả như sau:

Bộ môn Phương pháp dạy học tiếng Anh (Department of English Language Teacher Education): Quản lý chương trình đào tạo Cử nhân Sư phạm tiếng Anh, Thạc sĩ chuyên ngành Lí luận và Phương pháp dạy học Bộ môn tiếng Anh; Tham gia giảng dạy các hoạt động chuyên môn của Đề án Ngoại ngữ 2020 tại Trường ĐHCT và các chương trình đào tạo khác do Khoa quản lý; Nghiên cứu khoa học về giảng dạy ngoại ngữ và ứng dụng công nghệ thông tin trong giảng dạy ngoại ngữ nhằm đổi mới dạy và học tại cơ sở trong Khu vực ĐBSCL.

Bộ môn Phương pháp dạy học tiếng Pháp (Department of French Language Teacher Education): Quản lý chương trình đào tạo Cử nhân Sư phạm tiếng Pháp, Thạc sĩ chuyên ngành Lí luận và Phương pháp dạy học Bộ môn tiếng Pháp, đào tạo giáo viên tiếng Pháp, phát triển chuyên môn về giảng dạy tiếng Pháp và nâng cao năng lực chuyên môn tiếng Pháp cho giáo viên thuộc Khu vực ĐBSCL; Tham gia giảng dạy các chương trình đào tạo khác do Khoa quản lý; Nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ trong các lĩnh vực khoa học ngôn ngữ, khoa học giáo dục và đặc biệt là giảng dạy ngoại ngữ.

Bộ môn Ngôn ngữ và Văn hóa Anh (Department of English Language and Culture): Quản lý chương trình đào tạo Cử nhân Ngôn ngữ Anh, Phiên dịch – Biên dịch tiếng Anh và Ngôn ngữ Anh chất lượng cao; Tham gia giảng dạy các hoạt động chuyên môn của Đề án Ngoại ngữ 2020 tại Trường ĐHCT và các chương trình đào tạo

khác do Khoa quản lý; Nghiên cứu khoa học về giảng dạy ngoại ngữ và ứng dụng công nghệ thông tin trong giảng dạy ngoại ngữ nhằm đổi mới dạy và học tại cơ sở trong Khu vực ĐBSCL; đánh giá chương trình đào tạo; nghiên cứu về văn hóa, ngôn ngữ và văn chương.

Bộ môn Ngôn ngữ và Văn hóa Pháp (Department of French Language and Culture): Quản lý chương trình đào tạo Cử nhân Ngôn ngữ Pháp; Tham gia giảng dạy môn Pháp văn căn bản và tiếng Pháp tăng cường cho sinh viên toàn trường. Nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ trong các lĩnh vực khoa học ngôn ngữ, dịch thuật, khoa học giáo dục và đặc biệt là giảng dạy ngoại ngữ.

Bộ môn tiếng Anh căn bản và Chuyên ngành (Department of General English and ESP) quản lý chuyên môn việc giảng dạy các học phần tiếng Anh căn bản 1, 2 và 3 dành cho sinh viên không chuyên ngữ hệ chính qui và hệ vừa làm vừa học của ĐHCT, giảng dạy các học phần tiếng Anh tăng cường cho sinh viên các ngành chất lượng cao và tiên tiến, và giảng dạy tiếng Anh chuyên ngành cho một số ngành thuộc Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn, và Khoa Khoa học Chính trị tại Trường ĐHCT. Nghiên cứu khoa học về giảng dạy ngoại ngữ và ứng dụng công nghệ thông tin trong giảng dạy ngoại ngữ nhằm đổi mới dạy và học tại cơ sở trong Khu vực ĐBSCL.

Văn phòng khoa (Administration Office): Văn phòng khoa là bộ phận tham mưu, giúp việc cho lãnh đạo đơn vị trong việc tổ chức và quản lý mọi mặt công tác hành chính, tổ chức cán bộ, sinh viên, tài chính, tài sản, vật tư, thiết bị, đào tạo, nghiên cứu khoa học và hợp tác quốc tế của đơn vị.

Trung tâm Pháp ngữ (French Language Center): Trung tâm là cơ sở đào tạo, bồi dưỡng và nghiên cứu về giảng dạy ngôn ngữ/ ngoại ngữ trực thuộc Trường ĐHCT và KNN quản lý về chuyên môn. Trung tâm có nhiệm vụ tăng cường năng lực nghiên cứu, đổi mới phương pháp giảng dạy, ứng dụng công nghệ thông tin trong việc dạy và học ngoại ngữ, đổi mới thi kiểm tra và đánh giá.

26. Danh sách Ban lãnh đạo cơ sở giáo dục và danh sách cán bộ lãnh đạo chủ chốt của đơn vị thực hiện CTĐT.

TT	Các bộ phận	Họ và tên	Năm sinh	Học vị, chức danh, chức vụ	Điện thoại	Email
	Ban lãnh đạo cơ sở giáo dục					
1	<i>Ban giám hiệu</i>					
	Hiệu trưởng	Hà Thanh Toàn	1963	GS.TS	0292 3830 604	httoan@ctu.edu.vn
	Phó hiệu trưởng	Trần Thị Thanh Hiền	1965	PGS.TS	0292 3872 098	ttthien@ctu.edu.vn
	Phó hiệu trưởng	Lê Việt Dũng	1960	PGS.TS	0292 3687 666	lvdung@ctu.edu.vn
	Phó hiệu trưởng	Trần Trung Tính	1973	PGS.TS	0292 3872 073	tttinh@ctu.edu.vn
	Đơn vị thực hiện CTĐT					
I.	Lãnh đạo chủ chốt của đơn vị					
1.	<i>Ban Chủ nhiệm Khoa</i>					
	Trưởng Khoa	Trịnh Quốc Lập	1967	PGS.TS	0939411 261	tqlap@ctu.edu.vn
	Phó Trưởng Khoa	Trần Văn Lụa	1962	TS	0918238 281	tvlua@ctu.edu.vn
	Phó Trưởng Khoa	Phương Hoàng Yến	1978	PGS.TS	0919756 660	phyen@ctu.edu.vn
II.	Các tổ chức Đảng, Đoàn TN, Công đoàn, Hội					

1.	<i>Đảng ủy Khoa</i>					
	Bí thư	Trần Văn Lụa	1962	TS	0918238 281	tvlua@ctu.edu.vn
	Phó Bí thư	Diệp Kiến Vũ	1970	TS	0919054 124	dkvu@ctu.edu.vn
2.	<i>Công đoàn</i>					
	Chủ tịch	Hồ Phương Thùy	1972	Ths	0988390 090	hpthuy@ctu.edu.vn
	Phó Chủ tịch	Huỳnh Minh Hiền	1975	Ths	0903015 111	hmhien@ctu.edu.vn
3.	<i>Chi Đoàn CB</i>					
	Bí thư	Huỳnh Thị Anh Thư	1990	Ths	0907880 380	htathu@ctu.edu.vn
III.	Các phòng, ban					
1.	<i>Văn phòng Khoa</i>					
	Chánh VPK	Nguyễn Thị Minh Thư	1976	CN	0915679 489	ntmt@ctu.edu.vn
IV.	Các bộ môn					
1.	<i>BM NN&VH Anh</i>	Phương Hoàng Yến	1978	PGS.TS	0919756 660	phyen@ctu.edu.vn
2	<i>BM NN&VH Pháp</i>	Diệp Kiến Vũ	1970	TS	0919054 124	dkvu@ctu.edu.vn
3	<i>BMPPDH tiếng Anh</i>	Nguyễn Anh Thi	1985	TS	0918874 588	nathi@ctu.edu.vn
4	<i>BMPPDH tiếng Pháp</i>	Võ Văn Chương	1973	TS	0918867 743	vvchuong@ctu.edu.vn
5	<i>BMTACB&CN</i>	Lê Xuân Mai	1980	TS	0939286 161	lxmai@ctu.edu.vn

27. Các ngành/chuyên ngành đào tạo của đơn vị thực hiện CTĐT:

Số lượng chuyên ngành đào tạo tiến sĩ: 0

Số lượng chuyên ngành đào tạo thạc sĩ: 2

Số lượng ngành đào tạo đại học: 4

Số lượng ngành đào tạo cao đẳng: 0

Số lượng ngành (chuyên ngành) đào tạo khác (đề nghị nêu rõ): 0.

28. Các loại hình đào tạo của đơn vị thực hiện CTĐT (đánh dấu x vào các ô tương ứng)

	Có	Không
Chính quy	☒	☐
Không chính quy	☒	☐
Từ xa	☒	☐
Liên kết đào tạo với nước ngoài	☐	☐
Liên kết đào tạo trong nước	☐	

29. Tổng số các ngành đào tạo: 4

IV. Cán bộ, giảng viên, nhân viên của đơn vị thực hiện chương trình đào tạo

30. Thống kê số lượng cán bộ, giảng viên và nhân viên của đơn vị thực hiện CTĐT

TT	Phân loại	Nam	Nữ	Tổng số
I	Cán bộ cơ hữu⁽¹⁾ 79 <i>Trong đó: (72 CB biên chế; 07 CB hợp đồng)</i>	35	44	79
I.1	Cán bộ trong biên chế	31	41	72
I.2	Cán bộ hợp đồng dài hạn (từ 1 năm trở lên) và hợp đồng không xác định thời hạn	04	03	07
II	Các cán bộ khác Hợp đồng ngắn hạn (dưới 1 năm, bao gồm cả giảng viên thỉnh giảng ⁽²⁾)	0	0	0
	Tổng số	35	44	79

31. Thống kê, phân loại giảng viên

TT	Trình độ, học vị, chức danh	Số lượng GV	GV cơ hữu			GV thỉnh giảng trong nước	GV quốc tế
			GV trong biên chế trực tiếp giảng dạy	GV hợp đồng dài hạn ⁽³⁾ trực tiếp giảng dạy	GV kiêm nhiệm là cán bộ quản lý		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
1	Giáo sư, Viện sĩ	0	0	0	0	0	0
2	Phó Giáo sư	04	02	0	02	02	0
3	Tiến sĩ khoa học	0	0	0	0	0	0
4	Tiến sĩ	20	18	0	04	02	0
5	Thạc sĩ	51	49	02	02	0	0
6	Đại học	01	01	0	0	0	0
7	Cao đẳng	0	0	0	0	0	0
8	Trình độ khác	0	0	0	0	0	0
	Tổng số	76	70	02	08	04	0

(Khi tính số lượng các TSKH, TS thì không bao gồm những giảng viên vừa có học vị vừa có chức danh khoa học vì đã tính ở 2 dòng trên)

Tổng số giảng viên cơ hữu = Cột (3) - cột (7) - cột (8) = 72 người

Tỷ lệ giảng viên cơ hữu trên tổng số cán bộ cơ hữu: 72/79 (91,14%)

32. Quy đổi số lượng giảng viên của đơn vị thực hiện CTĐT theo quy định tại khoản 3, Điều 3 Thông tư số 32/2015/TT-BGDĐT ngày 16/12/2015 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo

Số liệu bảng 32 được lấy từ bảng 31 nhân với hệ số quy đổi (*Ví dụ đối với trường đại học, học viện*).

T T	Trình độ, học vị, chức danh	Hệ số quy đổi	Số lượng GV	GV cơ hữu			GV thỉnh giảng	GV quốc tế	GV quy đổi
				GV trong biên chế trực tiếp giảng dạy	GV hợp đồng dài hạn trực tiếp giảng dạy	GV kiêm nhiệm là cán bộ quản lý			
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
	Hệ số quy đổi			1,0	1,0	0,3	0,2	0,2	
1	Giáo sư, Viện sĩ	5,0	0	0	0	0	0	0	0
2	Phó Giáo sư	3,0	02	02	0	02	02	0	09
3	Tiến sĩ khoa học	3,0	0	0	0	0	0	0	0
4	Tiến sĩ	2,0	18	18	0	04	02	0	39,2
5	Thạc sĩ	1,0	51	49	02	02	0	0	51,6
6	Đại học	0,5	01	01	0	0	0	0	0,5
	Tổng		72	70	02	08	04	0	100,3

Cách tính: Cột 10 = cột 3*(cột 5 + cột 6 + 0,3*cột 7 + 0,2*cột 8 + 0,2*cột 9)

33. Thống kê, phân loại giảng viên cơ hữu theo trình độ, giới tính và độ tuổi (số người)

TT	Trình độ / học vị	Số lượng, người	Tỷ lệ (%)	Phân loại theo giới tính (người)		Phân loại theo tuổi (người)				
				Nam	Nữ	< 30	30-40	41-50	51-60	> 60
1	Giáo sư, Viện sĩ	0	0	0	0	0	0	0	0	0
2	Phó Giáo sư	02	2,78	01	01		01	0	01	0
3	Tiến sĩ khoa học	0	0	0	0	0	0	0	0	0
4	Tiến sĩ	18	25%	12	06		05	10	03	0
5	Thạc sĩ	51	70,83%	21	30		17	28	06	0
6	Đại học	01	1,39%	01	0	0	0	0	01	0
	Tổng	72	100%	35	37		23	38	11	0

33.1. Tuổi trung bình của giảng viên cơ hữu: 44 tuổi

33.2. Tỷ lệ giảng viên cơ hữu có trình độ tiến sĩ trở lên trên tổng số giảng viên cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT: 20/72 (27,77%)

33.3. Tỷ lệ giảng viên cơ hữu có trình độ thạc sĩ trên tổng số giảng viên cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT: 51/72 (70,83%)

34. Thống kê, phân loại giảng viên cơ hữu theo mức độ thường xuyên sử dụng ngoại ngữ và tin học cho công tác giảng dạy và nghiên cứu

TT	Tần suất sử dụng	Tỷ lệ (%) GV cơ hữu sử dụng ngoại ngữ và tin học	
		Ngoại ngữ	Tin học
1	Luôn sử dụng (trên 80% thời gian của công việc)	100%	100%
2	Thường sử dụng (trên 60-80% thời gian của công việc)	0	0
3	Đôi khi sử dụng (trên 40-60% thời gian của công việc)	0	0
4	Ít khi sử dụng (trên 20-40% thời gian của công việc)	0	0
5	Hiếm khi sử dụng hoặc không sử dụng (0-20% thời gian của công việc)	0	0
	Tổng	100%	100%

V. Người học (chỉ tính số lượng người học của chương trình đào tạo)

35. Người học bao gồm học sinh, sinh viên, học viên cao học và nghiên cứu sinh.

Tổng số người đăng ký dự tuyển vào CTĐT, số người học trúng tuyển và nhập học trong 5 năm gần đây (hệ chính quy):

Năm học	Số thí sinh đăng ký vào CTĐT (người)	Số trúng tuyển (người)	Tỷ lệ cạnh tranh	Số nhập học thực tế (người)	Điểm tuyển đầu vào/thang điểm	Điểm trung bình của sinh viên được tuyển	Số lượng sinh viên quốc tế nhập học (người)
2015-2016	111	66	1,7	66	10/10	14,47	0
2016-2017	135	80	1,7	80	10/10	13,62	0
2017-2018	96	86	1,1	86	10/10	16,29	0
2018-2019	52	46	1,1	46	10/10	16,35	0

2019-2020	66	51	1,3	51	12,5/10	15,12	0
-----------	----	----	-----	----	---------	-------	---

36. Thống kê, phân loại số lượng người học theo học CTĐT trong 5 năm gần đây các hệ chính quy và không chính quy.

Đơn vị: người

Các tiêu chí	2015-2016	2016-2017	2017-2018	2018-2019	2019-2020
1. Nghiên cứu sinh	0	0	0	0	0
2. Học viên cao học	66	80	86	46	51
3. Sinh viên đại học					
Trong đó:					
Hệ chính quy					
Hệ không chính quy					

37. Số sinh viên quốc tế theo học CTĐT trong 5 năm gần đây:

Đơn vị: người

	Năm học				
	2015-2016	2016-2017	2017-2018	2018-2019	2019-2020
Số lượng (người)	0	0	0	0	0
Tỷ lệ (%) trên tổng số người học	0	0	0	0	0

38. Người học của CTĐT có chỗ ở trong ký túc xá/tổng số người học có nhu cầu:

Các tiêu chí	2015-2016	2016-2017	2017-2018	2018-2019	2019-2020
1. Tổng diện tích phòng ở (m ²)	77.259,12	77.259,12	77.259,12	75.619,60	73.463,60

2. Người học có nhu cầu về phòng ở (trong và ngoài ký túc xá) (người)	3	1	2	0	1
3. Người học được ở trong ký túc xá (người)	17	18	25	27	25
4. Tỷ số diện tích trên đầu người học ở trong ký túc xá (m ² /người)	9.5	6.3	6.3	6.3	6.3

39. Số lượng (người) và tỷ lệ (%) người học của CTĐT tham gia nghiên cứu khoa học

	Năm học				
	2015-2016	2016-2017	2017-2018	2018-2019	2019-2020
Số lượng (người)	44	42	63	68	59
Tỷ lệ (%) trên tổng số sinh viên	100%	100%	100%	100%	100%

40. Thống kê số lượng người học của CTĐT tốt nghiệp trong 5 năm gần đây:

Đơn vị: người

Các tiêu chí	Năm tốt nghiệp				
	2015-2016	2016-2017	2017-2018	2018-2019	2019-2020
1. Nghiên cứu sinh bảo vệ thành công luận án tiến sĩ	0	0	0	0	0
2. Học viên tốt nghiệp cao học	44	42	63	68	59
3. Sinh viên tốt nghiệp đại học					
Trong đó:					
Hệ chính quy					
Hệ không chính quy					

(Tính cả những người học đã đủ điều kiện tốt nghiệp theo quy định nhưng đang chờ cấp bằng)

41. Tình trạng tốt nghiệp của sinh viên hệ chính quy của CTĐT:

Các tiêu chí	Năm tốt nghiệp				
	2015-2016	2016-2017	2017-2018	2018-2019	2019-2020
1. Số lượng người học tốt nghiệp (người).	44	42	63	68	59
2. Tỷ lệ người học tốt nghiệp so với số tuyển vào (%).	100%	116.7%	95.5%	85%	68.6%
3. Đánh giá của người học tốt nghiệp về chất lượng CTĐT: A. Cơ sở giáo dục/Đơn vị thực hiện CTĐT không điều tra về vấn đề này → chuyển xuống câu 4 B. Cơ sở giáo dục/Đơn vị thực hiện CTĐT có điều tra về vấn đề này → điền các thông tin dưới đây:					
3.1. Tỷ lệ người học trả lời đã học được những kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp (%).	83%	85%	85%	86%	87%
3.2. Tỷ lệ người học trả lời <i>chỉ học được một phần</i> kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp (%).	17%	15%	15%	14%	13%
3.3. Tỷ lệ người học trả lời <i>không học được</i> những kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp	0%	0%	0%	0%	0%
4. Người học có việc làm trong năm đầu tiên sau khi tốt nghiệp: A. Cơ sở giáo dục/đơn vị thực hiện CTĐT không điều tra về vấn đề này → chuyển xuống câu 5 B. Cơ sở giáo dục/ đơn vị thực hiện CTĐT có điều tra về vấn đề này →					

Các tiêu chí	Năm tốt nghiệp				
	2015-2016	2016-2017	2017-2018	2018-2019	2019-2020
điền các thông tin dưới đây:					
4.1. Tỷ lệ người học có việc làm đúng ngành đào tạo (%).					
- Sau 6 tháng tốt nghiệp.	81.8	80.9	82.5	85.3	81.4
- Sau 12 tháng tốt nghiệp.	18.2	19.1	17.5	14.7	18.6
4.2. Tỷ lệ người học có việc làm trái ngành đào tạo (%).	0	0	0	0	0
4.3. Thu nhập bình quân/tháng của người học có việc làm.	4.8 triệu đồng	5.1 triệu đồng	5.5 triệu đồng	5.4 triệu đồng	5.5 triệu đồng
5. Đánh giá của nhà tuyển dụng về người học tốt nghiệp có việc làm đúng ngành đào tạo: A. Cơ sở giáo dục/đơn vị thực hiện CTĐT không điều tra về vấn đề này → chuyển xuống kết thúc bảng này. B. Cơ sở giáo dục/đơn vị thực hiện CTĐT có điều tra về vấn đề này → điền các thông tin dưới đây:	Không điều tra	Không điều tra	Không điều tra	Không điều tra	Không điều tra

Ghi chú:

- Người học tốt nghiệp là người học có đủ điều kiện để được công nhận tốt nghiệp theo quy định, kể cả những người học chưa nhận được bằng tốt nghiệp.

- Người học có việc làm là người học tìm được việc làm hoặc tạo được việc làm.

- Năm đầu tiên sau khi tốt nghiệp: 12 tháng kể từ ngày tốt nghiệp.

- Các mục bỏ trống đều được xem là cơ sở giáo dục/đơn vị thực hiện CTĐT không điều tra về việc này.

VI. Nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ

42. Số lượng đề tài nghiên cứu khoa học và chuyển giao khoa học công nghệ của đơn vị thực hiện CTĐT được nghiệm thu trong 5 năm gần đây:

TT	Phân loại đề tài	Hệ số**	Số lượng					Tổng (đã quy đổi)
			2015-2016	2016-2017	2017-2018	2018-2019	2019-2020	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
1	Đề tài cấp NN	2,0	0	0	0	0	0	0
2	Đề tài cấp Bộ*	1,0	0	01	0	0	0	1,0
3	Đề tài cấp trường	0,5	01	02	02	03	01	4,5
4	Tổng		01	03	02	03	01	5,5

Cách tính: Cột 9 = cột 3*(cột 4 + cột 5 + cột 6 + cột 7 + cột 8)

* Bao gồm đề tài cấp Bộ hoặc tương đương, đề tài nhánh cấp Nhà nước.

**Hệ số quy đổi: Dựa trên nguyên tắc tính điểm công trình của Hội đồng chức danh giáo sư Nhà nước (có điều chỉnh).

Tổng số đề tài quy đổi: 5.5

Tỷ số đề tài nghiên cứu khoa học và chuyển giao khoa học công nghệ (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT: 0.07

43. Doanh thu từ nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ của đơn vị thực hiện CTĐT trong 5 năm gần đây:

TT	Năm	Doanh thu từ NCKH và chuyển giao công nghệ (triệu VNĐ)	Tỷ lệ doanh thu từ NCKH và chuyển giao công nghệ so với tổng kinh phí đầu vào của đơn vị thực hiện CTĐT (%)	Tỷ số doanh thu từ NCKH và chuyển giao công nghệ trên cán bộ cơ hữu (triệu VNĐ/ người)
1	2015	0	0	0
2	2016	0	0	0
3	2017	0	0	0
4	2018	0	0	0
5	2019	0	0	0

44. Số lượng cán bộ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT tham gia thực hiện đề tài khoa học trong 5 năm gần đây:

Số lượng đề tài	Số lượng cán bộ tham gia			Ghi chú
	Đề tài cấp NN	Đề tài cấp Bộ*	Đề tài cấp trường	
Từ 1 đến 3 đề tài	0	01	24	
Từ 4 đến 6 đề tài	0	0	0	
Trên 6 đề tài	0	0	0	
Tổng số cán bộ tham gia	0	01	24	

* Bao gồm đề tài cấp Bộ hoặc tương đương, đề tài nhánh cấp Nhà nước

45. Số lượng đầu sách của đơn vị thực hiện CTĐT được xuất bản trong 5 năm gần đây:

TT	Phân loại sách	Hệ số**	Số lượng					Tổng (đã quy đổi)
			2015	2016	2017	2018	2019	
1	Sách chuyên khảo	2,0	0	0	0	0	01	2,0
2	Sách giáo trình	1,5	0	04	04	03	03	21
3	Sách tham khảo	1,0	0	0	0	0	02	02
4	Sách hướng dẫn	0,5	0	0	0	0	0	0
5	Tổng			04	04	03	06	25

**Hệ số quy đổi: Dựa trên nguyên tắc tính điểm công trình của Hội đồng chức danh giáo sư Nhà nước (có điều chỉnh).

Tổng số sách (quy đổi): 25

Tỷ số sách đã được xuất bản (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: 0.32

46. Số lượng cán bộ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT tham gia viết sách trong 5 năm gần đây:

Số lượng sách	Số lượng cán bộ cơ hữu tham gia viết sách			
	Sách chuyên khảo	Sách giáo trình	Sách tham khảo	Sách hướng dẫn
Từ 1 đến 3 cuốn sách	01	22	0	0
Từ 4 đến 6 cuốn sách	0	0	0	0
Trên 6 cuốn sách	0	0	0	0
Tổng số cán bộ tham gia	01	22	0	0

47. Số lượng bài của các cán bộ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT được đăng tạp chí trong 5 năm gần đây:

TT	Phân loại tạp chí	Hệ số**	Số lượng					
			2015	2016	2017	2018	2019	Tổng (đã quy đổi)
1	Tạp chí khoa học quốc tế	1,5	08	14	21	26	15	126
2	Tạp chí khoa học cấp ngành trong nước	1,0	02	02	04	01	06	15
3	Tạp chí / tập san của cấp trường	0,5	03	10	14	07	05	19.5
	Tổng		13	26	32	34	26	160.5

**Hệ số quy đổi: Dựa trên nguyên tắc tính điểm công trình của Hội đồng chức danh giáo sư Nhà nước (có điều chỉnh).

Tổng số bài đăng tạp chí (quy đổi): 160.5

Tỷ số bài đăng tạp chí (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: 2.03

48. Số lượng cán bộ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT tham gia viết bài đăng tạp chí trong 5 năm gần đây:

Số lượng cán bộ cơ hữu có bài báo đăng trên tạp chí	Nơi đăng		
	Tạp chí khoa học quốc tế	Tạp chí khoa học cấp ngành trong nước	Tạp chí / tập san cấp trường
Từ 1 đến 5 bài báo	11	11	14
Từ 6 đến 10 bài báo	03	0	01
Từ 11 đến 15 bài báo	0	0	0
Trên 15 bài báo	02	0	0
Tổng số cán bộ tham gia	16	11	15

49. Số lượng báo cáo khoa học do cán bộ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT báo cáo tại các hội nghị, hội thảo, được đăng toàn văn trong tuyển tập công trình hay kỷ yếu trong 5 năm gần đây:

TT	Phân loại hội thảo	Hệ số**	Số lượng					
			2015	2016	2017	2018	2019	Tổng (đã quy đổi)
1	Hội thảo quốc tế	1,0	13	12	23	24	12	84
2	Hội thảo trong nước	0,5	10	6	6	3	7	16
3	Hội thảo cấp trường	0,25	0	0	0	0	0	0
4	Tổng		23	18	29	27	19	100

(Khi tính Hội thảo trong nước sẽ không bao gồm các Hội thảo của cơ sở giáo dục vì đã được tính 1 lần)

**Hệ số quy đổi: Dựa trên nguyên tắc tính điểm công trình của Hội đồng chức danh giáo sư Nhà nước (có điều chỉnh).

Tổng số bài báo cáo (quy đổi): 100

Tỷ số bài báo cáo (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: 1.26

50. Số lượng cán bộ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT có báo cáo khoa học tại các hội nghị, hội thảo được đăng toàn văn trong tuyển tập công trình hay kỷ yếu trong 5 năm gần đây:

Số lượng cán bộ cơ hữu có báo cáo khoa học tại các hội nghị, hội thảo	Cấp hội thảo		
	Hội thảo quốc tế	Hội thảo trong nước	Hội thảo ở trường
Từ 1 đến 5 báo cáo	27	34	0
Từ 6 đến 10 báo cáo	02	0	0
Từ 11 đến 15 báo cáo	01	02	0
Trên 15 báo cáo	0	0	0
Tổng số cán bộ tham gia	30	36	0

(Khi tính Hội thảo trong nước sẽ không bao gồm các Hội thảo của trường)

51. Số bằng phát minh, sáng chế được cấp

Năm học	Số bằng phát minh, sáng chế được cấp (ghi rõ nơi cấp, thời gian cấp, người được cấp)
2015-2016	0
2016-2017	0
2017-2018	0
2018-2019	0
2019-2020	0

52. Nghiên cứu khoa học của người học

52.1. Số lượng người học của đơn vị thực hiện CTĐT tham gia thực hiện đề tài khoa học trong 5 năm gần đây:

Số lượng đề tài	Số lượng người học tham gia			Ghi chú
	Đề tài cấp NN	Đề tài cấp Bộ*	Đề tài cấp trường	
Từ 1 đến 3 đề tài	0	0	46	
Từ 4 đến 6 đề tài	0	0	0	
Trên 6 đề tài	0	0	0	
Tổng số người học tham gia	0	0	46	

* Bao gồm đề tài cấp Bộ hoặc tương đương, đề tài nhánh cấp Nhà nước

52.2. Thành tích nghiên cứu khoa học của sinh viên:

(Thống kê các giải thưởng nghiên cứu khoa học, sáng tạo, các bài báo, công trình được công bố)

TT	Thành tích nghiên cứu khoa học	Số lượng				
		2015-2016	2016-2017	2017-2018	2018-2019	2019-2020
1	Số giải thưởng nghiên cứu khoa học, sáng tạo	0	0	01	0	0
2	Số bài báo được đăng, công trình được công bố	0	0	01	0	0

VII. Cơ sở vật chất, thư viện

53. Tổng diện tích đất sử dụng của cơ sở giáo dục (tính bằng m²): 2.249.773,47 m².

54. Tổng diện tích đất sử dụng của đơn vị thực hiện CTĐT (tính bằng m²): ... m²

55. Diện tích sử dụng cho các hạng mục sau (tính bằng m²): ... m²

- Nơi làm việc: Nơi học: Nơi vui chơi giải trí: 55.879 m².

56. Diện tích phòng học (tính bằng m²)

- Tổng diện tích phòng học:

- Tỷ số diện tích phòng học trên người học chính quy:

57. Tổng số đầu sách thuộc ngành đào tạo được sử dụng tại Trung tâm Thông tin – Thư viện: 7277 đầu sách.

Tổng số đầu sách trong phòng tư liệu của đơn vị thực hiện CTĐT (nếu có): Sử dụng chung tài liệu của trung tâm học liệu.

VIII. Tóm tắt một số chỉ số quan trọng

Từ kết quả khảo sát ở trên, tổng hợp thành một số chỉ số quan trọng dưới đây:

1. Giảng viên:

Tổng số giảng viên cơ hữu (người): 79

Tỷ lệ giảng viên cơ hữu trên tổng số cán bộ cơ hữu (%): 72

Tỷ lệ giảng viên cơ hữu có trình độ tiến sĩ trở lên trên tổng số giảng viên cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT (%): 27%

Tỷ lệ giảng viên cơ hữu có trình độ thạc sĩ trên tổng số giảng viên cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT (%): 98%

2. Người học:

Tổng số người học chính quy (người): 226

Tỷ số người học chính quy trên giảng viên: 3.2

Tỷ lệ người học tốt nghiệp so với số tuyển vào (%): 93%

3. Đánh giá của người học tốt nghiệp về chất lượng CTĐT:

Tỷ lệ người học trả lời đã học được những kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp (%): 87%

Tỷ lệ người học trả lời *chỉ học được một phần* kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp (%): 13%

4. Người học có việc làm trong năm đầu tiên sau khi tốt nghiệp:

Tỷ lệ người học có việc làm đúng ngành đào tạo (%): 100%

Tỷ lệ người học có việc làm trái ngành đào tạo (%): 0 %

Thu nhập bình quân/tháng của người học có việc làm (triệu VNĐ): 5.5%

5. Đánh giá của nhà tuyển dụng về người học tốt nghiệp có việc làm đúng ngành đào tạo: Không có khảo sát

6. Nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ:

Tỷ số đề tài nghiên cứu khoa học và chuyển giao khoa học công nghệ (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: 0.07

Tỷ số doanh thu từ NCKH và chuyển giao công nghệ trên cán bộ cơ hữu: 0

Tỷ số sách đã được xuất bản (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: 0.32

Tỷ số bài đăng tạp chí (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: 2.03

Tỷ số bài báo cáo (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: 1.26

7. Cơ sở vật chất:

Tỷ số máy tính dùng cho người học trên người học chính quy: 1

Tỷ số diện tích phòng học trên người học chính quy:.....

Tỷ số diện tích ký túc xá trên người học chính quy:.....

Phụ lục 2. Quyết định và Kế hoạch tự đánh giá

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC CẦN THƠ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: *98* /QĐ-ĐHCT

Cần Thơ, ngày *09* tháng 1 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

Thực hiện kiểm định chất lượng và thành lập Hội đồng tự đánh giá, Ban thư ký và các Nhóm Công tác chuyên trách CTĐT Thạc sĩ ngành Lý luận và Phương pháp dạy học Bộ môn Tiếng Anh

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC CẦN THƠ

Căn cứ Luật viên chức ngày 15 tháng 11 năm 2010;

Căn cứ Nghị định số 29/2012/NĐ-CP ngày 12 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức;

Căn cứ Điều 11, Chương II, của “Điều lệ trường đại học” ban hành kèm theo Quyết định số 70/2014/QĐ-TTg ngày 10 tháng 12 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ quy định về nhiệm vụ, quyền hạn của Hiệu trưởng;

Căn cứ Công văn số 01/QLCL ngày 7 tháng 1 năm 2020 của Trung tâm Quản lý chất lượng về việc đề nghị ra quyết định kiểm định chất lượng CTĐT và cử công chức, viên chức tham gia Hội đồng tự đánh giá;

Xét đề nghị của Trường phòng Tổ chức - Cán bộ,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thực hiện kiểm định chất lượng chương trình đào tạo trình độ Thạc sĩ ngành Lý luận và Phương pháp dạy học Bộ môn Tiếng Anh.

Điều 2. Thành lập Hội đồng tự đánh giá, Ban thư ký và các Nhóm Công tác chuyên trách thực hiện công tác kiểm định chất lượng chương trình đào tạo ở Điều 1 và cử các ông, bà có tên trong danh sách kèm theo làm thành viên. Hội đồng, Ban thư ký và các Nhóm Công tác chuyên trách tự giải thể sau khi hoàn thành nhiệm vụ.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. Các ông (bà) Trường phòng: Tổ chức-Cán bộ, Kế hoạch-Tổng hợp, Tài chính, Giám đốc Trung tâm Quản lý chất lượng, Thủ trưởng các đơn vị liên quan và các ông, bà có tên trong danh sách tại Điều 2 chịu trách nhiệm thi hành quyết định này. /

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu: VT, TCCB.



HIỆU TRƯỞNG

Hà Thanh Toàn

DANH SÁCH

Hội đồng Tự đánh giá, Ban Thư ký và các Nhóm Công tác chuyên trách
CTĐT Thạc sĩ ngành Lý luận và Phương pháp dạy học Bộ môn Tiếng Anh
năm học 2019-2020

(Kèm theo Quyết định số: 18/QĐ-ĐHCT, ngày 09 tháng 01 năm 2020
của Hiệu trưởng Trường Đại học Cần Thơ)

1. Danh sách Hội đồng Tự đánh giá

TT	Họ và tên	Chức vụ, Đơn vị	Nhiệm vụ
1	GS. Hà Thanh Toàn	Hiệu Trưởng	Chủ tịch
2	PGS. Lê Việt Dũng	Phó Hiệu trưởng	Phó chủ tịch thường trực
3	PGS. Trịnh Quốc Lập	Trưởng Khoa Ngoại ngữ	Phó chủ tịch
4	TS. Phương Hoàng Yến	Phó trưởng Khoa Ngoại ngữ	Thành viên, phụ trách nhóm công tác chuyên trách 1
5	PGS. Nguyễn Hiếu Trung	Thành viên Hội đồng Trường	Thành viên
6	ThS. Nguyễn Vĩnh An	Phó trưởng Khoa Sau đại học	Thành viên
7	Lê Phi Hùng	Trưởng phòng Quản trị Thiết bị	Thành viên
8	ThS. Nguyễn Phương Thảo	Chuyên viên phòng Quản lý Khoa học	Thành viên
9	TS. Phan Huy Hùng	Giám đốc Trung tâm Quản lý Chất lượng	Thành viên
10	TS. Nguyễn Anh Thi	Trưởng BM PPDH tiếng Anh	Thành viên, phụ trách nhóm công tác chuyên trách 2
11	TS. Lê Xuân Mai	Trưởng BM TACB và chuyên ngành	Thành viên, phụ trách nhóm công tác chuyên trách 3
12	TS. Nguyễn Hải Quân	Giảng viên	Thành viên, phụ trách nhóm công tác chuyên trách 4
13	Lý Thành Danh	Học viên	Thành viên

Tổng cộng: 13 người



2. Danh sách Ban thư ký

TT	Họ và tên	Chức vụ, Đơn vị	Nhiệm vụ
1	TS. Phương Hoàng Yến	Phó trưởng khoa Ngoại ngữ	Trưởng ban
2	TS. Nguyễn Bửu Huân	Giảng viên chính Khoa Ngoại ngữ	Thành viên
3	TS. Nguyễn Văn Lợi	Giảng viên chính Khoa Ngoại ngữ	Thành viên
4	Trương Kim Ngân	Chuyên viên Khoa Ngoại ngữ	Thành viên
5	Nguyễn Thị Kim Thanh	Chuyên viên Khoa Ngoại ngữ	Thành viên
6	ThS. Bùi Nhã Quyên	Chuyên viên Khoa Ngoại ngữ	Thành viên
7	TS. Nguyễn Anh Thị	Trưởng BM PPDH tiếng Anh	Thành viên
8	TS. Lê Xuân Mai	Trưởng BM TACB và chuyên ngành	Thành viên
9	TS. Nguyễn Hải Quân	Giảng viên Khoa Ngoại ngữ	Thành viên
10	ThS. Châu Thị Tím	Chuyên viên Trung tâm QLCL	Thành viên
11	ThS. Phan Minh Nhật	Chuyên viên Trung tâm QLCL	Thành viên

Tổng cộng: 11 người

3. Danh sách các Nhóm Công tác chuyên trách

Nhóm	Họ và tên	Chức vụ, Đơn vị	Nhiệm vụ
Nhóm 1	TS. Phương Hoàng Yến	Phó trưởng khoa Ngoại ngữ	Phụ trách Tiêu chuẩn 1, 2, 3, 4
	TS. Nguyễn Bửu Huân	Giảng viên chính Khoa Ngoại ngữ	
	Trương Kim Ngân	Chuyên viên Khoa Ngoại ngữ	
	ThS. Phan Minh Nhật	Chuyên viên Trung tâm QLCL	
Nhóm 2	TS. Nguyễn Anh Thị	Trưởng BM PPDH tiếng Anh	Phụ trách Tiêu chuẩn 5, 6
	TS. Lê Xuân Mai	Trưởng BM TACB và chuyên ngành	
	TS. Nguyễn Văn Lợi	Giảng viên chính Khoa Ngoại ngữ	
	Nguyễn Thị Kim Thanh	Chuyên viên Khoa Ngoại ngữ	
	ThS. Phan Minh Nhật	Chuyên viên Trung tâm QLCL	
Nhóm 3	TS. Lê Xuân Mai	Trưởng BM TACB và chuyên ngành	Phụ trách Tiêu chuẩn 7, 8
	TS. Phương Hoàng Yến	Phó trưởng khoa Ngoại ngữ	
	ThS. Bùi Nhã Quyên	Chuyên viên Khoa Ngoại ngữ	
	Nguyễn Thị Kim Thanh	Chuyên viên Khoa Ngoại ngữ	
	ThS. Châu Thị Tím	Chuyên viên Trung tâm QLCL	

Nhóm	Họ và tên	Chức vụ, Đơn vị	Nhiệm vụ
Nhóm 4	TS. Nguyễn Hải Quân	Giảng viên Khoa Ngoại ngữ	Phụ trách Tiêu chuẩn 9, 10, 11
	TS. Nguyễn Anh Thi	Trưởng BM PPDH tiếng Anh	
	TS. Nguyễn Bửu Huân	Giảng viên chính Khoa Ngoại ngữ	
	ThS. Châu Thị Tâm	Chuyên viên Trung tâm QLCL	

Tổng cộng: 11 người

HIỆU TRƯỞNG



Hà Thanh Toàn

KẾ HOẠCH TỰ ĐÁNH GIÁ
CHƯƠNG TRÌNH THẠC SĨ LÝ LUẬN & PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC
BỘ MÔN TIẾNG ANH NĂM 2019-2020

1. Mục đích tự đánh giá

Nhằm cải tiến và nâng cao chất lượng CTĐT ngành Thạc sĩ Lý luận và Phương pháp dạy học bộ môn tiếng Anh; nhằm đăng kí kiểm định chất lượng CTĐT.

2. Phạm vi tự đánh giá

Đánh giá các hoạt động của đơn vị thực hiện CTĐT theo tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành trong 05 năm (01/01/2015 đến 31/12/2019).

3. Công cụ tự đánh giá

Công cụ tự đánh giá là Tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT ban hành kèm Thông tư 04/2016/TT-BGDĐT ngày 14/3/2016 của Bộ giáo dục và Đào tạo và các tài liệu hướng dẫn đánh giá theo tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT các trình độ GDĐH số 769/QLCL-BGDĐT ngày 20/4/2018 của Cục Quản lý Chất lượng, Bộ giáo dục và Đào tạo.

4. Hội đồng tự đánh giá

4.1. Thành phần Hội đồng tự đánh giá

Thành phần Hội đồng tự đánh giá CTĐT ngành Lý luận và Phương pháp dạy học bộ môn tiếng Anh được thành lập theo quyết định số 98/QĐ-ĐHCT ngày 09/01/2020 của Hiệu trưởng Trường Đại học Cần Thơ, Hội đồng gồm 13 thành viên (danh sách kèm theo)

4.2. Ban Thư kí giúp việc và các nhóm chuyên trách

Ban Thư kí của Hội đồng tự đánh giá CTĐT ngành Sư phạm tiếng Anh được thành lập theo quyết định số 98/QĐ-ĐHCT ngày 09/01/2020 của Hiệu trưởng Trường Đại học Cần Thơ, gồm 11 thành viên (danh sách kèm theo).

4.3. Phân công thực hiện

TT	Tiêu chuẩn	Nhóm chịu trách nhiệm	Thời gian thu thập thông tin và minh chứng	Ghi chú
1	Tiêu chuẩn 1, 2, 3, 4	TS. Phương Hoàng Yến TS. Nguyễn Bửu Huân TS. Nguyễn Văn Lợi ThS. Phan Minh Nhật Trương Kim Ngân	03/02/2020 đến 16/02/2020	
2	Tiêu chuẩn 5, 6	TS. Nguyễn Anh Thi TS. Lê Xuân Mai ThS. Nguyễn Văn Lợi ThS. Phan Minh Nhật Nguyễn Thị Kim Thanh	03/02/2020 đến 16/02/2020	
3	Tiêu chuẩn 7, 8	TS. Lê Xuân Mai TS. Phương Hoàng Yến	03/02/2020 đến 16/02/2020	

TT	Tiêu chuẩn	Nhóm chịu trách nhiệm	Thời gian thu thập thông tin và minh chứng	Ghi chú
		ThS. Bùi Nhã Quyền ThS. Châu Thị Tim Nguyễn Thị Kim Thanh		
4	Tiêu chuẩn 9, 10, 11	TS. Nguyễn Hải Quân TS. Nguyễn Anh Thi TS. Nguyễn Bửu Huân ThS. Châu Thị Tim	03/02/2020 đến 16/02/2020	

5. Kế hoạch huy động các nguồn lực

TT	Tiêu chuẩn	Các hoạt động	Các loại nguồn lực	Thời gian
1	Tiêu chuẩn 1: Mục tiêu và chuẩn đầu ra của CTĐT	Thu thập các minh chứng: - Bản mô tả CTĐT và bản mô tả HP (bao gồm mục tiêu chung và chuẩn đầu ra của CTĐT ngành Sư phạm T. Anh). - Tài liệu quảng bá các bản tin về khóa học. - Sự đóng góp ý kiến của các bên liên quan về CTĐT ngành SP. Tiếng Anh. - Trang thông tin điện tử của Khoa, Bộ môn về CTĐT ngành SP tiếng Anh. - Các biên bản họp và tài liệu lưu trữ về hoạt động rà soát chương trình CTĐT. - Các báo cáo kết quả kiểm định chất lượng giáo dục và đối sánh liên quan CTĐT (nếu có).	Nhân lực: TS. Phương Hoàng Yến TS. Nguyễn Bửu Huân TS. Nguyễn Văn Lợi ThS. Phan Minh Nhật Trương Kim Ngân CSVC: Văn phòng làm việc, máy tính, máy in, sổ biên bản, tủ hồ sơ, vật tư và văn phòng phẩm, phỏng vấn các bên liên quan.	03/02/2020 đến 16/02/2020
2	Tiêu chuẩn 2: Bản mô tả CTĐT	Thu thập các minh chứng: - Đề cương cập nhật tất cả các HP. - Ma trận kỹ năng. - Trang thông tin điện tử của Khoa liên quan đến từng HP cụ thể. - Ý kiến đóng góp các bên liên quan về đề cương HP (nếu có). - Các hình thức và kế hoạch cung cấp bản mô tả chương trình đến các bên liên quan. - Biên bản họp và tài liệu lưu trữ về hoạt động rà soát chương trình của các HP trong CTĐT.	Nhân lực: TS. Phương Hoàng Yến TS. Nguyễn Bửu Huân TS. Nguyễn Văn Lợi ThS. Phan Minh Nhật Trương Kim Ngân CSVC: Văn phòng làm việc, máy tính, máy in, sổ biên bản, tủ hồ sơ, vật tư và văn phòng phẩm.	03/02/2020 đến 16/02/2020

TT	Tiêu chuẩn	Các hoạt động	Các loại nguồn lực	Thời gian
		- Báo cáo về kiểm định và đối sánh chất lượng CTĐT của các HP.		
3	Tiêu chuẩn 3: Cấu trúc và nội dung chương trình đào tạo	Thu thập các minh chứng: - Bản mô tả CDR của mỗi HP như nội dung đào tạo, phương pháp kiểm tra đánh giá, thời lượng đào tạo của HP, ...) - Sơ đồ tiến trình CTĐT, trong đó có các HP cụ thể (nếu có) - Các biên bản họp và tài liệu lưu trữ về hoạt động rà soát chương trình. - Các báo cáo về kiểm định và đối sánh trong nội bộ đơn vị (hoặc đơn vị ngoài) về nội dung chương trình từng HP. - Góp ý, phản hồi của các bên liên quan về nội dung, cấu trúc chương trình (phải chính thống và có sự công nhận).	Nhân lực: TS. Phương Hoàng Yến TS. Nguyễn Bửu Huân TS. Nguyễn Văn Lợi ThS. Phan Minh Nhật Trương Kim Ngân CSVC: Văn phòng làm việc, máy tính, máy in, sổ biên bản, tủ hồ sơ, vật tư và văn phòng phẩm, phòng vấn các bên liên quan.	03/02/2020 đến 16/02/2020
4	Tiêu chuẩn 4: Phương pháp tiếp cận trong dạy và học	Thu thập các minh chứng: - Công thông tin học tập trực tuyến. - Rà soát, điều chỉnh bổ sung và cập nhật các phương pháp tiếp cận trong dạy và học. - Minh chứng các hoạt động học tập rèn luyện kỹ năng như các dự án, kiến tập thực tập,... - Phản hồi các bên liên quan. - Các bản ghi nhớ. - Minh chứng các hoạt động câu lạc bộ, nhóm kỹ năng (tập giảng,...). - Các hoạt động phục vụ cộng đồng.	Nhân lực: TS. Phương Hoàng Yến TS. Nguyễn Bửu Huân TS. Nguyễn Văn Lợi ThS. Phan Minh Nhật Trương Kim Ngân CSVC: Văn phòng làm việc, máy tính, máy in, sổ biên bản, tủ hồ sơ, vật tư và văn phòng phẩm, phòng vấn các bên liên quan.	03/02/2020 đến 16/02/2020
5	Tiêu chuẩn 5: Đánh giá kết quả học tập của người học	Thu thập các minh chứng: - Bảng tiêu chí đánh giá cho từng HP. - Quy trình tổ chức đánh giá. - Thang điểm. - Quy trình/thủ tục khiếu nại. - Mẫu phiếu đánh giá khóa học/học phần, đề tài/dự án, luận văn, luận án, bài thi cuối kì/ cuối khóa. - Quy định về thi, kiểm tra đánh giá.	Nhân lực: TS. Nguyễn Anh Thi TS. Lê Xuân Mai ThS. Nguyễn Văn Lợi ThS. Phan Minh Nhật Nguyễn Thị Kim Thanh CSVC: Văn phòng làm việc, máy tính, máy in, sổ biên bản, tủ hồ sơ, vật tư và văn phòng phẩm, phòng vấn các bên liên quan.	03/02/2020 đến 16/02/2020

TT	Tiêu chuẩn	Các hoạt động	Các loại nguồn lực	Thời gian
		- Ý kiến phản hồi của người học về phương pháp và quy trình đánh giá kết quả học tập, quy trình khiếu nại kết quả học tập.	quan.	
6	Tiêu chuẩn 6: Đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên	Thu thập các minh chứng: - Kế hoạch nguồn nhân lực. - Cơ cấu độ tuổi, giới tính, trình độ chuyên môn,... của GV. - Các kế hoạch phát triển nghề nghiệp và đội ngũ kế thừa. - Tiêu chuẩn tuyển dụng trong vòng 05 năm. - Trình độ chuyên môn của GV. - Kế hoạch và kinh phí đào tạo, phát triển đội ngũ. - Hệ thống đánh giá đồng cấp và hệ thống khen thưởng. - Phản hồi của người học liên quan đến đánh giá kết quả. - Cơ chế thi đua khen thưởng. - Khối lượng công việc của GV. - Sơ đồ tổ chức của khoa/bộ môn. - Các chính sách nhân sự. - Sổ tay GV. - Bản mô tả vị trí công việc. - Hợp đồng lao động. - Dữ liệu về các nghiên cứu và công bố. - Dữ liệu về hoạt động chuyển giao công nghệ. - Văn bằng/chứng chỉ quốc gia và chứng chỉ nghề nghiệp.	Nhân lực: TS. Nguyễn Anh Thi TS. Lê Xuân Mai ThS. Nguyễn Văn Lợi ThS. Phan Minh Nhật Nguyễn Thị Kim Thanh CSVC: Văn phòng làm việc, máy tính, máy in, sổ biên bản, tủ hồ sơ, vật tư và văn phòng phẩm, phỏng vấn các bên liên quan.	03/02/2020 đến 16/02/2020
7	Tiêu chuẩn 7: Đội ngũ nhân viên	Thu thập các minh chứng: - Kế hoạch nhân sự. - Các kế hoạch phát triển chuyên môn, nghiệp vụ. - Tiêu chí tuyển dụng. - Trình độ chuyên môn của nhân viên. - Phân tích nhu cầu đào tạo. - Kế hoạch và kinh phí dành cho hoạt động đào tạo và phát triển đội ngũ nhân viên. - Hệ thống đánh giá hiệu quả công việc. - Phản hồi của người học. - Các kế hoạch khen thưởng và công nhận.	Nhân lực: TS. Lê Xuân Mai TS. Phương Hoàng Yến ThS. Bùi Nhã Quyền ThS. Châu Thị Tim Nguyễn Thị Kim Thanh CSVC: Văn phòng làm việc, máy tính, máy in, sổ biên bản, tủ hồ sơ, vật tư và văn phòng phẩm, phỏng vấn các bên liên quan.	03/02/2020 đến 16/02/2020

TT	Tiêu chuẩn	Các hoạt động	Các loại nguồn lực	Thời gian
		- Sơ đồ tổ chức của đội ngũ nhân viên. - Chính sách nhân sự. - Sổ tay cho nhân viên. - Bản mô tả công việc. - Hợp đồng lao động.		
8	Tiêu chuẩn 8: Người học và hoạt động hỗ trợ người học	Thu thập các minh chứng: - Xu hướng tuyển sinh đầu vào. - Hệ thống tín chỉ. - Khối lượng học tập. - Các báo cáo kết quả học tập của người học. - Sự tham gia của người học vào các hoạt động học thuật và phi học thuật, các hoạt động ngoại khóa, cuộc thi, ... - Các cơ chế báo cáo và phản hồi về tiến độ học của người học. - Việc cung cấp các dịch vụ hỗ trợ người học ở cấp trường và cấp khoa. - Các quy trình hướng dẫn và tư vấn cho người học. - Phản hồi của người học và đánh giá học phần.	Nhân lực: TS. Lê Xuân Mai TS. Phương Hoàng Yến ThS. Bùi Nhã Uyên ThS. Châu Thị Tim Nguyễn Thị Kim Thanh CSVC: Văn phòng làm việc, máy tính, máy in, sổ biên bản, tủ hồ sơ, vật tư và văn phòng phẩm, phòng vấn các bên liên quan.	03/02/2020 đến 16/02/2020
9	Tiêu chuẩn 9: Cơ sở vật chất và trang thiết bị	Thu thập các minh chứng: - Danh mục cơ sở vật chất, trang thiết bị, phần cứng và phần mềm máy tính, ... - Nhật ký sử dụng trang thiết bị, tần suất sử dụng, thời gian hoạt động/không hoạt động, số giờ vận hành. - Kế hoạch bảo trì. - Kế hoạch mua mới và nâng cấp cơ sở vật chất, trang thiết bị. - Chính sách về an toàn, sức khỏe và môi trường. - Kế hoạch ứng phó khẩn cấp. - Kết quả phản hồi của người học và cán bộ, GV. - Ngân sách dành cho cơ sở vật chất và trang thiết bị.	Nhân lực: TS. Nguyễn Hải Quân TS. Nguyễn Anh Thi TS. Nguyễn Bửu Huân ThS. Châu Thị Tim CSVC: Văn phòng làm việc, máy tính, máy in, sổ biên bản, tủ hồ sơ, vật tư và văn phòng phẩm, phòng vấn các bên liên quan.	03/02/2020 đến 16/02/2020
10	Tiêu chuẩn 10: Nâng cao chất lượng	Thu thập các minh chứng: - Quy trình và các biên bản họp liên quan đến hoạt động thiết kế, rà soát và phê duyệt CTĐT. - Góp ý của các bên liên quan.	Nhân lực: TS. Nguyễn Hải Quân TS. Nguyễn Anh Thi TS. Nguyễn Bửu Huân ThS. Châu Thị Tim	03/02/2020 đến 16/02/2020

TT	Tiêu chuẩn	Các hoạt động	Các loại nguồn lực	Thời gian
		- Đảm bảo chất lượng hoạt động kiểm tra - đánh giá người học. - Đánh giá từ bên ngoài. - Đối sánh trong và ngoài nước. - Phản hồi về chương trình và học phần. - Sử dụng kết quả phản hồi để phục vụ cải tiến CTĐT. - Mẫu bảng câu hỏi lấy ý kiến phản hồi. - Các báo cáo kết quả thu được từ khảo sát, trao đổi nhóm, đối thoại, điều tra theo dấu vết,...	CSVC: Văn phòng làm việc, máy tính, máy in, sổ biên bản, tủ hồ sơ, vật tư và văn phòng phẩm, phòng vấn các bên liên quan.	
11	Tiêu chuẩn 11: Kết quả đầu ra	Thu thập các minh chứng: - Quy trình và chỉ số đo lường sự hài lòng của các bên liên quan. - Xu hướng về mức độ hài lòng của các bên liên quan. - Các đợt khảo sát người học vừa tốt nghiệp, người học đã tốt nghiệp và nhà tuyển dụng. - Các bài báo có liên quan đến kết quả đầu ra của chương trình. - Kết quả khảo sát nhà tuyển dụng. - Thống kê về tuyển dụng. - Phản hồi của nhà tuyển dụng.	Nhân lực: TS. Nguyễn Hải Quân TS. Nguyễn Anh Thi TS. Nguyễn Bửu Huân ThS. Châu Thị Tim CSVC: Văn phòng làm việc, máy tính, máy in, sổ biên bản, tủ hồ sơ, vật tư và văn phòng phẩm, phòng vấn các bên liên quan.	03/02/2020 đến 16/02/2020

6. Thời gian thực hiện tự đánh giá

Thời gian	Các hoạt động
	1. Hội (Lãnh đạo) nhằm thực hiện CTĐT, thảo luận mục đích, phạm vi, thời gian biểu và xác định các thành viên của Hội đồng tự đánh giá CTĐT cũng như nhiệm vụ cụ thể. 2. Thủ trưởng cơ sở giáo dục (Trường Khoa) ra quyết định thành lập Hội đồng tự đánh giá CTĐT.
Tuần 1 – 3 (12/01/2020 đến 02/02/2020)	1. Hội Hội đồng tự đánh giá CTĐT để: • Công bố quyết định thành lập Hội đồng tự đánh giá; • Tập huấn về quy trình tự đánh giá và bộ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT; • Thảo luận về nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên Hội đồng; 2. Dự thảo kế hoạch tự đánh giá CTĐT.
	1. Phổ biến chủ trương triển khai tự đánh giá đến toàn thể cán bộ, giảng viên, nhân viên và học viên tham gia thực hiện CTĐT. 2. Hội Hội đồng tự đánh giá CTĐT để thông qua: • Bản kế hoạch tự đánh giá CTĐT;

Thời gian	Các hoạt động
	- Dự thảo đề cương báo cáo tự đánh giá (dựa trên cơ sở tài liệu hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo và điều kiện cụ thể của đơn vị thực hiện CTĐT); - Trình Thủ trưởng cơ sở giáo dục đề nghị phê chuẩn kế hoạch tự đánh giá.
Tuần 4 – 8 (03/02/2020 đến 01/03/2020)	- Công bố kế hoạch tự đánh giá đã được phê duyệt, thông báo phân công nhiệm vụ cho từng thành viên Hội đồng, Ban thư ký và các nhóm công tác chuyên trách giúp việc cho Hội đồng. - Phân tích tiêu chí, thu thập thông tin và minh chứng. - Mã hoá các thông tin và minh chứng thu được. - Mô tả thông tin và minh chứng thu được. - Phân tích, lý giải nội hàm của các minh chứng để xem xét sự phù hợp của minh chứng với các yêu cầu trong từng tiêu chí của tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT.
Tuần 9 – 11 02/03/2020 đến 22/03/2020	- Các nhóm công tác chuyên trách viết các báo cáo của từng tiêu chí (thu thập thông tin bổ sung nếu cần thiết). - Trưởng các nhóm chuyên trách tổng hợp các báo cáo tiêu chí thành các báo cáo tiêu chuẩn (thu thập thông tin bổ sung nếu cần thiết).
Tuần 12 23/03/2020 đến 29/03/2020	Hội đồng tự đánh giá CTĐT: - Xem xét các báo cáo của từng tiêu chuẩn, tiêu chí do các nhóm chuyên trách dự thảo; - Kiểm tra lại các thông tin và minh chứng được sử dụng trong báo cáo tự đánh giá; - Xác định các vấn đề phát sinh từ các thông tin và minh chứng thu được; - Xác định các thông tin cần thu thập bổ sung; - Thư ký Hội đồng tập hợp các báo cáo tiêu chuẩn thành dự thảo báo cáo tự đánh giá CTĐT.
Tuần 13-14 30/03/2020 đến 12/04/2020	- Hội đồng tự đánh giá CTĐT xem xét dự thảo báo cáo tự đánh giá và đề xuất những chỉnh sửa (nếu cần). - Hội đồng tự đánh giá CTĐT họp với các bộ môn, phòng, ban, ... để thảo luận về báo cáo tự đánh giá, xin ý kiến góp ý.
Tuần 15-16 13/04/2020 đến 26/04/2020	- Công bố bản báo cáo tự đánh giá (đã chỉnh sửa sau góp ý của các bộ môn, phòng, ban, ...) trong nội bộ cơ sở giáo dục và đơn vị thực hiện CTĐT. - Các bộ môn, phòng ban, cán bộ, giảng viên, nhân viên, người học, đóng góp ý kiến phản biện về báo cáo tự đánh giá.
Tuần 17 27/04/2020 đến 03/05/2020	- Hội đồng tự đánh giá CTĐT họp để tiếp tục bổ sung và hoàn thiện báo cáo tự đánh giá theo các ý kiến phản biện; - Hội đồng tự đánh giá CTĐT thông qua báo cáo tự đánh giá lần cuối và nộp báo cáo cho thủ trưởng cơ sở giáo dục để xem xét.

7

Thời gian	Các hoạt động
Tuần 18 04/05/2020 đến 10/05/2020	1. Cơ sở giáo dục gửi báo cáo tự đánh giá và công văn cho cơ quan chủ quản, Bộ Giáo dục và Đào tạo. 2. Cơ sở giáo dục bảo quản báo cáo tự đánh giá, lưu giữ các thông tin minh chứng theo thứ tự mã minh chứng đã ghi trong báo cáo tự đánh giá, sẵn sàng để hợp đồng với tổ chức KĐCLGD để thẩm định báo cáo tự đánh giá trước khi đánh giá ngoài.

Nơi nhận:

- Hội đồng tự đánh giá;
- Các bộ môn, phòng ban có liên quan;
- Lưu VT, KNN.

HIỆU TRƯỞNG 



Hà Thanh Toàn

**Phụ lục 1. Danh sách thành phần Hội đồng Tự đánh giá CTĐT trình độ thạc sĩ
ngành Lý luận và Phương pháp Dạy Học Bộ môn Tiếng Anh, năm 2019-2020**
(kèm theo Kế hoạch số /KH-ĐHCT-KNN, ngày / /2020)

TT	Họ và tên	Chức vụ, đơn vị	Nhiệm vụ
1.	GS.TS. Hà Thanh Toàn	Hiệu Trưởng	Chủ tịch
2.	PGS.TS. Lê Việt Dũng	Phó Hiệu trưởng	Phó chủ tịch thường trực
3.	PGS. TS. Trịnh Quốc Lập	Trưởng Khoa Ngoại ngữ	Phó chủ tịch
4.	TS. Phương Hoàng Yến	Phó trưởng khoa Khoa Ngoại ngữ	Thành viên, phụ trách nhóm công tác chuyên trách 1
5.	PGS. TS. Nguyễn Hiếu Trung	Thành viên Hội đồng Trường ĐHCT	Thành viên
6.	ThS. Nguyễn Vĩnh An	Phó Trưởng Khoa, Khoa Sau Đại học	Thành viên
7.	ĐH. Lê Phi Hùng	Trưởng phòng, Phòng Quản trị Thiết bị	Thành viên
8.	ThS. Nguyễn Phương Thảo	Chuyên viên, Phòng Quản lý Khoa học	Thành viên
9.	GVC.TS. Phan Huy Hùng	Giám đốc Trung tâm QLCL	Thành viên
10.	TS. Nguyễn Anh Thi	Trưởng BM PPDH tiếng Anh	Thành viên, phụ trách nhóm công tác chuyên trách 2
11.	TS. Lê Xuân Mai	Trưởng BM TACB và chuyên ngành	Thành viên, phụ trách nhóm công tác chuyên trách 3
12.	TS. Nguyễn Hải Quân	Giảng viên	Thành viên, phụ trách nhóm công tác chuyên trách 4
13.	ĐH. Lý Thanh Danh	Học viên	Thành viên

Tổng cộng: 13 người

Phụ lục 2. Danh sách Ban Thư ký Hội đồng Tự đánh giá CTĐT trình độ thạc sĩ ngành Lý luận và Phương pháp Dạy Học Bộ môn Tiếng Anh, năm 2019-2020
(kèm theo Kế hoạch số /KH-ĐHCT-KNN, ngày / / 2020)

TT	Họ và tên	Chức vụ, đơn vị	Nhiệm vụ
1	TS. Phương Hoàng Yến	Phó trưởng khoa Khoa Ngoại ngữ	Trưởng ban
2	TS. Nguyễn Bửu Huân	Giảng viên chính	Thành viên
3	TS. Nguyễn Văn Lợi	Giảng viên chính	Thành viên
4	Trương Kim Ngân	Chuyên viên	Thành viên
5	Nguyễn Thị Kim Thanh	Chuyên viên	Thành viên
6	ThS. Bùi Nhã Quyên	Chuyên viên, Khoa Ngoại ngữ	Thành viên
7	TS. Nguyễn Anh Thi	Trưởng BM PPDH tiếng Anh	Thành viên
8	TS. Lê Xuân Mai	Trưởng BM TACB và chuyên ngành	Thành viên
9	TS. Nguyễn Hải Quân	Giảng viên	Thành viên
10	ThS. Châu Thị Tím	Chuyên viên. Trung tâm QLCL	Thành viên
11	ThS. Phan Minh Nhật	Chuyên viên. Trung tâm QLCL	Thành viên

Tổng cộng: 11 người

Phụ lục 3. Danh sách các Nhóm Công tác chuyên trách tự đánh giá CTĐT trình độ thạc sĩ ngành Lý luận và Phương pháp Dạy Học Bộ môn Tiếng Anh, năm 2019-2020
(kèm theo Kế hoạch số /KH-ĐHCT-KNN, ngày / / 2020)

STT	Họ và tên	Chức danh, chức vụ	Nhiệm vụ
Nhóm 1	TS. Phương Hoàng Yến	Phó trưởng khoa Khoa Ngoại ngữ	Phụ trách Tiêu chuẩn 1, 2, 3, 4
	TS. Nguyễn Bửu Huân	Giảng viên chính	
	Trương Kim Ngân	Chuyên viên	
	ThS. Phan Minh Nhật	Chuyên viên, Trung tâm QLCL	
Nhóm 2	TS. Nguyễn Anh Thi	Trưởng BM PPDH tiếng Anh	Phụ trách Tiêu chuẩn 5, 6
	TS. Lê Xuân Mai	Giảng viên	
	TS. Nguyễn Văn Lợi	Giảng viên chính	
	Nguyễn Thị Kim Thanh	Chuyên viên	
	ThS. Phan Minh Nhật	Chuyên viên, Trung tâm QLCL	
	TS. Lê Xuân Mai	Trưởng BM TACB và chuyên ngành	

STT	Họ và tên	Chức danh, chức vụ	Nhiệm vụ
Nhóm 3	TS. Phương Hoàng Yến	Phó trưởng khoa Khoa Ngoại ngữ	Phụ trách Tiêu chuẩn 7, 8
	ThS. Bùi Nhã Quyên	Chuyên viên	
	Nguyễn Thị Kim Thanh	Chuyên viên	
	ThS. Châu Thị Tím	Chuyên viên. Trung tâm QLCL	
Nhóm 4	TS. Nguyễn Hải Quân	Giảng viên	Phụ trách Tiêu chuẩn 9, 10, 11
	TS. Nguyễn Anh Thi	Trưởng BM PPDH tiếng Anh	
	TS. Nguyễn Bửu Huân	Giảng viên chính	
	ThS. Châu Thị Tím	Chuyên viên. Trung tâm QLCL	

Tổng cộng: 11 người

Phụ lục 3. Danh mục minh chứng

Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày/tháng ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú
Tiêu chuẩn 1: Mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo				
H1.01.01.01	Quyết định số 3670/QĐ-ĐHCT ban hành CTĐT thạc sĩ	Quyết định số 3670/QĐ-ĐHCT ngày 10 tháng 10 năm 2015	Trường ĐHCT	
H1.01.01.02	Sứ mệnh và tầm nhìn của trường ĐHCT	Brochure giới thiệu về trường ĐHCT	Trường ĐHCT	
H1.01.01.03	Trường ĐHCT giữ vị trí thứ 3 trong топ 10 trường ĐH tốt nhất Việt Nam	Ngày 31/01/2020	Bảng xếp hạng của Webometrics	
H1.01.02.01	Các văn bản của Trường ĐHCT về việc điều chỉnh và hoàn thiện CTĐT cao học		Trường ĐHCT	
H1.01.01.02	CTĐT thạc sĩ LL&PPDH BM tiếng Anh	Quyết định số 3670/QĐ-ĐHCT ngày 10/10/ 2015	Trường ĐHCT	
H1.01.02.02	Chuẩn đầu ra về ngoại ngữ được quy định theo Phụ lục 2, Thông tư 15	Ngày 15/05/2014	Bộ Giáo dục và đào tạo	
H1.01.02.03	Quyết định thành lập Tổ thư ký và các Tổ điều chỉnh CTĐT sau đại học	Quyết định 1771/QĐ-ĐHCT Ngày 04/06/2019	Trường ĐHCT	
H1.01.02.04	Biên bản điều chỉnh CTĐT thạc sĩ LL&PPDH tiếng Anh			
H1.01.02.05	Biên bản họp Tiểu ban Khoa học giáo dục			
H1.01.02.06	Biên bản họp Hội đồng			

	Giáo dục và Đào tạo Trường			
H1.01.02.07	CTĐT thạc sĩ LL&PPDH tiếng Anh áp dụng từ năm học 2020-2021			
H1.01.03.01	CTĐT thạc sĩ LL&PPDH BM năm 2015		Trường ĐHCT	
H1.01.03.02	CTĐT thạc sĩ LL&PPDH BM tiếng Anh năm 2016		Trường ĐHCT	
H1.01.03.03	Biên bản tổng hợp ý kiến các bên liên quan gồm học viên, cựu học viên, giảng viên về CTĐT		KNN	
H1.01.03.04	Mình chứng các đoàn công tác của KNN đến các địa phương thuộc khu vực ĐBSCL trong khôn khổ các hoạt động của Đề án Ngoại ngữ quốc gia		KNN	Hình ảnh
H1.01.03.05	Biên bản làm việc tại các Sở GD&ĐT tại các địa phương		KNN	
H1.01.03.06	CTĐT đã điều chỉnh		Trường ĐHCT	Trang web
H1.01.03.07	Thông tư 15/2014/TT- BGDDT		Bộ GD&ĐT	
Tiêu chuẩn 2: Bản mô tả chương trình đào tạo				
H2.02.02.01	Đề cương học phần trong CTĐT thạc sĩ LL&PPDH BM tiếng		Trường ĐHCT	

	Anh			
H2.02.02.02	Trang web đăng tải đề cương học phần trong CTĐT thạc sĩ LL&PPDH BM tiếng Anh		Trường ĐHCT	Trang web
H2.02.02.03	Đề cương học phần Kiểm tra và đánh giá trong giảng dạy tiếng Anh		Trường ĐHCT	
H2.02.03.01	Trang web đăng Bản mô tả CTĐT thạc sĩ LL&PPDH tiếng Anh		Trường ĐHCT	Trang web
H2.02.03.02	Tờ rơi giới thiệu các CTĐT tại KNN		KNN	
H2.02.03.03	Quyển giới thiệu về Khoa Ngoại ngữ và các CTĐT tại khoa		KNN	
Tiêu chuẩn 3: Cấu trúc và nội dung chương trình dạy học				
H3.03.01.01	Bản mô tả CTDH thạc sĩ LL&PPDH Bộ môn tiếng Anh qua các năm 2008, 2009, 2010, 2013, 2015 và 2019		KNN	
H3.03.01.02	Biên bản của Hội đồng Khoa Ngoại ngữ về Công tác thiết kế/điều chỉnh CTDH		KNN	
H3.03.01.03	Biên bản của các phiên họp thiết kế/ điều chỉnh CTĐT		KNN	
H3.03.01.04	Mẫu khảo sát trực tuyến các BLQ		KNN	
H3.03.02.01	CTDH thạc sĩ LL&PPDH Bộ môn		Trường ĐHCT	

	tiếng Anh áp dụng từ năm 2015 đến 2019			
H3.03.02.02	Ma trận mối quan hệ giữa các học phần trong CTDH và các CDR		Trường ĐHCT	
H3.03.03.01	Kế hoạch học tập mẫu		KNN	
Tiêu chuẩn 4: Phương pháp tiếp cận trong dạy và học				
H4.04.01.01	Quy chế 43 đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ	năm 2007	Bộ GD&ĐT	
H4.04.01.02	Quyết định số 373/ĐHCT-ĐT về quy định tín chỉ hóa sau đại học	26/3/2008	Trường ĐHCT	
H4.04.01.03	Báo cáo tổng kết năm học 2018-2019 và Kế hoạch công tác năm học 2019-2020 của Khoa Ngoại ngữ		Khoa Ngoại ngữ	
H4.04.02.01	Bài giảng của học phần Kiểm tra và đánh giá trong giảng dạy tiếng Anh		Trường ĐHCT	
H4.04.02.02	Luận văn tốt nghiệp của 1 học viên khóa 2017-2019		Trường ĐHCT	
H4.04.02.03	Quyết định giao đề tài luận văn thạc sĩ		Trường ĐHCT	
H4.04.03.01	Công văn mời chuyên gia nước ngoài sinh hoạt chuyên đề tại KNN		KNN	
H4.04.03.02	Hình ảnh các hoạt động chuyên môn của học		Trường ĐHCT	Hình ảnh

	viên CTĐT thạc sĩ LL&PPDH tiếng Anh tại các tọa đàm khoa học, hội thảo khoa học, và báo cáo tại các hội nghị và hội thảo trong nước và quốc tế			
Tiêu chuẩn 5: Đánh giá kết quả học tập của người học				
H5.05.01.01	Quyết định 3619/QĐ-ĐHCT Ban hành Quy định đào tạo trình độ thạc sĩ	Quyết định 3619/QĐ-ĐHCT	Trường ĐHCT	
H5.05.01.02	Đề cương học phần SP689: Giáo dục và hội nhập quốc tế		Trường ĐHCT	
H5.05.01.03	Đề và bài làm kiểm tra cuối kỳ của 3 học phần trong CTĐT		Trường ĐHCT	
H5.05.01.04	Đề cương học phần SP624: Giao tiếp liên văn hóa		Trường ĐHCT	
H5.05.02.01	Quy định cụ thể về cách viết và trình bày luận văn cao học và luận án tiến sĩ		Khoa Sau đại học	
H5.05.02.02	Biểu mẫu nhận xét và phiếu chấm luận văn thạc sĩ		Khoa Sau đại học	
H5.05.03.01	Thang điểm đánh giá chi tiết của 1 học phần trong CTĐT		KNN	
H5.05.04.01	Bài làm của học viên có phản hồi thành văn của GV		KNN	
H5.05.04.02	Email phản hồi của GV		KNN	

	giải đáp thắc mắc cho người học về bài làm			
H5.05.05.01	Quy chế học vụ		Trường ĐHCT	
Tiêu chuẩn 6: Đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên				
H6.06.01.01	Kế hoạch tuyển dụng KNN	2019	KNN	
H6.06.01.02	Đề án quy hoạch phát triển tổng thể Trường ĐHCT 2007	2007		
H6.06.01.03	Đề án quy hoạch phát triển tổng thể Trường ĐHCT 2014	2014	KNN	
H6.06.01.04	Kế hoạch phát triển đơn vị giai đoạn 2018-2022, định hướng đến năm 2030	2019	KNN	
H6.06.01.05	Quyết định cử viên chức đi học tiến sĩ		Trường ĐHCT	
H6.06.02.01	Hồ sơ năng lực giảng viên cơ hữu		KNN	
H6.06.02.02	Lộ trình phát triển cán bộ từ 2018 đến 2022		KNN	
H6.06.02.03	Hồ sơ năng lực giảng viên mời giảng		KNN	
H6.06.02.04	Quyết định số 4412/QĐ-ĐHCT Quy định chế độ làm việc của GV	25/11/2015	Trường ĐHCT	
H6.06.02.05	Quy định về quy trình phân đầu của GV		Trường ĐHCT	
H6.06.02.06	Quy chế chi tiêu nội bộ		Trường ĐHCT	
H6.06.03.01	Quy định chung về		Trường	

	tuyển dụng viên chức của Trường ĐHCT		ĐHCT	
H6.06.03.02	Quy định về giảng viên tham gia giảng dạy trong CTĐT thạc sĩ			
H6.06.03.03	Quy trình tuyển dụng viên chức		Trường ĐHCT	
H6.06.03.04	Quy định về quy hoạch cán bộ		Trường ĐHCT	
H6.06.04.01	Hồ sơ năng lực giảng viên KNN		KNN	
H6.06.04.02	Hướng dẫn đánh giá, phân loại viên chức và xét thi đua khen thưởng năm học		Trường ĐHCT	
H6.06.04.03	Kết quả đánh giá xếp loại viên chức KNN		KNN	
H6.06.04.03	Kết quả khảo sát học viên cao học		KNN	
H6.06.05.01	Quyết định cử GV đi học thạc sĩ và tiến sĩ		BGDĐT	
H6.06.05.02	Quyết định cử GV đi tập huấn chuyên môn		Trường ĐHCT	
H6.06.05.03	Mình chứng hội thảo, hội nghị quốc tế được tổ chức bởi KNN		KNN	Hình ảnh
H6.06.05.04	Danh sách cán bộ cần đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ		KNN	
H6.06.05.05	Danh sách giảng viên tham gia các lớp nghiệp vụ sư phạm, giảng viên hạng I, II và III		Trường ĐHCT	PTCCB

H6.06.06.01	Các hình thức thi đua khen thưởng		KNN	
H6.06.06.02	Biên bản họp xét thi đua khen thưởng		KNN	
H6.06.06.03	Nghị quyết hội đồng trường năm 2020		Trường ĐHCT	
H6.06.07.01	Quyết định thành lập hội đồng nghiệm thu		Phòng Quản lý khoa học	
H6.06.07.02	Danh sách đề tài NCKH được duyệt		Phòng Quản lý khoa học	
H6.06.07.03	Thông báo đăng ký biên soạn giáo trình		Phòng Đào tạo	
H6.06.07.04	Danh sách các giáo trình được đưa vào biên soạn		Phòng Đào tạo	
H6.06.07.05	Quyết định thành lập hội đồng nghiệm thu giáo trình		Phòng Đào tạo	
H6.06.07.06	Đánh giá số lượng và chất lượng các hoạt động nghiên cứu của GV			
H6.06.07.07	Quy định hoạt động của Hội đồng Khoa học - Đào tạo (KHĐT) của Khoa, Nhà trường		Trường ĐHCT	
Tiêu chuẩn 7: Đội ngũ nhân viên				
H7.07.01.01	Danh sách nhân viên phòng ban và trung tâm học liệu		PTCCB	
H7.07.01.02	Biểu 19-Thông báo Công khai thông tin cơ sở vật chất của cơ sở giáo dục đại học, trường cao đẳng sư phạm, trung cấp sư phạm, năm học 2018-2019		ĐHCT	

H7.07.01.03	Ảnh chụp giao diện các Dịch vụ thư viện miễn phí của TTHL	Website	TTHL	
H7.07.01.04	Ảnh chụp giao diện các dịch vụ hội nghị hội thảo của TTHL	Website	TTHL	
H7.07.01.05	Ảnh chụp Hội sách Chào mừng kỷ niệm 50 năm thành lập Trường Đại học Cần Thơ 2016	3/2016, Website Trường	ĐHCT	
H7.07.01.06	Khảo sát và kết quả khảo sát hoạt động tại Trung tâm học liệu, trường ĐHCT	Website TTHL, 31/12/2019	TTHL	
H7.07.01.07	QĐ quy định về chức năng, nhiệm vụ và tổ chức hoạt động của VPK, viện, trung tâm và Bộ môn trực thuộc trường ĐHCT	Số 1052/QĐ-ĐHCT, ngày 25/03/2013	ĐHCT	Quyết định
H7.07.01.08	Kế hoạch phát triển giai đoạn 2018-2022; định hướng đến năm 2030	2018	Khoa Ngoại ngữ	Kế hoạch
H7.07.01.09	Thông tin về bằng cấp của nhân viên		ĐHCT	Bảng scan QĐ công nhận bằng ThS của Nhã Uyên
H7.07.02.01	QĐ ban hành quy định về phân cấp và hướng dẫn thực hiện công tác quản lý người lao động	5806/QĐ-ĐHCT, ngày 12/12/2018	ĐHCT	Quyết định
H7.07.03.01	Kế hoạch thực hiện công tác đánh giá, phân loại viên chức và xét thi đua khen thưởng năm	Số 984/KH-ĐHCT, ngày 15/05/2019	ĐHCT	Kế hoạch

	học 2018-2019			
H7.07.03.02	Kế hoạch thực hiện công tác đánh giá, phân loại viên chức và Xét thi đua khen thưởng năm học 2018-2019	Ngày 17/05/2019	Khoa Ngoại ngữ	Kế hoạch
H7.07.03.03	Mẫu 1: PHIẾU ĐÁNH GIÁ VÀ PHÂN LOẠI VIÊN CHỨC (Dành cho viên chức không giữ chức vụ quản lý) Năm học 2018 - 2019		ĐHCT	Mẫu phiếu đánh giá và phân loại viên chức
H7.07.03.04	Biên bản họp về việc đánh giá công chức-viên chức, năm học 2018-2019	Ngày 31/05/2019	VPK	Biên bản họp
H7.07.03.05	Danh sách kết quả đánh giá và phân loại viên chức khoa Ngoại ngữ, năm học 2018-2019	Ngày 07/06/2019	Khoa Ngoại ngữ	
H7.07.04.01	Thông báo về đăng ký nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng viên chức, người lao động năm 2019; Mẫu đăng ký nhu cầu đào tạo (mẫu 1 và mẫu 2)	Số 2420/TB-ĐHCT, ngày 07/11/2018	ĐHCT	
H7.07.04.02	Quyết định cử đi học, bảng scan chứng chỉ sau khi đi học		Các đơn vị chủ quản cấp bằng	Nhiều văn bản trong cùng 01 file của Nhã Uyên
H7.07.05.01	QĐ khen thưởng từ năm 2015 đến 2019 về việc	1.Số 2502/QĐ-ĐHCT, và số	ĐHCT	

	công nhận danh hiệu Chiến sĩ thi đua cấp cơ sở và Lao động tiên tiến	2503/QĐ-ĐHCT ngày 13/07/2015 2. Số 3210/QĐ- ĐHCT, và số 3211/QĐ-ĐHCT ngày 16/08/2016 3. Số 2755/QĐ- ĐHCT, và số 2756/QĐ-ĐHCT ngày 15/08/2017 4. Số 3619/QĐ- ĐHCT, và số 3620/QĐ-ĐHCT ngày 22/08/2018 5. Số 3453/QĐ- ĐHCT, và số 3454/QĐ-ĐHCT ngày 21/08/2019		
--	--	---	--	--

Tiêu chuẩn 8: Người học và hoạt động hỗ trợ người học

H8.08.01.01	Thông báo Tuyển sinh trình độ Thạc sĩ năm 2019, đợt 1	Số 2525/TB- ĐHCT, ngày 22/11/2018	ĐHCT	
H8.08.01.02	Website thông báo tuyển sinh sau đại học: https://gs.ctu.edu.vn/ https://gs.ctu.edu.vn/i mages/upload/Tuyensi nh/2019D1/TB-tuyn- sinh-thc-s-nm-2019-t- 1.pdf https://gs.ctu.edu.vn/tu yen-sinh/trinh-do- thac-si/740-thong-bao- tuyen-sinh-dao-tao- trinh-do-thac-si-nam-	Tuyển sinh đợt 1 và đợt 2 năm 2019	Khoa Sau ĐH, trường ĐHCT	Trang web

	2019-dot-1.html . https://gs.ctu.edu.vn/tuyen-sinh/trinh-do-thac-si/839-thong-bao-tuyen-sinh-dao-tao-trinh-do-thac-si-nam-2019-dot-2.html			
H8.08.02.01	QĐ ban hành Quy định về đào tạo trình độ Thạc sĩ	Số 3619/QĐ-ĐHCT, ngày 01/10/2015	ĐHCT	
H8.08.03.01	Những nội dung chính của buổi sinh hoạt với SV năm nhất	KSP		
H8.08.03.02	Biên bản về việc trao đổi thống nhất những nội dung trong quá trình chuyển đổi công tác đào tạo	2050/BB-ĐHCT-ĐT (10/12/2007)	ĐHCT	
H8.08.03.03	Về việc thực hiện chương trình đào tạo tín chỉ hóa	1411/ĐHCT.ĐT (07/08/2007)	ĐHCT	
H8.08.03.04	Giao diện thông báo kiểm tra tiếng Anh cho SV đầu khóa	ĐHCT		
H8.08.04.01	Các QĐ cho phép học viên cao học ra nước ngoài	1. Số 2851/QĐ-ĐHCT, ngày 18/08/2015. 2. Số 2601/QĐ-ĐHCT, ngày 28/07/2016 3. Số 1475/QĐ-ĐHCT, ngày 10/05/2017 4. Số 4442/QĐ-ĐHCT, ngày 20/11/2017	ĐHCT	
H8.08.04.02	Lịch báo cáo tại các Hội thảo Quốc tế			Bản scan

H8.08.04.03	Ấn phẩm xuất bản của các học viên cao học			Bản scan
H8.08.05.01	Các biên bản kiểm tra PCCC	2017, 2019		
Tiêu chuẩn 9: Cơ sở vật chất và trang thiết bị				
H9.09.01.01	Sơ đồ và thông tin sức chứa các phòng ban Khoa Ngoại ngữ		KNN	
H9.09.01.02	Công khai CSVC nhà trường	Công khai: Biểu mẫu số 19 công bố tháng 07 năm 2019	Trường ĐHCT	
H9.09.01.03	Thống kê CSVC thuộc quyền quản lý của khoa NN		KNN	
H9.09.01.04	CVC Thuộc đề án 2020 (nhà học C2)		KNN	
H9.09.01.05	Phê duyệt kinh phí nâng cấp khoa NN	BB số 2674/BB-ĐHCT Kết luận của HT tại cuộc họp phát triển khoa NN giai đoạn 2018-2022	KNN	
H9.09.02.01	Công bố nguồn học liệu của toàn trường tại Trung tâm học liệu	Công khai website Trung tâm học liệu	Trường ĐHCT	
H9.09.02.02	Kế hoạch sinh hoạt đầu năm đối với sinh viên K.45 tại Trung tâm Học liệu	QĐ Số 30/KH-TTHL ngày 30 tháng 07 năm 2019	TTHL	
H9.09.02.03	Danh mục sách NN tại thư viện KSP và Danh mục sách các BM quản lý	Xin khoa SP; Lập DS sách BM		

H9.09.02.04	Thông báo đề xuất bổ sung tài liệu OR Danh sách đề xuất từ Khoa		KNN	
H9.09.02.05	Danh mục giáo trình đã nghiệm thu và danh mục GT được phê duyệt biên soạn		Trường ĐHCT	
H9.09.01.03	CSVC thuộc quyền quản lý của khoa NN		Trường ĐHCT	
H9.09.01.04	CSVC Thuộc đề án 2020		Trường ĐHCT	
H9.09.03.01	Thông tin về các phần mềm dành cho HV chuyên ngữ		Trường ĐHCT	
H9.09.03.02	Kế hoạch bảo dưỡng		Trường ĐHCT	
H9.09.03.03	Hồ sơ theo dõi việc sử dụng trang thiết bị		Trường ĐHCT	
H9.09.04.01	Thông tin dành cho sv mới: KH sinh hoạt đầu khoá các lớp khoá 45	CV Số 180/K.NN ngày 23 tháng 09 năm 2019 & CV Số 158/K.NN ngày 30/08/2019	KNN	
H9.09.04.02	Thông báo về việc triển khai giảng dạy học kỳ 2 trực tuyến	Số 387/ĐHCT-ĐT ngày 01/03/2020	Trường ĐHCT	
H9.09.04.03	KH Bảo dưỡng hệ thống toàn trường			
H9.09.04.04	Phiếu lấy ý kiến SV về CNTT			
H9.09.05.01	Nghị định 80/2017/NĐ - CP của Thủ tướng	Nghị định số 80/2017/ NĐ-CP	Thủ tướng chính phủ	

		ngày 17/07/2017		
H9.09.05.02	Quyết định Ban hành Quy định về thực hiện nếp sống văn minh trong trường Đại học Cần Thơ: Điều 8 – Quy định về vệ sinh, cảnh quan, môi trường	QĐ Số 5976/QĐ-ĐHCT ký ngày 23/12/2013	Trưởng ĐHCT	
H9.09.05.03	Kế hoạch sinh hoạt và lao động đầu năm, đầu khoá học 2019-2020	Quyết định số 1518/KH-ĐHCT	Trưởng ĐHCT	
H9.09.05.04	Quyết định Ban hành Quy định về thực hiện nếp sống văn minh trong trường Đại học Cần Thơ	QĐ Số 5976/QĐ-ĐHCT ký ngày 23/12/2013	Trưởng ĐHCT	
H9.09.05.05	QĐ Thành lập đội phòng cháy và chữa cháy trường ĐHCT	QĐ Số 78/ QĐ-ĐHCT ký ngày 13/01/2016	Trưởng ĐHCT	
H9.09.05.06	Quy định PCCC trường ĐHCT Quy chế tổ chức và hoạt động của đội Phòng cháy và chữa cháy cơ sở trường ĐHCT	Ban hành theo QĐ Số 689/ QĐ-ĐHCT ký ngày 05/09/2007 <i>Ban hành theo QĐ số 1611/QĐ-ĐHCT ký ngày 05/09/ 2007</i>	Trưởng ĐHCT Trưởng ĐHCT	
Tiêu chuẩn 10. Nâng cao chất lượng				
H10.10.01.01	QĐ thành lập Tổ Thư ký và Tổ điều chỉnh CTĐT trình độ sau đại học	QĐ Số 1771/QĐ-ĐHCT Ký ngày 04/06/2019	Trưởng ĐHCT	
H10.10.01.02	Thông báo, HD về lấy ý kiến SV online	Website TT Kiểm định: Bộ công cụ lấy ý kiến sinh	Trưởng ĐHCT	

		viên; kết quả lấy ý kiến các bên; hệ thống lấy ý kiến các bên liên quan		
H10.10.01.03	Danh sách đại diện các lớp gặp BCN Khoa; BB Họp lấy ý kiến SV		KNN	
H10.10.01.01	QĐ thành lập Tổ Thư ký và Tổ điều chỉnh CTĐT trình độ sau đại học	QĐ Số 1771/QĐ-ĐHCT Ký ngày 04/06/2019	Trường ĐHCT	
H10.10.03.02	Hướng dẫn biên soạn đề cương chi tiết học phần	Công văn số 2924/ĐHCT-KSDH về việc biên soạn ĐC chi tiết HP Sau ĐH ký ngày 12/12/2019 CV số 232/ĐHCT-KNN về việc mời viết ĐCHP ngành ĐT Thạc sĩ LL&PPGD BM Anh ký ngày 12/02/2020	Khoa Sau Đại học KNN	
H10.10.03.03	Đề cương HP mẫu	Đề cương các học phần chương trình	Công bố trên website Phòng Đào tạo	
H10.10.03.04	BB Họp rà soát đầu năm	BB Họp đầu năm	KNN	
H10.10.03.05	KH Thực hiện LVTN	Thông báo số 433/ĐHCT-KNN về kế hoạch thực hiện và bảo vệ LV Thạc sĩ khoá 25	Khoa Ngoại ngữ -ĐHCT	

		(2018-2020)		
H10.10.03.06	QĐ về KH báo cáo LVTN			
H10.10.03.07	QĐ Cán bộ phản biện			
H10.10.03.08	QĐ Thành lập HĐ BVĐT			
H10.10.03.09	Mẫu kết quả BVLVTN			
H10.10.04.01	Danh mục đề tài Thạc sĩ Khoa NN thực hiện qua các năm			
H10.10.04.02	Danh mục seminars, đề tài báo cáo 2019/2020			
H10.10.04.03	Danh mục thống kê bài đăng báo SV qua các năm		KNN	
H10.10.04.04	DS giáo trình, báo của CB qua các năm		KNN	
H10.10.04.05	Danh mục đề tài cấp trường do CB và SV Khoa NN thực hiện 2020		KNN	
H10.10.04.06	Danh sách SV NCKH cấp trường 2020		KNN	
H10.10.04.07	DS đề tài NCKH sinh viên các năm 2019 trở về trước		KNN	
H10.10.05.01	Danh mục sách đề xuất từ Khoa		KNN	
H10.10.05.02	Danh mục Database TTHL	Công bố các nguồn tài liệu số dành cho CB và SV Đại học Cần Thơ	Website Trung tâm Học liệu - ĐHCT	

H10.10.05.03	Số liệu tổng hợp công bố từ TTHL	Kết quả thống kê nguồn tài liệu và lượng truy cập của SV tại TTHL	Website Trung tâm Học liệu - ĐHCT	
H10.10.06.01	Công bố Chức năng NV TT KDĐBCL			
H10.10.06.02	Công bố KQ Ý kiến SV		Online	
H10.10.06.03	Kết quả phân tích Đánh giá CLGD Khoa		Ngọc	
H10.10.06.04	Hướng dẫn tổ chức lấy ý kiến phản hồi từ người học về hoạt động giảng dạy của giảng viên	Công văn 1276/BGDĐT-NG ký ngày 20/02/2008	Bộ Giáo dục và Đào tạo	
H1.01.03.04	Thông tin thu thập được từ trao đổi với các SGD			
H10.10.06.05	Biên bản ĐH CNVC hàng năm			
Tiêu chuẩn 11: Kết quả đầu ra				
H11.11.01.01	Quyết định cho học viên thôi học		Trường ĐHCT	
H11.11.02.01	Hệ thống quản lý đào tạo		Trường ĐHCT	Trang web
H11.11.03.01	Kết quả khảo sát tỉ lệ có việc làm của học viên 1 năm sau khi tốt nghiệp		Trường ĐHCT	
H11.11.03.02	Mẫu thu thập thông tin của học viên sau tốt nghiệp		Trường ĐHCT	
H11.11.04.01	Quyết định thành lập hội đồng bảo vệ đề cương và bảo vệ tốt nghiệp		Trường ĐHCT	
H11.11.04.02	Bản góp ý của thành		Trường	

	viên hội đồng luận văn		ĐHCT	
H11.11.04.03	Thống kê học viên báo cáo trong các hội nghị và hội thảo trong nước và quốc tế		Trưởng ĐHCT	
H11.11.04.04	Quy định học viên có bài đăng sẽ được 1 điểm trong luận văn tốt nghiệp		Trưởng ĐHCT	
H11.11.04.05	Bài báo của học viên đăng trong các kỷ yếu hội nghị quốc tế và các tạp chí trong nước và quốc tế			
H11.11.05.01	Thông báo về việc tổ chức Hội nghị cán bộ, viên chức và Hội nghị cán bộ chủ chốt để lấy ý kiến đóng góp về việc đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ năm học và kế hoạch năm học mới		Trưởng ĐHCT	
H11.11.05.02	Mẫu khảo sát ý kiến của cựu học viên về CTĐT và CĐR của CTĐT		Trưởng ĐHCT	